

NAM PHONG

VĂN - HỌC KHOA - HỌC TẠP - CHÍ

LỊCH-SỬ VÀ GIA-THỂ CỤ NGUYỄN DỤ (1)

I

Tiên-sinh húy là Do 攸, tên chữ là Tố-như 素如, hiệu là Thanh-hiên 淸軒.

Tiên-sinh sinh năm ất-dậu (1765) là năm thứ 26 hiệu Cảnh-hưng vua Hiến-tôn nhà Lê, còn sinh vào giờ nào, ngày nào, tháng nào thì chúng tôi cũng không được rõ.

Khi tiên-sinh còn bé, có người bạn cụ thân-sinh tiên-sinh là ông Hoàng Ngũ-Phúc 黃 五 福 nhân tới chơi thấy tiên-sinh mặt-mũi khôi-ngô thì tặng cho một con bảo-kiếm đề tỏ ý biệt-nhân tiên-sinh.

Vì cụ thân-sinh tiên-sinh là cụ Trung-câu-công 忠 勤 公 làm quan có công to được phong tước công, rồi các con cụ đều được tập-phong tước bá cả, cho nên tiên-sinh sinh ra thì đã được tập-ấm tước Thu-nhạc-bá 秋 岳 伯, hàm Hoang-tín-dại phu 弘 信 大夫 và chức Trung - thành - môn vệ - úy 中 城 門 衛 尉.

Tiên-sinh thiên-tu đỉnh - ngô lẫm lên sáu tuổi thì học võ lòng, mà xem đầu nhờ đó. Năm mười chín tuổi, gặp khoa thi hương qui-mão, tiên-sinh thi đậu ba trường tại trường thi Hà-nội.

Lúc bấy giờ, tiên-sinh tuy hãy còn ít tuổi, nhưng đã nổi tiếng là hay chữ. Đương thời có câu « An-nam ngũ tuyệt 安 南 五 絕 » đề khen nam người tại học tuyệt vời trong nước mà tiên-sinh đã là một rồi, thật là :

Nền phú-quí bậc tài-danh,
Văn-chương nét đ^đl, thông-minh tinh
[trời]

Tiên-sinh đã thông - minh lại tinh hay xem sách, cho nên tư sách Nho, sách Phật, địa-ly, th én-ván, cho chi tiêu-thuyết, sách nào tiên-sinh cũng nhớ cả.

Trong các nghề của các bậc phong-lưu tài-tử như là : cầm, kỳ, tui, họa,

(1) Nhà quan Đốc trường Cao-đẳng-tiểu-học Vĩnh Le Baston đặt ra cuộc « du-lịch học-khóa » (classes-promenades) cho học trò đi xem những nơi binh-thế, thắng-cảnh, cổ-lịch, công-nghe, v. v., đất Nghệ-Tĩnh, ông Tú-tài Nguyễn Đức-Tinh là giám-thị kỹ-túc-xa (surveillant d'internat) trường Vĩnh, hồi tháng hai năm 1928 có đưa họ -trò trường ấy đi tham nhà thờ cụ Nguyễn Dụ ở Tiềm-diễn ; lại soạn một bài về lịch-sử và gia-thể cụ để giảng nghĩa cho học-trò nghe. Bản-chi xin vui lòng đăng bài ấy ra đây để công-đồng-lãm. Còn những bài thuật các cuộc du-lịch nơi cổ-lịch khác ở Nghệ-Tĩnh, cũng do ông Tú Nguyễn soạn, thời kỳ sau sẽ lần-lượt đăng, lại sẽ dịch cả lời tựa của quan Đốc Le Baston về ý-nghĩa và cách tổ-chức các cuộc « du-lịch học-khóa » ấy thế nào. — N. - P. .

không có nghề gì là tiên-sinh không có về xuất-chúng, mà nhất là nghề văn nôm thì lại có vẻ đặc-sắc hơn hết :

Thiên-tư tài-mạo trót vời,

Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa

Khi trước cụ Trung-cần-công đã đưa tiên-sinh cho làm con nuôi một ông quan người họ Hà, vì ông quan ấy là một người môn-thuộc tâm-phúc của cụ mà lại không có con trai. Ông quan ấy sau lĩnh chức Hùng-hậu-hiệu Chánh-thủ-hiệu tại xứ Tuyên-quang, rồi mất đi khi còn ở trần, bởi vậy tiên-sinh lại được tập-phong mà lĩnh chức của nghĩa-phụ. Tiên-sinh vẫn tưởng « ngậm vành kết cỏ về sau, ơn sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ».

Nào ngờ năm Kỷ-dậu (1789), Tây-sơn ra đánh lần thứ ba, lấy được Bắc-hà, rồi vua Chiêu-thống phải chạy sang Tàu để cầu cứu. Tiên-sinh nghe được tin ấy, định theo hộ-giá, nhưng theo không kịp nữa.

Nhà tiên-sinh là nhà công-thần nhà Lê đã hai đời nay :

*Rằng trong thánh-trạch đời-dào,
Rười ra đã khắp, thấm vào đã sáu.*

Bấy giờ gặp cơn binh-dia ba-dào này, là tiên-sinh gặp phải cái cảnh quốc-phá gia-yong, thì tiên-sinh với Tây-sơn thực có cái thù chẳng đội trời chung vậy. Bởi vậy, tiên-sinh trở về quê vợ ở xứ Sơn-nam 市 (bây giờ là Nam-dịnh) mà chiêu-tập nghĩa-dũng, lo việc càn-vương, để

Trên vì nước, dưới vì nhà,

Một là đặc hiếu, hai là đặc trung.

Tiệc thay công-cuộc tiên-sinh định làm ở Sơn-nam cũng không ra gì, cho nên tiên-sinh lại phải trở về quê nhà. Tiên-sinh vẫn mong « còn thân ắt hẳn đền bồi có khi », cho nên khi về nhà, ngày đêm tiên-sinh lại xem binh - thư, binh-pháp, và tập-luyện võ-nghe, để

mưu đánh Tây-sơn mà báo thù cho vua Lê.

Mùa đông năm binh-thin, (1796) tiên-sinh định « bao nhiêu cửa, mấy ngày đường, mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua », đi vào cho tới Gia-định, theo đức Cao-hoàng (Gia-long) mà lo việc khôi-phục nhà Lê. Chẳng may việc ấy phát-lộ, rồi tiên-sinh bị quân Tây-sơn bắt giam vào ngục. Tiên-sinh ngồi trong ngục, nghĩ tới thù nước thù nhà, thì như nung gan sắt, như bào lòng son, cái khí trung-ngĩa lại bỗng-bỗng bốt-bốt mà phát-hiện ra thơ, thật là :

*Ngõn-ngang trăm mối bên lòng,
Ngâm câu tuyết-diệu ngụ trong tình-thin.*

Các thơ tiên-sinh làm khi ở trong ngục có những câu như là :

Hán mạt nhất thời vô nghĩa-sĩ,

漢末一辰無義士。

Chu sơ tam kỷ hữu ngoan-dân.

周初三紀有頑民。

Lại như :

Đã đắc Kỳ-sơn thành-nhân xuất,

但得岐山聖人出。

Bá-Di tuy tử bất vi nhân.

伯夷雖死不達仁。

Lúc bấy giờ quan Trấn-tướng của Tây-sơn ở xứ Nghệ-an là quận Thận, nguyên là bạn thân của ông anh tiên-sinh là Nghi-thành-hậu, và thấy tiên-sinh là người có tài thì lấy làm quý-trọng, cho nên chỉ giam lại mấy tháng rồi tha cho về.

Khi ấy tiên-sinh biết sự-thế không làm gì nổi nữa thì lấy làm ngã lòng, không muốn ra gánh vác việc đời nữa, cho nên từ đó tiên-sinh lại thường lấy nước biếc non xanh làm bạn, săn muông câu cá làm vui, trong mấy mươi ngọn núi ở dãy Hồng-sơn, tưởng không có chỗ nào là chỗ chân tiên-sinh không đi tới nơi. Bởi vậy tiên-sinh lại có biệt-hiệu là « Hồng-sơn lập-

hộ 鴻山獵戶» và « Nam-hải diều-dò
南海釣徒». Từ đó tiên-sinh vẫn định :

*Từ rày khép cửa phòng thu,
Không tu thì cũng như tu mới là.*

Tháng sáu năm nhâm-tuất (1802) là năm đầu niên-hiệu Gia-long, đức Cao-hoàng ngự-giá bắc-phạt, khi ra tới Nghệ-an thì sai triệu tiên-sinh ra bệ-kiến, rồi truyền đi hộ-giá ra Bắc.

Tiên-sinh lúc bấy giờ nghĩ mình :

*Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn vương vào chốn bụi hồng làm chi ;*

đã từ chối mãi, nhưng bị đức Cao-hoàng nài ép, thì :

*Rằng trong buổi mới lạ-lùng,
Nhẹ lòng có lẽ cảm lòng cho đang.*

Vả tiên-sinh cũng nghĩ cướp nước nhà Lê là Tây - sơn, chứ đức Cao - hoàng là dòng-dõi công - thần nhà Lê, lại đi đánh Tây-sơn, thì theo đức Cao-hoàng đi bắc-phạt, tuy vẫn không khỏi-phục được cơ-đồ cho nhà Lê, nhưng giết được kẻ thù của vua Lê, thì tức là trả thù rửa giận cho vua Lê được, cho nên :

*Cũng liều nhắm mắt đời chán,
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.*

Tháng tám năm ấy, tiên-sinh được bổ làm Tri-huyện Phù-dung 芙蓉, tới tháng mười một lại được thăng làm Tri-phủ Thường-tín 常信 :

*Cầm-đương ngày tháng thanh-nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu-dao.*

Nhưng tuy thế mặc lòng, tiên-sinh vẫn «nghĩ lòng lại xót-xa lòng đời phen».

Mùa đông năm qui-hợi, (1803) sứ Tàu sang sách-phong, tiên-sinh cùng tri-phủ Thượng-hồng 上洪, Thiên-trường 天

長, và Tiên-hưng 先興, phụng mạng qua cửa quan Trấn-nam mà nghênh-tiếp sứ-thần. Trong lúc nghênh-tiếp và tiễn-tống Bắc-sứ, những thi - từ giao-thiệp đều một tay tiên-sinh soạn thảo cả.

Mùa thu năm giáp-ti, (1804) tiên-sinh cáo bệnh xin về quê nhà. Được hơn một tháng, đức Cao-hoàng lại triệu vào kinh, rồi tới tháng giêng năm ất-sửu được thăng làm Đông-các-đại-học-sĩ, phong tước Du-đức hầu 攸德侯.

Tháng chín năm đinh-mão (1807) khám-sai giám-khảo trường thi hương Hải-dương.

Tháng tám năm mậu-thìn, (1808) tiên-sinh xin nghỉ ở nhà, đức Cao-hoàng ban cho một trăm quan tiền và một trăm phượng gạo.

Tháng tư năm kỷ-tị, (1809) tiên-sinh được bổ làm Cai-bộ (bảy giờ là Bồ - chánh) tỉnh Quảng-bình. Tiên-sinh ở Quảng-bình bốn năm, làm việc quan thì giản-dị, không cần gì tiếng-tâm, cho nên sĩ-dân trong hạt ai cũng thân-ái tiên-sinh lắm.

Tháng chín năm nhâm-thân, (1812) tiên - sinh lại xin về quán đê xây phần-mộ cho ông anh tiên-sinh là Nghi-thành-hầu.

Sang mùa đông, đức Cao-hoàng có chỉ triệu tiên-sinh vào Kinh, rồi tới tháng hai năm sau là năm qui-dậu (1813) thì thăng hàm Cầm-chánh-điện-đại-học-sĩ, sung chức Chánh-sứ đi cống bên Tàu.

Khi đi sứ Tàu, tiên-sinh đề-vịnh cũng nhiều, tập văn ấy gọi là Bắc-hành-tập-vịnh 北行雜詠. Trong tập ấy bài thơ vịnh nhà thờ hầu Hoài-âm là ông Hàn Tín 韓信 có câu :

Thôi thực giải y nan bội đức,

推食解衣難倍德。

Tàng cung phanh cầu diệc cam tâm.

藏弓烹狗亦甘心。

Lại trong khi ở Tàu tiên-sinh có tới thăm một sở làm đồ sứ. Người thợ ở đó nhân đương làm một bộ đồ trà vẽ « Mai hạc 梅鶴 », có xin tiên-sinh đề cho một câu gì bằng quốc-âm đề lưu làm kỷ-mệm; tiên-sinh liền đề ngay rằng:

*Nghêu-ngao vui thú yên-nà,
Mai là bạn cũ hạc là người quen.*

Tháng tư năm giáp tuất (1814) thì tiên-sinh trở về nước

Tháng năm năm ất-hợi (1815) đình-thần tấu cử, rồi đức Cao-hoàng đặc-chỉ thăng tiên-sinh làm hữu-tham-tri bộ Lại.

Tiên-sinh làm quan với đức Cao-hoàng chưa đầy mười bốn năm mà thăng tới chức Á khanh, thì tiên-sinh không phải không đắc-dụng, mà đức Cao-hoàng không phải không trọng-dụng tiên-sinh, thế mà tiên-sinh vẫn cứ lấy làm buồn-rầu, « trăm phần nào có phần nào phần tươi »

Nhà Lê tuy mất nước mà tiên-sinh nghĩ tới ơn vua lộc nước mấy đời về trước, thì lòng nào mà nỡ dứt lòng cho dang. Phương-chỉ tiên-sinh đã chịu phong tước, đã lĩnh chức Chính-thủ-biểu tại Tuyên-quang, thì chính bản-thân tiên-sinh cũng đã chịu ơn vua Lê, đã làm tới vua Lê rồi.

*Cùng nhau trót đã nặng lời,
Dầu thay mái tóc dăm đời lòng to.*

Cho nên tấm lòng trung-nghĩa của tiên-sinh đối với vua Lê thì không bao giờ phai nhạt:

*Tức thay chút nghĩa cũ-càng,
Dấu lia ngó gó, còn vương tơ lòng.*

Vả tiên-sinh đã là người học-thức, lại sẵn tính trung-nghĩa, « phải người sớm mận tối đào như ai », bây giờ tuy được « lộc trọng quyền cao », thì « công-danh ai dứt lối nào cho qua », nhưng nghĩ tới câu « trung-thần bất

sự nhị quân 忠臣不事二君 » thì « đình-chung sao nỡ ăn ngồi cho an »?

Tiên-sinh vẫn muốn « treo ấn từ quan » mà về vui cùng non nước, « tuổi này gửi ới cỏ cây cũng vừa ». Nhưng lại ngại vì nối Đức Cao-hoàng đã ân-cần trung-triệu tiên-sinh, lại có ý quyến-luyến trọng-dãi tiên-sinh, cho nên tiên-sinh « lòng nào nỡ dứt cửa người ra đi ».

Vả người ta ở đời:

*Có khi biển, có khi thương,
Có quyền nào phải một đờng chấp-kính.*

Trong các cựu-thần nhà Lê thì tiên-sinh là có trọng-danh hơn hết, vả đã một hai pheo đồ-muru khôi-phục nhà Lê, tuy trời chẳng chiều người mà việc sai với dạ, nhưng thiên-hạ ai cũng biết lòng tiên-sinh lúc nào cũng còn đau-diu khăng-khịu với nhà Lê. Bây giờ nếu tiên-sinh không chịu ở lại thì tất sinh mối hiềm-nghi:

Kẻo khi sấm sét bất kỳ,

Con ong cái kiến kêu gì được oan.

Thời-thế như vậy, cảnh-ngộ như vậy, tiên-sinh cũng đã suy-nghĩ kỹ rồi:

*Biết thân tránh chẳng khỏi trời,
Cũng liều mà phấn cho rồi ngày xanh.*

Vậy thì tiên-sinh ra làm quan với Bản-triều cũng là « trong khi ngộ-biểu tông-quyền biết sao » đó mà thôi

Thân tiên-sinh lúc bấy giờ cũng như thân một người trinh-nữ bị bức-bách mà phải đi cải-giá vậy. Được người chồng mới trọng-dãi, nhưng « lúc ở, khi ra vào, càng âu duyên mới càng dào tình xưa. » Vả nghĩ tới câu « trinh-nữ bất canh nhị phu 貞女不更二夫 », thì:

*Đã hay chàng nặng về tình,
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình làm*

Như vậy thì :

*Người yểu ta xấu với người,
Yêu nhau mà lại bằng mười phụ nhau.
Cho nên tuy « chiều lòng gọi có
xương tỳu mây may » mà vẫn cứ
Mặc ai mưa Sở gió Tần,
Nhưng mình nào biết có xuân là gì.*

Ấy, tâm - sự tiên-sinh lúc bấy giờ cũng như thế đấy. Cho nên khi ở triều tiên-sinh không chịu nghị-luận điều-trần điều gì cả, đến nỗi đức Cao-hoàng phải dụ trách tiên-sinh rằng : « Nhà-nước dùng người là cốt lấy người hiền làm trọng, chứ có phân-biệt gì người xứ Bắc xứ Nam đâu. Khanh đã được tri-ngộ như vậy, thì nên không có điều gì biết mà không nói, để cho hết chức-trách mới phải, há nên gặp việc gì cũng cứ vàng vâng dạ dạ như vậy cho qua chuyện hay sao ».

Tài như tiên-sinh, học như tiên-sinh, văn hay võ biết, thật là « kinh-luân gồm tài, » chứ « những loài già áo túi cơm sá gì. » Vậy thì tiên-sinh không nói là không phải vì không biết nói, mà cũng không phải vì tiên-sinh là người khiêm-tốn. Tiên-sinh không nói là vì không muốn nói, nghĩ mình xuất-ừ bất-đắc dĩ mà phải ra làm quan hai triều, thì « cũng dà mặt dạn mày dày khó coi » lắm rồi :

*Nói càng hồ thẹn trăm chiều,
Thì cho ngọn nước thủy-triều chảy
[xuôi.*

Bởi vậy mỗi một khi vào triều, tiên-sinh cứ rụt-rụt rè-rè như cách sợ-hại, và mỗi một khi vua tôi có nghị-luận điều gì, thì tiên-sinh cứ dạ dạ vâng vâng như người không biết nói-năng gì cả mà thôi.

Đức Cao-hoàng đãi tiên-sinh như vậy thì tự tiên-sinh cũng biết là :

*Khắc xương ghi dạ xiết chí,
Để đem gan óc dâng nghì trời mây.*

Chỉ vì lòng tiên-sinh đối với vua Lê thì thực « khối tình mang xuống tuyền-đài chữa tan », cho nên phải chịu phụ lòng đức Cao-hoàng. Còn như lời tiên-sinh tạ đức Cao-hoàng thì đã thổ-lộ ra ở câu : « Rằng Từ-công hậu-dãi ta, chút vì việc nước mà ra phụ lòng » ở trong cuốn *Đoạn-trường-tân-thanh* kia rồi.

*Tiên-sinh lúc bấy giờ thật là khổ-tâm
Khi tình rượu lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình xót-sa.*

Nếu tâm-sự mình cứ để « một mình mình biết, một mình mình hay » thì « tắc riêng ai cắt gách đây đở đi » cho, mà bấy giờ muốn đem tâm-sự bộc-bạch cùng thiên-hạ thì lại « nói ra ngại lời » :

*Xót gan riêng giận trời già,
Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng ?*

Bởi vậy tiên-sinh mới chọn chuyện cũ Vương Thủy-Kiều 王 翠 翹 ở trong bộ tiểu-thuyết *Thanh-tâm-tài-nhân* của Tàu mà dịch ra bằng quốc-âm theo lối vận-văn thượng-lục-hạ-bát, rồi nhan là « *Đoạn-trường-tân-thanh* » để mượn đó mà tả tâm-sự của mình. Tiểu-thuyết Tàu thiếu gì pho hay mà tiên-sinh dịch lại chỉ dịch một chuyện ấy mà thôi, là vì tiên-sinh thấy người trong chuyện là cô Kiều, tài-tình tương-tự như tiên-sinh, tâm-tính tương-tự như tiên-sinh, mà lại cũng gặp những cảnh-ngộ đoạn-trường tương-tự như cảnh-ngộ của tiên-sinh, cho nên đọc chuyện *Kiều*, người không biết thì bảo là tiên-sinh « khéo du nước mắt khóc người đời xưa », mà nếu nghĩ cho kỹ ra thì những lời cô Kiều than khóc và những lời than khóc cô Kiều ở trong cuốn *Đoạn-trường* ấy đều là những lời tiên-sinh than khóc và những lời tiên-sinh tự than-khóc cái thân-thể của tiên-sinh vậy.

Năm canh-thìn, (1820) đức Nhân-hoàng (Minh-mạng) lên ngôi, ngài đặc-

bút sai tiên-sinh làm Cầu-phong-chánh-sứ. Nhưng chưa kịp đi thì tiên-sinh đã bị bệnh nặng. Từ hôm bệnh nặng lên, thì tiên sinh không uống thuốc nữa:

*Đã không biết sống là vui,
Tắm thân nào biết thiệt-thời là thương.*

Tới khi biết đã gần hấp-hối rồi thì tiên-sinh có ý lấy làm mừng:

Thời thì hết kiếp đoạn-trường là dẫu!

Cho nên khi bảo gia - nhân vượt tay chân mà nghe nói đã xám lạnh cả rồi, thì tiên-sinh nói: «Được! được!» mà mất. Trừ câu khẩu-chiêm:

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
不知三百餘年後。*

*Thiên-hạ thùy nhân khấp Tố-như.
天下誰人泣素如。*

thì khi làm-chung tiên-sinh không có nói một câu gì nữa cả.

Đức Nhân-hoàng nghe tin tiên-sinh tạ-thế, thì lấy làm thương tiếc y-cùng, ban cho tiền ân-tuất ngoại, lại ban thêm hai mươi cân gạo, hai mươi lạng bạc, ba mươi cân sáp ong và ba trăm cân dầu để lo việc tống-tàng tiên-sinh.

Bà Hoàng-mẫu cùng ông Hoàng-dê và các văn-quan đều có đưa lễ tới diếu và có những câu đối như sau này:

1) *Nhất đại tài-hoa, vi sứ vi khanh
sinh bất thiêm;
一代才花爲使爲卿生不忒。*

*Bách niên sự nghiệp, tại gia tại
quốc tử do vinh.
百年事業。任家在國死猶榮。*

2) *Nhất viện cầm tỳ nhân ký khứ;
一院琴櫳人既去。*

*Đại gia văn tự thế không truyền.
大家文字世空傳。*

Khi tiên - sinh mất rồi, đức Nhân-hoàng thường nói với các quan rằng: «Người ngoài Bắc như ông Nguyễn Du, nếu còn sống, thì ta phải dùng làm Hiệp-biệt». Quan Thượng-thư bộ Lễ là hầu Hưng-nhượng thường nói với người ta rằng: «Bây giờ khó được người như ông Nguyễn Du để cùng làm việc với nhau».

Tiên - sinh tinh khiêm-cần, không hay khoe-khoang, tuy làm tới Á-khanh mà trong nhà vẫn cứ thủ-thường như một người học trò nghèo.

Khi làm quan ở Huế, thường khi rảnh có dạy học, học trò tiên-sinh có ông Trương Đăng-Quế và Nguyễn Đăng-Giai đều làm tới đại-thần và đều có danh tiếng cả.

Theo gia-phả thì sách - vở của tiên-sinh soạn ra bằng chữ Hán cũng nhiều, như là: *Thanh-hiến tiền-hậu-tập* 清軒前後集, *Nam-trung-tạp-ngâm* 南中雜吟, *Bắc-hành-tạp-vịnh* 北行雜詠, và *Lê-qui-kỷ-sự* 黎季紀事. Nhưng bây giờ đều thất-lạc đi, chưa sưu-tầm lại được,

11

Tiên-sinh nguyên tổ-tích ở làng Canh-hoạch 耕獲, huyện Thanh-tri 青池, sứ Sơn-nam 山南 (bây giờ thuộc Hà-dông), dòng-dõi cụ Nguyễn Thuyên 阮湄. Cụ đậu Trạng-nguyên khoa nhâm-thìn niên-hiệu Đại - chính 大正 nhà Mạc 莫 (1532), làm quan tới Lại-bộ Thượng-thư, gia hàm Đông-các-dại-học-sĩ 東閣大學士, tước Thu-quận-công 舒郡公.

Tới lúc nhà Lê trung-hưng, cháu cụ là hầu Nam-dương 南陽 húy là Nhiệm 任, vì tiếm-mưu khôi-phục nhà Mạc mà không thành, cho nên phải chạy vào xứ Nghệ-an mà tị-nạn, rồi tới khai-cơ lập-nghiệp ở xã Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân bây giờ. Hầu tước là thủy-tổ họ Nguyễn Tiên-diễn mà tiên-sinh là cháu bảy đời của hầu vậy.

Con hầu Nam-dương phong tặng hàm Võ - huân - tướng - quân, tước Khánh-trạch hầu 慶澤侯.

Con hầu Khánh-trạch húy là Ôn 颯(?), được phong tặng hàm Đông-các-dại-học-sĩ, sau lại được gia tặng hàm Hộ-bộ thượng-thư, tước Phù-quận-công 扶郡公.

Con Phù-quận-công húy là Quỳnh 璿, tên chữ là Phụ-đức 輔德, hiệu là Lịnh-nam. Lúc còn ít tuổi đã nổi tiếng là một tay giỏi về văn-chương. Năm mười chín tuổi thi đậu ba trường khoa qui-dậu, năm thứ mười bốn hiệu Chính-hòa (1693), rồi được sung vào chân Nho - sinh ở cuộc Tứ-lâm. Năm hai mươi bốn tuổi Phù-quận-công mất, ông về nhà cư-tang. Từ đó ông không đi thi nữa, cứ ở nhà xem các sách như là : thiên-văn, địa-lý, sách bói, sách số, và sách thuốc, sách gì cũng tinh cả.

Năm ất-dậu (1705), hầu Diển - hào 演豪 đóng ở dinh Hà-trung thì ông làm thuộc-hiệu. Quan trấn-tướng xứ Nghệ-an lúc bấy giờ là Trung-quận - công trọng cái tài-thức của ông, đưa về trấn, đãi làm mặc-khách. Lúc bấy giờ ngoài biên-thùy mới yên, việc quân còn bề-bộn, thế mà bất-cứ lớn nhỏ, việc gì ông cũng quyết-đoán lạnh lắm. Hễ khi nào có việc gì giao-thiệp với các quan bên chúa Nguyễn, thì ông đều tình-nguyên đi cả, mà cho việc khó-khăn đến đâu, ông cũng ứng-đổi biện-bác như nước chảy. Bởi vậy ông được phong làm Chánh-suất-đội. Thế là họ Nguyễn ở Tiên - điền có người thi đậu và có người làm quan từ ông Lịnh-nam đầu vậy.

Năm thứ tư hiệu Bảo-thái (1723), nhân có mệnh Triều-dinh chọn trong các người tân-tá ai có tài thi cho về Khuyết châu vua. Tắc-quận-công viết ông đứng đầu tập tấu - cử, nhưng ông chối vì mẹ đau không chịu phó kinh. Khi

Siêu-quận-công tới lĩnh chức Trấn-tướng Nghệ-an, có mời ông tới trấn và muốn ép ông ra làm quan. Ông bèn làm một bài thơ đề tỏ ý của mình, rồi xin về chứ không chịu ra.

Thơ rằng :

Thế lộ hiểm huy thậm.

世路險巇甚。

Nhân sinh hữu bách niên ;

人生有百年。

Nhật sung tam hướng phạn,

日充三餉飯。

Dạ túc ngũ canh miên ;

夜足五更眠。

Phủ quý kinh-thành khách,

富貴京城客。

Thanh nhàn địa giới tiên ;

清閒地界仙。

Tĩnh suy tiêu trường lý,

靜推消長理。

Qui khứ lão lâm-tuyền.

歸去老林泉。

Ông thường cũng có lưu-tâm về việc trước-thuật. Những sách ông soạn ra là : *Đại-hiếu chân-kinh* 大孝真經, *Từ-ảo-chân-thuyền* 慈幻真詮, và *Quyết-nghi-tập* 決疑集.

Ông có sáu người con trai đều có thi đậu và đều làm quan lớn cả, mà nhất là Trung-cần-công lại làm tới Tề-tướng, phong tước Công, cho nên ông được phong tặng tới tước Nhuận-quận-công.

Nguyễn con đầu húy là Huệ 惠, đậu Tấn-sĩ.

Con thứ hai là Trung - cần-công (xem tiêu-sử ở sau).

Con thứ ba húy là Trọng 仲, thi đậu ba - trường, trước làm quan văn, sau lại cải theo võ-chức, được phong hàm Võ-huân-tướng-quân 武勳將軍, tước là Lam-khê-hầu 藍溪侯.

Con thứ tư húy là Tín 信, thi hương đậu ba trường, làm quan được phong tước là Hoảng-lĩnh-bá 宏嶺伯.

Con thứ năm húy là Sĩ 仕, thi hương đậu ba-trường, làm quan được phong tước Đông-nhạc-hầu 東岳侯.

Con thứ sáu húy là Huyền 玄, làm quan được phong tước là Vương-nhạc-Bá 旺岳伯.

Cụ Trung-cần-công húy là Nghiễm 儼, thi đậu Nhị-giáp chánh-tiến-sĩ suất-thân. Cụ tuy là quan văn, nhưng thường có đi đánh giặc, lập được võ - công rất nhiều.

Năm đinh-tị đời Vĩnh-hựu (1737), cụ cùng Liễn-quận-công 璉郡公 đi đánh phá được đảng giặc ở xứ Khang-chánh 康政. Năm đầu hiệu Cảnh-hưng là năm canh-thân, (1740) trấn Bắc-kinh thất-thủ, cụ phụng sai hiệp-đồng cùng Tri-trạch-hầu 遲擢侯 và Tri-trạch-hầu 池澤侯 đi khôi-phục được trấn-thành. Được ít lâu lại phụng sai đi đánh phá được đồn của giặc ở đất Quế-đô 桂塢. Tháng bảy năm ấy lại hiệp-đồng với Côn-quận-công đánh phá được các đồn của giặc ở đất Phạm-lâm 范林 và đất Đoan-lâm 段林. Tháng tám phụng-sai về Nghệ-an chiêu-mộ các chiến-sĩ. Tháng mười-một cụ kéo toán tân-quân tới kinh để phục mệnh. Lúc bấy giờ chúa Trịnh đưa đại-quân đi đánh giặc Ngân-giá 銀加, kinh-thành không-hư. Tướng giặc là Nguyễn Tuyên nhân dịp kéo quân tới sông Nhĩ-hà, định dễ qua sông ập đánh kinh-dô. Cụ nghe tin đưa toán quân của cụ mới mở ra giàn trận ở trên bờ sông mà chống với quân giặc, rồi Nguyễn Tuyên phải rút quân chạy trốn. Bởi vậy Triều-đình đổi làng của cụ làm « Trung-nghĩa-xã 忠義社 » mà khắc ba chữ tên ấy vào một cái biển vàng, hai bên có tám chữ :

Tự thiên tch sủng.

自天錫寵.

Dữ quốc đồng hưu;

與國同休。

rồi phát về cho dân treo giữa đình-trung (Cái biển ấy năm tân-hợi (1791) quân Tây-sơn đốt phá). Tháng chạp lại phụng sai hiệp-đồng cùng Côn-quận-công đi đánh đảng giặc ở đạo đông-nam, tới tháng ba năm sau thì quân giặc xin hàng.

Tháng giêng năm nhâm-tuất (1742) có giặc tới quấy nhiễu ở hạt Lôi-dương 雷陽, cụ phụng sai đưa quân đi đánh phá được. Tháng mười năm ấy lại đánh phá được toán quân của Nguyễn Diên ở hạt Nông-cổng. Vì có quân-công mấy năm ấy, cho nên cụ được thưởng tước Xuân-lĩnh-bá 春嶺伯. Tháng chín năm quý-hợi, (1743) ở hạt Sơn-nam-hạ có giặc quấy rối, cụ đưa quân đi giúp yên được.

Tháng giêng năm sau là năm bình-dần, (1746) cụ được thăng tước Hầu 侯. Tháng tám phụng-triệu về Kinh-sung chức nhập-thị-bồi-tụng. Tháng chạp được tuyền làm chánh-sứ đi cống Tàu, nhưng sau vì các biên-phương giặc-giã chưa yên, triều-đình không muốn để cụ đi xa, cho nên lại sai người khác thay, mà để cụ ở nhà lĩnh chức Thị-lang bộ Binh.

Tháng tư năm mậu-thin (1748), giặc ở phía đông là Nguyễn Diên hội cùng giặc ở phía bắc là Ngô Tri-Xương kéo tràn vào đánh các hạt Đông-thành, Quỳnh-lưu, Thanh-chương, Nam-dàn (Nghệ-an), cụ phụng sai ra lĩnh chức Tuyên-phủ đại-sứ xứ Nghệ-an, rồi giúp yên được. Tháng chạp năm ấy lĩnh chức Hiệp-trấn Thanh-hóa kiêm chức Hiệp-thống, rồi đưa quân đi đánh phá được lũy của tướng giặc tên là Ngụy Văn.

Tháng giêng năm kỷ-tị (1749), có toán giặc chiếm-cử ở núi Tam-diệp, cụ

phụng sai đưa quân đi đánh phá được. Tháng ba đi phá được các đảng giặc chiếm-cứ ở xứ Mục-sơn và xứ Bái-thượng. Tháng tư lại đánh phá được đồn của toán giặc ở đất Quan-hoàng. Từ tháng bảy tới tháng mười, cụ đi đánh tướng giặc là Nguyễn Diên, Nguyễn Diên thua to, bỏ quân một mình chạy trốn.

Tháng mười-một năm canh-ngọ (1750), chúa Trịnh đi đánh giặc ở phía Tây, sai cụ đi làm Tân-tướng quân-vụ.

Tháng giêng năm tân-vị (1751), cụ tiến quân lên đánh đồn Ngọc-bội, bắt được tướng giặc tên là Ngũ 旤. Tháng mười năm ấy lại hiệp-dồng cùng quận Đoan-nghiêm đánh phá được toán quân của tướng giặc tên là Trương 湘. Tháng giêng năm nhâm-thân (1752) lại tiến đánh đồn Vinh-dồng rồi chém được tên Trương, đưa thủ-cấp về Kinh tấn-tiếp. Tháng tám lại phụng sai lĩnh chức Binh-tặc tướng-quân ở Thanh-hóa mà tiến đánh các toán giặc ở trên núi.

Tháng mười năm bính-tý (1756), cụ phụng sai làm Tân-tướng-quân-vụ, hiệp-dồng cùng Vực-quận-công tiến đánh tướng giặc tên là Vinh, tới tháng giêng năm đinh-sửu (1757), cụ đưa quân cùng Vực-quận-công đánh phá được đồn Hồ-lao rồi tên Vinh bị bắt.

Từ đó các trấn đều yên, cụ phụng-triệu về cung chức tại Kinh. Khi sung chức Quốc-sử-tổng-tài, cụ có soạn một pho sử Nam gọi là *Việt-sử bị-lãm* 越史備覽.

Tới năm tân-lị thi (1761) cụ được thăng chức Công-bộ-thượng-thư, sung Nhập-thị-tham-tụng. Thế là cụ làm tới chức Tể-tướng rồi.

Năm đinh-hợi (1767), giặc xứ Trấn-ninh xuống quấy-nhiều ở hạt Nghệ-an, cụ lại phụng sai ra lĩnh chức Đốc-suất, đưa quân đánh bắt được

tướng giặc tên là Côn 琨, đóng cũi đưa về Kinh. Trong hạt được yên-đều rồi, thì cụ lại về Kinh cung chức.

Tới năm canh-dần (1770) thì cụ đã được thăng tới Đại-tur-không. Lúc bấy giờ cụ nghĩ cụ làm tướng một mình trong khoảng mười năm, quyền-vị thịnh quá, cho nên dâng sớ cổ xin cho tiên-cảnh về hưu-tri. Tháng mười năm tân-mão (1771) cụ được gia-phong Đại-tur-dõ rồi về nghỉ ba tháng.

Tháng giêng năm nhâm-thìn (1772) lại có chỉ triệu ra cung chức như cũ. Lúc bấy giờ con dâu cụ là Kiều-nhạc-hầu hiện Phó-dó-ngự-sử cũng sung chức Nhập-thị-bồi-tụng. Thế là nhà cụ cả cha cả con đều ở Chính-phủ, cho nên vua Hiền-tôn có viết bốn chữ đại-tự: « *Nhị Thân phụ-tử 二申父子* » mà tặng cho cụ.

Năm giáp-ngọ (1774), Nguyễn Nhạc 阮 帥 đánh thành Quảng-nam, chúa Trịnh đưa quân vào cứu, sai cụ làm Tả-tướng-quân. Cụ có lập cho các quân lập trận « *Ngô-công sinh-giác 蜈蚣生角* » cho nên được ban thưởng năm-mười lạng bạc.

Tháng mười năm ấy, cụ phụng sai đưa quân bản-dinh cùng mười hiệu (?) quân thủy vào lĩnh chức Hiệp-tân-quân-cơ đề-dịch kỳ tiến-tiểu. Tháng bảy năm đinh-vị (1787), cụ cùng Việp-quận-công đưa quân giáp đánh thắng tới dinh Quảng-nam. Nguyễn Nhạc thua to, chạy về Quảng-nghĩa sai tướng dâng thư xin hàng.

Khi cụ kéo quân đi tới đất Châu 鄒 珠 鳩 (?) thì cảm bệnh, rồi phải dâng sớ xin về nhà điều-dưỡng. Tới ngày mười bảy tháng mười-một năm ấy thì cụ mất. Triều-dinh nghe tin sai quan về tế và tặng cho cụ tước Xuân-nhạc-công, thụy là Trung-cần.

Cụ sinh được mười hai người con trai; người con đầu hý là Khấn, đậu Tấn-sĩ, làm quan Lại-bộ Thượng-thư, hàm Thái-bảo, tước Toàn-quận-công; người thứ hai hý là Điều, đậu Giải-nguyên, làm quan được phong tước là Điền-nhạc-hầu; người con thứ ba hý là Đề, thi đậu từ-trường, trước làm Tấn-trương-quân-cơ, sau bị Tây-sơn

bức-bách phải ra làm quan, thăng tới Trung - thư - sảnh hũu - đồng - nghị, tước Nghi - thành - hầu. Trong khi làm quan với Tây-sơn Nghi-thành-hầu có đi sứ Tàu hai lần. Còn Nguyễn Du tiên-sinh là con trai thứ bảy của cụ Trung-cần-công.

NGUYỄN ĐỨC-TÂN

CỤ PHƯƠNG-ĐÌNH NGUYỄN VĂN-SIÊU

Nhân kỷ này bản-chỉ có đăng ảnh một bức họa chân - dung cụ Phương-đình Nguyễn Văn-Siêu, là bậc danh-nho Bắc-kỳ về đời Tự-đức, cùng với cụ Cao Bá-Quát nổi tiếng một thời, — nên đã có câu: *thần Siêu thánh Quát*. — vậy xin kể qua lịch-sử cụ ra đây, đời sau này sẽ khảo tường hơn.

Tiên-sinh tên hý là Định 定, sau đổi là Siêu 超, tên tự là Tốn-ban 遜班, hiệu là Phương-đình 方亭. Sinh năm kỷ-mùi Tây-sơn Cảnh-thịch thất-niên (1799), giờ sửu ngày mồng ba tháng bảy. Dòng-dõi tiên-thế ở làng Kim-lũ, huyện Thanh-tri, sau có thiên-cư ở nơi biệt - nghiệp giáp Giang - nguyên (nay là Ngõ Gạch), thôn Dũng - thọ huyện Thọ-xương. Tiên sinh tư chất thông-minh nhanh-nhau, khi mười-hai mười-ba tuổi học đặng tiên-công ở nhà, tự-dề hoành biện hai chữ: « Lạc thiên 樂天 » treo ở buồng học, và dôi câu đối rằng: « 道在古今無曲徑 Đạo tại cổ kim vô khúc kính, 天多蓬筍產人蒿 Thiên đa bồng tấp sản cao nhân. » Nghĩa là xưa nay đạo-học không có lối đường tắt, ở chốn nhà gianh trời vẫn hay sinh ra bậc cao-nhân. Đấng

tiên - công trông thấy câu-đối khen rằng: « Ngày sau làm nên, không đến nỗi mất tháo -thủ. » Ngoài hai mươi tuổi, theo học cụ Phạm Lập-trai tiên-sinh, hết sức học về cổ-văn, không những chỉ chuyên học lối khoa-cử. Năm Minh-mệnh khoa út-dậu (1825), thi đỗ cử-nhân thứ hai, song vẫn từ cáo ở nhà không ra làm quan, cố-chỉ học hành đến hơn mười năm, mãi đến năm Minh-mệnh khoa mậu-tuất (1838) mới đỗ phó-bãng, khi ấy đã bốn mươi tuổi, thụ - chức Hàn-lâm viện Kiểm - thảo. Năm Minh-mệnh canh-tý thứ hai mươi mốt (1840) sung chức Lễ-bộ chủ sự, lại sung chức phó-chủ-khảo trường Thừa - thiên. Năm Thiệu-trị nguyên-niên (1841), thăng chức Lễ-bộ viên-ngoại-lang, lại thăng Nội-các thừa-chỉ. Năm thứ bảy (1847) thăng Thị-giảng. Một hôm đi hầu đức Hiến-tổ vào trong cung - hạng đề ngự chơi nhà tiếm-dê của Hoàng-tử, chợt Hoàng-tử đi đến sau lấy tay vỗ vai, tiên-sinh giật mình ngảnh lại mới biết làm lễ vái chào. Hoàng-tử bảo tiên-sinh rằng: « Ta nghe khanh là người học - vấn yêm - bích, muốn tâu đức Hoàng - phụ đề cho khanh vào nơi tiếm - đề này giảng học. » Việc chưa kịp tâu, thì đức Hiến-tổ đã thăng-hà rồi.

和光同塵
非心之快
希古拔俗
則力不逮
日見耳聞
無乎不在
庶幾存存
以進吾退



Tiểu-tượng cụ Phương-dinh
(1868)

Năm Tự-đức nguyên - niên (1848), tiên-sinh được thăng Thị-độc học-sĩ. Năm Tự-đức thứ hai (1849), tiên-sinh sung chức phó-sứ sang sứ Tàu. Vua Tự-đức có châu - phê rằng : « Khanh là người học-vấn yém-bác, chuyển này sang sử lịch-lãm những nơi non sông thăng-cảnh và phong-tục các nơi, đều nên ghi chép cho kỹ, đợi đến khi trở về đem tiến-lãm. » Đến khi tiên-sinh đi sứ Yên-kinh trở về, có đem tiến-lãm bộ *Vạn-lý tập dịch - trình tấu thảo*, được thưởng-thụ Tập-hiến-viện học-sĩ, sung chức Kinh-diên khởi-cư-chủ. Năm tân-hợi thứ tư (1851) phụng mệnh toàn-tu sách *Thực-lục chính-biên*, khi làm xong được thăng-thự Hà-tĩnh Án-sát sứ, lại bỏ ra Án-sát Hưng-yên, quyền Tuần-phủ quan - phòng, kiêm quản ấn-trịện Bồ-chính. Lúc ấy triều-dinh có nghị hưu-dê, tiên-sinh dâng sớ điều-trần về sự bất-tiện, khảo xét rất kỹ. Sau bị phải giáng, tiên-sinh xin cáo bệnh về quê, rồi lại được thăng Hàn-lâm Thị-độc, nhưng cũng xin cáo về hưu, tự-hiệu là Phương-dình cư-sĩ, ở nhà giảng sách dạy học, nhà vua thường giáng sắc-chỉ dòi vào làm quan, nhưng tiên-sinh cố từ không ra nữa.

Năm Tự-đức nhâm-tuất thứ mười lăm (1862) các lân-tỉnh có giặc nhiễu-loạn, tiên-sinh xướng-suất nhân-dân phòng-thủ địa-hạt mình được yên-đn, nhà vua có giáng-chỉ ban khen.

Tiên-sinh từ khi ra làm quan, trải thờ Minh-mệnh, Thiệu-trị, Tự-đức ba triều vua, thường ở chốn hàn - các, phàm những điển-sách văn - chương trong triều, phần nhiều là tự tay tiên-sinh soạn ra cả, chỉ lấy việc văn-học mà được vua yêu dùng, đương-thời đều tôn-trọng cả. Đức Hiến-tổ thường than rằng : « Người này văn-học uần-tạ, từ tảo anh-hoa như thế này, mà không đỗ tiến-sĩ, thì thực lấy làm lạ ! » Khi sang sứ Tàu, có quan bạn-tổng là Cáp-

trung-kha thấy văn thơ của tiên-sinh, rất lấy làm thân-phục. Vua Dực-tôn thường có câu rằng : « 文如超适無前漢 Văn như Siêu Quát vô Tiên-Hán, 詩到從綏失盛唐 thi dào Tàng Tuy thất thịnh Đường. » Đó là khen ngợi cái văn-tài của tiên-sinh. Khi tuổi già ở nhà, chăm việc dạy bảo kẻ hậu-học, giảng sách tất biện-chính nghĩa đồng-dĩ, cốt lấy nghĩa-lý làm chủ.

Tiên-sinh thân-thể dầy-dà mà hơi thấp, mặt vuông, tai thùy-châu, vai ngang bằng, lòng bàn tay đỏ như son tâu, tiếng nói sang-sảng có âm-hương. Người Tàu xem tướng bảo rằng : « Chỉ hiểm hơi lùn thấp, nếu dàng sau cổ cao độ một tấc nữa, thì đỗ đến Trung-nguyên, làm quan đến Tể-tướng. » Tiên-sinh tính cương-ng nghị hăng-hải, không có cái thói mềm-nhũn đua-nịnh. Có thân-thủ viết bài tán vào bức tranh tiều-tượng rằng :

和光同塵。

Hòa quang đồng trần,

非心之快。

Phi tâm chi khoái.

希古拔俗。

Hi cổ bạt tục,

則力不逮。

Tắc lực bất đãi.

目見耳聞。

Mục kiến nhĩ văn,

無乎不在。

Vô hồ bất tại.

庶幾存存。

Thử cơ tồn tồn,

以進吾退。

Dĩ tiến ngô thoái.

Lại khi tiên-sinh bảy-mươi tuổi có bài thơ tự-thọ rằng :

老夫還爲草野臣。

Lão hi hoàn vi thảo dã thần,

歸歎豈作泛閒人。
 Qui dư khởi tác phiếm-nhân nhân ;
 紛紛俗事滾難放。
 Phân phân tục-sự hoải nan phóng,
 落落殘編志未伸。
 Lạc lạc tàn biên chí vị thân ;
 戴日有光除白髮。
 Đái nhật hữu quang dư bạch-phát,
 當風不染是緇塵。
 Đương phong bất nhiễm thị chi-trần ;
 呼官呼叟誰非可。
 Hô quan hô tâu thùy phi khả
 道遠吾猶有此身。
 Đạo viễn ngô do hữu thử thân.

Xem những bài thơ trên đó thì khá biết đại-khai tiên-sinh là người thế nào vậy.

Năm Tự-đức thứ hai - mười-năm (1872) tiên-sinh mất ở nhà từ-đường, hưởng thọ 74 tuổi. Tiên-sinh có làm ra những sách : *Chư-kinh khảo-ước* 諸經攷約, *Chư-sử khảo-ước* 諸史攷約, *Tứ-thư bị-giảng* 四書備講, *Tùy-bát lục* 隨筆算 sáu quyển, *Thi-tập bốn quyển*, *Văn-tập năm quyển*, *Địa-chi-loại* 地誌類 năm quyển, đều có san-khắc để lại ở đời.

ĐẠO LÂM NGƯỜI (1)

VII

Nói về lệ « Chung-dân đầu-phiếu »

Nhân dã nói về quyền lập-pháp, cũng nên nói về cái lệ « chung-dân đầu-phiếu » (*referendum populaire ou plébiscite*), là một cách phát-biểu dân-y và giải-quyết việc nước có thể dùng về chính-thể nào cũng được, nhất là thuộc về việc lập-pháp.

Chung-dân đầu-phiếu là cả bàn-dân trong một xã-hội đều bỏ vé để giải-quyết một việc quan-hệ đến sự lợi-ích chung.

Cách ấy có phải là một cách chính-trị hay cho một nước dân-chủ không ?

Cứ lý-thuyết thì là một cách chính-đáng lắm, hợp lẽ lắm, vì chính là cách dân tự-trị dân, nhưng về thực-hành thì có nhiều điều khuyết-điểm, sánh

với cái chính-thể đại-ngự (*régime représentatif*) còn kém xa nhiều.

Tuy-nhiên có một trường-hợp cần phải dùng đến cách ấy, là khi hân-dân một xứ phải quyết-định nên đứng độc-lập hay nên sáp-nhập vào một dân-tộc khác. Khi ấy thì phải lấy dân-tình dân-y làm trọng hơn cả các lẽ khác.

Suy-loại ra, hoặc có thể dùng cách ấy về phương-diện tôn-giáo cũng được, vì tôn-giáo cũng là thuộc về tình dân, đáng phải tôn-trọng, nhưng cũng có nhiều lẽ ngăn-trở.

Như hỏi ý dân một xứ nào có muốn sáp-nhập vào một dân-tộc khác không, thời câu trả lời chỉ có một có hay một không mà thôi; nhưng nếu phải đi b qui-tắc cho giáo-sĩ của các đạo, cho

(1) Xem N.-P. số 123. — Các mục trên đã nói về cách cư-xử riêng, cách đối-đã với xã-hội, quyền-lợi nghĩa-vụ của người ta trong quốc-gia, cách tổ-chức các quyền lớn trong nước.

chế - độ của các giáo, định những ruộng đất cùng công-sở dùng về việc tế-tự, định cách hành-động về các công cuộc tôn-giáo, thời vấn-đề thành ra khó-khăn phiền-phức, tùy người theo đạo hay không theo đạo, giải-quyết khác nhau hẳn, và không thể giải-quyết bằng một tiếng có hay một tiếng không được, phải thương-lường chăm-chước khó lắm mới được.

Ấy cái lối chúng-dân đầu-phiếu bởi không có phép-tắc nhất-định nên có điều bất-tiện to. Việc phiền-phức không thể giải-quyết được, vì không có cách thương-lường chăm-chước. Cách này là cách « một có, hai không », thế mà đem ứng-dụng ra các việc trong xã-hội thì sao cho thích-hợp.

Lại còn nhiều điều bất-tiện nữa.

Dàn ý không thể lúc nào việc gì cũng phát - biểu được. Không thể không đặt ra quyền lập-pháp, quyền hành-chính được, nhưng đã có quyền lập-pháp, quyền hành-chính mà lại nhất-nhất cứ bằng ở dân-ý chung cả, thì cái địa-vị những người cầm quyền ấy thành ra địa - vị thụ - động, không có danh-giá gì nữa. Những người ấy chỉ còn có một việc thừa-hành những lời quyết-định của công-chúng đã đầu-phiếu, dù trái với ý-kiến mình, dù trái với sự-thực hiện-nhiên cũng mặc lòng; có khi đến phải phá cả những công-việc của mình đã chủ-trương từ trước nữa, như thế thời thành ra chính-trị hỗn-độn bất-nhất quá.

Vả lại muốn cho nhất-ban quốc dân có thể tỏ ý-kiến được một cách chính-đáng, thì phải người nào cũng có đủ thông-minh, có đủ học-thức, có đủ lịch-duyệt về việc đời việc nước mới được; thật ra thì ít người được như thế. Như khi phải bầu-cử ông quốc-trưởng, hay các quan quốc-vụ-trưởng, mà để cho cả dân-chúng đầu - phiếu, thời bất-quá được ít nhiều người có thể phán-đoán được cái tài-cán, cái tư-cách của các

người ra ứng-cử, chứ phần nhiều người thời chỉ xét ở bề ngoài, nghe thiên-hạ nói, hay là nghe những lời cô-động, lời tuyên-bố yết ra ngoài phố, lấy lòng yêu ghét riêng nhiều khi vô-lý mà quyết-định, còn những vấn-đề khó-khăn về pháp-luật, về tài-chính, về kinh-tế, thời không thể hiểu được, tất không dám quyết-định, hoặc có bỏ vé cũng là bỏ vé bàng-quơ mà thôi. Nhân đó thành ra lắm điều mâu-thuẫn, lắm sự trái ngược, gây ra cái loth-trạng bối-rối về chính-trị.

Lại phải biết rằng lối dân-chúng đầu - phiếu, nếu mà công-chiến đặt vào hiến-pháp một nước, thời kẻ tằm-thường được quyền tôn-trọng, tất tự-cao tự-phụ, muốn can-thiệp vào những việc thuộc quyền hành-chính hay là những việc nhỏ-mọn không đáng triệu-tập nhân-dân đi bỏ vé, làm cho phiền-nhiều sự sinh-hoạt trong xã-hội.

Lối dân - chúng quyết-nghị ở các dân-tộc đời xưa thịnh-hành lắm, nhất là ở Hi-lạp.

Đời xưa thời thi-hành được và như ở Hi-lạp chia ra làm vô-số các tiểu-bang, thì lại dễ lắm, mỗi một nước nhỏ ấy, mỗi lần có việc gì thời có thể họp cả nhân-dân ở nơi công-trường để bàn-bạc và quyết-nghị những điều-luật giản-dị của Nguyên-lão-viện đã dự-thảo. Nhưng các nước ngày nay địa-hạt rộng, nhân-dân nhiều, chính-pháp phiền-phức vô-cùng, thời mỗi việc họp-tập dân lại như thế thì sao được.

Tuy-nhiên, nước Thụy-sĩ ngày nay còn giữ lối dân-chúng đầu-phiếu làm một cách kháng-cáo về hiến-pháp. Nên xét duyên-do làm sao

Người Thụy-sĩ thành-thực theo về chủ-nghĩa dân-chủ, lấy mỗi người dân được trực-tiếp tham-dự vào việc nước làm danh-giá, mà thực họ cũng tỏ ra có tư-cách xứng-dáng, có tri-thức và có lịch-duyệt vậy. Nhưng những người dân có kiến-thức, cùng cả người ngoại-

quốc kiêu-cư ở Thụy-sĩ, đều bác cái lối chúng-dân đầu - phiếu đó, cho là thường lạm-dụng quá, như nhiều việc hành-chính nhỏ-nhật, ở nơi khác thời thị-trưởng nghị-định cũng đủ, mà ở Thụy-sĩ cũng phải dùng đến cách đó.

Vả nước Thụy-sĩ là thuộc vào cái Anh-thể đặc-biệt, mới có thể thái-dụng cách đó được. Nước là nước trung-lập ở xen vào các nước khác, về đường kinh-tế không có thể bành-trướng ra ngoài được, cũng không phải dụng thuật ngoại-giao với nước nào. Vậy cho nên người dân ít, không cần phải dùng đến lối tập-quyền về chính-trị, có thể khu-khu sinh hoạt ở trong một cái hoàn-cảnh nhỏ-hẹp và thân-mật được. Lại thêm nước Thụy-sĩ chính là một cuộc liên-hiệp hai-mươi-hai « tổng » (cantons) nhỏ, chủng-tộc ngôn-ngữ mỗi nơi một khác, nơi nào có luật-lệ cũng những cơ-quan đặc-biệt của nơi ấy, khó lòng mà hợp-nhất cho được. Bởi thế nên người dân có cái căn-tính độc lập rất mạnh, muốn tự-kỷ thi-hành các quyền-lợi về chính-trị, lấy thế làm vẻ-vang, có lợi-ích, không muốn ủy-thác cho ai cả.

Nhưng nói tóm lại thì nước Thụy-sĩ không đủ làm gương cho các nước được, và cứ ý-kiến chung thì lối chúng-dân đầu-phiếu không phải là một lối chính-trị thi-hành được ở các xã-hội đời nay vậy.

Nói về quyền hành-chính

Về quyền hành-chính thì không thể nói cho tương được, vì quyền này tùy tình-thế cùng tính-cách của mỗi dân-tộc mà thay đổi, không thể cai-quát mà nói chung được. Vả lại quyền hành-chính là nguyên-do ở quyền lập-pháp mà ra, thường do quyền lập-pháp qui-định và giám đốc một cách nghiêm-nhật, khiến cho cách tổ chức được tiện-lợi và thích-hợp với mọi sự yếu-cần cùng lẽ-thói về chính-trị.

Duy có một điều quan-trọng, thiên-

hạ vẫn còn thảo-luận chưa xong.

Theo chính - thể lập-hiến thì ông quốc-trưởng chỉ có trị-vị, không có trị-quyền : nay chức giám - quốc có nên theo lệ đó không, nghĩa là nên miễn cho quan Giám - quốc không phải có cái trách - nhiệm tự - quyết việc gì, chỉ phải can-thiệp vào việc chính-trị trong một vài trường-hợp nhất-định, và chỉ lấy tư-cách « trọng-tài », nghĩa là làm người đứng giữa phân-xử mà can-thiệp vào mà thôi, như khi chọn các quan quốc-vụ-trưởng, chọn quan tổng-lý nội-các, hay là giải-tán quốc-hội.

Có nên miễn cho trách-nhiệm như thế, hay là trái lại, cho có quyền trực-tiếp thương-thuyết với ngoại-quốc, được thay mặt cả quốc-gia mà đình-định điều-uớc với ngoại-quốc ?

Cách trên thường hay dùng hơn, mà thế là phải, vì nếu cho quan Giám-quốc được quyền tự-quyết, thì muốn cho khỏi lạm - quyền, tất phải bắt hoặc là xin nghị-viện cho phép hoặc là xin nghị-viện duyệt-y cho mình, không khỏi làm giảm mất cái oai-quyền của bậc quốc-trưởng đi; lại tất phải bắt có trách-nhiệm trọng, không khỏi làm giảm mất cái sức tín-nhiệm của bậc quốc-trưởng, mà khiến cho địa-vị khó xử, đó cũng là không lợi cho một cái chức trọng cần phải vững-vàng lắm mới được. Vì quan Giám-quốc, những khi Nội-các đồ, vẫn phải đứng vững, không thể vì đó mà địa-vị mình bị dao-động được, lại phải giữ được toàn cái oai-quyền người trọng-tài, để được thung-dung mà kẻ chọn những người nào có thể-lực hay có tài-cán để mà cầm quyền cho xứng-đáng.

Lệ thường vẫn cho quan Giám-quốc được quyền chiếu đồng-y của Nguyên-lão-viện giải-tán Chúng - nghị-viện; nhưng nếu trong nước chỉ có một quốc-hội, khi ấy thì đã không có Nguyên-lão-viện mà hồi ý-kiến được, tưởng nên

hỏi ý một hội-nghị những bậc tai-mắt trong nước, là cái đoàn-thể có thể làm-ì thời hiệp với quốc-hội để làm thành hội lập hiến, như trước kia đã nói; vì một việc quan-trọng như việc giải-tán nghị-viện, nếu để cho ý riêng một người tự quyết thì không khỏi có tính-cách một cái thủ-đoạn chuyên-chế, hay một cái thủ-đoạn chính-biến vậy.

Nói về quyền tư-pháp

Theo như cái thuyết ông Mạnh-đức-tư-cưu, là thuyết « tam-quyền đĩnh-lập », thì quyền tư-pháp cũng cùng ngang với hai quyền hành-chính lập-pháp mà đứng bằng - đẳng với nhau, chứ không phải tùy-thuộc quyền hành-chính. Thuyết này tuy có nhiều người dị-nghị, nhưng thiết-tưởng vẫn là một thuyết hợp lẽ lắm.

Vì có một điều tuyệt-đối như sau này, ai cũng phải công - nhận, là quan thẩm - phán phải đứng đặc-biệt với quyền hành - chính. Quyền hành - chính vốn đã là gồm cả quyền - lực của quốc - gia, nếu vừa có quyền chủ - trương, lại vừa có quyền thẩm-phán nữa, thì sợ lạm-quyền quá mà thành ra chuyên-chế vậy.

Bởi thế nên việc tư-pháp không có giao cho các quan-lại thường của chính-phủ, ở dưới quyền chính-phủ, có thể chuyên-dịch, có thể cách-chức được, mà lại giao cho những hàng quan-lại riêng, trong khi tại chức được có tư-cách miễn-bãi và bất-dịch.

Tuy-nhiên hai quyền hành-chính và tư-pháp trong khi thi-hành cũng cần phải có liên-can với nhau.

Quyền hành-chính được chủ-trương việc cảnh-sát để giữ cuộc trị-an và phù cho pháp-luật; nhưng việc cảnh-sát, muốn cho khỏi lạm-dụng, thì mỗi khi phạm đến bản-thân cùng tài-sản của người ta, phải có quan thẩm-phán xử-định mới được.

Về phần quan thẩm-phán, thi chức việc là chỉ phải xử cho công-bằng, còn án xử rồi, do quan-quyền thi hành thế nào, không nên để ý đến, là phòng khi mới xét việc hoặc đã có cái thiên-kiến rằng kẻ bị - cáo có tội hay là không có tội, hoặc bị ảnh-hưởng về cái tội nặng hay nhẹ chẳng.

Muốn cho điều-hòa các phương-diện đó, bèn chia quan tòa ra làm hai hạng. Một hạng gọi là « quan tòa đứng » (*magistrats du parquet*), để chủ việc tố-cáo, và một hạng gọi là « quan tòa ngồi » (*magistrats du siège*) để chủ việc thẩm-định.

Quan tòa đứng thì thuộc quyền Chính-phủ, vẫn có thể chuyển-bãi được như các quan-lại khác. Quan tòa ngồi thì được có tư-cách miễn-bãi.

Hai hạng quan tòa cùng do quyền hành - chính bổ - nhiệm cả; thăng-thưởng cũng tự quyền hành-chính.

Hoặc-giả nói rằng các quan tòa ngồi muốn cho được hoàn-toàn độc-lập thì tuyệt-nhiên không có luy-thuộc gì với Chính-phủ cả, và nên để cho kẻ đồng-bối với mình tự cử-tri lấy.

Cách đó xét ra không thể thi-hành được.

Vì luật-pháp có thể nhất-dán thay đổi đi nhiều được, và các quan thẩm-phán có khi ý-kiến không hợp với luật-lệ mới. Nếu để cho quan tòa được tự kén chọn nhau, thì những khi như thế tất chỉ lựa chọn hay thăng-thưởng cho người nào đồng-ý với mình mà thôi, thành ra công-nhiên phản-đối với Chính-phủ, làm cho luật-lệ mới của nhà-nước không thi-hành được, như thế thì cũng khó dung được lắm.

Đối với những quan thẩm-phán công-nhiên phản-đối như thế, mà bất quyền hành-chính cứ phải giữ, không được bãi đi, thì có khi cũ g là quá, vì đã từng thấy có nước nghị-viện phải tam-định quyền miễn-bãi của quan tư-

pháp đi để cho quyền tư-pháp và các quyền khác được điều-hòa với nhau.

Vả lại, nếu để cho quan thẩm-phán được quyền bổ-nhiệm và thăng-thưởng lẫn cho nhau, thì e rằng ngạch quan tư-pháp sẽ thành ra một cái giai-cấp riêng, người nào không phải xuất-thân ở một nhà đã làm chức tư-pháp xưa nay thì không được vào, và sự thăng-thưởng rồi đến chỉ cho những người lâu năm hơn là người tái-cán vậy.

Tuy - nhiên trong cách hiện-hành bây giờ, cũng có một điều nên hạn-chế, là sự thưởng huy-chương cho các quan tư-pháp tuyệt-nhiên không nên lấy sự-trạng về tư pháp mà thưởng. Quan tư-pháp phải có tính-cách cao-thượng, không nên để cho ai ngờ được rằng vì khéo mềm - mỏng đối với kẻ cầm quyền mà được thưởng huy-chương nọ hay bội-tinh kia vậy.

Nhờ các cách chăm-chước như trên, các nước văn-minh ngày nay đã tổ-chức ra được những thẩm-phán-viện rất xứng-dáng với cái nghĩa-vụ định lẽ công-bằng trong xã-hội, và cách xử án của các tòa án ấy kẻ cũng không có điều gì là điều khuyết-diễm to, đáng phải bài-bác vậy. Nhưng đó là các tòa-án thường. Còn những tòa án đặc-biệt thì thế nào ?

Đây phải phân-biệt mà xét cho rõ.

Có mấy hạng thẩm-phán riêng, như tòa án thương-sự, tòa án công-sự, tòa án đại-bình mà có đặt ra bộ bồi-thẩm, là do dư-luận các nước yêu-cầu như thế, cũng là một cách để thỏa cái lòng nguyện - vọng chung vậy. Ở các tòa án riêng đó thì kẻ đương-sự là do người đồng - đảng với mình thẩm-xét, nghĩa là những người đã có kinh - lịch về chức - nghiệp mình hay là nói về bộ bồi-thẩm thì là những người thuộc về các hạng trong xã-hội mà đã có từng-trải về việc đời vậy. Vẫn biết rằng trong những người sung vào bộ bồi-thẩm có người học-thức kém,

tri-tuệ kém; nhưng mà vì số nhiều nên cũng bỏ lại được những sự khuyết-diễm của cá-nhân đó; và lại thường những người ấy hay cần-thận, biết nhân-tử, xử án thường có lượng hơn là các quan tòa chuyên-môn vậy. Nhiều ông quan tòa trước khi giữ chức thẩm-phán đã từng làm chức tố-cáo, cho nên đối với kẻ bị-cáo thường có cái thiên-kiến cho là kẻ có tội cả; thiên-kiến ấy thì bộ bồi-thẩm không có vậy.

Nay xét đến các tòa án quan binh và tòa án cai-trị, cũng là những tòa án đặc-biệt, mà thiên-hạ thường hay bài-bác lắm.

Tòa án quan binh, thì nhất là khi hành-quân cần phải có, vì vận-mệnh quân-quốc là quan-hệ ở kỷ-luật nghiêm vậy. Những tội phạm kỷ-luật thì tất phải để tòa án binh xét, vì trong quân, phạm quân-lệnh phải vâng theo, không thể để cho tòa án thường xét xử và có khi bài-bác được. Tuy nhiên quyền lập-pháp cũng có cái trách-nhiệm phải đặt ra các thể-lệ về thời-hạn, về thủ-tục, về hộ-biên cho phân-minh chắc-chắn, để khỏi cái tệ kết án sơ-lược hay vội-vàng quá, là cái tệ xưa nay trong nhà quân không phải là không từng thấy vậy.

Còn những khinh-tội trọng-tội về thường-phạm do kẻ quân-nhân phạm phải, như ăn trộm, giết người, thì tất ra khi bình-thời không nên để cho tòa án binh mà nên để ra tòa án thường xử vậy.

Ngày nay luật binh-dịch cưỡng-bách đã thi-hành khắp mọi nơi, thì quân-nhân tức là quốc-dân, không phải là một giai-cấp đặc-biệt trong nước nữa. Như vậy thì kẻ quân-nhân tức là kẻ thường-dân tại-ngũ mà thôi, hoặc có phạm các khinh-tội trọng-tội về thường-phạm mà đệ ra tòa án binh là tòa án đặc-biệt, xét xử theo những hình-phạt đặc-biệt, thì tưởng cũng là trái với lẽ phải đương-nghĩa vậy.

Xét về một phương-diện khác thì các quan-quan ngồi xử ở tòa án binh, phải xét-xử những kẻ tội-nhân cùng bạn quân-phục như mình, tưởng cũng lấy làm phiền lòng vậy. Bất-nhược không nhận những kẻ tội-nhân đó mà phó mặc cho tòa án thường xét, há chẳng phải là bảo-toàn cho danh-dự nhà quân-dur ?

Còn đến các tòa án cai-trị, thì thực là những tòa án đặc-biệt, cứ theo lẽ công-bằng không thể dung được.

Tòa án cai-trị là để xét-xử những sự phân-tranh của chính-phủ với các tư-nhân, như vậy thì cái địa-vị của chính-phủ cũng như địa-vị kẻ đưng-sự thường ; vậy mà đem ra xét ở tòa án cai-trị, toàn là chân quan-lại của chính-phủ cả, chính-phủ có thể đòi có thể cách được, thì chẳng hóa ra đem người nhà mình xử việc mình dur ? Như thế còn công-bằng sao được. Bởi thế nên các nhà luật - học thường bác nên những ỏa án cai-trị, mà cho là trong hiến-pháp các nước văn-minh không nên có cách thẳm-phán đặc-biệt như thế, việc phân-tranh của chính-phủ với tư-nhân cũng phải đem ra tòa án thường xét-xử vậy.

Nói về chức-vụ hành-chính của quốc-gia

Quốc-gia là một cái cơ-quan có pháp nhân tư-cách (*Personne morale*), tiêu-biểu cho cả các cá-nhân lập thành ra một nước, quốc-gia có quyền quản-trị cả tài-sản trong nước.

Thuộc về việc quản-trị này, thì có điều nên giải-quyết ; là phân-biệt cho biết những công-cuộc nào là quốc-gia nên trực-tiếp quản-lý lấy, những công-cuộc nào là quốc-gia nên để mặc cho tư-nhân kinh-lý.

Muốn giải-quyết điều này, cần phải bày ra mấy cái nguyên - lý cốt-yếu, phân-nhiều ở các thiên trước đã nói qua đến rồi.

Phàm người chủ-trương hay quản-lý một công-cuộc gì, điều thứ nhất là phải làm thế nào cho cái việc mình đốc-suất đó được vững-vàng mà có hiệu-quả, khiến cho những đồ-vật chế-tác ra vừa được hảo-hạng và vừa được giá rẻ.

Muốn được kết-quả như thế, thì cần phải có mấy điều như sau này.

Quyền chủ-trương phải cho độc-lập và phải ở trí-não một người.

Người chủ-trương phải có lợi trong việc làm, lợi về tài-chính, lợi về tinh-thần.

Người chủ-trương phải có trách-nhiệm về công-việc mình, trách-nhiệm về tài-chính, trách-nhiệm về tinh-thần.

Nên xét kỹ ba điều đó như sau này.

Phải do trí-não một người, thì sáng-khởi và chủ-trương mới được nhất-trí, cũng là thi-hành mới có lực ; vì nếu ủy cho nhiều người cũng có quyền ngang nhau để đồng-thời chủ-trương một việc, thì khuyến-hường mỗi người một khác, cái chủ-kiến sẽ tản-mát vụn-vặt ra, thành ra càng nhiều ỏc làm việc thì việc lại càng mau hỏng vậy.

Chủ-quyền phải cho duy-nhất, lại phải được độc-lập, vì nếu không có độc-lập thì không có trách-nhiệm được, mà không có trách-nhiệm thì không sao quản-lý cho tốt được.

Nhưng hoặc - giả nói : Cứ theo cách như thế thì tức là lối chuyên-chế rồi.

Không phải thế. Trong một thiên trước nói về phép lập-hiến, đã nói rõ cái lẽ phạm-dặt ra một quyền nào thì lại phải đặt ngay bên cạnh một quyền khác để giám - đốc công-việc, và làm-thời có thể ngăn-trở cho khỏi tự-chuyên vậy.

Người chủ-trương lại phải có trách-nhiệm về công-việc mình cai-quản, vừa trách-nhiệm về tài-chính, vừa trách-nhiệm về tinh-thần, và đối lại thì phải có lợi trong việc ấy, vừa lợi về tài - chính, vừa lợi về tinh-thần.

Ai cũng biết rằng người ta vốn tính duy-kỹ, phạm làm công việc gì, thường lấy sự lợi-ích cho mình làm tỉ-lệ. Kể cái tính đó thật không có danh giá gì cho loài người, nhưng mà ở đời phải biết sự đời thế nào, phải căn-cứ ở sự thực hiện-nhiên, chứ không bằng-cứ ở những lý-tưởng xa-xôi được, nếu không thì chỉ uổng công vô-ích mà thôi. Vậy thì đối với người chủ-trương công-việc, muốn kích-lệ cho thêm gắng sức lên, phải định rằng nếu việc thành-công thì có phần lợi ở đó, và đồng-thời muốn phòng-bị cho khỏi trễ-nải, khỏi sơ-suất bất-cần, thì lại định rằng nếu việc thất-bại sẽ phải chịu một phần thiệt-hại về đó.

Những điều vừa nói trên đó là lẽ phải tuyệt-đối, phạm nhà làm luật định phép-tắc cho các thương-nghiệp-hội-xã, đều theo như thế cả. Nay quốc-gia đảm - đương các công-việc, tức cũng là một hội buôn lớn, vậy thì những phép-tắc thi-hành cho các hội buôn cũng phải thi-hành được cho quốc gia cùng những người thừa-hành thay mặt cho quốc-gia vậy.

Song cũng có một đôi khi vì lẽ cao-thượng khác khiến cho không thể thi-hành được những phép-tắc ấy, hoặc thi-hành cả, hoặc thi-hành một phần. Khi ấy thì phải chăm-chước sự lợi-hại và tìm cách điều-hòa thế nào cho hơn, nhưng phạm đã không theo phép tắc thì cách quản-trị không thể nào cho tốt được, chỉ có tệ ít với tệ nhiều mà thôi.

Phương-pháp đã định như thế, nay chỉ xét xem cách thi-hành ra các đẳng-hạng thế nào. Xin thí - dụ một vài khoản như sau này.

A. — Như trong thiên về quyền lập-pháp đã nói rồi, Nghị-viện muốn tự-thảo lấy các luật-văn là không thể nào làm nổi được. Vì không có những tư-cách như trẻ kia đã nói.

Phạm Nghị-viện phát-khởi ra ở một cái sáng-ý nào, không phải là do một

tri-não suy-nghĩ mà kết-cấu ra, tức thì như thành cái của chung của hàng trăm con người trí-não cũng ngang nhau, quyền-lực cũng bằng nhau, cùng thiết-tha muốn giữ lấy quyền ấy không chia cho ai, tính-cách cũng khuy-nh-hướng của mỗi người đều khác nhau, mà hết thấy chia ra đảng phái, tranh nhau hoài để chiếm lấy phần hơn. Thành ra mỗi khi khởi ra một cái sáng-ý hay là liền bị năm sáu trăm người xé vụn ra, khiến cho tiêu-tán đi mất cả.

Lại phải nhớ rằng các nghị-viện đó đã có lương-bổng nhất-định, lại không có ai đứng trên mà cai-quản cả, thì không có cái gì kích-lệ cho phải gắng sức lên, và chỉ tùy-ý riêng muốn làm việc thế nào cũng được.

Hoặc-giả nói : Nghị - viện vẫn có trách-nhiệm đối với kẻ bầu-cử mình ra, vừa trách-nhiệm về tinh thần, vừa trách-nhiệm về tài-chính, vì kẻ bầu-cử có thể không tái-bầu cho nữa, thế là mất cả địa - vị, mất cả lương-bổng. Nhưng mà cái trách-nhiệm đó nó phẳng-phải xa-xôi lắm. Lại cùng với mấy trăm người cùng chịu chung, người nào cũng có thể mong là tránh khỏi được, như thế thì phỏng còn ai là người sợ nữa ?

Cho nên Nghị-viện phải là một cái cơ-quan giám-đốc, chứ ủy-thác cho cái chức-vụ sáng - khởi thì không được.

B. — Trong nước ai có quyền được chủ trương quân-đội ?

Quyền lập-pháp, quyền hành-chính, đều không đủ tư-cách mà đương được việc đó, tất phải cử một viên thống-tướng có tài dụng-binh, để khi binh-thời thì chủ-trương việc diễn-tập, khi chiến-thời thì chủ-trương việc giao-chiến.

Cứ sự kinh - nghiệm thì dẫu dẫu cũng công-nhận rằng chức thống-tướng phải giao cho một người, nhưng muốn phòng bị những sự quân-biến (*pronunciamentos*), nghĩa là những cung

quân - nhân nổi lên kháng - cự pháp-luật, và cũng muốn đề phòng khi hoặc là chọn người không được xứng-dáng, hoặc là có sự lầm-lỗi phải chữa sửa lại, nên đã định rằng chức thống-tướng có thể do quyền hành-chính bãi-cách được, và nếu quyền hành-chính không biết thi-hành cái quyền đó, thì quốc-hội có thể khuyến-đạo được.

Cách làm như thế cố nhiên vẫn là hợp với phép-lắc rồi, nhưng hoặc-giả nói duy có một điều không được hợp, là không thấy có lợi-lộc gì mà cũng không thấy có trách-nhiệm gì về tài-chính cả.

Chính phải thế, nhưng phải biết rằng chức quan thống-tướng không giống với công việc một nhà doanh-nghiệp phải sinh-sản ra tài-hóa. Không những không giống mà thực là trái lại hẳn, cho nên chức thống-tướng không thể có lợi hay có hại về tài-chính được. Sự thưởng phạt đây chỉ là thuộc về ti h-thần, mà vẫn có một cái giá-trị đặc-biệt, không lấy tiền-tài mà so-bi được. Khi đắc-thắng thì được cái vinh - dự đã cứu cho tổ-quốc khỏi nguy-vong, khi thất-bại thì phải cái sỉ-nhục đã làm cho mất nước.

Vậy thì cái vấn-đề rút lại cũng là giải-quyết được đúng cách vậy.

C.—Nay xét đến việc quản-lý một sở công - thương chung, hay một sở chuyên-biện hay chuyên-mại, như sở thuốc lá, sở rượu, sở diêm, vân-vân.

Những cuộc doanh-nghiệp đó là công-cuộc chung của Nhà nước: Nay nhà nước có nên trực-tiếp quản-lý lấy hay giao-phó cho tư-nhân quản-lý thay?

Những quyền chuyên-biện hay chuyên-mại như vừa kể ở trên thì đối với quốc-gia không có lợi gì, chỉ là một cách thu thuế thêm mà thôi; nay thu thuế như thế thì tự mình thu lấy hay giao cho quân-lý thu thay, thì cũng thế mà thôi.

Vả xét ra phạm các việc công-thương mà nhà - nước quản - lý lấy vẫn phiền - phí nhiều lắm. Nếu các sản-vật thuộc quyền chuyên-biện hay

chuyên-mại của chính-phủ mà chính-phủ cứ giữ chế lấy bán lấy, thì không những không ích-lợi gì, mà lại làm huỷ-hoặc mất những khoản công-khố do các thuế nặng đánh vào các sản-vật ấy mà thành ra. Như thế thì cái lỗi của chính-phủ không phải là nhỏ, vì vừa bỏ việc công để làm việc buôn-bán, lại buôn-bán không khéo hại đến của kho, mà giữ lấy chuyên-quyền một mình, tức là phương hại đến cái quyền tự-do của người ta, cấm không cho ai được cạnh-tranh với mình, tức là ngăn-trở cả sự tiến-bộ chung nữa; như thế thì tự mình đứng lên làm anh lái buôn bán diêm bán thuốc bán rượu, phỏng có danh-giá và lợi-ích gì.

Nhưng ngoài các cuộc doanh-nghiệp đó là thuộc về chuyên-quyền của nhà nước, còn những công việc khác cũng là những công-cuộc chung, như các cuộc vận-tải, các xưởng hải-quân, vân-vân. Những công-cuộc này thì có khác và có phiền-phức hơn các cuộc chuyên-biện hay chuyên-mại như trên kia.

Thí-dụ như một công-ti xe lửa do nhà nước quản-lý.

Chính-phủ vẫn có quyền chọn một người làm chánh quản-lý, nhưng mà trong cách kén chọn ấy chính - phủ cũng không được quyền tự do, vì quan Thượng-thư có quyền cất-đặt đó thường bị những tay chính-trị có thế-lực, kẻ dận-dò người nọ, người gửi-gấp kẻ kia, muốn chiều lòng cho được thì có khi không chọn được người xứng-dáng.

Cứ lý thì nhà nước vẫn có thể cho viên chánh quản-lý ấy được tham-hưởng một phần lợi, nhưng mà đã cho hưởng lợi khi thành công thì cũng phải bắt bồi-thường khi thất-bại, vậy mà xét ra phạm việc nhà-nước quản-lý thường thường hao giờ cũng lỗ cả, như thế thì tưởng không ai chịu ra nhận lấy cái chức quản-lý ấy làm gì.

Nhưng mà có một điều ngăn-trở to nhất, là khó lòng cho viên quản-lý ấy được có tư-cách độc-lập, để mà chủ-trương mọi việc cho đích-dáng.

Một công-ti xe lửa lớn có khi dùng đến năm vạn người làm công các hạng. Làm việc cho nhà - nước thì năm vạn người ấy thành quan-lại cả, nhưng lại vừa có quyền bầu-cử nữa, thành ra số nhiều đủ gây ra một cái thế-lực mạnh có thể ảnh-hưởng đến sự-nghiệp của các tay chính-trị cả một vùng đó vậy.

Tình-hình như thế, nếu viên quản-lý là người siêng-năng muốn bắt cả các tư-thuộc của mình phải làm việc tạo-lực, thì bấy giờ kẻ kêu-ca, người ta-thán, thấy giục-dịch muốn bãi-công. Rồi thì có mệnh-lệnh kín với nhau, cả người làm khoanh tay ngồi đấy, hay chỉ làm cầm chừng mà thôi. Bấy giờ cả các ông nghị-viên vùng đó, bị năm vạn người bầu-cử vận-dộng, phải chạy mau đến thăm quan Thượng-thư, xin điều-đinh cho xong việc ấy. Quan Thượng-thư liền cho gọi viên quản-lý đến mà bảo rằng: « Tôi cũng biết ông là người cần-mẫn, muốn cho công việc được phát-đạt, nhưng đừng nên làm quá, để cho họ kêu. » Ông quản-lý phải vâng lời, thế là công việc hỏng.

Xem như thế thì tự quan Thượng-thư đến ông chánh quản-lý, cho đến những viên đầu các ti các sở, vẫn là có quyền đốc-suất những người làm công, nhưng kỳ-thực là thường bị bọn đó đàn-áp lại một cách gián-tiếp như thế mà phải chịu.

Nay nếu lại xét về phương-diện lý-tài, phương-diện kinh-tế, thì thấy những việc nhà-nước quản-lý như thế, thường bị chặm-trề ngăn-trở không phát-đạt lên được, vì mỗi lần trừ một khoản kinh-phí nào, phải giấy đi tờ lại lời-thối, mỗi lần xướng lên một sự cải-cách gì phải làm sao cho mấy trăm nghị-viên hiểu được sự cải-cách ấy ích-lợi là thế nào, vì cái quyền quyết-nghị là ở

nghị-viên, mà các ông nghị hay có tình tự-phụ, việc gì cũng cho là có thể giải-quyết được cả.

Đã vậy thì trên quan Thượng-thư, dưới các viên quản-lý, cứ cầu-thả nhân-tuần, không dám sửa-sang thay đổi gì cả, cuối năm có thiệt có lỗ, đã có kho nhà-nước bỏ vào, không ngại gì. Dù thế nào việc vẫn vững vẫn chạy, vì hệ kho nhà-nước có thiếu, thì lại tăng thuế lên có khó gì. Còn những người chủ - trương công việc, thì đã không tự-quyết việc gì, cũng không có trách-nhiệm gì, chỉ mong giữ lấy chỗ cho bền và được yên-đàn cho mình, thế là xong.

Bởi các lẽ đó nên những cuộc doanh-nghiệp chung nên để cho người riêng quản-lý là phải. Đễ thế không phải là nhà-nước không nhìn nhận đến đâu. Việc đã là việc chung, nghĩa là có quan-hệ đến sự lợi-ích cả nước, thì cách quản-lý thế nào cho tiện-lợi, nhà nước có thể qui-định cho phân-minh được; có thể giám-đốc người hành-trung, mà không ngăn-trở sự hành-dộng tự-do của người ta; nếu cần đến, có thể trợ-cấp cho nữa; và làm - thời có sự nguy-hiểm, có quyền can-thiệp, có quyền tổng - đòi, có quyền trực-tiếp quản - lý lấy cũng được; nhưng cứ bình-thường thì thi-hành một cái quyền kiểm-sát cũng là đủ rồi.

D. — Song cũng có việc không thể giao cho tư-nhân quản - lý được, là những việc thuộc về chính-trị, thuộc về cảnh-sát, vì phải cho hòa - hợp với cái chủ-kiến của chính-phủ, chính-phủ mỗi khi đổi ý-kiến, thì các việc ấy cũng phải thay đổi theo, cho nên cả thuộc thẳng quyền hành-chính phải.

Lại như chức-vụ thu thuế cũng phải thuộc quyền hành-chính, để cho khỏi sự những-lạm.

Còn mấy việc khác nữa cũng thế, nhưng có một cái qui-tắc chung, phạm chính-phủ nào cũng nên theo, là các

cơ-quan hành-chính và các số-ngạch lại-viên, nên tính-giảm cho rất ít, cho vừa đủ mà thôi.

Người nào đã vào ngạch quan-lại thì không phải là người sinh-hóa ra tài-sản nữa, mà là người bang-thực vào xã-hội vậy. Quan-lại thì có phẩm-trật kể trên người dưới rất nghiêm, mỗi người chỉ khu-khu trong cái phạm-vi nhỏ-hẹp của mình, không được phẩn-phát dễ-khởi việc gì, hàng ngày làm những công-việc không thù-vì gì, nên không muốn cố-gắng làm chi, chỉ cầm chừng cho liễu-sự, thành ra người ăn hại xã-hội vậy.

Khi một chính-phủ nào cũng muốn ra đảm-dương doanh-nghiệp, chiếm lấy những công việc của tư-nhân, thì kết-quả chỉ thấy tăng số lại-viên vô-dụng, và thêm sự nguy-hiểm cho quốc-dân mà thôi.

Dân-tộc nào mà cái phụng tác-lại thịnh là một cái triệu sự-dối; nếu thịnh quá thì là một cái hiểm-tượng to; chính-phủ muốn chống lại với cái tệ đó thì phải biết khôn khéo và phải có nghị-lực lắm mới được, vì cái tệ những-lại là một cái tệ khó trừ hơn cả. Nếu không trừ được thì là nguy cho nước và nguy cho chính-thể đã để cho cái tệ đó diên-man ra vậy.

Nói về tư-bản và lao-động

Từ ngót một thế-kỷ nay, nghĩa là từ khi hơi nước và điện-khí thông-dụng ra khắp mọi việc, thì công-nghệ trong thiên-hạ biến đổi hẳn. Mỗi ngày một chế ra các thứ máy vừa khéo vừa mạnh, thay được tay người ta mà chế ra đủ các đồ vật càng ngày càng nhiều, mà giá lại càng rẻ.

Các kỹ-nghệ biến đổi như thế, ảnh-hưởng sâu xa lắm. Nhất-diện thì giúp cho những người không có nhiều tiền cũng có thể mua được những đồ-vật cần-dùng cho sự sinh-hoạt hằng ngày,

nhất-diện thì các gia-đình công-nghệ mỗi ngày một mất dần đi và bao nhiêu nghề-nghiệp vào tay những công-ti lớn lũng-đoan hết cả, mở ra những công-xưởng to dùng tới hàng trăm hàng nghìn thợ.

Trong những công-ti lớn đó, thì công việc làm là ở tay các nhà chuyên-môn mà tiền vốn là ở các nhà tư-bản.

Làm được lời thì một phần để trả lương trả công người làm, một phần để tích lũy cho những người xuất vốn.

Nhân đó kể làm-lụng khó-nhọc sinh lòng ghen người có tư-bản không phải khó-nhọc gì mà được hưởng lợi nhiều. Bọn chính-khách thường lại thừa cái lòng ghen đó mà thúc-giục thêm lên, xui kẻ làm thợ phẩn-đối người làm chủ, gây ra những cuộc bãi-công vừa hại cho người làm vừa hại cho người chủ, mà có khi xung-đột nhau đến lưu-huyết vậy.

Nay làm thế nào tìm được một cái phương-pháp công-bằng chính-trực để hòa-giải những sự xung-đột tai-hại đó và giữ lấy hòa-bình trong xã-hội?

Các nhà kinh-tế, các nhà luật-học đã gắng sức giải-quyết cái vấn-đề đó, nhưng chưa ai tìm được một cái phương-pháp nào có thể thi-hành về khắp các trường-hợp được.

Phương-pháp đó quả không sao tìm được, vì không phải chỉ có một vấn-đề phải giải-quyết, mà thực là vô-số các vấn-đề, tùy các đẳng-hạng mà khác nhau vậy. Và lại mỗi hạng lại có những tính-cách đặc-biệt, những nguyên-tố phiền-phức, không thể nào đặt ra một đạo luật chung mà qui-định cho đúng được. Sau nữa lại còn cái quyền tự-do của người ta, cũng là đáng tôn-trọng lắm, nhà làm luật không thể xâm-phạm được. Bởi thế nên không thể lấy luật-pháp mà bắt-buộc được.

Tuy-nhiên, những sự khó-khẩn đó không phải là tuyệt-nhiên không thể giải-quyết được. Vấn-đề tuy rộng tuy

phiên, mà có phương-diện nhà làm luật có thể can-thiệp vào được. Lại có những phép-tắc cần-yếu mà nhà kinh-tế có thể tuyên-bố lên để khuyên bảo cho kẻ đương-sự mà giúp gây thành ra những lễ-thói vừa hợp với lẽ công-bằng mà lại vừa hợp với sự cần-dùng trong công-nghệ đời nay.

Những phép-tắc ấy thiết-tưởng có thể tinh ra đại-khái như sau này.

Bảo - hộ cho lao-dộng. — Đại-đề, người thợ-thuyền, kẻ lao-dộng, thường không đủ học-thức để biết quyền-lợi của mình. Và lại thân-phận là kẻ làm thuê làm mướn, không có thế-lực mà yêu-cầu quyền-lợi được. Vậy thì cần phải bảo-hộ cho họ để đối với kẻ làm chủ phòng khi tham-lam tàn-nhẫn làm thiệt-hại đến họ chẳng. Lại phải bảo-hộ cho họ đối với chính-thân họ nữa để phòng sự khờ-dại bất-cần, không biết lo xa.

Nhân đó ở nước nào cũng đặt ra luật gọi là luật xã-hội, để qui - định cách làm-lụng cho hợp vệ-sinh và hạn giờ làm không được quá; phòng-bị cho người thợ khỏi sự tai-nạn, lo cho có tiền tiêu dùng trong khi ốm đau già yếu, giữ cho khỏi mất quyền tự-do, và có khi tìm cách đổi cái thân-phận kẻ làm công làm cái địa-vị người hiệp-tác cũng được tham - dự một phần vào quyền chủ-trương và tham-hưởng một phần về khoản lời-lãi.

Song nhà làm luật có khi không được bình-tĩnh, không biết xét đoán cho đúng, mà đặt ra luật-phép không khỏi sai lầm. Vậy tưởng nên xét xem trong việc này nhà làm luật phải nên lấy lẽ gì làm tiêu-chuẩn.

Về những nghề nguy-hiểm, hại đến sức khỏe, phải đặt cách phòng-bị bắt-buộc người chủ, thế là phải lắm nhưng luật-lệ chớ nên phiền-nhiều quá, chớ

nên thiên về cái chủ-nghĩa duy-tinh quá.

Người thợ, nhất là đàn bà và con trẻ, dù thuân-tinh nữa, cũng không thể bắt làm việc nặng-nhọc quá, hoặc lâu giờ quá, sức bình-thường không thể kham nổi, có thể hại đến sức khỏe, hại đến sinh-mệnh; đặt ra luật-lệ để hạn-chế như thế là phải lắm, vì đó là một điều quan-hệ đến nhân-đạo, quan-hệ đến chủng-tộc. Nhưng mà có khi trong một nghị-hội, phần đa-số theo cái khuynh hướng mị-chúng, muốn chiều cái tình lười biếng của công-chúng để mong được công - chúng bầu - cử cho, bèn quyết-nghị nhất - thiết hạn - chế thời-giờ làm việc; không phân - biệt là việc làm khó hay việc làm có nguy-hiểm cho sức khỏe, hay việc làm không hại đến vệ-sinh.

Hội-nghị nào quyết-nghị như thế là phương-hại đến quyền tự-do của người ta, vì trừ khi nào có những lẽ riêng quan-hệ đến sinh-mệnh người làm thì luật-pháp mới có thể hạn-chế được, còn thì người làm công vẫn có quyền tùy sức mình muốn làm bao nhiêu cũng được để mong làm thêm mà kiếm công thêm.

Khi ông những phương-hại cho người làm, mà phương-hại cả cho người dùng, không thể lợi-dụng được hết cái sức chế-tạo của các máy-móc dụng-cụ của mình đã tổn công tổn của mới gây dựng cho thành. Sau nữa lại đi-hại cho cả nước nữa, vì khiến cho nước mình trên trường kinh-tế không thể địch nổi với các nước khác hoặc được người dân cần-cù hơn, hoặc được tạo-vật hậu-đãi hơn, khiến cho cái số giao-dịch buôn-bán của mình và số hối-đổi của tiền-tệ mình cũng phải kém người, thậm-chi đến trong nước thiếu các đồ vật cần-dùng mà phải mua giá đắt vậy.

Nhà làm luật lại nên đặt cách bảo-hiểm chung mà cưỡng-bách các người

dùng thợ phải chịu, điều đó vừa lợi cho người chủ vừa lợi cho người thợ, lợi cho người chủ là sự nguy-hiểm đã phòng-bị từ trước, có xảy ra không đến nỗi hại lắm, lợi cho người thợ là gặp khi tai-nạn bất-kỳ được tiền đền bồi xứng-dáng.

Đến những chế-độ riêng về cách để dành tiền, thì thi-hành có khó hơn.

Nhà nước vẫn phải giúp cho những người làm ăn nhỏ có cách tiện-lợi để mà để dành tiền phòng những khi gặp sự chẳng may, như thua lỗ, không có việc làm, phải tàng-tật, phải già yếu. Nhưng nhà-nước có thể cưỡng-bách người làm công hay người làm thợ tất phải để dành để làm tiền hưu-dưỡng về sau không?

Thiết-tưởng không nên cưỡng-bách như thế. Ví dụ làm cách nào mặc lòng, số tiền cứ ký-hạn nộp vào một nơi để làm tiền hưu-dưỡng về sau, tất phải khấu-trừ vào tiền công, và dù bất người chủ phải chịu nữa, thì người chủ cũng phải biên vào khoản tổng-phi nhân-công, nghĩa là rút lại, cũng phải trừ vào tiền công người làm, thì mới có thể cạnh-tranh với các công-nghệ trong nước ngoài nước được. Đó tức là cách trừ công cưỡng-bách, phạm đến quyền tự-do của cá-nhân, tức là quốc-gia lạm-quyền can-thiệp đến sự sinh-hoạt của tư-nhân vậy. Phần tiền trừ để về sau đó, là cái phần công làm ra mà chưa cần dùng đến ngay, người làm công có quyền tự-do muốn dùng thế nào thì dùng, nhà nước không thể cưỡng-bách người ta phải để dành. Có khi việc của việc nhà cần phải chi-dụng ngay, quốc-gia không có cách nào thương-lượng cho biết được. Lại cũng có khi tiền ấy người ta muốn dùng một cách khác, hoặc để làm một cái vốn mà dựng một cái cơ-nghiệp độc-lập của mình, hoặc để xây cái nhà, hoặc

để lo công kia việc nọ cho con-cái, vãn-vãn. Việc của ai người ấy tự-chủ, tiền của ai người ấy được toàn-quyền chi-dụng. Nếu không biết lo xa tính trước mà mưu-toan những việc không thành, thì sẽ phải cái thân-phận các kẻ cùng-khốn khác, xã-hội vì lòng từ-thiện đã đặt ra các sở dưỡng-bệnh dưỡng-lão để cho những người không thể trồng cây vào dâu được nữa, dù thuộc về hạng nào, dù làm nghề-nghiệp gì mặc lòng.

Vả lại sự cưỡng-bách phải đặt khoản hưu-dưỡng cho thợ-thuyền, đối với người thợ cũng không được tiện, vì thợ-thuyền không giống như quan-lai suốt một đời làm việc cho nhà-nước. Người thợ thường nay làm đây mai làm đó, nay làm việc này mai làm việc nọ, không có nhất-dịnh. Có khi thì làm cho một người chủ, có khi thì làm riêng cho mình; nhiều người cũng không có chủ nào, cứ làm hằng ngày cho những người cần-dùng đến; lại có người thì gặp khi không có việc làm phải đi kiếm việc, nay tính này mai tính nọ, có khi phải đi nước khác kiếm ăn, hoặc tạm-thời, hoặc mãi mãi. Như thế mà bắt họ phải nộp tiền hưu-dưỡng cho đều-đặn, thì phỏng bắt làm sao được, và tự họ có thể mong có ngày được hưởng cái tiền đó không.

Xét về một phương-diện khác thì còn vấn-đề «tự-do hành-dịch» nữa, là cái quyền người ta được tự-do muốn làm lúc nào muốn thôi lúc nào cũng được. Quyền ấy nhà-nước có cái trách-nhiệm cảnh-sát, cũng phải bảo-thủ cho người ta theo mấy cái qui-tắc như sau này.

Người làm công cũng như người chủ dùng có cái quyền muốn thôi làm hay thôi dùng bao giờ cũng được. Thôi như thế có khi trái với khế-trước đã ký, thiệt-hại cho bên nọ hay bên kia, khi ấy thì người bị thiệt-hại có thể đòi bồi-thường, nhưng không thể nào

cưỡng-bách bên kia phải làm hay phải dùng mình được.

Quyền tự-do hành-dịch là do quyền tự do về bản-thân mà ra, cho nên có cái tính-cách riêng về cá-nhân, chứ không bao giờ có cái tính-cách chung về xã-hội. Bởi thế nên khi thợ một số hay một nghề nào bấi-công, trụ-trung có kẻ không muốn bấi-công nữa mà muốn lại đi làm, thì dù là phần số ít nữa, vẫn có quyền tự-do được đi làm, không ai ngăn-trở được. Phần số nhiều dù lấy cái cơ liên-dái-dồng-nghiệp mà định đàn-áp bọn kia, đối với pháp-luật là có lỗi. Quyền tự-do hành-dịch, cũng như quyền tự-do tư-tưởng, có cái tính-cách thần-thánh bất-khả xâm-phạm, hề không phươg-hại gì đến sự lợi-ích chung trong nước, thì quan-quyền có cái nghĩa-vụ phải bảo-thủ quyền ấy cho mọi người vậy.

Thuộc về vấn-đề tư-bản và lao-động, còn có một điều nữa nên xét là cái cách trả công cho người làm nên thế nào, nên coi là kẻ hiệp-tác hay coi là kẻ làm thuê.

Có người không suy-xét kỹ cho là cách hiệp-tác mới là phải, và phạm trong công-cuộc gì mỗi người có một phần việc vào đây tức là giúp cho công-cuộc được phát-đạt, tức là một kẻ hiệp-tác vậy. Như thế thì theo phép các công-ti buôn, phải coi như một người hiệp-cđ, và phải cho họ được tham - dự một phần trong quyền chủ-trương, được tham-hưởng một phần trong khoản lời-lãi. Theo ý những người ấy thì có làm như thế mới là hợp lẽ công-bằng, mới có thể khiến cho chủ với thợ, phái tư-bản với phái lao-động điều - hòa với nhau được.

Thuyết đó vẫn là quăng-đại lắm, và cũng có phần hợp-lý.

Người thợ, dù ti-tiền đến đâu cũng phải coi như một người giúp việc, có quyền được một phần danh-dự, được

một phần lợi-ích trong công-cuộc chung, và việc làm của người thợ không phải như cái máy chạy, cũng đang được tôn-trọng như người chủ vậy; lẽ đó là phải lắm. Vì phạm công-phu của người ta, dù lớn dù nhỏ, đều có cái giá-trị đáng quý cả. Tuy về đường học-thức, về đường tài khéo, về sự ích-lợi, thì công-việc có khác nhau thật; nhưng cái công-phu thì cũng là một vậy.

Tuy-nhiên, nếu cứ suy ở lẽ đó muốn cho người thợ cũng giống như người hiệp-cđ trong các công-ti buôn, thì về đường pháp-luật có điều không hợp, và về đường thực-tế cũng có điều ngăn-trở, nên bày tỏ các lẽ để trước là nhà làm luật muốn thi-hành cái ý-tưởng đó khỏi phải sai lầm, hai là kẻ dương-sự biết thế nào là công-bằng có thể thi-hành được.

Người thợ muốn yêu - cầu cho được cái tư - cách như một người hiệp-cđ trong công-ti buôn, thì có hai điều khuyết - điểm như sau này. Điều thứ nhất là người hiệp-cđ trong công-ti buôn là đem công-dem của giúp vào để thành-lập ra công-ti, mà là giúp vào lâu dài mãi-mãi cho đến hết kỳ-hạn công-ti. Nay người thợ không thể đem công-minh để vào vĩnh-viễn như thế được, vì bó-buộc mình như thế, không khác gì như người làm việc khổ-sai vậy. Vậy thì người thợ có quyền muốn thời-làm-lúc nào cũng được, tức là muốn rút phần mình trong công-ti ra lúc nào cũng được, như thế là trái với cái nghĩa lập-hội kết-xã. -- Điều thứ nhì là phạm người hiệp-cđ trong một công-ti nào đều có trách-nhiệm trong công-ti ấy, trách-nhiệm ít ra cũng phải ngang bằng cái phần hùn của mình. Trách-nhiệm ấy, thì người thợ không thể nào kham được. Người thợ chỉ trông vào tiền công để mà ăn, như thế thì không thể chịu được cái nguy-niêm có ngày mất cả công-làm, cũng không thể nuôi được cái hi-vọng có

ngày được ăn lời to, hi-vọng ấy vẫn là xa-xôi lắm mà không chắc bằng gì. Tình-trạng như thế, thì tất phải định một cái giá làm khoán với chủ, giá ấy là tính cái giá các nguyên-liệu chưa thành-khi với cái giá bán các đồ-vật đã chế-tạo ra, cho biết cái công mình đáng là bao nhiêu, lại công ấy trong tổng-số các kinh-phí là bao nhiêu.

Như thế thì người thợ cũng là người giúp việc cho người chủ, nhưng là người giúp việc không có trách-nhiệm gì và trả công theo một cái giá khoán, được yên-đón không phải lo gì đến sự thua thiệt, đối với công-cuộc chung không thể coi như người hiệp-cổ được, mà phải coi như một người ngoài, tùy cái công chế-tạo ra được mà được trả tiền lại tương-dương vậy.

Ấy chính theo cái thuyết đó mà người thợ hay người làm công không có trách-nhiệm gì về tài-chính, về tinh-thần hay về hình-pháp như các người hiệp-cổ khác. Vì đó nên dầu việc thua thiệt, hại cho người chủ dùng, cho các cổ-dòng, mà tiền công của thợ cũng không thể trừ được.

Xem như thế thì tư-cách người thợ với tư-cách người hiệp-cổ công-ti buôn, về pháp-luật không có gì giống nhau cả.

Nhưng hoặc-giả nói : nhà làm luật làm ra pháp-luật được, có lẽ nó lại không tìm được một cách điều-hòa cả các phương-diện, khiến cho người thợ vừa làm thợ được tiền công dễ chi-dụng ngay, lại vừa được có phần vào công-ti như tư-cách người hiệp-cổ, cho vui lòng hờ dạ hết sức giúp vào cho việc được phát-đạt, sau này có lời-lãi cũng được hưởng một phần.

Vấn-đề này rất là khó-khả phiến-phức, nhưng không phải là không thể giải-quyết được. Nhà làm luật, người làm chủ, người làm thợ, vẫn hết sức tìm xem có cách nào điều-hòa được không, nhưng xem ra chưa tìm được cách nào

đơn-thỏa cả. Nay ta thử cố xét xem có bày tỏ được lẽ nào mới lạ không.

Điều thứ nhất nên chú-ý, là nhà làm luật đây không thể đặt ra luật-pháp gì cưỡng-bách được. Chỉ nên tìm cách làm sao để giúp cho hai bên chủ và thợ có thể điều-dinh với nhau cho thích-hợp với luật-pháp hiện-hành.

Nhà-nước không nên nhất-thiết can-thiệp vào, là phải để cho hai bên được tự-do tùy-ý lập ước với nhau; vả lại trong trường công-thương ngày nay, công việc phiến-phức vô-cùng, luật-pháp không thể nào dự-liệu được hết các trường-hợp xảy ra.

Như có việc chỉ đủ tiền kinh-phí, không bao giờ có lời-lãi được. Lại có việc cũng có lời, nhưng mà ít lắm, trừ tiền công người làm và các tổng-phí đi rồi, không đủ chia lãi cho các cổ-dòng để chịu đặt vốn cho được lâu dài. — Lại có việc thì phải kinh-doanh lâu năm và phí-tồn nhiều lắm mới đến thời-kỳ sinh-sản, rồi lại phải một thời-hạn lâu dài để tiêu dần các khoản kinh-phí kiến-thiết lúc đầu, rồi mới có thể chia lời-lãi được, lắm khi trung-gian thiếu vốn không thể đứng vững được đến phải dở mất.

Lại cũng có việc thì khi thua khi được tùy cơ-hội may rủi, tùy người chủ-trương khéo vụng, lại tùy cả những sự xảy ra trên trường kinh-tế nữa.

Như vậy thì có nhiều trường-hợp người chủ không thể thêm cho thợ một phần lãi ngoài tiền công được, hoặc có thể cho được thì cũng không thể đều-đặn được, hay hoặc có lãi mà kỳ-hạn xa-xôi quá, bọn thợ có công lúc đầu đến lúc được hưởng lợi không còn nữa. Nay muốn cho cái quyền được tham-hưởng phần lợi thành như một cách hiệp-cổ hân-hoi, thì người thợ lúc ký ước làm công, cần phải có thể ước-lượng cho biết được sau này được lĩnh thêm ra là bao nhiêu nữa;

lại nếu có lời, thì đã có công vào đấy, cần phải được hưởng trong một kỳ-hạn ngắn-ngắn mà thôi, chứ không thể đợi lâu lắm được, hay là để dành cho lớp sau được.

Những khi như thế thì không thể nói đến cái quyền tham-hưởng phần lợi được, cho nên theo lệ thường thì đặt ra tiền thưởng để thay vào cái quyền hưởng lợi xa-xôi đó, hoặc thưởng vì làm nhiều chịu khổ, hoặc thưởng vì có tài hay là đã thâm-niên.

Vậy muốn cho người làm công được quyền tham-hưởng phần lợi một cách chắc-chắn, thì công việc phải đã đến thời kỳ nhất-dịnh rồi và lò-lãi được đem-dẫn, thì mới có thể thi-hành được, mà các công-nghệ ngày nay được như thế thật là ít lắm.

Nhưng gặp khi được như thế, thì cách hiệp-tác nên tổ-chức thế nào ?

Các nhà làm luật thường khuyên nên đãi người làm công cũng như người hiệp-cổ thật, mà cho tham-dự một phần vào quyền chủ-trương và tham-hưởng một phần vào khoản lò-lãi.

Nhưng mà lời khuyên đó, tuy cũng có một vài nơi thử theo, mà không đâu thi-hành được lâu, về phần các chủ không ưa, mà về phần người thợ cũng không dâm, là bởi các lẽ như sau này.

Cho dầu người thợ cũng có một phần tư-cách như nhà kỹ-sư, nhà công-nghệ hay nhà thương-nghiệp để mà quản-lý các công-cuộc lớn, dầu thế cũng không thể giao cho quyền chủ-trương được, vì thực không có quan-hệ gì đến quyền chủ-trương ấy cả. Vốn không phải mình xuất ra, thì đối với cái vốn ấy không có quyền gì, quyền phải ở người có của vậy. Vốn ấy nảy-nở ra hay là thua-thiệt đi, đối với người thợ không có quan-hệ gì, người thợ làm lúc nào chỉ biết một lúc ấy mà thôi, vì có thể pay làm mai thôi cũng được, cho nên làm được đồng nào muốn hưởng ngay tức-thì, không

chịu bỏ ra để đập vào tiền kinh-phí sáng-lập, hay là dành lại để trữ sẵn về sau này. Người thợ đã vô trách-nhiệm như thế, thì không có lo gì đến sự lâu dài, thích những cách đầu-cơ may rủi, vì may ra mà được thì ăn lời to, và rồi mà thua, hại đến công-cuộc, thì có oán-gánh đi, lỗ nhà ấy sang làm cho nhà khác cũng được. Và nhà sau đó biết rằng người thợ khi làm với nhà trước đã có được tham-dự quyền chủ-trương, biết được những sự bí-mật đem về bảo được, tất là hậu-dãi và cho lương cao.

Như vậy thì đem những người không có lợi hại gì với một công-cuộc nào mà để cho tham-dự vào quyền chủ-trương công-cuộc đó, thì thật là một điều vô-nghĩa vậy. Tất phải tìm một cách khác.

Cho tham-dự quyền chủ-trương đã không được, thì có cách cho tham-hưởng một phần lợi, cứ lý cũng là chách-đồng và cứ thực cũng nên thi-hành. Nay phải xét nên thi-hành thế nào.

Sự tham-hưởng vào lò-lãi có hai cách: một là cách hai bên giao-kèo, hai là cách tự chủ bán-cấp. Cách thứ nhất thì chủ chia lợi cho thợ bao nhiêu phần, có sổ-sách phân-minh và phải trình bày cho biết. Cách thứ nhì thì số tiền lời chia cho, khác nào như một món tiền thưởng, tùy người chủ muốn ban cấp cho bao nhiêu được bấy nhiêu, chứ người thợ không có quyền được xem sổ-sách gì cả.

Kể sở buôn bán hay sở công-nghệ là thuộc về một người chủ, hay là mấy người hiệp-cổ với nhau, mà đứng tên chung, thời thường dùng cái cách bán-cấp, và thợ được tham-dự vào phần lợi là do người chủ tự định theo số lãi của mình ít nhiều thế nào tùy ý; chứ không thấy bao giờ có ký giao-kèo với thợ để cho thợ cái quyền được tham-dự vào lò-lãi vậy. Vì nếu cho cái

quyền như thế, thì sổ-sách trong nhà mình phải đem trình cho người làm biết, người làm có quyền được kiểm-điểm từng khoản và có quyền được dị-nghị, được bài-bác. Thành ra công việc, vốn-liếng, nợ-nần, cùng những sự bí-mật trong nhà mình, thợ-thuyền cùng người làm biết hết cả, có kẻ manh-tám hay kẻ bép-sếp đem tiết-lộ ra ngoài, thì phỏng có hại không?

Bởi các lẽ như thế nên những chủ công-nghệ hay chủ nhà buôn vào hạng như trên đó, không thể bắt người ta dùng cái lối ký ước với thợ hay người làm để cho tham-dự vào phần lợi được. Bất họ như thế, thì họ đành bỏ nghề chứ không chịu được. Vậy chỉ có thể khuyên họ nên thành-thực mà thi-hành cái cách ban-cấp như trên kia đã nói, nghĩa là lấy một phần lợi mà ban thưởng cho người làm công vậy.

Đến các công-ti lập bằng cổ-phần thì có khác, công-ti này, nhất là những công-ti vô-danh, không phải là hội người mà là hội vốn; người cổ-phần khi công-ti thua lỗ, không phải đem cả gia-sản của mình mà chịu trách-nhiệm vào đấy; lại những sổ-sách cùng biểu thống-kế hằng năm đem ra đại-hội-đồng xét, là những giấy-bản chung cả, không có cái tính-cách bí-mật gì.

Như thế thì trong thể-lệ công-ti có thể định cho người làm công được tham-dự phần lãi, cách đó tức là cách có giao-ước hai bên, làm như thế cũng không có ngăn-trở gì, nhưng cốt phải hai điều như sau này:

1^o Chính-phủ không nên can thiệp vào việc giao-ước của hai bên và không nên bắt buộc điều gì cả.

2^o Quyền tham-dự phần lợi là chỉ được hưởng một phần vào khoản lời-lãi mà thôi, tức trong các công-ti buôn gọi là «phần sáng-lập», chứ không được quyền gì khác nữa. Nghĩa là không có quyền gì về cái vốn của công-ti, về sự chủ-trương trong công-ti.

không có quyền quyết-ngị ở đại-hội-đồng các nhà cổ-phần. Chỉ có quyền hễ công-ti có lãi thì được hưởng một phần lãi và được xét xem cách chia lãi có được công-bằng hay không, thế mà thôi.

Xem như thế thì biết rằng có nhiều cách trực-tiếp gián-tiếp cho người làm công được tham-dự phần lợi trong các cuộc công-thương đời nay; nên ước-ao rằng những cách ấy được càng ngày càng thông-dụng thật là vừa ích-lợi cho cả bên lao-động và cả bên tư-bản vậy.

Mấy lời khuyên cho các nhà lao-động.
— Các nhà lao-động, hoặc người làm công, hoặc người làm thợ, thường không hiểu rõ sự quan-hệ tư-bản với lao-động, người chủ với người làm thế nào, hoặc vì không đủ học-thức mà hiểu được, hoặc vì bị bọn chính-khách vận-động mà hiểu sai hiểu lầm. Vậy nên khi kết-luận về mục này muốn bày tỏ mấy lẽ để khuyên các nhà lao-động như sau này.

A. — Nhà lao-động thường có cái bụng thiên không ưa nhà tư-bản, như thế là lầm. Không có tư-bản thì những công-trình sự-nghiệp lớn đời nay không thể nào gây dựng lên được, thợ-thuyền lấy công việc đâu mà làm. Đã nghiệm ra mỗi khi thấy có kẻ phản-đối nhà tư-bản, thì nhà tư-bản thấy chừng tay ngay, không muốn cấp vốn cho các công-nghệ nữa, công-nghệ nhân đó thấy thoái-bộ ngay.

Trong những người có cổ-phần ở các công-ti lớn, phần nhiều là những người gia-tư bình-thường, dễ dành được ít nhiều tiền mua cổ-phần, vì mỗi khi công-ti gọi cổ-phần là gọi khắp cả mọi người, kẻ lao-động có tiền dễ dành mua ít nhiều vé cũng được, không phải riêng gì nhà tư-bản. Như thế thì có chi bài-bác những người có cổ-phần ở các công-ti.

Tư-bản xuất ra làm việc công-nghệ, cũng là nguy-hiểm lắm, chứ không phải không. Có khi không sinh-sản được đồng nào, lại có khi mất cả vốn nữa.

Như vậy thì khi việc thành - công, người xuất vốn có được hưởng lợi nhiều hơn là tiền cho vay lãi, cũng là phải chứ không quá - đáng gì. Nếu không có cái hi-vọng như thế, thì ai là người có của còn muốn đem dùng về việc công-nghệ làm gì nữa.

B. — Nhà lao-động thường có cái khuyên - hướng cho là chỉ có mình mới là người làm việc, chỉ có mình mới là tay sinh-sản ra đồ vật.

Nhưng mà trong một cuộc công-nghệ, việc là việc chung cả không phải riêng một hạng lao-động. Người chủ-trương phải dùng trí dùng óc để mà tổ-chức cho thành công-cuộc; nhà kỹ-sư thì phải dụng hết cái tài cái học của mình để xếp đặt công việc, chỉ bảo cách làm; còn những người đốc-suất, người làm thợ hay người làm công thì là thi-hành những lời chỉ bảo của nhà kỹ-sư. Đó là về phần người; đến vốn đặt vào trong công-cuộc đó cũng có công như người.

Tiền vốn đó chẳng qua là cái công danh - diu mà tích - lũy lại. Đem ra vận-dụng luôn thì biến thành ra máy-móc, ra vật-liệu, ra hàng-hóa các thứ. Người keo-cứu nhin ăn nhin mặc, dành tiền để một chỗ, thì đáng khinh thật, chứ còn người đem vốn ra mà dùng về công nọ việc kia, để chế-tạo ra đồ-vật có ích-lợi cho người đời, thì là đáng khen lắm chứ không đáng chê vậy.

C. — Ở các xã-hội đời nay, không có giai-cấp đẳng-hạng gì cả, ai cũng là dân trong nước, ai cũng có quyền tự-do muốn làm nghề-nghiệp gì tùy ý. Cùng là người dân cả, không ai có quyền được đứng trên ai. Nghề-nghiệp gì cũng là mở rộng cho mọi người. Ai chịu khó, ai xứng-đang thì được phần thành-công, được phần danh-dự. Kể nào bảo rằng người lao-động là một hạng kém hèn trong xã - hội, thì là khinh-miệt người lao-động. Chẳng qua mục-dịch của họ là xui giục kẻ lao-

động đem lòng ghen-ghét các hạng người khác trong xã-hội, để gây ra sự đả-đấp-chiến-tranh, cho họ lợi-dụng mà phỉ cái lòng danh-lợi của họ.

Có kẻ lao-động quá nghe những người ấy, không biết rằng mình cũng là một phần trong xã-hội, nếu công-kích mà làm cho dao-động cái xã hội ấy, thì tức là làm hại cho mình vậy.

D. — Những người làm công làm thợ gần đây có lập ra các liên-hội liên-đoàn, để giữ quyền-lợi cho mình và để tìm cách mở-mang tăng-tiến cho bọn lao-động; các đoàn các hội ấy đã có tiền-tài và có thế-lực to.

Kẻ lao-động họp nhau lại như thế là phải lắm, nhưng mà các đoàn các hội đó đáng lẽ mục-dịch chỉ là ở sự bảo-hộ quyền-lợi, tương-tế tương-trợ lẫn cho nhau mà thôi, vậy mà kẻ lao-động để cho bọn chính-khách đem chính-trị can-thiệp vào, thế là không nên.

Những đoàn những hội ấy, người chủ-trương đáng phải là những tay kỹ-sư, tay chuyên-môn, thông-thuộc các công việc, làm-thời có thể ra điều-dinh đặc-lực; thế mà thường thường lại phó-thác cho những người có cái dã-lâm về chính - trị, thực không thiết gì đến quyền-lợi của bọn lao-động, chỉ chực xui-giục kẻ làm ăn cho nay đình-công, mai phải bỏ, vừa hại cho công-quĩ các hội, vừa hại cho kẻ sinh-nhai của bọn lao-động, vừa hại cho cả cuộc công-thương trong nước.

Kẻ lao-động nếu đã hiểu lầm như thế thì nên sớm tỉnh-ngộ, không nên dùng tiền công của các liên-đoàn liên-hội để vận-dụng những sự hảo-huần, nên gom-góp lại mà làm những việc có ích, như đặt hội mua buôn các đồ thực-vật được giá rẻ để lại bán lại giá rẻ cho người trong hội, v.v..

Nếu cứ theo một đường thực ích thực lợi như thế, thì kẻ lao-động sẽ thấy lợi-liền-quả ngay.

THƯ GỬI CHO BẠN

Nguyễn-huynh.

Nay xin giữ lời hứa bàn với ngô-huynh về vấn-đề cá-nhân giáo-dục.

Cá-nhân giáo-dục là việc riêng của từng người, tùy tính-tình tư-cách mỗi người mà khác, nhưng cũng có một vài cái qui-tắc chung gồm cho cả mọi người được.

Qui-tắc thứ nhất là phải có hoài-bão một cái lý-tưởng gì, nghĩa là ngoài sự âm-thực nam-nữ là cái đời con vật, phải có ước-ao, mong-mỏi, chờ-đợi, khát-khao một cái gì cho xứng-dáng cái đời « con người », là giống thông-minh trong trời đất. Lý-tưởng là cái gì tự lý-tính tưởng-tượng ra, chưa có thực, mà muốn gia công gắng sức để thực-hành cho được. Cái ấy bao giờ cũng là cao-siêu hơn sự thực hiện-nhiên, và trong tâm trong trí đã thừa-nhận cho là rất hay, rất phải, rất đẹp, rất nên, có đạt tới mới mãn-nguyện, còn cách xa bao nhiêu thời còn như khắc-khoé, không yên bấy nhiêu vậy. Người ta ai cũng có mang một cái lý-tưởng ở trong lòng, vì ai cũng chưa cho cái tích-cảch, cái hành-phận của mình ở đời là xứng-dáng, ai cũng còn muốn được cao hơn, hơn vậy. Dầu các cô hiền triết nguyên người ta nên « an-phận », cũng không phải là ngăn người ta không nên « lý-tưởng » cao-xa, vì hai chữ « an-phận » đó chính cũng là một cái lý-tưởng, mà là một cái lý-tưởng cao-siêu biết bao nhiêu ! An-phận không phải là cam-tâm mà yên cái thân-phận kẻ hèn đâu : đó là cái tâm-lý kẻ nô-lệ không phải cái tâm-lý nhà hiền-triết. An-phận là đem con mắt triết-lý mà xét việc đời, cho những sự xảy ra là chuyện thăng-lai cả, dù được dù thua, dù vinh dù nhục cũng không đủ quăn-tay, cho nên ở đời gặp sao hay vậy, chẳng nhọc

nhân theo đuổi làm chí, chẳng tham-lam cầu-cạnh làm gì, đối với những sự phú-quí vinh-hoa, coi như đám phù-vân qua lại, chỉ cốt di-duỡng lấy tinh-tinh cho cao-thượng, cho « cái thân ngoại-vật là tiền trên đời » vậy. An-phận như thế, tức là khắc-kỷ, tức là nhẫn-nại, phải có cái nghị-lực phi-thường mới chịu được, không phải là kẻ dung-tục có thể kham nổi. Tuy vẫn là một chủ-nghĩa « tiêu-cực », có lẽ không thích-hợp với cái đời hoạt-dộng này, nhưng cũng là một cách làm người cao-thượng, phải có công-phu lắm mới nên được.

Nói tóm lại thì làm người ai cũng có nuôi một cái lý-tưởng ở trong lòng, dầu có cao thấp khác nhau mà thôi. Lý-tưởng tức như cái hình-ảnh đời người tưởng-tượng ra trong tâm trong óc thế nào là rất tốt rất đẹp. Người này thì tưởng-tượng ra cái hình-ảnh ông quan, lên xe xuống ngựa, kẻ đón người đưa ; người kia thì tưởng-tượng ra cái hình-ảnh nhà giàu, tiền muôn bạc triệu, lờ-lã vô-ngân. Lại có người thì tưởng-tượng ra cái hình-ảnh kẻ tài-tử giai-nhân, thú vui trong cuộc ái-tình, đắm-thắm trên trường diễm-lệ. Lại có kẻ thì tưởng-tượng ra cái hình-ảnh bậc yếu-nhân chính-trị, trong tay cầm vận-mệnh cả một nước, lời nói đủ chuyên-dộng mấy muôn người. Nhưng cũng có người thì cái hình-ảnh tưởng-tượng đó là hình-ảnh ông bà ông hàn, thầy lý thầy chánh, ông thông ông phán, quan đốc quan tham, chiếm được cái địa-vị nho-nhỏ trong xã-hội, giữ được cái quyền-chức nho nhỏ trong quốc-gia, cũng đủ vẻ-vang với làng xóm, cũng đủ danh-giá với đồng-bào. Thiên-hạ người ta do người bằng cái thước chung của thế-giới, chúng ta chỉ biết đo người bằng cái thước ngắn-nguội của một cái xã-hội hẹp-hòi,

nông-nàn những cái khí cạnh-tranh nhỏ-nhen, bần-tiện, vô-ích, hão-huyền. Tỉ như ở các nước thì làm cái thân kẻ hạ-lại, mỗi ngày hai buổi đến một sở công sở tư nào ngồi mà biên sổ viết giấy. ngày nào cũng như ngày nào, cứ thế cho đến ba mươi, bốn mươi năm, mắt già chân chậm, rồi về nhà lĩnh một món hưu-dưỡng để đợi đến ngày xuống lỗ, các nước người ta cho cái thân-phận ấy là thân-phận khốn-nạn, cùng bất-dắc-dĩ mới phải kham; thế mà ở nước mình thời thế đã là một cái địa-vị sang-trọng trong xã-hội rồi, nhiều người cũng chỉ ước-ao cầu-vọng có đến thế mà thôi. May mà lại có được một chút quyền nho-nhỏ trong tay, được kể nợ người kia phải hỏi-hạn chờ-đợi, thời nghiêm-nhiên là một ông quan nhỏ rồi, tưởng như sự lợi-hại quốc-gia là quan-hệ ở thân mình, về-vang biết bao nhiêu! Nếu cái quyền hay cái chức côn-con ấy lại có thể lợi-dụng mà làm ra tiền bạc được, — mà đối với một dân khờ-dại như dân mình thì cái đó dễ lắm, — thời sung-sướng biết dường nào! Danh có, lợi có, cái thân anh lại, ngọn bút cài tai, cũng là cái thân phú-quí ở đời, chờ sao! . . . Ấy đó cũng là một cái « lý-tưởng » hoài-bảo của nhiều người, mà lý-tưởng ấy ở nước ta lại là thịnh-hành lắm vậy.

Xem như thế thì cái lý-tưởng hoài-bảo của người ta thường thuộc về hoàn-cảnh xã-hội, trình-độ quốc-dân một phần nhiều. Nay hoàn-cảnh xã-hội không được tốt, trình-độ quốc-dân hãy còn kém, cho nên cái lý-tưởng hoài-bảo của nhiều người còn thấp hẹp lắm. Nhưng đời này là đời khai-thông, ta cũng phải tập quen lấy cái thước chung của thế-giới mà đo người, đừng dùng cái thước ngắn-ngủi của cái xã-hội hẹp-hòi này nữa. Điều đó là điều cốt-yếu, có thế thì cái lý-tưởng ta hạn-định cho cuộc đời ta mới có thể nở-nang rộng-rãi ra được. Ta phải biết khinh-thường

những cái danh-hiệu hão ông nọ ông kia, những cái địa-vị phẩm quan này, quan khác, xét người không lấy cái danh tiếng hư-huyền của một bọn hiểu-danh ngu-xuẩn tặng lẫn cho nhau, mà nên xét ở cái chân-giá-trị của người ta, nên tự hỏi rằng: « Người này học-thức thế, tài-năng thế, nhân-phẩm thế, hành-sự thế, giá ở vào xã-hội người Tây hay người Tàu, người Anh hay người Nhật, thì đáng cái địa-vị như thế nào? » Nếu đem ra so-sánh với khách thế-giới mà thấy xứng-dáng, có thể đối-dịch với người ngoài mà không hổ thẹn cho nói giống, thời người ấy đầu là bạch-dính ở trong làng, cũng đáng kính-trọng như ông thượng-thư, ông tề-tướng vậy. Nếu trái lại, ở trong xã-hội mình vẫn có địa-vị cao-quí, ăn trên ngồi chốc người ta, mà đem ra so-sánh với người thiên-hạ, như ngọng như dui, ù-li không biết gì cả, thì dầu thượng-thư tề-tướng cũng chẳng nên coi ra gì. Đời này không phải là đời « lorde » nhau bằng những danh-hiệu hão-liền nữa; đời này là đời thực-tài, thực-lực, thực-hiệu, thực-công, cái giá-trị người ta không giả-đổi được nữa.

Tự thiế-tướng điều cốt-yếu trong phép cá-nhân giáo-dục, là phải đòi cái tỉ-lệ xét người, ở cái tỉ-lệ nhỏ-nhen của ta từ trước đến nay mà theo cái tỉ-lệ chung của thế-giới. Người mình xưa nay cứ một bọn hủ ngồi trong nhà đóng cửa, không biết gì đến vũ-trụ ở ngoài, rồi tác-thánh tác-thần với nhau tự-cao tự-dại một mình, cho là rộng thiên hết cả, biết đâu còn kém người ta nhiều, sánh với thiên-hạ chỉ bằng cái tôm cái tép. Cái tư-tưởng ngu-muội đó đã hại cho mình nhiều lắm, ta phải nhất-quyết phá hẳn đi.

Chớ nên cái qui-tắc thứ nhất của phép cá-nhân giáo-dục là phải định cái lý-tưởng hoài-bảo thế nào cho đích-dáng.

Đến thư sau tôi sẽ xin bàn nốt.

H. B.

MỘT BẢN DỊCH

"CHINH-PHỤ-NGÂM" mới

Tựa

Chinh-phụ-ngâm chữ của cụ Đặng Trần-Cồn Nhân-mục soạn ra, là hết tình-cảnh người khuê-phụ khi tiễn chồng đi việc nước, khi mong đợi chồng, cho đến khi chồng về, đều là lời-lẽ thâm-dĩm mà thanh-thoát, trong đủ có điệu thơ tam tứ ngũ lục thất bát cửu ngôn, so với khúc Kê-minh của Lý Tả-Xa đời Hán, làm tán-quân nước Sở, và bài Chử-cầm của Tô-Huệ, vợ Tần Đậu Tháo dâng vua, đều là văn-chương tuyệt-tác. Xưa bà Đoàn Thị-Điền Văn-giang và các nhà văn-sĩ cũng đã ganh nhau diễn ca, kể có hai ba thề, lời-lẽ cũng đã hay lắm, nhưng chỉ diễn theo điệu ca ngâm, chứ không theo điệu thơ, thì cũng nhiều câu gò bó, mất thể tự-nhiên và tối cả ý-nghĩa của tác-giả. Vậy nay Hoàng-son tôi đem Chinh-phụ-ngâm chữ diễn lại, theo như điệu tam tứ ngũ lục thất bát cửu ngôn thơ, cả thề bốn mươi bảy vắn. Đó là muốn bảo-tồn điệu thơ tự-nhiên của cổ-nhân, vừa là có ý lại hợp với điệu tuồng giọng nam giọng bắc, để giúp cho bạn tuổi trẻ có theo việc nước thì xem đó mà xiết tình cho kẻ khuê-phụ, và kẻ khuê-phụ cũng xem đó mà trọn nghĩa với kẻ chinh-phụ. Vậy thì văn-chương lại là bức gương kim-cổ cho trai tài gái sắc trong xã-hội đời cạnh-tranh nữa chăng ?

Dịch - giả tự

天地風塵。紅顏多屯。悠悠。皮蒼。分誰
造因。鼓聲聲動長城。月。烽火影照甘
泉雲。九重按劍起當席。平吞飛渡傳
將軍。情平三百年天下。從此。家屬
武臣。(1)

Trời đất gió bụi; má hồng đa
Giảng-giặc tề trời xanh hẹ ai gây nổi !
Trăng mặt Trăng - thành vang trống
chiêng; mây chốn Cam-tuyền m lửa
khói. Đấng vua trước chiếu đi trao
gươm; truyền tướng nửa đêm bay
hịch gọi. Non nước thanh-bình b rầu
năm; rầy áo nhung trao tay mau giỏi.

使星天門催曉發。行人重法輕離別。
弓箭今在腰。妻孥分別扶。獵獵。旌旗
出塞愁。喧喧。鼓辭家怨。有怨
誰。有怨兮哭調。

Sứ trời sớm vội giục ra đi; phép
nặng người coi nhẹ biệt-li. Cung tên
gồng-gập; vợ con dề-huê. Sầu vẫy
ngọn cờ ra cửa ải; oán lừng tiếng
trống biệt non quê. Oán dàng chia rẽ;
sầu nổi hẹn thề

良人二十吾門豪。投筆硯兮事弓刀。
直把連城獻明聖。願將尺劍斬天驕。
夫丈千里志馬革。泰山一擲輕鴻毛。
便辭闔關從征戰。西風鳴鞭出渭橋。

Chàng hai mươi lễ dõ anh-hào; xếp
nghiên gác bút quảy cung-đao. Tàu
vua quyết kéo thành liền lại; giặc trời
phó một thước gươm trao. Làm trai
nghìn dặm bọc da ngựa; quẳng văng
non Thái nhẹ hồng-mao. Vợ giã buồn

1) Chữ nao đọc theo lối quốc-nhân, đầu từ tay trái sang tay phải.

khua ra đánh dẹp; thét roi ruổi gió
dịp cầu cao.

渭橋頭 清水溝。清水邊 清草途。送君
處 分心悠悠。君登途 兮 妾恨不如駒。
君臨流 兮 妾恨不如舟。清清水 不
洗妾心愁。青青芳草 不忘妾心憂。語
復語 兮 執君手。步一步 兮 攀君裾。

Ngoài đầu cầu nước trong veo;
dường bên cầu cỏ biếc rêu. Đưa chàng
giăng-giấc lòng mến yêu: chàng lên dậm
đàng trèo, thiếp giận không là ngựa
ruổi theo; chàng tới khúc sông oeo,
thiếp giận không là thuyền đua chèo.
Nao-nao dòng nước khôn rửa mỗi sầu
khêu; xanh xanh áng cỏ khôn khuây
nỗi hắt-hiu. Nói rồi lại nói cầm tay giắt,
bước đi một bước vin áo diu.

妾心隨君似明月。君心萬里天山箭。
擲盃杯 兮 舞龍泉。橫征 樂 兮 指虎穴。
云從介子 獵樓蘭。笑向盤溪 談 馬援。
君披裝服 紅 如霞。君騎驍馬 白 如雪。

Lòng thiếp theo chàng trăng lũng-
dững; lòng chàng muốn dậm như tên
thăng. Ném chén rượu biệt mùa con
gươm; hàng hăm chỉ ngang ngọn giáo
dựng. Bắn bắt Lâu-lan phá Man-khê;
Giới-tử Phục-ba ai sánh dặng. Chàng
mặc áo gấm pha mây hồng, chàng
cưỡi ngựa hồ in tuyết trắng.

驍馬兮鑿鈴。鉦鼓兮人行。須臾中兮
對面。頃刻裡兮分程。

Ngựa ruổi như bay; vòng nhạc như
đầy. Tiếng chiêng tiếng trống; hàng
quân chen bày. Phút chốc bỗng họp
mặt; phút chốc bỗng chia tay.

分程兮河梁。徘徊兮路旁。路旁一
望旆央央。前軍北細柳。後騎西長楊。騎
軍相擁君臨塞。楊柳那知妾斷腸。去
去落梅聲漸遠。行行征旆色何忙。

Chia tay ngại-ngùng; cầu bắc qua
sông. Bên dàng lũng-dững; trông ngait

ngọn cờ hồng. Trước ngoài dinh Liễu
hàng quân kéo; sau nẻo Trường-dương
vó ngựa giông. Quân ngựa xốc chàng
lên cửa ải; liễu dương chẳng biết thiếp
đau lòng. Tiếng dịch xa xa còn lũng-
vông; bóng cờ phoi-phoi hầy xa trông.
望雲去兮郎別妾。望山歸兮妾思郎。
郎去程兮濛雨外。妾歸處兮昨夜房。
歸去兩回顧。雪青與山蒼。郎頭妾兮
咸陽。妾頭郎兮瀟湘。瀟湘烟阻咸陽
樹。咸陽樹隔瀟湘江。相顧不相見。青
青陌上桑。陌上桑陌上桑。妾意君心
誰短長。

Trông nẻo mây đi chàng già thiếp,
trông dãy núi về thiếp nhớ chàng.
Chàng đi khuất nẻo ngoài mưa tuyết,
thiếp về chốn cũ chực buồn nhang. Kể
di người về đều ngảnh lại, núi biết mây
xanh mấy dậm trang. Chàng trông thiếp
chốn Hàm - dương, thiếp trông chàng
bến Tiêu-trương. Bến Tiêu-trương mây
lồng cây bệc; chốn Hàm-dương cây
phủ mây vằng. Cùng trông cùng chẳng
thấy, xanh, xanh đầu mây hàng. Đầu
mây ằng, đầu cây hàng; thiếp với
chàng sầu ngầy tể gang.

自從後 沙隨 明月知君何處宿。
方來 戰場。萬里無人屋。風緊緊打
得人 無。水深深怕得馬蹄縮。丈夫
枕鼓 龍沙。戰士抱鞍眠虎陸。今朝
漢下 登城。明日胡窺青海曲。青
青山 復低。青山前青溪斷復橫。青
山上 雲濛頭。青溪下水沒腹。可憐多
少 鐵衣人。思歸當此愁顏蹙。

Từ ừ chàng đi nơi gió bụi, nào biết
đêm trông đầu nghĩ gối. Xưa nay cõi
chiến- trường, muôn dặm nhà ai ở gần-
gũi. Hắt-hiu hơi gió lạnh, đánh giặc
mặt người sầu; thăm-thăm dòng nước
sâu, bu ực chồn chân ngựa mỏi. Kia
người ối trông năm cồn sa; nọ kẻ
ôm yếm ối đồng trời. Nay quân Hán
xuống ạo anh Bạch-dăng, mai rợ Hồ

dòm khúc Thanh-hải. Khúc Thanh-hải non xanh nổi thấp cao; dãy non xanh dòng biếc chen đứt nối. Trên non xanh, tuyết chùm đầu; dưới bóng biếc, nước ngập gối. Luống thương áo sắt mấy trăm người; đường về ngao-ngán mặt sầu tủi.

錦帳君王知也無。艱難誰爲畫征夫。
料想良人經歷處。蕭關角溜洶洶。霜
村雨店。虎落蛇區。風餐露宿。雪脛冰
鬣。登高望雲色。安得不生愁。

Vua tiên trưởng gấm biết chẳng biết; tình kẻ chinh-phụ ai vẽ xiết. Liệu tướng chàng đi trải mọi nơi, góc ải buồn, miền bề rết. Điểm mặt làng mưa; rần kẻ beo thét. Ăn gió năm mưa; râu bả ng dòi tuyết. Lên cao trông tấc mây; lòng nào không thâm-thiết.

自從別後東南微。東南知君戰何道。
古來征戰人。性命輕如草。刀下溫
溫挾竈主恩深。時刻中懸。餐橫戈壯
夫天。新山舊塚月茫茫。流水新墳風
鼻鼻。風鼻鼻空吹死士魂。月茫茫曾
照征夫貌。征夫貌說丹青死士魂誰
哀吊。可憐爭鬪舊山川。行矣。此情
多少。

Từ đó chàng sang cõi đông-tam; nào biết nẻo nào trận đánh cớ. Xưa nay kẻ chinh-nhân; tình mệnh coi như rác. Lạnh-lùng dưới mũi nhọn, vì ơn nặng nhẹ như cấp áo bông; đây phút khắc đồng hồ, coi chết dễ dễ như ngang ngọn mác. Mồ cũ ở sơn-tràng mờ mờ; má mới bến P. gió sang-sắc. Gió sang sắc gọi hồn người thác oan; trăng mờ mờ soi mặt người đánh-chác. Mặt người đánh-chác ai vẽ với; hồn kẻ thác oan ai gọi rừ ớc Ngẫm vòng đua đuổi nước non này; hách qua đàng xiết tình ngơ-ngác.

古來征戰幾人還。班超歸時鬢已斑。
料思良人馳騁外。三尺劍一戎鞍。秋
風沙草。明月關山。馬頭鳴鑼。城上綠
竿。功名百忙裏。勞苦未應閒。

Hồi xưa l trận-mạc mấy người về; chẳng lúc chàng Ban tóc diềm huê. Luống tưởng chàng đi chốn giông ruổi; con gươm cấp, bộ nhung chia. Ngàn sa gió dãi, dèo ải trắng khuya. Ngựa treo kiềng gỗ; thành bắc thang kê. Công-danh trăm mải mệt; khó nhọc chưa nhàn lúc ngả-nghe.

勞與閒誰與言。君在天涯妾倚門。倚
門固妾今生分。天涯豈君平生魂。平
生魂自信相隨魚水伴。今生分那堪。
相隔水雲村。妾身不想爲征婦。君身
豈學爲王孫。何事江南與江北。令人
愁晚又愁昏。一箇是風流少年客。一
箇是深閨少年婚。可憐兩少年。千里
各寒暄。

Nhọc cùng nhàn, ai ní-non. Chàng chốn chân mây thiếp cửa son. Cửa son đành thiếp ngày nay yên phận vậy; chân mây há chàng thuở trước luống mơ hồn? Hồn thuở trước, những chắc cùng đua ban cá nước; phận ngày nay xiết dàu cách-trở nước mây tuôn. Thiếp xưa chẳng tưởng là chinh-phụ; chàng xưa sá học chước vương-tôn. Cớ sao Giang-nam cùng Giang-bắc, đề người sớm buồn tối lại buồn? Một người là phong-lưu từ thuở bé; một người là son phấn độ đào non. Hai người cùng tuổi trẻ; nữ đề xa cách luôn!

憶昔與君相別時。柳條猶未啣黃鸝。
問君何日歸。君約杜鵑啼。杜鵑已逐
黃鸝老。青柳樓前語鵲魂。

Nhớ xưa cùng chàng chuyện nhàn-nhe; ngành liễu oanh chưa học éo-lè. Hỏi chàng bao giờ về? chàng hẹn cuốc kêu hè. Nay cái oanh già theo cuốc rữ, lâu liễu chim đi nói kẻ huê.

憶昔與君相別中。雪梅猶未識東風。
問君何日歸。君指桃花紅。桃花已逐
東風去。雪梅江上又芙蓉。

Nhớ xưa đưa chàng bước ngại-
ngùng; mai tuyết còn chưa gian gió
đông. Hỏi chàng bao giờ về? Chàng trỏ
hoa đào hồng. Nay hoa đào rười gió đông
rụng; mai già sen lại nảy bên sông
與我約何所。乃約隴西岑。日中兮不
來。墜葉兜我簪。佇立空涕泣。荒村喧
午禽。

Cùng nhau nơi nào hẹn; hẹn kia
núi Lũng-tây. Ngày trưa mong chẳng
lại; ngảnh trâm rụng lá bay. Đứng đứng
chán giọt lệ; buồn tiếng chim quê gáy
nửa ngày.

與我約何所。乃約漢陽橋。日晚兮不
來。谷風吹我袍。佇立空涕泣。寒江起
暮潮。

Cùng nhau nơi nào hẹn; hẹn kia cầu
Hán-dương. Ngày hôm mong chẳng lại;
áo bào gió thổi ngang. Đứng đứng chán
giọt lệ; trông ngọn chiều hôm nước
dầy-dàng.

昔年寄信勸君回。今年寄信勸君來。
信來人未來。楊花零落委蒼苔。蒼苔
蒼苔又蒼苔。一步閒庭百感催。

Năm ngoài gửi tin, nhân chàng về
nẻo quanh; năm nay gửi tin, nhân
chàng về quê mình. Tin lại người chưa
lại; hoa dương rơi rụng lớp rêu xanh.
Rêu xanh rêu xanh lại rêu xanh; một
bước sân rêu biết mấy tình!

昔年回書訂妾期。今年回書訂妾歸。
紗窗寂寞博斜暉。斜暉斜暉又斜暉。
十約佳期九度違。

Năm ngoài thư về, hẹn thiếp khi về
nhà; năm nay thư về hẹn thiếp khi về
quê. Thư qua người chưa qua, vắng về
song the xế bóng tà. Bóng tà bóng tà
lại bóng tà; mười hẹn sao mà chín hẹn
ngoại?

書歸人未歸

試將去日從頭數。不覺荷錢已三錢。
最苦是坐家紫塞人。最苦是千里黃
花戍。紫塞人誰無堂上親。黃花戍誰
無閨中婦。有親安可暫相離。有婦安
能久相負。君有老親髮如霜。君有兒
兒年且孺。老親兮倚門。嬰兒兮侍
哺。供親食兮妾爲男。課兒書兮妾爲
父。供親課子此一身。傷妾思君今幾
年。思君昔年兮已過。思君今年兮又
暮。君淹留二年三年更四年。妾情儘
百縷千縷還萬縷。安得在君邊。訴妾
腸苦。

Thử đem ngày trước bắt đầu lường;
tiền sen dứt chuốt trải ba sương. Rồi
khổ kia, liền năm làm người nơi ải
thâm; rất khổ kia, nghìn dặm đi thú
chồn hoa vàng. Người nơi ải thâm, ai
không mẹ già trên cửa kính; thú chồn
hoa vàng, ai không vợ trẻ trong buồng
nhang. Mẹ già sao nở lia phứt chóc,
vợ trẻ sao nở lầu phụ-phàng. Chàng có
mẹ già dầy diêm bạc; chàng có con
thờ lẻ dầy dang. Mẹ già ngồi mong
tựa; con thờ chờ nóm nương. Nuôi mẹ
bữa ăn, lặt trai t. tiếp phải đỡ; dạy con
đọc sách, lặt ch. thiếp phải đương.
Một năm nuôi dạy con trẻ; mấy
phen đương thiếp lại mong chàng.
Mong chàng năm ngoài hầu đã trôi;
mong chàng năm nay lại muộn màng.
Chàng ở mãi hai năm, ba năm, trải bốn
năm cách; thiếp lòng này trăm bối,
ngàn bối, và vạn bối tơ vương. Sao được
chàng, gần gũi? cho thiếp tỏ can tràng.
妾有宮釵。曾是嫁時將送來。憑誰
寄君。表妾相思債。

Thiếp có thoa cung Hán; từ thuở lấy
chồng đưa kết bạn. Cây ai gửi lời chàng,
dây thiếp trưng-tư này mấy đoạn.

妾有宮釵。曾與郎初相對影。憑誰
寄君。照妾今孤另。

Thiếp có gương lâu Tần; từ xưa
lồng bóng diềm màu xuân. Cây ai gửi
tới chàng; tổ thiếp thân có võ mấy phần.
妾有約指銀。手中兮相親。憑誰寄君
子。微物寓慇懃。

Thiếp có nhân đeo tay; xưa chẳng
rời chút may. Cây ai gửi tới chàng; gọi
chút dải niềm tây.

妾有搔頭玉。嬰兒年所弄。憑誰寄君
子。他鄉幸珍重。

Thiếp có ngọc cài đầu; xưa từng
ngắm bấy lâu. Cây ai gửi tới chàng;
nàng niu dõ chút sầu.

昔年音信有來時。今年音稀信亦稀。
見屬枉然思塞帛。閉霜慢自製錦衣。
西風欲寄無鴻便。天外憐伊雪雨垂。
雪寒伊兮虎帳。雨冷伊兮狼婦。寒冷
般般苦。天外可憐伊。錦字題詩封更
展。金梭問卜信還疑。

Năm ngoài tin về luống đợi mong;
năm nay tin tức vã g như không. Nhận
sa luống tương đưa thư lã; sương
lạnh toau may gửi á bóng. Gió tây
muốn gửi chim không nhận; mưa tuyết
thương ai chốn lạnh-lũng. Trông âm
tuyệt ù; màn lang mù, xông. Bên rời
lạnh lẽo; thương ai dạ lòng. Đều hũ
gấm, phong rồi lại nở, gửi quê
tiền, tin vẫn ngại ngùng.

幾度黃昏時。重軒人獨立。幾回
夜。單枕鬢斜欹。不關沉與醒。惜
似醉。不關思與惜。懣懣意如癡。
委鬢蓬無素。裙腿襦腰瘦不支。
沉午院行如墜。夕悄悄廊廡捲。
簾外窺日出。枝頭無鵲報。簾中
來心事。只燈知。燈知若無知。妾
自悲。

Mấy lúc mặt trời hôm, đứng trong
trong cửa cánh; mấy hồi đêm trầu, tổ,
năm kê chiếc gối cong. Chẳng biết
lĩnh hay say, ngủ ngủ như mọi
chẳng biết ngu hay biếng, ngáy

dáng sượng-sùng. Trám lệch quân chi
cài tóc rối; mình gầy không nở thất lưng
ong. Ngày chim-chim, dầy thêm bước e
ngã; hôm vắng-vắng, mảnh tương cuốn
lại chùng. Ngoài mảnh trông, bóng ruồi
đầu ngành không choẹt báo; trong
mảnh tựa, đêm kbuya thui-thủi một đèn
chong. Đèn biết dù chẳng biết, xiết nỗi
thiếp phiền lòng.

悲又悲兮更無言。燈花人影總堪憐。
呷啞鷄聲通五夜。拂披槐陰渡八磚。
愁似海。刻如年。強燃香。花魂消檀柱
下。強臨鏡。玉筍墜菱花前。強撥琴。指
下驚停鸞鳳柱。強撥瑟。曲中愁歌鴛
鴦絃。此意春暈若肯傳。千金借力寄
燕然。燕然未肯傳。憶君迢迢兮路如
天。

Phiền thêm phiền chỉ lặng yên; một
người một bóng một hoa đèn. Tiếng
gà eo - óc năm canh gáy; bóng hộc
phẳng - phất xế thêm hiên. Sầu như
hồ; khắc như niên. Gượng đối hương,
hồn hoa mê mệt trên tầng khói; gượng
soi gương, mặt hoa ngọc-ngân bóng
hoa-chen. Gượng ôm đàn cầm, ngón
tay ngại dưng phẩm loan phượng;
gượng ôm đàn sắt, mối sầu sợ đứt dây
ương - yên. Ướm hỏi lòng này, gió
xuân dù có thổi; nghìn vàng xin gửi
tới Yên-nhiên. Yên - nhiên gửi không
tới; nhớ chàng dăng - đặc như trời
không nẻo lên!

天遠未易通。憶君悠悠思何窮。愁人
處。傷心胸。樹葉青霜遲。蛩聲細雨中。
霜斧殘今楊柳。雨鏡損今梧桐。鳥還
高春。露下低叢。塞垣候虫。遠寺時鐘。
蟋蟀數聲月。芭蕉一院風。風裂紗窗
穿帳隙。月移花影上簾籠。花前月下
月自白。月下花前花自紅。月花月
影重重。花前月下兮心忡忡。千般懶
萬事慵。慵女工。錦軸恥拋鴛對偶。慵
婦巧。金針羞刺蝶雌雄。慵粧。愁臉空
施粉。慵語。終朝悶倚窗。倚窗倚窗復
倚窗。郎君去兮誰爲容。

Trời không nẻo thông; nhớ chàng không bao cùng. Chốn sâu trông; đau khúc lòng. Sương sa rụng cành lá: mưa phun lẫn tiếng trùng. Sương như búa bổ mòn gốc liễu; mưa dánh cửa dây đứt ngọn đồng. Gò cao chim liệng; bụi rậm tuyết phong. Giun kêu kẽ tường đổ; chuông kêu tiếng chùa đồng. Râu - rĩ đêm trăng và tiếng dế; só-sát vườn tiều ngọn gió rung. Ngọn gió xuyên qua cửa màn hé; rèm hoa thấp-thoảng bóng trăng lồng. Trăng tới trước hoa trắng trắng toát; hoa lẫn màu trắng hoa đỏ hồng. Trăng hoa lồng bóng trùng-trùng; người ngấm trăng hoa xiết nào-nùng. Nghìn ngao - ngàn; muôn ngại-ngùng. Ngại dẹt củi, máy củi then đưa chim kết bạn; ngại thêu kim, mũi kim biếng dệt bướm bay chung. Ngại điếm, nghĩ thêm sâu má phấn; ngại nói, ngồi kể cửa trăn - song. Trăn - song trăn - song, ngồi kể cửa trăn - song; chàng vắng vì ai chuốt má hồng.

誰爲容兮心盤桓。郎君去兮隔重關。何嘗天帝孫。冷落立銀渚。何嘗姮娥婦。淒涼坐廣寒。藉愁兮爲枕。袁閔兮爲餐。欲將酒制愁。愁重酒無力。欲將花解悶。悶壓花無顏。愁悶總爲愁悶誤。愁悶化作九泉灘。試瓊笙兮不成響。抱銀箏兮不忍彈。思遠塞兮行路難。念征夫兮囊裏單。鶉聲啼落關情淚。漣鼓敲柔帶悶肝。不勝憔悴形骸軟。始覺啖離滋味酸。

Biết vì ai, lòng ngấm - nguội; xiết tường chàng đi mây dậm khơi. Khác gì như thiên - tôn, lẽ-loi sông Hán dợt; khác gì như Hằng-nga, lạnh - lẽo cung trăng ngồi. Lạ sâu làm gối, gối vẫn chếch; giả buồn làm cơm, cơm chẳng bùi. Toan mượn rượu rửa sâu, sâu nặng rượu không mạnh; Toan mượn hoa giải buồn, buồn ép hoa không tươi. Buồn sâu chỉ vì buồn sâu lỡ; đành ném

buồn sâu ngọn nước xuôi. Thử gõ dịp sênh, sênh lẫn dịp; thử lựa đàn tranh, đàn chẳng vui. Nghĩ chốn ai xa lại nhớ người; đường-sá gian-nan túi dầy voi. Tiếng cuộc kêu giàn đồng nước mắt; hồi trống khua nón khúc ruột giời. Xiết dầu mặt võ chân tay yếu; chua xót lưu-li trái mọi mùi.

滋味酸兮酸更辛。辛酸端的爲良人。爲良人兮雙妾淚。爲良人兮雙妾身。妾身不到君征帳。妾淚不到君征市。惟有夢魂無不到。尋君夜夜到江津。尋君兮陽臺路。曾君兮湘江津。記得幾番歡會處。無非一枕夢中春。此身反恨不如夢。隴水西關與子親。夢去每曾驚更斷。夢回又感幻非眞。惟有寸心真不斷。未嘗頃刻少離君。心不離君未見君。凭高幾度望征輪。

Chua xót mọi mùi chua lai cay; cay chua vì chàng đã bấy nay. Vì chàng dè thiếp hai hàng lệ; vì chàng dè thiếp một thân gầy. Thân chẳng tới chàng liền trường gấu; lệ chẳng tới chàng dấp khăn tay. Chỉ có mộng hồn dầu cũng tới; gấm thì tìm chàng trải nước mây. Tim chàng hôn hai-đương; gặp chàng bến liêu-tương. Nhớ được mấy phen vui lộ mắt; chẳng qua chiếc gối giấc - màng. Thân này những gần khờ, bâng mông; phút chốc im nhau mấy ăm trăng. Chợp đi sợ giật mình kinh anh; tỉnh dậy e mơ chữa rõ-ràng. Chỉ có tức lòng thực chẳng dứt; chưa từng phút chốc với lia chàng. Lòng chẳng lìa chàng, chẳng thấy chàng; lều bông - ống xa ngấm dậm dàng.

望君不見。江邊滿白蘋。燕草披青水。秦桑染綠雲。南來井邑半塗塵。落日沙鷺一羣。

Trông chàng nào có thấy; rau sông trắng, cây gò. Cỏ Yên xanh tím-mít; dậu lặn - nhấp-nhò. Miền nam gió cát

nửa ló-xô ; bóng lẫn bên sa mấy chiếc
cò.

望君何所見，官路短長亭。雲間梧樹碧，天際蜀山青。北來禾黍半荒城。微雨江樓第一聲。

Trông chàng nào có thấy ; đường
tram nẻo dua chen. Mây biếc rừng ngô
phủ ; trời xanh núi Thục chèo. Miền
bắc thành hoang mấy dặm nghìn ; mưa
giục bên sông một tiếng kèn.

望君何所見，空山葉做堆。自飛雙野雉，自雨滿江梅。東去烽煙慘不開。西風飄落鳥聲哀。

Trông chàng nào có thấy ; non không
lá dầy dôi. Đồng liệng dôi con trĩ ; sông
mưa mấy dặm mai. Miền đông khói
lửa mịt phừng trời ; sầu tiếng chim
kêu trận gió roi.

望君何所見，河水曲如鉤。長空數點鴈，遠浦一歸舟。西去松楸接斷蕪。行人微沒隔蒼洲。

Trông chàng nào có thấy ; sông nước
nẻo quanh co. Bên trời mấy chiếc nhạn,
dây bên một con dò. Miền tây cá ngát
cỏ xanh nù ; người đi xứ khuất cõi
Xương-chu.

望盡天頭又地頭。幾日登樓又下樓。彈雲阻盡相思眼。何處玉關飛戰隊。恨無長房縮地術。恨無仙子換符。有心誠化石。無淚可登樓。問長堤楊柳色。悔教夫婿覓封侯。不離家千里外。君心有似妾心不。君心倘與妾心似。妾亦於君何怨尤。

Nào biết trời đầu với đất đã ; mấy
buổi lên lầu lại xuống lầu. Mây an che
mắt lòng cùng nhớ ; nào chớ. Ngọc-
quan nơi đánh nhau ? Giận không học
được ông Tráng-Phùng, cầm tay rút
đất ; giận không học được nàng
ném khấu gieo cầu. Đành luyến toan
hóa đá ; hạt lệ hết rơi châu.

bờ liễu xanh xanh ngắt ; ngần tiếc cho
chàng ngời trước hầu. Chẳng hay xa cách
ngoài nghìn dặm ; lòng chàng có như
lòng thiếp du ? Nếu được lòng chàng
cũng như thiếp ; thiếp với chàng chỉ
trách oan sâu.

妾心如花常向陽。只怕君心如流光。流光一去不復照。花爲流光黃又黃。黃花更向誰邊笑。流光不肯一同照。黃花却爲流光老。黃花老兮落滿牆。

Lòng thiếp như hoa hướng bóng trời ;
chỉ sợ chàng như bóng sáng soi. Bóng
sáng soi qua không trở lại ; hoa vì bóng
vàng, vàng kém tươi. Hoa vàng biết với
ai cười mỉm ; bóng chẳng vì hoa soi giắt
lùi. Hoa vàng vì bóng ngày già võ ;
võ vàng hoa vội gác tường roi.

花落如今更幾霜。廷蘭兮已摘。紅絲兮又芳。攝衣步前堂。仰目觀天章。河水翻明滅。奎塵乍現藏。織雲時彷彿。北斗忽低昂。月照兮我床。風吹兮我牆。玉顏隨身削。丈夫猶他方。昔爲形與影。今爲參與商。君邊雲擁青驄騎。妾處苔生響屨廊。

Hoa rơi rụng trái mấy sương rồi ;
hoa thêm lan đã hái, hoa hồng-tơ lại
nôi. Vén áo qua trước nhà ; ngựa mắt
xem về trời. Sông Ngân dường phả lờ ;
sao Khuê chợt lẻ-loi. Sao Nữ coi lấp-
lỏ, sao Đẩu xoay ngược xuôi. Bên
giường trăng chéch mếch ; dần thêm
gió tả-tơi. Má-hồng lẫn-thần mình gây
võ ; mong mỗi chàng còn vắng một
nơi. Trước như hình với bóng ; nay
như sao cách vời. Chàng vòng ngựa
chạy mây che mặt, thiếp dầy dầy in rêu
điểm mồi.

廊內春風日將歇。可憐誤盡良時節。良時節良時節。姚黃魏紫嫁冬雪。良時節良時節。織女牛郎會明月。可憐枉守一空房。年年誤盡良時節。

Trong đây gió xuân ngày tỉnh dỗi ;
 luống thương lắm hết thì giờ tốt. Thì
 giờ tốt thì giờ tốt; dỗi gió vàng tía
 hoa đua tươi ; thì giờ tốt thì giờ tốt,
 ngấm trăng vợ chồng Ngâu chải chuốt.
 Luống thương vô - vô chiếc buồng
 không ; năm năm lắm hết thì giờ tốt.

良時節急如梭。人世青春容易過。况
 復是春闕未消秋恨續。况復是合歡
 却少別愁多。別愁秋恨兩相磨。蒲柳
 青青能幾何。空嘆惜。浪咨嗟。浪咨嗟。
 只恐白到文君頭。空嘆惜。只恐花到
 潘郎鬢。

Thì giờ tốt mau như thoi, người thể
 xuân-xanh phút chốc rồi. Huống chỉ
 buồn mùa xuân chưa tan mùa thu đã
 tới; huống chỉ vui hợp mặt không mây
 sâu biệt-lí lại rồi. Một sâu một giàn hai
 miệt-mài; phận liễu - hồ xanh dặng
 mấy mươi. Luống than-thở; càng ngấm-
 ngùi. Càng ngấm-ngùi, chỉ ngại ả Trác
 đầu pha tuyết; luống than-thở, chỉ
 ngại chàng Phan tóc diềm mai

嘆惜何以爲。顏色猶紅如嫩花。咨嗟
 何以爲。光陰一擲無回過。嗟命薄惜
 年華紛紛少婦幾成婆。香閣重懷陪
 笑臉。花樓尙記解香羅。恨天不與人
 方便。底事到今成坎珂。坎珂坎珂奈
 若何。爲妾嗟兮爲君嗟。

Than-thở nữa chi mà, háy háy má
 hồng non như hoa, ngấm-ngùi nữa chi
 mà, thoát thoát ngày xanh một ném
 qua. Ngấm mình mộng, than tuổi già;
 gái tơ mấy chốc đã nên bà. Buồng
 hương nhớ lúc đua cười mỉm; lâu
 thắm kia nơi giải lụa là. Giận trời
 chẳng dãi người phương-tiện; sự thể
 mà nên nỗi sứt-sa. Sứt-sa sứt-sa biết
 sao mà; vì thiếp vì chàng nữa xót-xa.

君不見野外雙鴛鴦。甘心不忍兩分
 張。又不見樑頭雙燕燕。白頭何曾
 忘繡絳。

Chàng chẳng thấy ngoài đồng đôi

chim uyên; lòng son chẳng nở ha
 nhân-duyên. Lại chẳng thấy đầu đường
 đôi chim yến, đầu bạc nào từng không
 quyen-luyến.

鷓也無情。比翼相隨過一生。空也無
 知。並驅到老不相離。路柳曾傳遠理
 處。池蓮亦有並頭時。何人生之相識。
 嗟物類之如斯。安得在天爲比翼鳥。
 在地爲連理枝。寧甘死相見。不願生
 相離。雖然死相見。曷若生相隨。安得
 君無到老日。妾常少年時。

Chim kiem kia tình si, con suy kia
 biết gì. Liền cánh một đời bay cùng
 bay; liền gót trăm năm đi cùng đi.
 Liễu ngô liễu cây chen biếc rù; sen hồ
 liền tảng mọc xanh rì. Sao kiếp người
 mà cùng cách; than loài vật nọ như
 kia. Sao được ở trời làm chim liền
 cánh; sao được ở đất làm cây liền-chí.
 Thà rằng chết cùng thấy; chẳng nở
 thấy cùng lia. Dẫu thể chết cùng thấy;
 sao bằng sống cùng kê. Mong được
 chàng không ngày cáo-lão; thiếp mãi
 độ đang-thì

願爲分君邊。君有行兮影不遠。
 君依分兮所願。願君許國心如丹。
 願君民力如鐵。鐵來吞下月氏頭。
 渴來飲下單于血。何幸門鋒刃中。
 老天有意護英雄。護英雄白戰功。
 驅烟靜關東。關東關北休傳箭。
 尾山早掛弓。捷色旌旗辭塞月。風
 歌將士肯邊風。勒功兮燕然石。獻
 兮未央宮。

Xin làm bóng theo chàng cùng;
 chàng dẫu lâu bóng cũng chung. Chàng
 nường lòng sáng thiếp từng mong.
 Mong chàng lòng đèn ơn nước dầm
 son đỏ, sắc giúp dân dân vũng sắt nung.
 Đòi bắt Nhục-chi nuốt đầu sọ; khát
 giết Thuần-vu uống máu hồng. Xong-
 pha chớ g mác mấy trăm vòng; xin
 trời gặt sức đỡ anh-hùng. Đỡ anh-
 hùng nên công; giòng-ruồi ngựa

hồ giệp cửa Đông. Cửa đông cửa bắc
dừng tên đạn; cuối núi đầu non sớm
gác cung. Cờ vẽ trở mặt làn trăng ái,
quân hát quay lưng trận gió đồng
Cờng khắc non Yên mài vách đá; tù
dâng cung Vị trước sân rồng.

未央宮兮向天朝。挽銀河兮洗弓刀。
詞人刊下平淮語。樂府歌傳入漢謠。
波烟閣兮秦叔寶。麒麟臺兮霍嫖姚。
天長地久茅苴券。子蔭妻封福祿標。

Trời mở đường về triều, kéo sông
Ngân rửa kiếm cung treo, người hay chữ
dựng bia bình giặc; chấu rạp tuồng bày
trận hát reo. Các mây vẽ tượng ông
Tần-Thúc; đài Lân treo tranh quan
Phiêu-riêu. Còn trời còn đất còn hoa
cỏ; vợ quí con sang phúc lộc nhiều.

有愁兮此日。得意兮來時。妾非蘇家
癡心婦。君亦洛陽好男兒。歸來倘佩
黃金印。肯學當年不下機。

Vậy buồn ngày nay; dành vui khi
khác. Thiếp không đại học, vợ chàng
Tô; chàng vốn khôn-goa, trai đất
Lạc. Khi về lưng đeo, quân lữ sang;
dám ngồi trên cửa không x, ông tước.
願爲君兮解征衣。願爲君兮澤履屨。
爲君梳栢髮鬢。爲君拂雲玉面脂。
收看看兮舊淚帛。訴君聽兮情詞。

Xin vì chàng cỡi áo nhung; xin vì
chàng bưng chén đồng. Vì chàng chải
chuốt mái tóc mượt; vì chàng trang-
diêm nước da hồng. Treo khăn mặt
cũ, để chàng xem ngấn nước mắt; ngó
tờ thơ cũ, để chàng dãi khúc-nhồi lòng.

舊情詞兮換新聯。講新話兮酒杯前。
淺酌兮漫漫。低唱兮漣漣。酌不酌兮
渭城釀。唱不唱兮紫駟篇。酌九醞唱
雙聯。與君盤頓舊姻緣。交頸成雙到
老天。償了功名離別日。相憐相守太
平年。太平年願歲至。若然此後妾何
淚。相會相期相寄言。嗟乎丈夫當如
是。

Giờ thơ cũ đổi thơ mới; nói chuyện
mới bày liệc huê. Rót chầm-chậm
lòng không mê; hát nhẹ nhẹ tai dễ
nghe. Rót chắt rót, rót chén rượu ngọt;
hát chắt hát, hát khúc ngựa về. Rót
rượu đủ chín lần chước; hát câu sánh
đôi chữ đề. Cùng chàng duyên kiếp cũ
đề-huê; kẻ gối trăm năm món tóc thề.
Trả nợ công-danh tả li biệt; hưởng-phúc
thái-bình vui thú quê. Thái-bình năm
năm liền được mùa. Vậy thiếp sao còn
nỗi ừ-ê. Cùng gặp cùng mong cùng nhẵn
gối; kia bậc trượng-phu nêu thề kia

NGUYỄN THỨC-KHÈM



KHÀO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỀN

VII

Hai nàng Phu-nhân của Văn-công nước Trịnh là Thiên-thị (chị em gái Sở-tử), Khương-thị (con gái Tề) ra chào Sở-tử ở Kha-trạch. Sở-tử sai quan nhạc-sư là Tấn đem tù và quách giặc ra khoe cho hai nàng xem. Ngày hôm sau Sở-tử vào nước Trịnh ăn yến, yến dùng lễ cửu-biến là dâng chín tuần rượu, lễ vật bày đầy ngoài sân đều theo số trăm, thực-phẩm bày trên những cái biển cái dậu đều theo số sáu, đó là một lễ của bậc thượng-công. Yến xong, đêm thì Sở-tử về, nàng Văn-Thiên đưa ra đến chỗ quân Sở đóng. Sở-tử bắt lấy hai người con gái của nàng Văn-Thiên đưa về. Thúc Thiêm (đại-phu Trịnh) nói: « Sở-vương rồi không trót đời đầu, vừa mới hưởng lễ xong đã làm việc loạn-luân ngay, loạn-luân thì sao gọi là lễ. Sở-vương không trọn đời được. »

23 — K — Người Sở đánh nước Trần

T. — Mùa thu, năm Hi-công 23, Thành Đặc-thần (Tử-ngọc) là tướng Sở đem quân đánh Trần để trị cái tội Trần ở nhĩ-tâm với Sở, lấy được ấp Tiều ấp Di rồi đắp thành ở ấp Đốn mà đem quân về.

— Tử-văn cho Thành Đặc-thần là có công, bèn nhường y thay mình làm Lệnh-doãn (Thừa-tướng). Thúc-Bá nói rằng: « Việc ấy ông đối với nước ra làm sao? » Tử-văn đáp rằng: « Tôi làm thế là để yên việc nước đó, bởi vì những kẻ có đại-công mà không được trọng-dụng thì hồ-đề mấy ai đã được yên. »

Tháng chạp năm Hi-công 23, Huệ-công nước Tấn mất, Hoài-công Công-

tử Ngũ hạ-lệnh rằng: « Không ai được theo bọn vong-mệnh (bọn Trùng-Nhĩ) đi nữa. Những kẻ đã trốn trước hẹn cho trong một năm mà không về thì làm tội không tha. »

Hồ-Đột có hai người con trai là Mao với Yên cùng theo Trùng-Nhĩ sang ở bên lẫn mà Hồ-Đột không cho tìm về. Mùa đông năm ấy, Hoài-công bắt Hồ-Đột mà bảo rằng: « Hãy con người về thì tha cho người. » Hồ-Đột thưa: « Cớ-chế dạy rằng: Khi con ra làm quan, thì cha phải dạy cho biết đạo trung, cho nên đã chép tên vào thẻ dâng mình cho vua, mà lại ở nhĩ-tâm thì là có tội đó, bây giờ con tới chúng nó đã ghi tên vào tập danh-sách của ông Trùng-Nhĩ lâu năm rồi, nếu tôi gọi chúng nó ở nhĩ-tâm vậy. Cha đã dạy con ở nhĩ-tâm thì cha còn lấy gì mà thờ vua, sự hình-phạt xử-trọng-dạng là ở cái bụng công-minh của nhà vua, tôi mong lắm. Chứ nếu vua muốn lạm-dụng sự hình-phạt cho người thì ai mà không có tội, tôi xin dâng vàng theo mệnh-lệnh Ngài. » Hoài-công bèn giết Hồ-Đột.

— Kể từ khi Tấn Công-tử Trùng-Nhĩ bị giết nạn, người Tấn đến đánh Bờ-thành, dân Bờ-thành muốn đánh lại. Trùng-Nhĩ không nghe mà rằng: « Nhờ có mệnh của quân phụ thì mình mới được hưởng lộc, nhân đó mới có nhân-nạn, có nhân-dân rồi mà chống lại quân-phụ thì còn tội gì lớn bằng tội ấy. Tôi xin xuất-bôn đây. » Trùng-Nhĩ bèn xuất-bôn sang rợ Địch, những người tông-tộc ông có Hồ-Yên, Triệu-Thôi, Điền-Tiết, Vũ-Tử người Ngụ và quan tể-không là Quý-tử.

Người Dịch đi đánh rợ Trường-cửn như, bắt được hai người con gái là Thúc Ngỗi và Quí-Ngỗi, đem về tặng cả cho Trùng-Nhĩ. Trùng-Nhĩ lấy nàng Quí-Ngỗi sinh ra được hai con trai là Bá-Thúc, Thúc-Lưu. Còn nàng Thúc-Ngỗi thì Trùng-Nhĩ gả cho Triệu - Thôi sinh ra được người Tuấn.

Lúc Trùng-Nhĩ sắp đi sang Tề dặn nàng Quí-Ngỗi rằng : « Nàng đợi tôi 25 năm nữa mà không thấy tôi lại thì nàng sẽ đi lấy chồng khác » Quí-Ngỗi thưa : « Nay tôi đã 25 tuổi rồi, lại đến bảy giờ thì tôi cũng đã vào sàng rồi còn đâu mà đi lấy chồng khác, thôi xin đợi ông thôi. »

Trùng-Nhĩ ở rợ Dịch được 12 năm thì đi. Đi qua nước Vệ, Vệ Văn-công không lấy lễ đãi, Trùng-Nhĩ bỏ đi ra đến đất Nũ-lộc (đất Vệ) phải đến xin ăn ở một người nhà quê, người nhà quê ấy đưa cho một hòn đất. Trùng-Nhĩ giận toan đánh người ấy, Tử-Phạm nói : « Thế là điềm trời ban cho đấy. » Trùng-Nhĩ cúi đầu nhận lấy, mà đi.

Đến nước Tề, Tề Hoàn-công lấy con gái tôn-nữ cho, rồi cho đến 20 cỗ xe ngựa. Trùng-Nhĩ lấy làm yên phận, bọn tưng giả nghĩ thì lại khác, nên bàn với nhau ở trong vườn đào, định sắp sửa đi. Có một đứa làm-hiếp (con đòi nuôi tằm) ở trên cây nghĩ biết về mách nàng Khương-thị. Khương-thị bèn giết đứa làm-hiếp ấy đi mà nói với Trùng-Nhĩ rằng : « Ông đã định cái chi bốn phương, con đã nghe biết chuyện ấy thì con đã giết nó đi rồi ». Trùng-Nhĩ nói rằng : « Không. » Khương-thị nói : « Hắn ở phải, chứ quyền-luyến với yến-hi-rung đây thì bại-hoại cả công-danh » Trùng-Nhĩ không nghe. Khương-thị nói với Tử-Phạm, bèn cho Trùng-Nhĩ uống rượu say lịt đi rồi để lên xe cưỡi.

Trùng-Nhĩ tỉnh dậy lấy cái giáo đuổi Tử-Phạm.

Đi đến nước Tào, Tào Công-công nghe nói xương sườn Trùng-Nhĩ liền nhau làm một. Công - công muốn được khi Trùng-Nhĩ cởi trần mà xem, nhân Trùng-Nhĩ tắm, ông dùng cách cái màn mỏng mà dòm, người vợ Hi-Phụ - Cơ lòi với chồng rằng : « Tôi xem bọn tưng-giả của Tần Công-tử ai cũng có tài làm Trường-quốc được cả, nếu họ chịu giộp thì Công-tử lại về được nước, về được nước tất đặc - chi với Chư - hầu, đặc - chi với Chư - hầu thì giết những kẻ vô-lễ với ông lúc trước, mà đứng đầu là nước Tào này đó. Sao nhà thầy không tự biết đãi ông ấy trước đi. » Hi-Phụ-Cơ bèn biểu Trùng-Nhĩ mặc cổ mà để ngọc vào trong Trùng-Nhĩ nhận cổ áo mà trả ngọc lại.

Đi đến nước Tống, Tống Tương-công tặng cho 20 cỗ xe ngựa.

Đi đến nước Trịnh, Trịnh Văn-công cũng không lấy lễ đãi. Thúc-Thiểm can Văn-công rằng : « Trời đã mở cửa cho thì người ta không ai kịp được. Tần Công-tử được ba điều, hoặc-giả là trời sắp lập cho ông ấy lên đó, xin ngài phải lấy lễ mà đãi ông ấy. Ba điều ấy : Một là trai gái cùng họ lấy nhau thì con cái không mất, Tần Công-tử nay chính là con cái họ Cơ đấy, thế mà nay vẫn còn sống. Hai là ông ta trốn tránh ra ngoài mà nước Tần vẫn không yên, có lẽ trời xui ra vậy. Ba là có ba người chi - sĩ đủ hơn người cả mà theo giúp ông ta. Và Tần với Trịnh bằng hàng với nhau, con em hai bên qua lại còn phải đãi cho có lễ, nữa là cái người sẽ có cơ-hội tốt ấy dư ! » Văn-Công không nghe.

Đi đến nước Sở, Sở-tử đãi yến và hỏi rằng : « Hề Công-tử về được Tần thì

báo lại bất - cốc (1) này bằng cái gì ? »

Trùng-Nhĩ thưa : « Công gái đẹp với ngọc lụa thì ngài chẳng thiếu, những đồ lòng chim lông thú, ngựa và đồ thuộc thì ở đất ngài sản-xuất nhiều, những cái người ta đưa sang Tần là của ngài dùng còn thừa dư dả cả, vậy tôi còn biết lấy gì mà báo-đáp lại ngài được. »

Sở-tử lại nói : « Tuy vậy ông cũng phải có cái gì để báo-đáp lại cho ta. »

Trùng-Nhĩ thưa : « Nếu nhờ uy - linh ngài mà tôi về được Tần, khi nào Tần Sở cùng sửa-sang việc binh mà gặp nhau ở đất trung-nguyên, tôi xin tránh ngài ba xá (2). Nếu mà ngài không ưng cho, thì tôi phải tay tả cầm cánh cung và roi ngựa, tay hữu giữ cái bao đựng tên và cái bao đựng cung để theo hầu ngài. »

Tử-ngọc xin Sở-tử giết Trùng-Nhĩ đi. Sở-tử nói : « Lần Công-tử có chí to và tinh kiệm, văn-hoa mà lễ-độ, bọn tưng-giá của ông kính-cần mà khoan dung, trung-thành mà nghị-lực. Tần hầu (Hoài-công) bây giờ không có ai là thân, trong ngoài đều ghét cả. Ta xem họ Cơ về con cháu ông Dương-thúc đã suy lắm rồi, có lẽ từ Tần Công-tử này lại thịnh được, trời sẽ giúp cho, ai bỏ đi được, trái lòng trời tất bị lỗi lớn. »

Sở-tử bèn cho đưa Trùng-Nhĩ sang Tần.

Tần-bá tặng cho Trùng - Nhĩ năm người con gái, nàng Hoài - Doanh (trước gả cho Thái-tử Ngũ tức là Hoài-công) cũng dự vào số ấy. Hoài-Doanh bưng chậu nước cho Trùng - Nhĩ rửa tay, rửa xong vẩy tay bắn nước vào nàng. Nàng giận mà rằng : « Tần-Tần là hơi nước đôi lứa với nhau, sao Công-tử khinh tôi thế ? » Trùng-Nhĩ sợ lắm, cởi áo ngoài tự phạt mình để tạ tội. Một ngày kia, Tần-bá mời Trùng-Nhĩ

ăn tiệc. Tử-Phạm nói rằng : « Tôi không được văn-từ như ông Thái ». Bèn xin cho Triệu-Thôi theo đi giúp lễ. Lúc dự tiệc, Công-tử đọc thơ « Liê-thủy », Tần-bá đọc thơ « Lục-nguyệt (hai thơ này cùng ở sách Châu-thi) ». Triệu-Thôi nói : « Trùng-Nhĩ lạ lạ đi ». Công-tử bèn bước xuống thêm lạy rạp đầu xuống. Mục-công cũng bước xuống một bậc thêm mà xin từ.

Thôi nói : « Ngài đọc thơ ấy là ngài lấy cái việc giúp-đáp Thiên-tử mà ban cho Trùng-Nhĩ đó. Trùng-Nhĩ dám dám không bái tạ. »

Năm Hi-công 24, Xuân-vương tháng giêng, Tần-bá nạp Trùng-Nhĩ về Tần, về đến sông Hà, Tử-Phạm cầm hòn ngọc bích đưa cho Trùng-Nhĩ mà rằng : « Tôi xách cương ngựa theo hầu vua đi giòng-ruồi khắp trong thiên-hạ, tôi mang tội đã nhiều, tôi còn biết tội tôi nữa là vua, vậy tôi xin chết ở chỗ này, để vua về cho đến nước. » Trùng-Nhĩ thề rằng : « Tôi mà không đồng-tâm với ông cậu về sang qua sông mà về nước thì tôi cũng như dòng nước tràn này. » Nói dứt lời thì ném hòn ngọc bích xuống sông. Rồi độ-hà kéo vào đất Liê-hồ, lại vào đất Tang-tuyền lấy thành Cửu-suy.

Tần-bá sai hai quân Tần ra đóng ở Liê-liểu để chống với Trùng-Nhĩ. Tần-bá sai Công-tử Ti sang chỗ quân Tần thu xếp lại quân Tần lui về đóng ở đất Tuân. Hồ-Yên hội-miễn với các quan đại-phu của hai bên Tần, Tần ở Tuân. Hôm rằm Công-tử đi vào chỗ quân Tần, rồi về hành Khúc-ốc, làm lễ tế ở miếu Vũ-công (mẫu vua Vũ-công tở Tần), bèn cho giết Hoài-công ở Cao-lương.

(1) Bất-cốc 不穀 = Chẳng lành, lời của vua nói khi

(2) Mỗi xá 30 dặm.

Họ Lã (Lã-Sanh) họ Khước (Khước-Nhuế); sợ bị hại, bèn định dõng cung điện nhà vua lên để nhân mà giết Tấn-hầu (Trùng-Nhĩ) đi. Có một quan Tự-nhân là Phi xin vào yết-kiến. Tấn - hầu cho người ra trách và từ chối mà rằng : « Trận Bô-thành vua sai đến đêm sau mới bắt ta thì mi đến ngay ngày hôm ấy. Về sau ta sang Địch, có theo vua Địch đi săn ở bên Vị-lân thì mi vì Huệ-công sang đòi bắt ta mà giết đi. Huệ-công sai mi đi ba đêm đến nơi mà đêm thứ hai mi đã đến, tuy có quán-mệnh thực, nhưng sao mi vội-vàng thế? Và cái thân áo sau của ta mà mi chém được ở Bô-thành còn đây, thôi mi cắt đi ! »

Phi thưa : « Tôi tưởng ngài về bây giờ đã hiểu biết được nhiều, nhưng mà ngài cũng chưa biết gì, ngài sẽ lại sắp bị nạn đây. Cỗ-chế dạy rằng : « Phụng mệnh vua không được nhì tâm, lúc bấy giờ ngài là người Bô, người Địch, có can-hệ gì với tôi ; lời vì việc phải trừ-khử cái ác-hại đi cho vua, thì tôi chỉ làm thế nào cho hết sự, thì thôi chớ sao. Nay ngài lên ngôi làm vua rồi, đã chắc đâu rằng không có người kẻ mà tôi gọi là người Bô người Địch kia. Tề Hoàn-công bỏ nợ cái sự bần tiện vòng đai mà cho Quát-Tiêng làm Tướng-quốc, nay ngài lại xử kẻ ác với Tề-Hoàn, thì tôi đâu có dám để thiên ngài phải đuối, nhiều người sợ ngài đã trốn đi rồi, có một gì kẻ hình-thin (bị thiên làm quan thị) như tôi này. » Tấn-hầu cho vào yết-kiến. Phi bèn đem việc ám-mưu cáo-giác ra.

Tháng ba, Tấn-hầu đi lên sang trong thành đến hội với Tấn-hầu.

Ngày 30 cung điện phía đông, Lã-Sanh với Khước-Nhuế khởi đầu thì Tấn-hầu, bèn kéo ra bên sông Hà. Tấn-hầu bắt hai người ấy mà giết đi.

Tấn-hầu rước phu-nhân (Quan-thị tức Hoài-Doan) về lẫn. Tấn-hầu

3000 lính vệ-sĩ sang để sung vào những việc giữ kỷ-cương trật-tự.

— Xưa Tấn hầu (lúc còn là Công-tử) có tên đầy-tớ coi kho là Đâu-Tu, lúc Tấn-hầu xuất-bôn, nó lấy thơm của kho mà trốn đi rồi tiêu dùng hết về việc cầu-nạp cho hầu về, nay Tấn-hầu về rồi, nó xin vào yết-kiến. Tấn-hầu từ chối bèn gọi đầy; tên coi kho cũ ấy bảo người lính hầu rằng « Gọi đầu thì trái tim phải úp xuống, trái tim úp xuống thì nghĩ bất-thường, tôi không được vào yết là phải. Kể theo đi thì hầu việc yên cương, mà người ở lại thì giúp việc giữ xã-lực, cũng đều là phải cả, há-lỗi thù kẻ ở lại, làm ông vua trong một nước mà thù đũa thất-phu thì ai mà không phải sợ. »

Người lính hầu đem lời ấy vào thưa. Tấn-hầu vội-vàng cho Đâu-Tu vào yết.

— Người Địch thỉnh mệnh với hai người con nàng Qui Ngõi mà đưa nàng về lẫn. Còn nàng Thúc-Ngõi thì từ khi Triệu-Thôi tương-biệt đi theo Tấn Văn-công về rồi, Tấn Văn-công (Trùng-Nhĩ) lại gả con gái cho, sinh được người Nguyên - Đổng, người Bình - Quát và người Lâu-Anh. Bấy giờ nàng Triệu-Cơ (con gái Tấn-hầu) cũng xin chồng đi đón người Tuấn và người mẹ (Thúc-Ngõi) về. Tử-dư (lên tự Triệu Thôi) chối từ, nàng Cơ nói : « Được người yêu mới mà quên kẻ nghĩa cũ, thì còn lấy gì phục được người khác, thế nào cũng phải đón bà ấy về mới được. » Nàng cố nài Triệu Thôi phải nghe.

Khi đón về rồi, nàng Cơ cho Tuấn là kẻ có tài, cố xin với Văn-công lập y làm đích-tử mà bắt ba con mình phải ở dưới, lại cho nàng Thúc-Ngõi làm vợ cả mà nàng xin ở dưới.

— Tấn-hầu thường công cho bọn tông-vong. Giới Chi-Thôi không xin tước-lộc thì Tấn - hầu cũng không

nhờ đến. Giới Chi-Thôi nói: « Vua Hiến - công được chín ông con, nay chỉ còn có một ông vua này. Ông Huệ, ông Hoài ở bạc, trong ngoài đều ghét, trời chưa tuyền nước Tấn, thế nào cũng có người làm chủ. Vậy làm chủ việc thờ-tự cho Tấn, chả đến ông vua này, thì còn ai? thế là trời xếp đặt cho ông ấy đó, mà các người kia cứ nhận là công của mình thì có vu - hoặc không? Lấy vụng của của người ta còn gọi là trộm, phương-chi tham lấy công của trời mà nhận làm của mình dư! Kể dưới lấy điều tham làm ơn, người trên thường cho sự gian, trên dưới dối lẫn nhau như thế, mình khó mà xử với họ được. » Bà mẹ Giới Chi-Thôi nói: « Sao không cứ xin xen, chứ chết thì còn trách ai ». Giới Chi-Thôi thưa: « Bất-chước cái dở của họ lại càng thêm tội. Vả đã nói ra thì không thêm ăn cái lộc-thực của người ta nữa. » Mẹ lui hỏi: « Cũng cứ nói cho mà biết thì sao? » Giới Chi-Thôi thưa: « Lời nói là văn-vẻ của cái thân, thân đã sắp đi ần thì còn dùng văn-vẻ làm gì, còn nói nữa thì ra mình cầu hiền-đạt dư. » Mẹ nói: « May nghĩ được thế, tao với mày cùng đi ần. » Hai mẹ con cùng đi ần rồi chết.

Tấn-hầu cho tìm mãi không thấy, bèn lấy xứ Do-thượng để làm tự-diền mà rằng: « Đề ghi cái lỗi của ta và biểu-chương cho người thiện-nhân. »

24 — K. — Rợ Địch đánh nước Trịnh

T. — Quân Trịnh kéo vào nước Hoat, người Hoat xin phục-tùng mệnh-lệnh quân Trịnh rút về rồi người Hoat lại thông với Vệ.

Trịnh Công-tử Sĩ-Tiết với Đồ Du-Di lại đem binh đánh Hoat. Châu-vương sai Bá Phục-Du, Tôn-bá sang sứ Trịnh xin cho Hoat.

Trịnh-bá oán lúc Huệ-vương (Châu-vương trước) về nước không phong tước cho Vệ-công (vua Trịnh trước), lại oán Trương-vương bấy giờ đang vì nước Vệ nước Hoat, cho nên không tuân mệnh của vương mà giam hai quan sứ ấy lại. Vương giận lắm, định đem rợ Địch vào đánh Trịnh. Phó-Thần can Vương rằng: « Không nên, tôi nghe sách dạy: bạc thái - thương thì lấy đạo - đức mà yên dân, bạc kèm nữa thì lấy thân - tình xử với nhau, ngày xưa ông Châu - công (Đàn cầm cái nổi bất hòa của hai đời mặt điệp Hạ và Thương), cho nên lập ra phép phong kiến để phong cho mọi người thân-thích mà làm phen giầu cho nhà Châu, như những nước Quấn, Sái, Thành, Hoắc, Lỗ, Vệ. Mào (1) Nhiêm, Cáo, Ung, Tào, Hằng, Lát, Nguyễn, Phong, Luân là về hàng chiến của vua Văn-đế, những nước Vu, Tôn, Ứng, Hạ là về hàng mục của vua Vũ-đế: những nước Phàm, Tưởng, Hình, Mao (2), Tó, Sái là về con cháu ông Châu - công đó. Lại ông Thiệu Mục công thấy nghĩa nhà Châu suy kém, cho rợ hội họp cả tôn-tộc lại ở đất Địch - Châu mà đọc một bài thơ, có câu rằng: « Bông huê đường-lệ tốt tươi, anh em hơn mấy mươi đời nguy dung ». Bài thơ thứ tư lại có câu: « Anh em vật lộn trong nhà, lại ra chống kẻ khinh ta ở ngoài. » Coi đó thì anh em tuy có điều tiểu-phần với nhau mà cũng không nên bỏ mối thân-tình, nay Thiên-tử không nhân

(1, 2) — Hai nước phụ-dung là 毛 với 茅, theo ta thì ờng đợ thì là một âm (mao). Nay cứ tự-diền chưa thì 毛 = 莫袍切 vậy dịch là M, còn 茅 = 莫交切 vậy dịch là Mao cho phân biệt.

25 — K. — Thiên-vương ra ở nước Trịnh

T. — Mùa đông, năm Hi-công thứ 24, Tương-vương cho sứ đến cáo nạn với nước ta rằng : « *Bất - Cốc này không có đức, phạm tội với Tử-Hồi là người em cùng mẹ mà mẹ đã yêu giấu, nay ra ở ngoài cánh đồng đất Phiếm về hạt nước Trịnh này, Vậy có lời cáo để thúc-phu biết.* »

Tang Văn-Trọng thưa với sứ-giã rằng : « *Thiên-tử phải dãi-dầu ở ngoài gió bụi, vua nước tôi đâu dám không đảo bước đến thăm các quan hầu ngài.* »

Vương lại sai Giản Su-phủ sang cáo với Tần, Gả Yên-Phủ sang cáo với Tấn.

Trịnh-bá với Khổng Tương-Thư, Thạch-Giáp-Phủ, Hầu Tuyên-Đa (ba Đại-phu Trịnh) đến thăm các quan và dâng đồ khí-dụng ở đất Phiếm.

26 — K. — Vệ-hầu Hủy diệt nước Hình

T. — Vệ Văn-công năm đầu mới lên nối nước Vệ, chỉ có 30 cỗ binh-xa, Văn-công mặc áo vải to, đội mũ sồi, chăm tích-trữ tài-liệu, dạy dân làm ruộng, mở rộng đường thông-thương, ưu-đãi việc kỹ-nghệ, kính ban những giáo-điều cho dân, khuyến-kích việc học-vấn, truyền tống những phương-pháp hay cho trong nước và dùng những người tài-năng ra làm quan-trưởng; đến năm cuối đời ông thì được đến 300 cỗ binh-xa.

Năm Hi-công 24, Vệ định đánh Hình. Lê-Chí (Đại-phu Vệ) nói rằng : « *Không trị được kẻ giữ nước của nó thì không lấy nước của nó được, để tôi xin đem cả anh em tôi sang Hình cầu cho được vào làm quan nước nó đã.* » Họ Lê bèn sang Hình làm quan, năm Hi-công 25, mùa xuân, người Vệ đánh Hình, hai anh em họ Lê theo tước Quốc-tử nước Hình đi tuần trên mặt

thành, bèn cấp tước Quốc-tử ném ra ngoài thành cho chết di Vệ-hầu Hủy diệt nước Hình, Lê-Chí làm lời minh khắc ở đấy rằng : « *Ta quẳng Quốc-tử chết ở đây, không ai dám chống lại ta.* »

Đồ-nam tử cần-án. — Cái ác-thù gây ra cuộc chiến-tranh này là tại ở Hình trước. Hình với Vệ là hai nước cùng một họ Cơ với nhau, cùng bị giống ngoài là rợ Địch nó tàn-diệt, may nhờ được Tề Hoàn - công cứu và gây dựng lại cho cả hai nước, thì hai nước mới còn được cái tên ở hàng liệt-quốc Đông-Châu. Trông như thế thì hai nước không bao giờ quên được cái thù cái sĩ của giống dã-mán nó hà-hiếp tàn-phá hai nước hoa-hạ cùng họ hàng với nhau. Bao giờ cũng phải nhớ cái lời của Quân - Trọng là một nhà danh-tướng nước tân-quốc là nước Tề, đã khuyên vua Tề cứu Hình rằng : « *Tình người Nhung-dịch tham như chó sói, không biết chân, các nước Trung-hoa là thân-tình với nhau không nên bỏ.* » Thì hai nước không những có tình đồng-tình đồng-bệnh nên thương nhau, mà dù đối với một nước đồng-chủng nào ở đất trung-nguyên, hoặc có điều gì thất-tình một tí, cũng phải ở câu thơ của Châu-công Đán rằng : « *Anh em vật lộn trong nhà, lại càng chống kẻ khinh ta ở ngoài.* », mà hai đồng-tâm hiệp-lực với nhau để chống-chọi các rợ dã-mán ngoại-tộc cho khỏi cái họa xâm lấn lâu dài. Hay câu Địch diệt Hình diệt Vệ khoảng năm Lỗ Mẫn-công nguyên-niên, đến năm Lỗ Hi - công 18, chưa được 20 năm, cái vết nước lờ thành nghiệp chưa hàn khô, thì Hình đã quên ngay quốc-thù quốc-sĩ mà đi đem người Địch về đánh Vệ. Trận ấy Lê truyề chép Tấn-công Vệ phải khích-lệ quốc-dân về hăng-hải lên mà đem quân ra đồng-tiền Sĩ-lâu để chống cự với quân hai nước thì quân Địch kéo về:

còn quân Hình thì *Tả - truyện* không nói gì đến nữa, thế là quân Hình vẫn cứ đóng lại mà tác hại Vê. Vậy nay Vê đánh lại Hình cũng là lý thế tất-nhiên đó thôi. (Lúc Tề Hoàn-công mất rồi, người Vê có theo Tống Tương-công và Chư-hầu đi đánh Tề, nhưng là đánh cái đảng Dịch - Nha để lập Tề Hiếu-công theo lời Hoàn - công với Quân-Trọng-trúc-phó, chứ không phải là xâm lấn Tề).

Tuy-nhiên, lấy cái đạo « trung thứ » mà luận, thì Hình có tội. Vê đánh lại cho Hình biết tội là đủ nay Văn-công Vê lại diệt Hình đi chiếm làm thuộc-địa của mình, Hình đã tặc mà Vê cũng lại quá, cũng lại tham-tàn hơn.

Ông Lã Đông - lai Trung - quốc làm một cuốn sách chuyện phê-bình về những nhân-vật trong sách *Xuân-thu Tả-truyện*, đề là « *Đông-lai bác-nghị* », người ta đã đem khắc mà bỏ vào với *Xuân - thu Tả - truyện* làm một, chỗ đối với việc Lẽ-Chí ở đây, ông nói : « *Lẽ - Chí làm việc nguy-hiểm để cầu may lừa giết người ta mà lấy nước của người ta, đã không biết sĩ lại còn làm bài minh ghi khắc để khoe với đời sau.* »

Nay ta cứ bình-tĩnh mà bàn. Lẽ Chí không sang Hình lừa giết được Quốc-tử thì quân Vê đã lừa vào được thành nước Hình mà cái thù Hình đem Dịch về đánh Vê như thế mà bảo rằng Lẽ-Chí không công với tở-quốc Vê cũng không sai. Tuy-nhiên, việc có công đó mặc ông nhưng tự mình cứ để cho đời sau người ta công-lận thì hơn. Nay Lẽ Chí tự ghi khắc lấy thì Lẽ-Chí cũng lấy lương hiệp khí kiêu một chút. Còn việc Lẽ-Chí tình-nguyên với nước đem anh em đi lọt vào nước người mà là n được như lời để báo-thù cho tở-quốc thì Lẽ-Chí thực cũng đã thế-giờ-muru mà khổ tâm lắm, không hồ là sĩ vi nước xưa nay. (Tả-truyện, quyển 1, trang 10, dưới chữ Sĩ).

hàm-hở không xét, sĩ-mạ Lẽ-Chí cho là cầu may, là không biết sĩ, thì Đông-lai thực không thoát khỏi cái thói bọn hủ-nho, ngồi trong xó nhà, cao-dâm vu-khoát mà không biết lượng cho cái bụng khổ-tâm của kẻ làm việc nước vậy.

Phải biết ở cái đời liệt-quốc cạnh-tranh, ưu-thắng liệt-bại, mà muốn cho tở-quốc được sinh-tồn, dân-tộc khỏi tiêu - diệt, thì bỏ mưu thâm với sức mạnh ra không còn trông cậy vào đâu được nữa, muốn bắt hùm con, không vào hang cọp không được. Cho nên biết bao nhiêu kẻ vì tở-quốc phải xông-pha nguy-hiểm, liều thân hoại thể, chịu tử chịu nhục, làm thân trâu ngựa tới đời để thờ kẻ thù mà nhập-nội dụng-sự, qui hồ làm thành cái việc báo đền cho tở-quốc được thì thôi. Mà bảo đều được tở-quốc mới chính là việc thâm, án đại-nghĩa, vạn-cổ - cương-thường, còn bắt-đắc-đĩ phải dùng đến mưu-trá mới thành việc được, thì dù mang tiếng mưu-trá cũng phải làm, tới khi chi toại, cái vinh lớn kia cũng đủ đền bù với cái xấu nhỏ nọ. Vả xưa nay mưu việc, ai đã dám đoan trước cái gì cũng chắc vạn - toàn mà không phải cầu may, chẳng qua mưu việc ở người mà thành hay bại là ở may hay rủi cả đó mà thôi, thế mà Đông-lai lấy cái tư-dức làm-thường sĩ-mạ người chí-sĩ vì nghĩa lớn thì cũng quá lắm. Về phần tôi thì tôi tưởng chỉ những kẻ thật vong-ân sự-cửu, chỉ cần lấy no ấm mà chung-thân không có mục-dịch gì khác thì mới đáng sĩ-mạ.

— Tần-bá đóng quân ở trên bờ sông Hà-dịnh để nạp cho Tương-vương về. Hồ Yên nói với Tần-bá rằng : « *Muốn được lòng Chư-hầu không gì bằng làm việc cần-vương là Chư-hầu người ta tin. Vả cần-vương là việc đại-nghĩa, muốn kể lấy huân-nghiệp của đức Văn-hầu (tiên-quân Tần giúp Bình-*

vương mà tuyên-bố tin-nghĩa ra với Chư-hầu thì dịp này nên làm lắm. »

Tấn-hầu xin quân Tấn về chỉ để một quân Tấn xuôi dòng sông Hà xuống đón Vương.

Tháng ba, năm Hi-công 25, ngày giáp-thìn, Tấn đóng quân-thủ ở Dương-phần, đạo hữu-sư vây đất Ôn, đạo tả-sư đón Vương. Tháng tư, Vương về vương-g-thành, bắt được Đái-thúc ở đất Ôn, đem ra chấp-thành giết đi.

Ngày mậu-ngọ, Tấn-hầu vào châu Vương, Vương đãi yến có rượu lễ (rượu nếp) và thêm đồ phần biếu bằng vóc-lụa.

Tấn-hầu xin được tặng bằng lễ (1) « toại ». Vương không cho mà rằng : « Đó là Lễ của vương-giả, chưa ai có đức thay cho nhà Châu mà đã có hai ông vương-giả, thì đến thúc-phụ cũng phải ghét chứ không cứ ai. » Vương bèn cho Tấn-hầu các thửa ruộng ở về Dương-phần, Ôn, Nguyên Tấn-mạo, từ đây Tấn mới mở-mang về đường Nam-duong.

Người Dương-phần bắt-phục, Tấn-hầu đem quân vây.

Xương-Cát (người Dương-phần) gọi quân Tấn mà hô lên rằng : « Đức-nghĩa để dài các nước Trung-quốc, hình-phạt để trị các nước tử-di, nay các ông xử thế nên chúng tôi không dám phục. Ở đất này ai không phải là họ-hàng nội ngoại của nhà vương, thế mà định giam-hãm nhau đư? » Tấn bèn đuổi hết dân Dương-phần ra ngoài, mà chiếm lấy đất.

Mùa đông Tấn-hầu lại vây ấp Nguyên (Nguyên cũng không phục), truyền quân sắp ba ngày lương đi vây đánh. Đủ ba ngày, Nguyên không hàng. Tấn-hầu truyền giải vây đi, tên giáu-diệp nói rằng : « Nguyên sắp hàng rồi », quân-

sĩ thưa rằng : « Xin đợi xem đã ». Tấn-hầu nói : « Tin là cái báu của nước, dân trông cậy vào đấy, lấy được ấp Nguyên mà thất-tin thì dân còn trông cậy vào đâu, thành ra mình thiệt nhiều. »

Tấn lui binh một xá thì Nguyên ra hàng. Tấn-hầu thiên Bà-quán là quan nhà Châu giữ ấp Nguyên sang ấp Kỳ cho Triệu Thôi làm đại-phu ấp Nguyên (tên Trần con Hồ-Mao) làm đại-phu ấp Ôn.

27—K. Người Vệ đánh nước Tề

T. — Năm Hi-công 25, người Vệ (vua mới tên là Cử-Khánh con Văn-công Vệ) giúp cho nước ta để hòa với nước Cử, tháng 12, cùng đồng-minh ở đất Thao (đất Lô). Việc này là Cử-khánh tiếp tục cái nghĩa giao-liều của Vệ Văn-công với nước ta và hòa với nước Cử một thể.

Năm thứ 26, Công-hội với vua Cử là Tư-chính-công và quan Vệ là Nimb Trang từ đồng-minh ở đất Hương để trọn việc đồng-minh ở Thao năm trước.

Mùa hạ, Tề Hiếu-công đánh hạt bắc nước ta, người Vệ bèn đánh Tề là theo ước đồng-minh ở Thao đó. Công sai Triền-Hỉ đi khảo quân Tề và bắt phải đến nghe những lời từ-mệnh của ông Triền-Cầm (tức Liễu-Hạ-Huệ) dạy cho. Tề-hầu chia vào đến cõi nước ta thì Triền-Hỉ đi ra đón nói rằng : « Quân-quán ta ở đây, lời nghe nói ngài đời gột ngọc sắp qu, đến tề-áp chúng tôi, nên sai kẻ hạ-màn này đến khảo các quai chấp-sự của ngài. »

Tề-hầu hỏi : « Người Lô nghe tin ta sang có sợ không? » Triền thưa : « Kể tiền-nhân thì chúng nó sợ, nhưng người quân-tử thì không. » Tề-hầu hỏi : « Dân Lô làm gì thì nhân như cây khảnh treo, đứng yên thì không có hoo-màu gì, xanh thì vậy thì trông cậy vào đất, mà kẻ này sợ. » Triền lại thưa : « Chúng tôi trời đày ở mệnh-lệnh liên-

(1) Lễ tặng của vua thiên-tử khai đường ngầm đưa đại nư : đưa quan vào.

ương, ngày xưa ông Châu-công với ông Thái-công cùng giúp-dậy nhà Châu mà phủ-tả cho vua Thành-vương, vua Thành-vương có an-ủi cho hai ông mà ban cho lời minh-thệ rằng : « Đời đời con cháu chớ hại lẫn nhau » Lời minh-thệ ấy cắt vào nhà minh-phủ, có quan Thái-sư coi giữ, vì vậy vua Hoàn-công phải cử-hợp các nước Chư-hầu mà lo điều-hòa cho những nước bất-hiệp với nhau, che-chở cho những nước bị tai-nạn, thế là vua Hoàn công làm cho rạn vỡ cái chức-nghiệp cũ của tổ tiên ra vậy. Nay ngài lên nối ngôi, Chư-hầu đều tưởng mong mà rằng : « Ngài sẽ noi làm cái công-nghiệp của vua Hoàn, nên lệ-ấp chúng ta cũng không dám đóng binh để phòng giữ bờ-cõi làm gì, có lẽ nào ngài nối ngôi mới được chín năm mà đã quên ngay mệnh-lệnh, bỏ cả chức-nghiệp, thì sẽ đối với đức tiên-quần thế nào. Nhưng chúng tôi chắc rằng ngài không như thế đâu, chắc thế nên chúng tôi không sợ. » Tề-hầu bèn trở về.

28 - K. - Công lấy quân Sở đánh Tề chiếm được đất Cốc

T. - Công lấy quân Sở đánh Tề, chiếm được đất Cốc, đất này là con Tề Hoàn-công ở đất Cốc (Ung tranh lập với Tề Hiếu-công), cho Dịch-Nha ở đây phụng-sự Ung mà viện trợ cho Lỗ. Còn Thân-công Thúc hầu nước Sở thì đóng thủ-binh lại đây để giữ, vì vậy con Tề Hoàn-công bị người làm bầy đại-phủ ở Sở

29 - K. - Người Sở Trần-hầu, Sái-hầu, Trịnh-bá và Hứa-nam vây nước Tề

T. - Tống vì có cái gì với Tấn-hầu (khi Văn-công xuất-bôn) nên phân Sở về với Tấn. Mùa đông, năm Hi-công 26, Sở Lệnh doãn và Tử-Ngọc,

Tư-mã là Tử-Tây đem quân đánh Tống vây đất Mân.

Năm Hi-công 27. Sở-tử sắp vây nước Tống, sai Tử-Văn duyệt binh ở ấp Khuê, suốt một buổi sáng mà không phát một người nào. Tử-Ngọc lại duyệt binh ở ấp Vi, suốt một ngày, đánh roi bầy người, xâu tai ba người, các cụ quốc-lão (quan già chỉ sĩ) đều đến mừng Tử-Văn. Tử-Văn đãi các cụ uống rượu cả. Có Vi-cổ còn trẻ tuổi đến sau, không mừng. Tử-Văn hỏi ? Vi thưa : « Tôi không biết mừng thế nào. Ông truyền chính-quyền lại cho ông Tử-Ngọc mà nói rằng để yên việc nước, nhưng yên được ở trong rồi tất bại ở ngoài, thì ích-lợi được là bao nhiêu, Tử-Ngọc rồi mà bại là tự ông cử lên đó. Cử người lên để làm bại quốc thì còn mừng gì. Ông Tử-Ngọc là người cương-cường mà vô-lẽ, không có thể cai-trị dân được, hề ông đem số quân đến quá 200 cỗ binh - ra là không toàn vẹn mà về được đâu, còn như trận này ông được toàn vẹn về thì tôi sẽ mừng có muộn gì. »

Mùa đông, Sở-tử với chư-hầu vây Tống. Công-Tồn Cổ nước Tống sang Tấn cáo cấp. Tiên-Trần (quan Tấn) nói : « Báo ơn cứu nạn, dương uy-danh, định nghiệp bá, là ở chuyện này đây. » Hồ-Yên bàn rằng : « Sở mới đánh được Tào lại mới dẫu-gia với Vệ, nếu ta đánh Tào với Vệ, Sở tất đến cứu, thì Tề với Tống thoát nạn. » Vì vậy Tấn « đi suu » ở đất Bi-lu, duyệt tam-quân và công-cử chức Nguyên-súy.

Triệu Thôi nói : « Có Khước-Cốc làm Nguyên-súy được, tôi vẫn nghe ông ấy nói chuyện hay nói đến lễ-nhạc thi-thư, thi-thư là kho nghĩa-lý, lễ-nhạc là khuôn đạo-đức, mà nghĩa-lý với đạo-đức lại là cái gốc lợi vậy, sách Hạ thư có nói rằng : Nghe đúng lời nói, xét kỹ công-cán, rồi thưởng cho những

đồ ngựa xe mũ áo ». Vậy xin vua thử dùng ông ấy xem.»

Tấn-hầu bèn cho Khước-Cốc làm tướng đạo trung-quân Khước-Trần thì làm tá. Cho Hồ-Yễn làm tướng đạo thượng - quân, Yễn nhường cho Hồ-Mao (anh Yễn) mà mình làm tá. Cho Triệu-Thối làm quan Khanh (làm tướng đạo hạ quân), Thối nhường cho Loan-Chi với Tiên-Trần, nên Loan-Chi làm tướng đạo hạ-quân mà Tiên-Trần làm tá. Còn Tuấn Lâm-phủ thì làm chức Ngự-nhung, Ngụy-thủ thì làm chức Xa-hữu.

Nói về khi Tấn-hầu mới về nước, dạy dân mới được hai năm đã muốn dùng dân đi chinh-chiến. Tử-Phạm can rằng: « Dân chưa hiểu nghĩa-vụ thì chưa vững lòng. » Vì vậy Tấn-hầu đi nạp vua Lương-vương, lúc trở về chỉ chăm làm lợi cho dân, dân đều thỏa-thuê phần đời mình. Tấn-hầu lại muốn dùng dân đi chinh-chiến. Tử-Phạm lại nói: « Dân chưa hiểu tin nghĩa thì dùng chưa có hiệu lớn. » Vì vậy Tấn-hầu đi đánh ấp Nguyên để dạy cho dân điều tin-thực, từ ấy dân giao-dịch tài-hóa với nhau cứ định giá rõ-ràng sẵn ra chứ không cầu được món lời.

Tấn-hầu nói: « Dân có thể dùng được rồi ». Tử-Phạm thưa: « Dân chưa biết kính giữ lễ - pháp. » vì vậy Tấn-hầu đi đại-sưu để dạy cho dân điều lễ-phép đặt ra trật-tự để chỉnh-dốn quan-liều, từ bấy giờ dân nghe thấy hiệu-lệnh không ai còn nghi-hoặc gì nữa, Tấn-hầu mới dùng đi chinh-chiến, đuổi quân thù-binh ở ấp Cốc mà giải vây cho nước Tống. Năm sau Tấn-hầu đánh một trận mà nên nghiệp bá-chủ là bởi ở sự giáo-hóa bằng văn-đức vậy.

Đồ-nam-tử cấn-án. — Chính-sách quốc-dân giáo-dục là một chính-trị phú-quốc cường-binh, văn-minh cực-diêm mới phát-đạt từ Âu-châu độ trăm

năm nay, cái hiệu-nghiệm của nó nhất là thấy ở mấy nước như Phổ, như Nga, như Ý, như Nhật, bốn nước ấy xưa vốn là những nước yếu hèn hoặc còn mọi rợ, nhất - dân theo lối chính-sách ấy, bỗng nổi ngay lên làm những nước nhất - đẳng cường - quốc, binh-uy tirag-lẫy ở trong hoàn-cầu, thế mà xét đến căn-nguyên thì ra cớ-nhân Đông-phương ta đã biết đến, đã thực-hành mà có hiệu-nghiệm từ hai ba nghìn năm trước rồi. Tuy thời-đại cách xa, hoàn-cảnh biến đổi, hình-thức có giản-phiền tinh-thô, văn-chất khác nhau, mà cái tinh-thần thì cổ-kim cũng là một, tức là cái chính-sách của Tử-Phạm dạy Tấn Văn-công thì hành ở Tấn, khiến cho Tấn đang là một nước suy yếu, trong thì nội-loạn, ngoài thì bị Tần là một cường-quốc áp-bức, lúc thì chiến bại vua bị bắt, khi thì cắt đất nhờ giúp đỡ, thế mà bỗng đứng lên đẩy lui tam-quân, cử Nguyên-sứ, đi đánh Tào đánh Vệ, đem chư-hầu đánh Sở, đuổi quân nam-man mà cứu giúp các nước đồng-chung ở trung-nguyên, nước nhỏ bực cường-thịnh nhất ở đời Xuân-thu, vua làm một vị bá-chủ thứ nhì trong ngũ-bá, chính là nhờ ở chính-sách ấy.

Chính-sách ấy ngày nay ta gọi là chính-sách giáo-dân giáo-dục, mà đời Xuân-thu ta gọi là sự giáo-hóa bằng văn-đức đó, cái chính-sách ấy trước phải dạy dân lấy ba chủ-nghĩa là: Biết nghĩa-vụ, giữ tin-uy, hiếu và tôn-kinh phép-lễ.

Biết nghĩa-vụ tức là dạy cho quốc-dân ai nấy cũng hiểu cả địa-vị, chi-phận-sự của mình đối với nước quan-bộ là thế nào. So sánh muốn cho dân làm biết nghĩa-vụ đối với nước thì quốc-gia phải lo làm cho dân được lợi-ích mà thờ-thuật, cái đời mình. Cho nên Văn-công đã dạy dân biết lợi-thí-nghiệm đem dân đi làm việc nghĩa-cử nạp vua Chu Tương-vương, lúc trở về chỉ chăm làm lợi-ích cho dân.

Về phần quốc-dân với quốc-gia, quyền-lợi với nghĩa-vụ, tương-đối với nhau đã có phần xứng-dáng rồi, nhưng về việc giao-lễ của xã-hội mà còn khi-trá lẫn nhau, chưa biết lấy tin-nghĩa làm trọng, thì sự-nghiệp đoàn-thể không phát-đạt được, cho nên Văn-công phải nhân việc đánh Nguyên mà dạy cho dân biết rằng giữ ý được như lời một tờ sắc-lệnh còn quý hơn là lấy được một nước, bởi vậy dân cảm-hóa mà trong-tràng kinh-lễ, sự giao-dịch đều định ra giá sẵn chứ không cầu được cái món hời của khách hờ-hênh.

Cá-nhân biết nghĩa-vụ, xã-hội trọng tin-nghĩa rồi, nhưng mỗi người đối với pháp-luật mà đều không biết tôn-kính, thì dù có hiền-phép hay, tục-lệ tốt cũng không thực-hành được. Cho nên Văn-công phải cuộc đại-duyết-bình, đặt trật-tự mà chính đốn bọn quan-lieu là hạng thi-hành phép-luật cho dân trước.

Dân đã có giáo-dục mà quốc-gia đối với trật-tự của pháp-luật, lại chịu chính-đốn ngay từ quan-lại trở đi, nên mỗi lần quốc-gia có ban hành pháp-lệnh gì, nhân-dân người ta nghe thấy đều hiểu biết ý nghĩa chân-thực của pháp-luật ấy, sẽ có lợi ích cho dân là thế nào, thì người ta sẽ theo mà thực-hành ngay, không có ngoài-nghĩ ngàn-ngại gì nữa. Một chính-phủ khiên được cho dân biết giải-thích pháp-lệnh của quốc-gia mà tin theo, không nghi-ngại gì, thì dân há không phải là đã lời một cái trình-độ khai-hóa cao, và chỉ li-phủ há không phải là có giá-trị đáng tin nhiệm làm ru? Cái cuốn sách quốc-dân giáo-dục cùng cái chủ-nghĩa giáo-dục trên ấy há không phải là những tinh-thần chính-trị mà người ta gọi là cực-diêm văn-minh, nội nữa đã là

thực-tế, một nửa còn là lý-luận ở đời này ru?

Ôi, một quốc-dân mà đã biết nghĩa-vụ, giữ tin-nghĩa và tôn-trọng pháp-luật như thế thì tờ-chức làm một quốc-dân-bình, lo gì không có những quân-sĩ cảm-tử, những quân-đội tất-thắng, đủ tuyên-dương uy-thanh của tờ-quốc-ra với doanh-hàn.

Coi đó thì biết một nước mà nổi tiếng hiền-hách, tranh được quyền-lợi ưu-thắng ở giữa đám liệt-cường tranh-canh kia, không phải chỉ cốt nuôi binh cho nhiều, sắm khi-giới cho tốt và đặt quân-lệnh cho nghiêm-khắc mà được đâu, binh nhiều, khí giới tốt và quân-lệnh nghiêm mới là phần hình-thức, phần xác đó mà thôi. Còn sử dụng được phần hình-thức, sai khiêu được phần xác ấy thì lại phải nhờ ở phần tinh-thần, ở phần hồn vậy, phần tinh-thần, phần hồn của việc quân-sự chính là ở đâu biết nghĩa-vụ, giữ tin-nghĩa và tôn-trọng pháp-luật, mà dưỡng-thành ba chủ-nghĩa ấy là ở phép quốc-gia giáo-dục hoàn-toàn vậy, không thể thì sao bọn quân-phiệt Trung-quốc ngày nay, hợp cả nam bắc lại có tới gần 200 vạn quân, súng tay đạn thuốc, trái pha tàu bay, chất chứa như non như núi, thế mà Nhật-bản chỉ có rằm nghìn lính vào chiếm-cứ thành Tế-nam làm nhiều sự tàn ngược, mà người Tàu không dám giao-phong, thì biết lập-quốc ở giữa thời-đại tranh-hung muốn cho quốc-gia có thể-lực, có địa-vị với người, không chú-ý về vấn-đề quốc-dân giáo-dục không được vậy, chúng ta cũng đừng nhất-thiết cho cổ-nhân là hủ cả đâu.

(Còn nữa)

N.T.-T

CHẾ-ĐỘ GIA-ĐÌNH

Chế-độ gia-đình cũ

10 *Chế-độ gia - đình cũ.* — Nước ta khi xưa ở về thời-dại theo phép tộc-trưởng, vậy nên lấy gia-đình làm bản-ví, phạm các điều bình - pháp chính-giáo đều bởi đó mà phát-sinh ra. Hãy lấy một điều hiểu mà nói, thì phạm trăm điều đạo-lực tin-nghĩa đều căn-cứ ở điều hiểu mà ra cả, bởi vì điều hiểu không những là chỉ hết lễ phụng-thờ cha mẹ mà thôi; suy điều hiểu ra để thờ vua thì là trung, để lập-thân thì là kinh, đem ra để tiếp người thì là thành, đãi người là ái, cho đến tôn người hiền kính ông già, yêu nước yêu dân, đều gốc bởi từ yêu đấng thân mà ra cả, bởi vậy điều hiểu mới là đầu trăm điều thiện. Ấy nước ta lấy là một cái xã-hội hoàn-toàn bởi « nhân-vi », nên xử chỗ trai gái thì có phân-biệt, ở chỗ trưởng-âu thì có thứ-tự, đức nên cái thói hóa-mục, cái tiết liêm-trinh, đến nay đầu các nước văn-minh bên Âu Mỹ cũng phải khen, vì tại là đạo luân-thường đã chính từ trong chỗ cha con vợ chồng, nên cương - kỷ ở ngoài không đến đổ nát, thế thì bảo rằng giáo-hóa xã-hội ta là thành tự trong gia-đình cũng phải.

Không những thế mà thôi, lại còn việc tế-tự thì có nhà tôn - miếu từ-đường, việc cộng-sản thì có kho nghĩa-xương, trại nghĩa-trang, lại đặt ra gia-phổ để biện-biệt kẻ thân người sơ, đặt ra gia-pháp để trừng-trị kẻ bất-tiểu, trên từ ông bà chú bác, dưới đến chị em dâu, em gái, phạm việc gì cũng phải theo lễ-tiết cả, vậy nên động đến một chi thì cả họ cũng dao - động, tổn mất một người thì cả nhà cũng dả-lụy, đầu rằng thời cách đến trăm năm, đất cách đến muôn dặm, mà đã là người

trong một họ thì vẫn là một huyết-thống cả, chế-độ rất là hoàn-bì, giai-cấp rất là phân-minh, thực không phải nhu bên Âu-Tây vì bằng được. Người ngoài cứ thấy người nước ta mấy đời vẫn đồng-cư với nhau mà lấy làm lạ, nhưng không biết rằng cái trong gia-đình người nước ta, vẫn có một cái linh-thần đặc-biệt không thể mất đi được, người nước ngoài không thể biết được.

Ấy cái phần ưu-diễm gia-đình của nước ta đã như nói ở trên, nhưng mà cái phần nhược-diễm thì cũng nhiều, sẽ kể ra sau này.

1) *Cái tệ đồng-cư.* — Cách tệ hại về đồng-cư kể ra cũng nhiều, mà những đều tệ nhất thì có năm điều: Một là có hại cho danh-giáo, đã đồng - cư với nhau thì không hay đem cả gia-quyển đi ở nơi xa được, vậy nên thường sinh ra cái tệ con gái ế chồng, con trai không vợ, làm điều ăn ở với nhau không còn có đạo-lý gì cả. Hai là có hại cho đường kinh-tế, các người trong họ, chỉ chác nhờ về tài-sản của họ, nhiều người phân-lợi mà ít kẻ sinh-lợi. Ba là ở trong một nhà có nhiều điều không tiện, vì có nhiều người quá thì sinh khác nhau, huyết-thống càng xa thì lợi-ích mỗi người một khác, trong chỗ chị chồng em dâu và chị em dâu làm lúc sinh ra cứ nhau tranh-cạnh lẫn nhau. Bốn là không tiện cho việc giáo-dục, như là ông bà thì lại hay nuông chiều cháu, có khi mệnh-lệnh của cha mẹ nó cũng không thể làm được. Năm là không tiện cho việc vệ-sinh, trong một nhà người ở chen chúc quá, thì đời với đời cách vệ-sinh cũng làm điều trở-ngại.

2) *Cái tệ về việc hôn-nhân.* — Cái thói hôn-nhân của nước ta phải nên cải-cách, cần phải là có hai điều: Một

là cái vấn-đề chủ-hôn, hai là cái vấn-đề tảo-hôn. Ai cũng biết rằng cái sự trách-hôn tự-do, thì không kỳ con trai con gái, người già người trẻ, ai cũng cùng một tâm-lý mà muốn như thế cả. Nếu làm cha mẹ mà can-thiệp vào sự dựng vợ chồng cho con, thì chủ-ý cũng hay, nhưng mà sinh ra lắm điều ác-quả cũng bởi đó. Nay muốn cải-lương gia-đình thì về cái việc dựng vợ gả chồng cho con cái, phải nên liệu theo cái ý-kiến của chúng nó mới phải, ấy là một điều. Trai gái mà tảo-hôn sớm quá, thì nguyên-nhân sinh ra cái tệ bán-nhược, không thể kể xiết được, mà cái tệ lớn nhất là làm ngăn-trở cái đường học-hành của kẻ con em tuổi trẻ, và lại làm cho nó thêm nặng cái gánh vác trong gia-đình, thương-hại đến cả tinh-thần của con người ta, hư-tồn đến cả năng-lực của xã-hội nữa. Không những là có hại đến những việc giáo-dục, việc kinh-tế, và nói giống xã-hội, còn đến trăm điều tệ nữa chứ không có một điều nào lợi, thế thì phải nên trừ hẳn cái tệ tảo-hôn đi mới phải, ấy là hai điều.

3) Về cái tệ lập-trưởng và lập-hậu. — Cái tệ tệ lập-trưởng rất nhiều, mà tệ nhất là cái điều hay tranh nhau tài-sản. Đã cùng là con cái trong một nhà, kể thứ-tự ra vẫn là có trưởng người ầu, nhưng cũng bằng nhau cả thì kể về đường thân-ái cũ đều nhau, nay nếu cứ theo tuổi mà phân-biệt ra có kẻ hơn người kém, thì trong chỗ con cái có khi sinh ra hiềm-khiến mà hại đến thiên-luân, thì rất là vô vị.

Cái thói nước ta từ xưa đến nay vẫn lấy có con cái làm trọng, nhưng bởi đó mà sinh ra mỗi nhà cũng nhiều. Nguyên cái việc nối dõi tông-đường, mong cho nối-giống được lâu-dài, dầu là một việc rất lớn trong gia-đình. Nhưng không thể theo cho đến cùng được. Những đứa con nhà du-đăng đều là bởi khi nhỏ cha

mà tự-trung phần nhiều là những đứa con nuôi được cha mẹ yêu quá thì lại hay sinh hư. Và lại cái việc lập-tự đề nối dõi tông-đường, thì không khác gì sự tiếp cánh kia vào cõi nọ, mà lò-vò nuôi đến thì cũng là tình-nghĩa thờ-ơ, bởi thế mà trong nhà thường sinh ra tranh-khien; cứ lấy cái tư-trào đời nay mà suy nghĩ, thì tưởng cũng không cần chi lắm.

Ấy cái nhược-diểm của gia-đình cũ khi xưa đã kể tách ra như trên đó, nhưng rút lại thì có ba điều dở như sau này: 1^o là không thích-hợp với thời-thế đời nay; 2^o là thúc-phục cái tự-do của người trong một nhà; 3^o là ngăn-trở đường tiến-bộ của xã-hội.

1) Không thích-hợp với thời-thế đời nay. — Trong gia-đình thống toàn-quyền ở người cha, thì chỉ thích-hợp với thời-thế về đời trung-cổ, đương lúc ấy cung cầu về đường kinh-tế hãy còn đơn-giản, mà cái lý-tưởng của các nhà khoa-học vẫn còn nông-nổi, như là việc chính-trị việc tôn-giáo vẫn còn ở vào cái thời-kỳ bán-khai, vậy nên trong gia-đình thống toàn-quyền ở người cha, thì cũng đủ ứng-tiếp với mọi sự nhu-cầu của xã-hội đương lúc ấy. Nhưng từ khi đường công-nghệ bắt đầu cải-cách, nó làm cho lay động đến cả cõi-rễ đường kinh-tế, lại còn cái chủ-nghĩa tự-do bình-dẳng độc-lập, nó in sâu mãi vào cái tâm-lý người ta, nên tất cả cái cơ-quan trong xã-hội đều chịu cái ảnh-hưởng trực-tiếp hoặc gián-tiếp nó làm chuyển đi, vậy nên cá-nhân chủ-nghĩa nó đã có cái thế cùng với gia-tộc chủ-nghĩa đều thi-hành, khi xưa lấy gia-đình làm bản-vị cho xã-hội, đến nay vì cái cơ sinh-tồn cạnh-tranh càng ngày càng kịch-liệt, thành ra không thích-hợp nữa. Nước ta từ khi Âu-hóa tràn sang đến nay, phạm những cái qui-chế cũ chur là tế-lỗ đồng-cư, việc:

hôn-nhân, việc tang-táng, dần dần đã thấy biến đổi khác đi, xem thế thì cái quyền người cha ở trong gia-đình đã không thích-hợp với thời-hế đời nay nữa.

2) *Thúc-phục cái tự-do của người trong một nhà.* — Cứ theo như lễ-phép cũ nước ta thì phần nhiều trọng về hình-thức, mà bất-cận bản-tình, như là cha con trong một nhà chỉ thấy lễ cách trang-nghiêm, mà ít có cái khí-tượng hòa-nhã thân-thiết, nguyên là quyền trong nhà đã ở trong tay một người, thì người nhà chỉ có cái nghĩa phục-tùng mà thôi, rồi thành ra cái tệ làm cho nhân-cách hèn cả đi, tài-năng cũng mất cả đi, cái nền xã-hội cứ thủ-cụu mãi không thể thay đổi tiến-hóa lên được, rồi thành ra con người ỉ-dột, làm việc gì cũng chỉ cầu-thả tạm yên, tới cơn hoạn-nạn thì cầu may cho thoát khỏi, đó cũng bởi cái cơ trong gia-đình cứ phải nhắm mắt phục-tùng nhân-nhục mà theo, lâu mãi rồi nó thành ra cái tính hủ-bại như trên ấy.

3) *Ngăn trở đường tiến-bộ của xã-hội.* — Xã-hội nước ta tiến-bộ chậm chạp, nguyên-nhân bởi tại gia-đình không hay cái-cách, xưa kia ông Khổng-tử cho rằng trong ba năm không đổi việc của cha làm là người hiếu, đó là bảo người ta không nên vong-bả mà thôi. Chớ nếu cứ nệ cái điều ấy cho là thiên-kinh địa-nghĩa không dám thay đổi, thì thành ra cái thói xã-hội chỉ thủ-cụu mãi không khi nào tiến-bộ được nữa. Ông Mạnh-tử bảo rằng vô-hậu là một điều bất-hiểu lớn, lời nói ấy làm cho người ta chỉ mong nhờ về con cái mà không hay tự-lập. Nước ta từ khi biến-cách đến nay mà đạo-đức không hay tăng-tiến lên được, gáo-dục không hay phổ-thông khắp được, cùng là việc vệ-sinh không ai giảng-cứu, việc kinh-tế không hay phát-dạt, xét ra cái gốc tệ-hại chỉ tại là cái gia-đình cũ không hay thay

đổi mà thôi, bởi vậy mới bảo rằng nó làm ngăn-trở đường tiến-bộ của xã-hội.

II

Chế-độ gia-đình mới

Gia-đình mới là trở về những cái gia-đình của các nước văn-minh Âu-Mĩ bây giờ, cái cách tổ-chức khác với cái cách gia-đình cũ nước Tàu, bởi tại cái chủ-nghĩa mỗi đảng một khác, nước Tàu thì giữ theo cái gia-tộc chủ-nghĩa, bên Âu-Mĩ thì tôn-chuộng cá-nhân chủ-nghĩa, bởi vậy cái chế-độ gia-đình mỗi đảng một khác.

A. Cái cách tổ-chức gia-đình mới

1) *Ở riêng.* — Cái cách tổ-chức gia-đình mới với gia-đình cũ hình-thức khác nhau, một đảng thì hợp cả họ cùng ở, một đảng thì chỉ hậu trong hai vợ chồng với con cái mà thôi. Bởi vậy trong cái gia-đình mới, con cái có một-thiết quan-hệ với cha mẹ chỉ ở về lúc con cái chưa dựng vợ gả chồng mà thôi. Đến khi đã dựng vợ gả chồng rồi, thì người con cái ấy lìa ngay gia-đình cũ đi mà tự-lập. Phạm những việc kinh-tế việc gia-chính, đều quyền tự tay con cái, chớ cha mẹ không có can-thiệp vào. Người làm cha mẹ cũng mừng rằng con cái đã biết tự-lập không cần phải săn-sóc trông nom nữa, so với cái gia-đình cũ thì có phần lợi nhiều lắm, nghĩa là gia-đình mới mỗi là một đoàn-thể nhỏ, cho nên cố-kế lợi nhau được bền-chặt, mà tinh-thần cũng đều quân-thống cả, đến cái nét hiếu-túc cũng vẫn y-nhiên không khác, so với cái thời-dại có những gia-tộc lươn-lao cũng không kém gì.

2) *Lễ hôn-nhân.* — Việc hôn-nhân thì thành lập theo cái ái-tình của trai gái, hai bên trai gái đều có cái quyền tự-do kén chọn, cùng với cái thói người xưa chỉ trọng về đờng nhà mẹ, với đời trang-cổ lại trọng về quyền con trai thì thực là khác nhau. Bởi vậy trước khi chưa thành-lập, đôi trai gái cũng làm

lúc được gặp nhau để đính-ước, mà cha mẹ cũng không nghiêm-cấm gì cả, chỉ lấy cái tư-cách là bậc tôn-trưởng răn dạy phải theo đường chính-đàng mà thôi. Đến khi đã thành-hôn rồi, thì phải có nhà nước và tôn-giáo chứng-nhân cho, mới được là chính-thức hôn-nhân. Đến việc li-hôn cũng phải thế. Ấy cái lễ hôn-nhân của gia-đình mới, có cái tự-do mà cũng có phép hạn-chế. So với khi xưa có phần khác nhiều.

3) *Tài-sản*. — Trong cái gia-đình mới thì tài-sản thuộc về gia - đình, chỉ có cái quyền về di-sản thì mới thuộc về cái người được hưởng cái của ấy, không như là cái gia - đình thuộc về quyền người cha mà người con trưởng lại có quyền hưởng phần hơn, vậy nên phải có tờ di-chức để qui-định, về sau này cái công-hiệu nó thế nào, thì đã có phép-luật nhà nước bình-vực cho. Nếu người cha không chia của cho mọi người con, thì con cũng không được nài xin; hoặc là người con không đem cái phần của sở-đắc của mình chia cho cha, thì người cha cũng không trách mắng gì được. Chỉ những lúc nào chi dụng có thiếu - thốn, thì cha con vẫn có cái nghĩa-vụ giúp đỡ lẫn nhau. Đó là bởi cái tiến bộ sinh-hoạt càng ngày càng cao, mọi người đều phải có cái năng - lực tự-lập, cha con cũng bắt-bắt phải nhờ nhau, cũng là một điều chứng về cá-cá-nhân chủ-nghĩa của bên Thái-Tây, nó đã phát-đạt lắm vậy.

B. Từng phần riêng trong gia-đình đời

1) *Chồng*. — Chồng là người đại-biểu trong một nhà. — Con trai là chủ trong nhà từ đời xưa vẫn thế, cái nguyên-nhân đó là bởi con trai thể-phách mạnh-mẽ, sức lực cũng hùng-hậu, và về đường

lý cũng có khác. Hai là bởi người con trai ở trong xã-hội kể về trên đường lịch-sử và tập-tục cũng có phần trọng-đãi hơn, vậy nên tuy đương lúc nam-nữ bình-quyền, mà nhất-thiết những việc đối-ngoại, đều lấy con trai làm đại-biểu trong một nhà. Ba-tắc-cách nói rằng: « Cái chức: sự-cửa con trai ở trong gia-đình, có thể tóm cả về một chữ quyền (Authority) là hết ». Thế cho nên người con trai vẫn được cái quyền tổng-quản cả việc nhà, giám-đốc cả người nhà, mà làm đại - biểu trong một nhà vậy.

Nuôi nấng người nhà. — Con trai đã được hưởng cái quyền-lợi như đã nói ở trên, thì phải nên làm hết cái nghĩa-vụ tương - đương, là phải nuôi nấng người nhà. Còn như người đàn-bà tuy cũng phải quản - lý việc vặt trong nhà, nhưng kể về trên danh-nghĩa và sự thực, thì không hay vì cả người nhà lo liệu ăn mặc. Bao nhiêu những sự chi tiêu trong hàng ngày đều phải nhờ về con trai cấp-dưỡng cho cả, bởi vậy người đàn ông nào không có cái năng-lực trên đủ nuôi cha mẹ, dưới đủ nuôi vợ con, thì không dám lấy vợ, các nước bên Âu Mỹ khi vào sở già-thụ cũng phải can-thiệp vào bồi hau kỹ lắm, sợ rằng cho lạm-hôn quá thì kết-quả về sau lấy vợ không đủ nuôi, không những là cá-nhân phải chịu thiệt, mà đến đường kinh-tế của nhà nước cũng phải chịu cái ảnh-hưởng ấy.

Chủ nhà phải nên lấy gia-đình cùng lợi-ích làm bản-vị. — Con trai đã đành là làm đại-biểu cho gia-đình, nhưng phải nên lấy gia-đình cùng lợi-ích làm bản-vị, chứ không nên lạm-dụng cái chức quyền của mình. Vậy hãy nói về một điều tài-sản, người ta thường thường coi gia-sản làm phần riêng của mình có, vậy nên thường hay tự ý mình muốn huy-hoặc thế nào cũng

được, không còn hỏi chi đến vợ con cả, đều đó là một điều lầm to. Phải biết rằng cái tài-sản ấy nếu tự phần thừa-kế mà được, thì tất cả người nhà đều được hưởng một phần quyền-lợi vào đó. Nếu phần tài-sản ấy là của cá-nhân được hưởng, thì tuy rằng gia-đình không phải là trực-tiếp sinh lợi, nhưng cũng có phần tán trợ vô-hình vào đó. Vậy nên tài-sản ấy là của công cả gia-đình, chứ không phải một người được tự-chuyên đầu, nếu tự mình cứ tiêu phung-phá mà để cho người nhà phải đến nỗi túng quẫn, thì so với tình-lý cũng khó lòng giải-thoát được, vậy nên làm người gia-chủ phải nên mưu hạnh-phúc cho cả gia-đình, mà phải cần-thận giữ theo cái chức-vị của mình.

2) Vợ. — Chức-sự của đàn ông đàn

bà, không giống nhau. — Ở trong cái gia-đình mới thì chức-sự của đàn ông đàn bà vẫn mỗi đảng một khác, nói rút lại một đảng thì coi việc ngoài, một đảng thì coi việc trong mà thôi. Bởi vì cái cách sinh-hoạt của người đàn ông phần nhiều là quan-hệ ở sự-nghiệp xã-hội, còn đến việc vặt trong nhà thì phải nhờ đến người vợ trông coi. Lời cổ-ngữ có nói rằng : « Trong nhà có người vợ hiền, cũng như ở nước có quan-tướng giỏi. » Lại rằng : « Người hiền-phụ thì gây dựng được cửa nhà. » Thế thì cái chức-sự trọng-yếu của người đàn bà có kém gì đàn ông đâu. Sẽ kể những điều lớn như sau này.

1) Quan-hệ về việc vệ-sinh thì như là kén chọn nơi nhà ở, điều-hòa các thức ăn, may vá các xống áo, dọn dẹp sạch-sẽ trong cửa nhà, bày đặt những chỗ làm lụng.

2) Quan-hệ về việc giáo-dục thì như là cần-thận từ lúc thai-sinh, trông nom nuôi nấng con cái, và những điều thưởng phạt khoan-nghiêm, những

điều thường-thức trở bảo, những cách dạy dỗ tự-nhiên.

3) Quan-hệ về điều đạo-đức thì như là giữ gìn tình nết, trở bảo khuôn-phép, rèn đức nhân-cách, dạy bảo lễ mạo.

4) Quan-hệ về việc quản-lý thì như là trở bảo đầy-tớ, giữ gìn trật-tự, ngăn việc lầm lỗi, dự-bị việc dưng-lão.

5) Quan-hệ về đường tài-chính thì như là dự-bị việc súc-tích, biên tính những số tiền dự-toán quyết-toán, phân-phát tiền dùng hàng ngày, cần-thận mọi đường kinh-tế.

6) Quan-hệ về những việc vặt thì như là thù-liếp tân-khách, bày biện sắp-dặt trong nhà, sửa sang giềng giọt vườn trại, cùng các việc vặt v. v. . .

Đàn bà nên chăm việc nhà. — Xem thế thì cái chức-sự của người chủ-phụ trọng-yếu biết là chừng nào, không những là có quan-hệ mật-thiết đến người nhà, cho đến cả xã-hội và quốc-gia cũng phải chịu cái ảnh-hưởng gián-tiếp ấy. Đời nay có người yêu-cầu cho đàn bà được tham-dự chính-quyền, nếu cái chí-nguyện ấy mà được thực-hành hay gây được hạnh-phúc cho xã-hội thì chẳng hóa ra đưa cả người ta vào một đường chính-trị, không biết rằng trời đã phân-biệt giống người rồi, có đàn ông đàn bà, thì từ cõi rể đã phân-công ra hai ngã, nếu để cho đàn bà phải bỏ việc gốc mà theo việc ngo, thì chẳng là bắt-tri lầm ru ! Thế cho nên đàn bà phải nên biết cái chức-sự của người chủ-phụ, có phần trọng-yếu hơn người đàn ông, chứ chẳng nên yêu-cầu đến việc khác làm gì.

3) Con cái. — Cái vị-trí của con cái ở trong gia-đình. — Cái vị-trí của con cái ở trong gia-đình có phần đặc-biệt, vì là con cái mới sinh ra.

người nhà đối với con cái đã có một cái quan-niệm đặc-biệt. Nguyên là cái tình cha mẹ luyện-ái con cái cũng như các loài động-vật, toàn là bởi cảm-tình mà sinh-ra. Và lại cái tình đoàn-kết trong gia-đình, cũng thường bởi lúc sinh ra con cái mà lại càng bền-chặt, thế thì cái quyền-lợi của con cái, người làm cha mẹ cũng phải nên tôn-trọng mà giữ gìn cho.

Cái quyền của con cái nên có.— Khi xưa đương lúc quyền người cha thịnh quá, cha mẹ thường không kể cái quyền của con cái vào đâu cả. Nhưng đã sinh ra làm người, thì trời tất cũng phù cho cái quyền của loài người nên có. Huống-chi đứa trẻ con còn mong cho nó thành người, thì đương lúc nó còn măng sữa sắp lớn lên, phải nên bồi-bổ vun giồng cho tốt, thì về sau cái đường tiến-bộ của xã-hội, cái nền hạnh-phúc của loài người cũng trông nhờ về đó cả. Không thế thì về sau nó thành ra những đứa một nước hai dân, cái lỗi ấy tại ai? Thế cho nên kẻ làm cha mẹ phải nên vì nhân-đạo, vì xã-hội, vì cá-nhân đứa trẻ con mà phải qui-bán lấy con cái, rèn tập cho nó thành cái nhân-cách cao-thượng, nuôi nấng cho nó thành cái thể-phách mạnh-mẽ, để ngày sau cho nên một đứa quốc-dân tốt, gánh vác lấy phần trách-nhiệm rất cao.

Cái trách-nhiệm của cha mẹ.— Bây giờ nhiều người cứ hiểu lầm cái nghĩa tự-do bình-dẳng nghĩ rằng trong chốn cha con không còn có tôn-ty thượng-hạ gì cả, nên mới gây ra cái xã-hội cha chửi cha, con chửi con. Nào biết đ u cha mẹ lấy là bậc tuổi tác đã cao, phần kinh-nghiệm phần học-vấn có thì từng-trải đã nhiều, mà nguyên xác thật của con cái cũng bởi đó mà thế thì làm con phải tôn-kính cha mẹ thực là một điều thiên-kinh địa-ngi không thể phá bỏ đi được. Còn nh

do bình-dẳng là nói về đường tình-thần chứ không phải nói về đường hình-thức, cha với con bao giờ vẫn có một cái giai-cấp không thể mất đi được, sao lại bình-dẳng được bao giờ. Tuy rằng thế, song như cái gia-đình cũ của nước Tàu làm con cứ phải nhắm mắt mà phục-tùng, phải đồng-cư mới là hiếu, thì cũng là lầm vậy. Làm con vẫn có lẽ phải phục-tùng chính-nghĩa, nếu cái mệnh-lệnh của cha mẹ mà hợp về chính-nghĩa, thì phải nên theo đã đành. Nếu không hợp chính-nghĩa, thì làm con phải can-ngân, cõ-nhân vẫn cho thế làm phải, mà cái tình-thần của gia-đình mới cũng phải cốt như thế, thế thì cái thói làm con cứ phải nhắm mắt mà phục-tùng, sao lại gọi là hiếu được. Đời nay đương là lúc văn-hóa mở-mang, cái nghĩa-vụ của con cái phải nên làm, không phải chỉ hạn ở trong gia-đình, nếu chỉ biết có gia-đình mà không biết đến xã-hội, thì cũng là tự-tư tự-lợi, kể về đường đạo-đức mới cũng không ai khen. Đạo hiếu là cốt mưu cho mình hay tự-lập, gặp khi cha mẹ quẫn-bách về đường kinh-tế hoặc lung-túng về việc gì, thì làm con phải nên hết sức giúp đỡ. Gọi là người đạo-hiếu cốt là phải trực-tiếp vì xã-hội gây dựng nền hạnh-phúc, và gián-tiếp vì cha mẹ làm cho tỏ rõ lệnh-danh, làm con chính là cái ngôi thông tình-thần ở giữa, chứ không phải chỉ làm những việc phụng-duỡng trong gia-đình mà thôi, cứ như cái lẽ ấy thì cái thói đồng-cư sao gọi là hiếu được. Còn những cái trách-nhiệm khác của người làm con nhiều lắm, kể ra đây không thể hết được.

C. Cái cảnh-tượng trong gia-đình mới

Phàm những điều quyền-lợi và nghĩa-vụ của vợ chồng con cái đã kể như trên rồi, nay nói qua về cái cảnh-tượng trong gia-đình mới.

a - *Quan-hệ về vật - chất.* - 1) Là đường kinh-tế dự-dự. Gọi là kinh-tế dự-dự không phải cứ rặng gia-tư giàu đến cụ-van đâu. Nghĩa là trong một nhà tiền nhật-dụng hàng ngày còn để thừa ra được, mà có trừ-súc được ít nhiều để phòng-bị những lúc tai-bại ốm đau hoặc lúc không có công việc làm, thì cũng gọi là nhà đã hơi khá. Trong một nhà mọi người đều có giữ một chức-sự thì phân ra công-việc càng tinh, cái suất sinh-sản lại càng thêm nhiều ra, không đến nỗi lo túng-bần.

2) Là thân-thể khỏe mạnh. Cái cách xếp đặt một gia-đình mới lại rất chú-trọng về việc vệ-sinh. Và lại đương lúc cái trình-độ sinh-hoạt đã cao, thì phải những đồ ăn mặc chỗ cư-xử và những đồ cần dùng hàng ngày, đều phải xếp đặt cho tinh-tế mà hợp-nghĩ cả, cho nên cái thể-phách người trong một nhà thường được mạnh khỏe luôn, xem như cái thể-lực người Tây sánh với người ta thì biết.

b - *Quan-hệ về đường tinh-thần* - 1) Là người nhà đều có quyền tự-do chứ không ai xâm-phạm đến nhau. Ở trong một cái gia-đình mới, cái quyền hạn của người trong nhà rất là phân-minh, như là cái quyền của con cái kén chọn việc hôn-nhân, thì cha mẹ vẫn có quyền răn bảo, nhưng còn đến quyền kén chọn thì vẫn tùy-y ở con cái. Cái quyền tài-sản của cha mẹ thì con cái vẫn được yêu-cầu, nhưng cái quyền cho hay không thì vẫn tùy ý ở cha mẹ. Nghĩa là người trong một nhà đều được tự-do, nhưng vẫn phải nghiêm giữ ở trong phạm-vi, chứ không được xâm-phạm của nhau.

2) là người trong một nhà đều được bình-đẳng không có phân ra giai-cấp. Trong một gia-đình mới thì nhất-luật bình-đẳng cả, hãy kể như chủ nhà đối với đầy tớ, thì chủ nhà bỏ tiền thuê

muốn vốn được hưởng cái quyền-lợi nó hầu hạ, đầy-tớ nhân lấy tiền thuê thì phải chịu trách-nhiệm hầu người, nhưng cái chỗ khác nhau thì ở về chia công việc, chứ không phải ở về nhân-cách. Vậy nên cái chỗ quan-hệ chủ nhà với đầy tớ là toàn quan-hệ về đạo-đức, chứ không phải kể đến kim-tiền hay là thể-lực, đời bên vẫn đều giữ cái lòng kính-trọng, như thế thì khác với cái gia-đình chuyên-chế khi xưa cậy của mà coi khinh kẻ nô-t

3) Là người nhà đều đồng-làm cả mà vẫn không bỏ mất cái tinh riêng. Trong một gia-đình mới là một cái đoàn-thể cơ-quan bên chặt, cho nên người trong một nhà đều theo cùng một ý-kiến cả. Tuy rằng thế, nhưng không phải làm mất hẳn cái tính riêng của từng người trong nhà đi đâu. Nhân-tâm người ta mỗi người mỗi ý, sao hay cùng được, chỉ có người trong một nhà đều hay vị việc công là bụng thành, không có một tí gì là tư-kiến, vậy nên ai cũng hay bỏ số-đoàn mà theo số-trưởng, để cho giải-quyết công việc về sau. Tuy cũng có lúc ý-kiến mỗi người một khác, nhưng ai cũng vị cái hạnh-phúc trong một nhà mà lo tính, thì cũng có khi phải bỏ cái ý riêng mình đi mà theo về một chiều.

Cái cảnh sống-sống trong một gia-đình mới. - Trong một gia-đình mới vẫn có một đường không-khi riêng, khác hẳn với xã-hội và các nơi học-hiệu. Những người ở trong gia-đình ấy được hưởng cái cách thiên-nhiên hân-du-ỡng, lại thế này có cái ái-lực dung-hòa, thì tự-nhiên tinh-cách nó biến đổi đi không biết thế nào. Như thế thì sống-sống về đường tinh-thần, không phải như người đời xưa sống-sống về đường vật-cấp vật vị bằng được. Người trong một nhà tuy rằng cơm rau áo vải, mà cái thú vui về thiên-tuần và tâm-thẩm, thì ai làm vua cũng không

khí nào có cái vui ấy. Nhưng đây chỉ nói về một phương-diện mà thôi, nếu chúng ta lại xét về một phương-diện khác thì thường cũng như cái ảnh-hưởng về đường xã-hội kinh-tế, và cái chủ-nghĩa cá-nhân phát-dạt quá, lắm lúc cũng có hại đến sự hòa-bình hạnh-phúc trong gia-đình không phải là ít vậy.

Trên đây so-sánh cái chế-độ gia-đình mới với gia-đình cũ kể đại-khái ra cho biết. Thế thì cái gia-đình nước Tàu hiện bây giờ, đã theo về chế-độ mới hay là vẫn theo chế-độ cũ? Cứ xem như hiện-tượng bây giờ thì gia-đình nước Tàu ngày nay đã do cái chế-độ cũ mà qua sang cái chế-độ mới rồi. Hãy nói về một việc hôn-nhân thì những cái thói nuôi rể gửi rể cũng hãy còn có, nhưng phần nhiều đã theo về cái thói Âu tây nam nữ bình-dẳng, đã

bỏ cái thói trọng nam khinh nữ đời trung-cổ đi rồi. Nói về cái cách lập-trưởng, thì cái quyền con trưởng, nàng dâu trưởng nay cũng không khác gì mấy những người con thứ. Nói về cái thói đồng-cư thì hiện nay đã phân ra nhiều gia-đình nhỏ, xã-hội cũng không ai chê là trái với đạo đức; và từ khi mở cuộc thông-thương đến nay, trong xã-hội bị phải cái tư-trào mới và cái chế-độ mới nó kích-thích, đã khác hẳn cái thói hễ-quan tỏa-cảng khi xưa, mà trong các gia-đình cũng đã vô-hình biến đổi theo như các lối bên Âu Mỹ. Người ta bảo rằng cái hiện-tượng xã-hội nước Tàu bây giờ, là bởi hai cái thế-lực mới cũ nó đương xung đột với nhau mà thành ra vậy.

ĐÔNG CHÂU dịch

HI-LONG DI-THẶNG

希龍遺乘

Đặt-sử một nhà vua nước Nam : Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-long. (1)

VIII

III

Quảng-yên vắng lệnh vua xưa,
Bây mưu đánh giặc cha người tội oan.

Triều vua Tự-đức năm thứ 17
(Tây-lịch năm 1864)

Ba mươi bảy tuổi, ông vắng lệnh ra
abiệm Quảng-yên. Trên ấy đóng trên
núi; núi hình như ngai tiên, nên gọi
là núi Tiên; gần bên sông, giáp đất
nước Tàu. Danh-thần, thời có núi Lôi-
âm là cao, sông Bạch Long là lớn, hi
mười hai cửa bể, mở ra chỗ đồn-ái,

cũng là một tỉnh duyên-biên xung-yếu,
thường có giặc cướp, dân-sự không
mấy lúc được yên. Ông mới đến
tỉnh đã có lệnh phải đi đánh giặc.
Phu-nhân than-thở rằng : « Ông vốn
dòng nho-nhã, yếu chân mềm tay, đánh
giặc thế nào được. Nghĩ mình là về
đại-cán, chỉ quen nghiên bút chữa từng
cung-dao, ba quân chỉ ngọn cờ đào,
mũi tên hòn đạn biết sao bây giờ? Thôi
cũng chỉ tự ông hay khái với quan trên,
quan trên ghét, buộc cái chết cho ông
đó thôi ! Chứ nhà vua thiếu gì tướng

văn tướng võ mà lại cử đến ông.» — Ông úy-dụ rằng : « Thôi bà cứ yên lòng ở đây, để ta đi quân-thứ cho được hai chữ vạn-toàn. Tầm lòng đối phúc cùng trời, giang-sơn a-hộ có người có ta ; nỗi-niềm đừng nghĩ gần xa, cớ-mua áo chúa xông-pha quân gì ? »

Nói xong ông bèn dứt áo ra đi.

Quân sắp hai hàng, lệnh truyền một phép, nào binh nào giáp, nào ngựa nào voi, tiếng loa vang trời, bóng cờ rợp đất, ông đem năm trăm quân kéo đến làng Bùi-xá, theo quan Trương Quốc-Dụng tiểu giặc. Ông nói với ông Trương rằng : « Đón đồn đây, ba mặt kê sông, nước thủy-triều lên, lỡ ra thuyền giặc thừa-cơ kéo vào đánh tập-hậu thời mình thua, nên dời quân chỗ khác. » Ông Trương nói : « Ta đón đồn ở đây nghĩa là bổi-thủy-trần, quyết đánh thù-tử ; người không có can-dảm cho người về đón quân giũ sông Bạch-dăng. » Ông bèn đem quân về. Mới đến giữa đường, sớm mai có người chạy về cấp-báo ; « Chi-nguy ! chi-nguy ! giặc đánh ở Động-ninh, quan-quân chết như rác, thuyền giặc kéo đến đây bây giờ, tính nước sao không chết cả ! » Ông cho là không sợ, chắc thuyền giặc không có lẽ đến ngay.

Hỏi ra trận ấy thời giặc Tàu đóng ở bên An-lập, giặc Thổ đóng ở làng Bùi-xá. Ông Trương sai ông Hồ-Ba đón quân ở Động-ninh. Giặc ở trên bộ kéo xuống, cùng thuyền giặc hơn hai trăm chiếc ; hai lối đánh vào, quân sợ chạy tán-loạn, lẫn cả xuống sông, chết cũng nhiều. Ông Trương cùng với ông Than chết trận. Lúc ấy ông Văn Đức-Nhai chỉ còn có thủ-hạ hơn hai mươi người cùng giặc cự-chiến bị hại.

Bà phu-nhân ở tỉnh nghe thấy trận ấy quan-quân thua, sợ mất hồn lạc vía, tưởng là ông cũng theo ông Trương Quốc-Dụng ở chỗ đồng xương vô-định

mất rồi. Bỗng thấy người đưa tin : ông đem quân đóng ở Bạch-dăng, không can chi cả. Phu-nhân được tin mừng rỡ như cỡi khùng ruột.

Trận ấy chết mất ba ông đại-khoa, còn tướng-sĩ không kể xiết. Ông có mấy bài viếng trung-hồn các ông tử-trận như sau này.

Ông Trương Quốc - Dụng, người tỉnh Nghệ-an, huyện Thanh-hà, đỗ Tiến-sĩ làm quan Hình-bộ Thượng-thư, sung chức Hiệp-thống, mất tặng Đổng-các đại-học-sĩ. Ông tinh lý-học, khi ở quân-thứ chưa từng đời quyền sách. Bài khóc ông Trương rằng :

I

*Đánh nam dẹp bắc dễ ai hay,
Quân thứ ông vừa có chiếu đây ;
Chín bề sớm khuya lo việc nước,
Bà ngã gươm báu sẵn trao tay.*

II

*Kê số quân ta kém giặc nhiều,
Nguy-cơ nhưng cũng quyết gan liều.
Tướng-dinh còn đó người đầu nhĩ ?
Gió lạnh hơi thu bóng xế chiều !*

C III

*La-khe hôm trước mới cùng ông,
Bỗng đã tin một trận không ;
Nhớ lúc quân trong lời khảng-khát,
Gió thu hiu-hắt chạnh bên lòng.*

Ông Trần Huy-Thân người huyện Chí-linh, tỉnh Hà-tĩnh, cùng với ông đồ-Tiến - sĩ khoa binh-thin, mộ dũng theo quân-thứ chết trận tặng Thị-độc. Bài khóc ông Trần Huy-Thân rằng :

*Thương ông Trần thị-độc !
Cùng ta bạc đảng-niên ;
Trước ta là Ngự-sử,
Ông ở vì Tập-hiền ;
Ở Huế học Văn năm lễ,
Cùng ông an bát-nghiên ;*

Sông Hương cùng đờn Lý,
Non Bình khúc nhạc Tiên;
Tướng kết duyên văn-tự,
Gặp nhau còn nhiều phen;
Bồng dàu cơn gió bụi,
Ông Tạo khéo xui nên;
Nhà ông dưới núi Phụng,
Giấc bề nổi gần bên;
Lòng vì dân vì nước,
Không lẽ ông ngồi yên;
Đánh xếp búa nghiên lại,
Chống gươm xông trận liền;
Liền mình chẳng sợ chết,
Gan sải một lòng kiên;
Trăm năm ông dưới suối,
Tiếng ông vẫn còn truyền;
Thương ông tiếc ông lắm,
Nhớ ông lòng không quên.

Ông Văn Đức - Nhai, người huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an, đỗ tiến-sĩ khoa giáp - thin triều vua Thiệu - trị, trước đi mô dũng theo quân-thứ ở Gia-djah; khi về thăng Bồ-chính Phủ-an. Sau làm Tân-lý, chết trận truy-tặng Tuân-phủ. Ông sớm mất cha, thờ mẹ rất là hiếu-thảo. Lúc mẹ mất làm nhà ở ngoài mã ba năm, thương khóc ngày nào cũng như ngày nào, ai cũng khen là hiếu-nghĩa. — Bài khố ông Văn như sau này:

Ôi thương ôi! Ôi thương ôi!
Ông Văn Đức-Nhai ôi!
Người ta được trung rất hiếu,
Ông thì trung hiếu đức cả hai;
Đánh treo hồ-băng,
Giả trọng loan-dài;
Thế mà không ra làm quan,
Chỉ ở nhà nuôi mẹ (c);
Lấy hiền-viên làm (c);
Lấy ban-thái làm vua;
Chẳng tưởng chỉ đến (c) mũi chung-
đinh ở trên đời;
Khi mẹ mất xong ta (c) rồi,
Chiếu ra đóc-noc, tuấn (c) nh vua đời;
Bồng dàu giấc nổi bờ (c) ôi,
Khi quốc-gia có việc, (c) còn biết

suy-ủy cho ai!
Côn quyền đủ sức,
Lược-thao gồm tài;
Xuất tiền xuất bạc, chiêu mộ bao
nhiều người;
Nào binh nào tốt, nào đội nào cai;
Ra tay cung-kiếm,
Tổ mặt tài trai;
Chỉ non thề bề, quyết không cùng
giấc ở một trời;
Không ngờ giấc (c) hổ bên trong, giấc
Tàu bên ngoài;
Quán mình đóng ở bên đời;
Hai bên giáp đánh, hơi chính-khi
không địch dặng lữ tanh-hối!
Ông Văn Đức-Nhai ôi!
Thương ông mãi, thương ông hoài;
Nghĩa đồng-bào trăm năm nghìn
kiếp cũng không phai;
Ông về chín suối, nhưng trung-hồn
nghĩa khí vẫn còn phảng-phất ở bên tai.

Ông Hồ Chử-Ba, người tỉnh Quảng-trị, làm quan thủy-vệ, mất truy-tặng Thống-chế. Bài khố ông Hồ rằng:

Thương ôi chế-thống Hồ-Ba,
Kề tay thao-lược dễ mà có hai;
Quảng-yên mười một năm trời,
Đành nam đẹp bắc mấy hồi xông-pha.
Giấc tàu cùng với giấc ta,
Đạo vào An-lập đạo ra làng Bù,
Ông toan cớ-thủ mà thôi,
Nghe lời chư-tướng liệu bài chiến-bình.
Bồng dàu giấc đến bên mình,
Quán thuyền quán bộ vây quanh bốn bề.
Quán mình đóng ở bên khe
Tiến lên chẳng dặng lui về chửn hay.
Lọng Ninh mờ-mịt lừng mây,
Nước tràn chân núi lửa bay ngang trời.
Quan quân nổi trận bời-bời.
Đành đem gan óc gửi nơi chiến-trường.
Nhớ ông càng tiếc càng thương,
Cái hồn trung-nghĩa hơi sương lạnh-
lùng.

Bấy giờ tỉnh Quảng-yên cáo-cấp, vua sai quan Ngự-sử là ông Trịnh Đình-Thái đến thăm xét tình-hình giấc uhr

thế nào mà quân mình đến nỗi bị thua làm vậy. Ông nói: « Trận mới rồi thua cũng vì ông Trương đóng quân ở La-khê gần sông. Tôi đã nói ông ấy dời đồn đi chỗ khác, nhưng không nghe. Còn như quan chủ-sứ là ông Nguyễn Tri-Phương không hiểu binh-cơ đem quân bộ mà giao đánh với quân thủy, trách nào mà không thua. »

Ông Thái nói rằng :

—Thôi, việc trước đã qua rồi, bây giờ nghĩ mưu-chước thế nào để bình giặc ?

Ông đáp :

— Hiện bây giờ giặc bễ cứ thường thường lên thuyền vào ăn cướp ở sông Bạch-đăng ; hai bờ sông ấy cỏ cây rậm-rạp, giặc thường ẩn núp ở đấy không thể đánh được, đợi khi thuyền vào ăn cướp, lúc ra sẽ đón đánh chắc rằng bắt được cả thuyền. Nhưng chỉ hiểm thuyền quan-quân nặng đi chậm, không bằng thuyền của dân nhẹ hơn. Theo như cách-thức ấy mà chế thời mới có thể đánh được thuyền giặc.

Ông Thái nghe ông nói về tàu vua, vua liền sắc cho quan Tuần-phủ tỉnh Quảng-yên là Lê Hữu-Thường trích số tiền trong kho giao cho dân, theo như cách-thức thường mà đóng. Đóng xong gặp lúc giặc vào làng Thủy-dương ăn cướp ; ông mật-sứ cho dân không được đánh với, đợi giặc ra, đem phục-binh ở mé sông Hải-yêu đón đánh, bắt được thuyền giặc hơn 40 chiếc.

Cách hai tháng nữa giặc kéo sang làng An-cổ huyện Thụy-anh (trước thuộc Nam-dịnh, nay thuộc Thái-bình), ông mới khiển dân thừa-cơ đón đánh ở mé sông Phong-liêu, bắt được thuyền giặc hơn sáu mươi chiếc ; hai trận đều được thắng-trang cả, giặc kinh sợ kéo ra Cát-bà. Sau ông Nguyễn Văn-Luật mới tiến quân sang đánh họ ; giặc nghe sợ kéo về đóng ở phủ Hải-ninh

rồi giết quan phủ Phan Văn-Sĩ chiếm giữ lấy thành. Ông lập tức sai ông Luật đón quân nước Tàu thẳng kéo đến Hải-ninh. Ông thời cùng với Đê-dốc là ông Mai Thiện đem hai ngàn quân đi bộ phòng tiết chỗ giặc đi. Khi mới đến đất Tiên-an gặp quan Tham-tán là ông Phạm Chi-Hương cùng kéo quân đến, hợp hai toán lại đến đất Hải-ninh để quyết chiến. Ông biểu ông Đê-dốc Phan Văn-Tê rằng : « Quân giặc vây thành Hải-ninh, nhưng xem ra sơ-lược. Tôi chắc nó nghe quan-quân kéo đến thời bất-nhật nó cũng phá vây chạy ra Kiến-duyên, hoặc là bèn nam kéo thẳng vào Gia-định, nó không đóng ở đây đâu ; ông phải kịp dài-tài lương-xương để quân ăn rồi trở về giữ Kiến-duyên, nếu chậm thời lỡ việc ». Quả-nhiên giặc bỏ thành Hải-ninh toan cướp đường chạy sang Kiến-duyên, cùng với giặc Tô Tử (giặc Tàu hợp đảng ; nhưng mới đến xã Đàm-bà (thuộc phủ Vạn-ninh) thời bị quan quân tiết lối, không dám lên bờ, bèn kéo buồm chực chạy vào Gi-định. Mới đến tỉnh Quảng-bình, nhân gió ngược, thuyền không đi được. Lữ giặc ấy đều bị bắt, còn người Tô Tử thì vẫn giữ đất Kiến-duyên ; người Giang-Triều-Trong thì giữ đất Hậu-co, quân thế nó mạnh. Sau ông lại cùng với ông Mai Thiện đem một ngàn hai trăm quân đến đất Tiên-an, một sai chánh-tổng Hậu-co là người Hoàng Tài, thừa-cơ úp đánh, bắt được người Giang-Triều-Trung ; còn giặc Tô Tử hình-thế nó hùng-dũng lắm, chưa có thể chôn lại được ; quan quân đóng ở đó giao chiến với giặc, quan làm thẳng trời. Đê-dốc là Cao Hắc-Cần, Tân-tướng là Hồ Ban, Lĩnh-bình Phan Văn-Tê đều bị trời mưa, bị độc ốm chết. Quan Đê-dốc Mai Thiện sau cũng ốm chết. Quan Tân-tướng là Ông Ích-Khiêm thay lĩnh Đê-dốc. Lúc bấy giờ

Ông đóng ở An-nan, quan-quân thế có, người bị thương, kẻ bị ốm, mà lương-xương dài-tải từ An-nan đến Kiến-duyên đi đến một ngày rưỡi, dân phu ngại-ngùng bỏ trốn hết cả; quân không đủ lương ăn. Ông gọi kỹ-lão xã An-nan hiểu-dụ rằng: «Việc lương-xương rất là quan-khẩn, các người ở đất nhà vua, ăn của nhà vua, nhân lúc nhà vua có việc cũng phải nên hết lòng hết sức. Lũ người là dân anh trong dân, nếu để dân nó trốn đi thời tội bỏ cho ai? Lũ người phải thân-hành đốc-sức dân-phu dài-tải lương-xương để ta cấp-phát tiền gạo cho phu ăn. Nếu được việc các người sẽ có thưởng.» Kỹ-lão nghe lời vui lòng đốc-sức dân-phu vận-tải trong sáu ngày lương-thực đủ cả.

Lương-xương binh-nhung chỉnh-bị, ông truyền lệnh cho các quân sắp sẵn voi ngựa, đánh chuốt gươm giáo để kịp sớm ngày mai đánh giặc. Khi mới sắp trận giàn binh, giặc Tô Tư trông thấy thất-kinh, đổi đồn Kiến-duyên chạy về Tàu; vì thế lương-xương súng đạn còn dư nhiều. Ông nghĩ: binh-khi đề đây giáp Tàu, giặc nó khuy-du, sau này nó lại mưu đến ăn cướp, bèn lập-tức giao súng đạn cho quan Tri-châu Hoàng Văn-Tổ chở về tỉnh. Lương còn thừa hơn hai ngàn hộc thời giao cho các xã lân-cận ở đây, cấp cho mỗi người một phượng, bắt lý-dịch phải kỹ nhận, đợi đến kỳ thuế chiêu số sung-nộp một thể.

Sớ tâu vua y cho, đoạn rồi kéo quân về.

Lúc ấy phu-nhân ở tỉnh, sớm hôm ngờ-ngần, đêm ngày chờ mong, gương lược bề-bại, song-mai chiếc hỏng, đòi phen đoạn lòng tha-thiết, mắt lo đăm đăm, dạ sầu thêm lại la - dao :

Trải mấy độ xuân qua thu lại.

Nhắc cảnh hồng tin lấy vắng tin.

*Nhớ người lòng vẫn như in,
Quan-san đề cách hàn-huyên dậm*
[trường.

*Tưởng người dài-các văn-chương,
Đem thân dãi gió nằm sương xót thăm
Già tựa cửa làm dâm tóc-bạc,
Con ngóng tin ngờ-ngác mặt buồn.
Bên thành cây cỏ héo-hon,
Khuê-vi lạnh-lẽ nước non xa vời.
Ái sinh ra giặc hỡi trời ?
Áo xiêm đề đồ người nơi chiến-trường!*

Thôi thì cũng khẩn trời khẩn đất, khẩn mười phương chư-phật a-hộ độ-trì cho ông, đi việc quân-thứ, muốn sự tốt lành, công-thành danh-toại.

Bụng bảo dạ vừa xong, bỗng nghe tiếng loa chen tiếng trống, gió đưa phảng-phất bên tai, vội - vâng lên cửa thành trông ra đã thấy quan-quân kéo về tỉnh, mừng-mừng rõ-rõ, bao nhiêu trận khóc bật ra cười. Phu-nhân gọi con ra đón ngoài cửa. Ông trông thấy hỏi rằng:

— Mẹ con bà ở đây chắc cũng lo cho tôi lắm...!

Phu-nhân mỉm cười mà rằng:

— Mẹ con tôi tưởng giặc Tô Tư nó đưa ông đi đâu mất rồi, ngờ đâu bây giờ lại được thấy đây, mừng nào lại quá mừng này nữa không?

*Sầu riêng như cỏ lấm lòng,
Trương mai nổi gót thong-dong tự-tình.*

— Bà ở đây có biết tin-tức cụ ở nhà sao không?

— Cụ mạnh, vẫn có tin đi tin về luôn; cụ đêm ngày mong ông như ông, ước bao giờ ông xong việc chinh-chiến về về chơi kể chuyện cụ mừng.

— Nay việc quân-thứ về, song chưa thể về ngay được, cần đưa tin về hai cụ biết trước. Tôi tưởng không còn mình nào về tới đây, may nhờ ơn trời phúc tổ, giang-sơn thần-thánh a-hộ, chẳng phải đánh với giặc trận nào; hề thấy

quan mình thời giặc nó lui. Nay mai tôi định làm tiệc khao quân-sĩ, mừng được đoàn-viên vui-vẻ cho bố lúc dãi nắng dầm mưa, gởi gươm đội giáo bấy lâu.

Trong tiệc có bài ca khải-hoàn :

MIÊU

*Chiếu hoa hợp mặt vui-vầy,
Nhạc khua diễn trận tiệc bày khao binh.
Nay mừng bốn cõi thanh-bình,
Phúc trời nhưng cũng duyên mình chi [đây].*

Nói

*Nghĩa làm tôi phải nên tận-liết,
Xếp bút nghiên theo việc hung-bình.
Ra tay chống vững biên-thành,
Vì ơn nặng phải lấy mình làm nhẹ.
Gối giáo nằm sưng đầu dầm kè,
Giận giặc trời thề quyết chẳng dong.
Trận Kiến-duyên vừa sắp quân-nhung,
Giặc Tô Tư đã sạch không dám cõ.
Ngoài quan-tái xông-pha mây đỏ,
Lúc vinh-hoa cho bố lúc phong-trần.
Nhắc chén quỳnh úy-lạo ba quân,
Vui một tiệc ghi ân Thánh-thượng.
Cuộc hành-lạc mừng nay thắng-trạng,
Dám mong gì ban thưởng quân-công.
Tây-trần một chén thông-dong !*

Đoạn rồi ông xét việc tặc-án trong tỉnh ; xét án hai-mươi-năm bản, hiện can giam năm mươi ba người, đều can án cướp, đã bấy lâu nay tra hỏi lữ ấy không chịu nhận lễ gì.

Sớ tâu : « Nguyên án cướp này, những đứa thủ-phạm, hoặc trốn hoặc chết ; còn những đứa can-giam không có bằng-chứng gì mà kết án được. Nay cứ lấy tình-nghĩ mà giam mãi thời chỉ thêm chật nhà ngục mà thôi ; vả hồi mới rồi Triều - đình có ơn chiếu, những tên nào theo giặc hoặc chịu quan-chức của giặc ra thú cũng lượng tha cho, phương-chỉ lữ giam ấy không có chứng-cớ gì là giặc. Đứa thì có tên ở sổ ngục, đứa thì lúc giặc chạy rồi

mới bắt được, đem một sự tình-nghĩ mà cứ giam mãi, hết năm ấy sang năm khác, khiến cho chúng nó mất đường sinh-lý, tưởng Triều - đình nhân-thứ không nỡ làm thế. Nghĩ nên bắt lý-dịch kỹ nhận về quản-cổ, cho yên phần làm ăn và để thanh án-lý ».

Vua cũng chuẩn-y như lời tâu, hiện tha cho năm mươi người.

Sau lúc ấy Ngụy Lĩnh-bình là người Trinh cùng đảng giặc Tạ Văn-Phụng chạy sang Tàu, mới lên về tiếm-àn ở đất Tiên-an, quyến-dũ ngu-dân để mưu khởi-ngụy. Quan Tri-châu Hoàng Tất-Tổ thám bắt được tên Trinh, trong mình có ấn ngục và sổ ngục ; trong sổ ấy có ký tên hơn bốn trăm người, đều là hào-mục có tiếng ở tỉnh Đông, tỉnh Bắc, Khi giải đến tổng-giam, người Trinh chực mưu phá ngục ra ; ông nói với quan Tuần-phủ là Mai Qui đem chém ngay rồi tâu sau. Ông Qui biện rằng : « Người Trinh chém đã vậy, nhưng còn sổ ngục thì làm sao ? »

Ông trả lời rằng :

— Tôi thiên-nghĩ tên Trinh là đứa giặc trốn, chắc cũng không ai theo nó, chẳng qua nó mạo ký ra làm vậy để dụ-dịch những ngu-dân dấy thói, xin đem đốt cái sổ ngục ấy đi, nếu sau này có sự gì tôi xin chịu tội với Triều-đình, chứ không muốn để bốn trăm người ấy phải dầm-lụy.

Ông Qui nghe nói cũng tâm-phục là phải.

Bộ giao về tỉnh xét án tên Nguyễn Túc xã Quỳnh-lâu. Duyên tên Túc ăn trộm thóc của di, huynh-thứ xã ấy bắt được quả-tang, chiếu hương-lệ truất vi-thứ tên Túc. Tên ấy giận đem kiện huynh-thứ việc lậu đinh-diễn và những tệ các khoản. Quan sở-tại không chấp đơn ; tên ấy đem đơn vào Kinh kiệp Tam-pháp. Bộ giao đơn về tỉnh xét ; huynh-thứ làng ấy sợ lậu đinh-diễn

tội nặng, dứt cho tên Túc năm mươi lạng bạc để rút đơn ra, làm giấy hưu lại. Tên Túc nhận được bạc đến nói với viên Kinh-lịch là Trần Xán rằng giấy khai đình - điền viết làm mấy chữ, xin đem khai lại. Viên Kinh-lịch nghĩ thiệt cho xem. Tên ấy giắt lấy giấy khai bỏ vào mồm nuốt đi mất, rồi vát ngay ra đấy giá-cách mè. Viên Kinh-lịch không biết tình-ý ra thế nào, hoảng sợ, đến trình với ông. Ông đến xem và biểu rằng: « Việc này không ngại, cứ mặc xác nó, hễ nó có chết mổ bụng nó ra mà lấy tờ khai. » Tên Túc nghe ông nói sợ, một lúc bò dậy, ông lập-tức đòi huynh-thứ xã ấy hỏi: « Ta nghe tên Túc lấy bạc của dân các người có phải không? » Các huynh-thứ đều đồng thanh bầm có; lại hỏi tên Túc nó cũng nhận là có lấy bạc không chối. Ông mắng rằng: « Mày ăn trộm có tang-tịch, huynh-thứ truất mày, không phải là ghét mày, cũng là theo khoán-ước trong làng đó, Mày đã không biết tội thì chớ, lại còn đi tố-cáo đình-diền để cầu thoát tội, rồi lại về dọa dân lấy tiền bạc, mày thiệt là một đũa điều-ngoạ, phải gồng cổ giam mày vào ngục mới xong. »

Nói đoạn ông sức lại - thuộc thảo án. Tên Túc sợ, dỗi sắc mặt, kêu xin tha tội và xin thôi kiện, lại xin trả tiền lại dân.

Ông lại mắng: « Mày là thằng điều, ta nhất-quyết không tha. »

Sau tự nghĩ rằng: « Tên Túc thực đáng tội, nhưng làm án nó thời ruộng làng ấy phải đặc lại, đình làng ấy phải kiểm lại, vì tên Túc mà đề-đà-lụy cho dân, lòng ta bất-nhẫn. » Rồi ông sai viên Kinh-lịch thảo án xử tên Túc can việc ăn trộm thóc gạo về dân quân-thúc. Còn như: « Việc khiếu đình-diền, xét ra chẳng qua tên Túc giận huynh-thứ làng nó truất vị-thứ mà vu-cáo làm vậy. Hiện tình làng ấy cận-lai nước lụt và giặc cướp đốt phá tàn-hại cũng

không ít. Nếu cứ lấy lời tên Túc làm bằng mà khám đặc lại, sợ sinh phiền-nhiều. » Việc đó tâu vào, vua nghe.

Ông ở Quảng-yên gần ba năm, có công-trạng về việc đánh giặc Tô Tư và xét những án nghi đều được thanh-khoản, chiếu thăng Bồ-chính tỉnh Thanh-hóa.

IX

Tỉnh Thanh Ơn chiếu thăng quan,
Tha dân thuế muối bỏ đường lợi riêng.

Triều vua Tự-đức năm thứ 24
(Tây-lich năm 1867)

Bốn mươi tuổi là năm ông được thăng Bồ-chính tỉnh Thanh. Tỉnh ấy nhiều chỗ danh-sơn thắng-tịch. Đất triều Nguyễn phát-phúc ở xã Gia-miêu, huyện Tống-sơn. Đương Tây-lich năm 1665, Triệu-tổ là ông Nguyễn Huỳnh đánh giặc Sơn-nam từ-trần; làng táng hiện nay ở đấy, nên gọi tỉnh ấy là Ấp Thặng-mộc nhà vua. Tục có câu: « Xứ Thanh cây thế, xứ Nghệ cây thần ». ý nói tỉnh ấy dân-sự cây thế vua. Ông nghĩ cai-trị cho xứng chức tuần-tuyên cũng khó.

Việc quan thanh-thỏa, nhân gặp ân chiếu ông cụ, bà cụ đều ngoại bảy-mười, sắc phong tặng « Hàn-lâm-viện thị-giảng học-sĩ », lại ban vàng lụa. Ân Hoàng-thượng ưu-đãi bạc cao-niên, được sinh-phong làm tiệc thượng-thọ, trong làng họ, ngoài quan-nha, tiết xuân với mở tiệc hoa vui vậy. Có bài chúc thọ:

*Giọng ti-tuyệt treo trên màn huệ,
vui cảnh thanh-nhàn;*

*Áo ban-lan mùa trước sân Lai, đã
lòng kính-mộ,*

Mừng nay:

Nghĩa mẹ công cha, ơn trời phúc tổ,

Nhẹ bước công-danh, nhờ duyên hội-ngộ.

Dường hoạn-hải khởi cơn sóng gió,
lộc nước về vang.

Nơi chiến-trường mây trận binh-đao,
lòng trời a-hộ.

Bồ lúc phong-trần, nhờ ơn vũ-lộ.

Đa vàng tóc bạc, trên hai đường
đều được sinh-phong;

Bề rộng non cao, ơn chín chữ còn
mong báo-bổ.

Tỉnh ngoại mười năm giông-ruồi,
mây bạc cách xa;

Mừng nay một tiệc vui vầy, liết xuân
vừa độ.

Lan quế hương đưa, thông huyền
bóng tổ.

Trên chiếu gấm, dâng đào Tây-mẫu,
chúc chữ thiên-xuân;

Dưới thềm hoa rớt chén nam sơn,
mừng câu vạn-thọ.

Muôn đời trời xanh, tắc lòng con đỏ.

Than ôi ! người ta sinh ở đời ai
cũng muốn vinh hoa phú-quí để báo
hiển cha mẹ, mà lòng cha mẹ sinh
con cũng mong con hiền-dạt để mình
được về-vang. Nhưng vì trời chẳng
chiều lòng, khi phú-quí thì cha mẹ
đã khuất bóng, dẫu có muôn chung
nghìn từ cũng không kịp đến chỗ hoàng-
tuyền. Có người còn cha mất mẹ, cũng
có người còn mẹ mất cha; cầu cho
song-dường cập - kiến khó lắm. Đến
như song-dường đều được ân-cáo sinh-
phong lại càng khó nữa.

Người ta lấy làm khó mà ông lại
được hưởng cái hạnh-phúc ấy. Thế
biết lòng trời báo ứng không sai. Khi
trước ông tổ đã năm đời đọc sách,
năm đời tích đức, đến ông cụ chỉ đồ
tú-tài, mình không được phú-quí để
đánh cái phú-quí ấy cho ông. Ông phú-
quí mà ông cụ bà cụ đều được hiển-
vinh. Tục có câu : « Cây xanh thì lá
cũng xanh, cha mẹ hiền lành để đức

cho con, ba vương sánh với bảy tròn,
đời cha vinh-hiền đời con sang giàu. »
Suy ra mới biết lòng trời không phụ
người hảo-tâm, chẳng báo ở mình thời
báo ở con cháu.

Khi ấy ông được sinh-phong, sĩ-phu
cũng lấy làm vinh-diệu. Nhưng lòng
ông vẫn thường lo sợ, dương-danh hiển-
thân đã vậy, nghĩ làm sao trên vì nước
dưới vì dân cho được xứng chữ.

Tỉnh ấy thổ-sản muối. Người Bành
Đình-Tú người lâu kêu với bộ Hộ xin
đặt điểm để thu thuế muối. Phạm dân-
gian bán muối mua muối xin đánh
thuế. Vua chiếu tỉnh-thần phúc nghĩ
nên chẳng thế nào tâu nghe.

Ông tâu : « Đời xưa có muối phải
có thuế. Những chỗ xa bề không
có muối như là Hưng - hóa, Tuyên-
quang. Cao - bình, Lạng - sơn, không
có muối dùng mà đường thủy sang
Vân - nam, Quảng - tây thì phải
qua đường tỉnh Cao bình Lạng.
Những chỗ ấy nên lập điểm để thu
lấy thuế muối. Còn tỉnh Thanh này gần
bề, dân chỗ nào cũng làm muối để sinh-
nhai ; nếu lại đặt ra trường mua muối
bắt nó phải bán cho mình thì những
đứa làm muối nó lại mang ra bề bán
trộm, dẫu muốn cấm nhưng cũng
không cấm xiết được. Đến như dân gian
những đứa bán muối các chợ, đứa thì
một hai phượng, đứa thì ba bốn
phượng, không có lẽ nhất-nhất đứa
nào cũng phải bắt lĩnh tiền-bái của
quan thì phiền lắm. Vả chẳng chỗ
gần bề thì giá muối rẻ, giá bán thì
người trung muối không lãi, giá cao
thì những tiền-dân nó không chịu
mua, thành ra muối của quan cứ chửa
ở kho, mỗi ngày hao-tồn đi ; tương-
lai cái lợi không đẽa được cái hại.
Trước đời nhà Lê đã có đánh thuế
muối, lượng đánh thuế trong mười
phần thời hai phần phải nộp vào

quan mà có tiền-bài thời mới cho bán. Cách hai năm muối đất trị-giá một tiền, dân-gian ta-thán, tự bấy giờ bỏ thuế muối.

«Tôi xét tỉnh hạt tôi, chỗ sông Lương, sông Mã, sông Mặc, nguyên trước đã đặt ra ba sở: sở An-thái, sở Tuần-văn-thái, Tuần-nga-sơn, đều là nơi tải muối lên Thượng-du cho các tỉnh hạt khác. Người Bành Đĩnh-Tú đã xin lĩnh-trung thời cứ cho nó lĩnh; nhưng thuyền chở muối đi qua các sở ấy, bắt phải chiều thuyền ván, cứ trăm cân phải nộp ba tiền, trong tháng được bao nhiêu bằm chiều; tỉnh tôi xin ba tháng tư bộ một lần. Được ba năm sau, quan tỉnh xem xét mỗi năm thuế muối được bao nhiêu, do quan bộ hộ chức-dịnh; hoặc là triều-đình đặt nhà thu lấy thuế ấy, hoặc cho người khác lĩnh-trung. Còn lời người Bành Đĩnh-Tú xin không nên theo, vì khách buôn thao-thiết tàn-nhẫn, cho nó làm thời dân mình thêm nhiều mà triều-đình không có ích-lợi gì.»

Vua khen phải.

Năm đó chiếu ông ra Chánh chủ-khảo Hà-nội. Ông Tôn-thất Giao Tổng-đốc tỉnh ấy tâu với vua tỉnh đương làm việc xin lưu ông lại, cử người khác. Sau ông Giao can việc Trần Bình, tri-phủ Thọ-xuân (án tham-những), phải giáng ba cấp, chiếu ông quyền chức đản-vụ tổng-đốc, đợi Tôn-thất Thân đến thay, lại nhưng cựu-chức.

Khi ông Giao gần đi dẫn ba người đến nói với ông rằng:

— Tôi nay về kinh, lộ-phí cũng mất nhiều, ba tên này là dây tó cũ, xin nhờ ông làm ơn cho chúng nó được làm chức coi kho, thời tôi cũng có «chê» để đỡ tiền lộ-phí.

— Chức coi kho tuy nhỏ, nhưng cũng phải chọn người mới dặng, ngài ạ.

— Ba tên ấy cũng xứng-dáng, xin ông tư ngay cho.

— Tỉnh khừ-lưu, ngài nói tôi cũng bằng lòng; nhưng cũng phải đợi quan Tổng-đốc mới đến thời tư mới tiện, chứ tư ngay bây giờ tôi sợ mang tiếng tỉnh-tiệt.

— Nếu đợi quan Tổng-đốc mới đến không biết ngài có tư ngay cho không, và chỗ anh em đồng-sự tôi xin nói thiệt, có tư ngay cho thời chúng nó mới chịu dâng «chê»; xin ông nghĩ thế nào để lưỡng-dắc.

— Ba tên ấy ngài đã xét là xứng-dáng thời ngài cứ sai thuộc-lại thảo sớ trước ngày chưa có chiếu-chỉ đòi ngài về Kinh, rồi tôi phát giấy hộ.

— Được như thế, tôi cảm ơn lắm.

Khi ông Thân mới đến tỉnh-lỵ, ba người coi kho ấy đến mừng Ông Thân mừng: «Chúng mày, tao coi đi đứng lấc-cắc, xem ra không phải người cần-thận, coi kho thế nào được, phải đổi ba tên khác!» Bèn sai tờ-thuộc sang trình với ông. Ông nói: «Ba tên ấy là quan Tổng-đốc trước cho làm, chứ không phải tự ta. Nay quan Tổng-đốc mới không bằng lòng thời cứ kê tên những người hai tờ ra, tùy ngài muốn cho ai làm thì làm.» Ba tên kia sang kêu với ông, kêu ông nói hộ cho; ông biểu rằng: «Chúng người làm, ta không lấy lễ-vật gì, nay quan Tổng-đốc mới có ý nhờ ta; ta lại đi nói hộ cho các người thời lại thêm tỉnh-tiệt, không tiện. Các người cứ về, sau sẽ liệu.»

Này mai ông bảo tờ-thuộc kê hai mươi người, rồi đòi cả những người ấy đem dẫn trình quan Tổng-đốc, và dặn kêu rằng: «Quan Bổ tôi cho sang trình quan lớn những tên này, quan lớn chọn tên nào đáng làm thời xin chấm cho.»

Cách hai hôm ông lại cho người sang giục, nói rằng: «Việc coi kho là

việc hệ-trọng, khuyết một ngày không có người coi không được, xin quan lớn chăm cho tên nào thời chăm xong để đưa về thảo sớ. Ông Thân ngồi nghĩ một lúc rồi nói: « Trước ta nghĩ thế, nhưng bấy giờ ta tưởng ba tên ấy là quan Tổng-dốc trước vừa mới cho làm, mà lại đổi ngay tên khác thời sợ không tiện; ta hãy tạm cho chúng làm, xem sau này có xứng chức không sẽ liệu. »

Từ đó ông Thân biết ông là người chính-trực công-liêm, trong tỉnh có việc gì cũng nhường quyền cho ông tài-dịnh.

Đương ở tỉnh Thanh nghe tin tỉnh Tuyên có giặc Mèo Thử-Hòa-Đức giữ đất Bắc-dộng mưu làm phản và giặc Ngô Côn, Ngô Kinh ở tỉnh Quảng-tây bị quan-quân nước Tàu đuổi đánh, chạy sang địa-phận tỉnh Thái-nguyên, xin ra hàng. Tỉnh ấy giáp tỉnh Tuyên-quang, biên-dân nào-dộng. Vua sắc ông ra Bõ-chính tỉnh Tuyên để trừ-nghĩ việc binh-xương.

Nghe thấy chiếu-chỉ ông bảo với phu-nhân rằng:

— Tỉnh Tuyên là tỉnh đất nhiều rừng núi, nước lại độc và giáp Tàu. Giặc Côn Kinh rất là dữ-tợn chứ không như giặc Quảng-yên. Bà hãy tạm lánh về quê thăm cụ, để tôi ra đây phen này xem sao.

Phu-nhân nghe có ý buồn-bã:

— Tôi lạ cho cái số ông hay làm quan ở đất giặc. Mới ở Quảng-yên ngày nào, về tỉnh Thanh chưa đầy một năm, nay lại đổi ra tỉnh Tuyên vừa giặc Tàu vừa giặc mèo, ông đương sao nổi.

— Đi đâu đã có giang-sơn đó ủng-hộ, lo chi.

*Gạn lời quyết chí ra đi,
Hoàng-hoa có mệnh tới kỳ chiến-tranh.
Ngân-trung cách-trở quan-san,*

*Thanh gương yên ngựa lên đường
[thẳng giọng.]*

X

**Đổi ra Bõ-chính tỉnh Tuyên,
Dự-phòng biên-tái giúp yên giặc Tàu**

Triều vua Tự-đức năm thứ 21.

(Tây-lịch năm 1868)

Bốn mươi mốt tuổi ông đổi ra bõ-chính Tuyên-quang. Bấy giờ giặc Tàu là Lưu Vĩnh-Phúc, Hoàng Sung-Anh đã đến hàng nước mình; nhưng giặc mèo và giặc Côn, Kinh quấy rối. Tỉnh Sơn-tây tiếp-giáp tỉnh ấy lại có giặc Tàu đóng ở Bạch-hạc và Ngụy-tướng tên Oai tên Gạo (người Sơn-tây thường ăn cướp ở phủ Lâm-thảo, phủ Đoàn-hùng. Khi ấy tỉnh Tuyên-quang cáo-cấp, ông phải tuân lệnh theo ông Nguyễn Bà-Nghị (Tổng-dốc Sơn-tây Tuyên-quang hai tỉnh) đi tiêu-phủ.

Vua chiếu hỏi lũ giặc Côn và giặc Mèo nghĩ nên tiêu-phủ thế nào, Ông Nghị uỷ ông thảo tờ sớ.

Sớ rằng:

« Xưa nay giặc cướp nhân vì sự cùng thế bách mới chìn bó giáo ra hàng. Kia như lũ giặc Ngô Kinh quân-thế nó mạnh, nay đến tỉnh Thái-nguyên ra hàng là vì nó quấy nhiễu biên-dân nước Tàu đã nhiều, quan-quân nước Tàu đuổi đánh, thế nó phải chạy sang nước mình để cầu-cứu. Nó cũng chực chiếm cứ biên-địa của mình, rồi thừa cơ bắt binh tướng nước mình, bắt phải chuộc, tức như giặc Thái-nguyên là Đặng Chí-Hùng vừa mới bắt giết viên Trần Văn-Mỹ rồi lại bắt viên Vũ Phạm-Khải (người Ninh-bình đều có tiếng văn-học) phải mang tiền chuộc; ấy là cơ-thai quân giặc xưa nay thường như thế. Nay lũ giặc Côn đương ở ngoài mặt xin hàng, nhưng thiệt nó chỉ

phân-trắc. Nay mình dung-nạp nó thế là nuôi ong tay áo sợ di-họa về sau. Người Tàu đánh nó mà mình lại dung nó, tức là rỗi giặc cho giặc, lại sợ mang tiếng với nước Tàu. Lũ giặc ấy gần hai vạn người, toàn là những quân sai-lang, dốt-tợn, giết hiếp đàn bà con gái, đốt hại nhà cửa dân-cư, cướp bóc của-cải, dân người không biết ghê tay. Nếu mình đã dung-túng nó thì phải chu-cấp cho nó, nhưng chu-cấp thế nào cho vừa lòng, thế nó phải cướp bóc tàn-phá, mình cấm cũng không được, giết nó thì lại sợ nó gây việc binh-chiến với mình; kể hạ-thần trông việc biên-phòng không bao giờ yên được.

« Hạ-thần lại quan-ngại về một lẽ nữa là nó quấy nhiễu biên-dân nước mình đã vậy, phỏng như nó đóng quân ở nước mình mà lại quấy nhiễu địa-giới nước Tàu, người Tàu trách-cừ mình phải tróc-nã cho được đem nộp, thì mình biết xử-trí thế nào. Nghĩ thương-sách không gì bằng uân quân nước Tàu đuổi đánh nó, ta lập-tức đưa thư nói với quan Tàu, hai bên giáp đánh đuổi hẳn nó về Tàu; từng-sứ mình có tâu-hạ bình-xướng nhưng khỏi di-hoạn về sau, mà lại được tiếng với nước Tàu. Đoan rồi khiến người Lưu Vĩnh-Fúc, Hoàng Sùng-Anh là đứ giặc trước đã hàng, hợp với quân mình đem đóng ở Hà-dương để phòng - triệt, dùng để lữ giặc Côn trản vào Trung-châu, và mặt-sắc cho các quân-tướng hai tỉnh ấy không được khinh - chiến; hoặc thừa lúc ban đêm đánh lên, hoặc thiết-kế đánh lơi sau. Như thế thì không phải tổn tướng hao binh mà có thể bình được giặc. Trước xưa đức Trần Hưng-đạo Đánh giặc Nguyên, vua Lê Thái-tổ đánh giặc Minh cũng dùng chước ấy; còn việc quân-xướng tỉnh này, kể hạ-thần xin tự - đương không dám quan-ngại »

Sờ vào vua chiếu lục giao cho ông Nguyễn Bá-Nghi duyệt lại phúc-tấu.

Ông Nghi chủ-y chiêu-dụ, ông thời nói chiêu-dụ thất-sách, nên ông Nghi không bằng lòng, nhân thế hiềm-khích.

Sau giặc Ngô Kinh chạy sang Ngân-sơn xã Bình-khẩu (Thái-nguyên) quân Tàu qua nước ta đuổi đánh giết người Kinh còn đảng người Kinh là Trương-Thiện-Tiết giết tướng nhà Thanh là Trần Tin, rồi chạy sang đất Hà-dương cùng với Hoàng Sùng-Anh hợp làm một đảng. Quân Tàu mười sáu dinh (mỗi dinh bốn trăm người) vây đánh đất Hà-dương. Quân giặc mạnh đánh mãi không vỡ, đưa thư nhờ nước ta cấp cho lương-xương, đợi quân về sẽ chiêu tiền trả lại.

Đất Hà-dương cách tỉnh-thành, đi bộ phải mười một ngày, lương-xương đài-tải không tiện, quân Tàu không đủ ăn, tự xin tỉnh Sơn-tây điều-độ lương-xương. Ông Nghi nhất-thiết không trả lời, ý muốn mượn tay quân Tàu buộc tội cho ông về sự không tải lương đề quân Tàu đói. Ông dâng sớ rằng:

« Tỉnh Tuyên-quang việc lương-xương lẽ xưa nay quyền ở tỉnh Sơn-tây đốc-biên, nay quân Tàu đóng ở Hà-dương, mỗi ngày quân ăn hết đến ba-mươi-sáu hộc, mà tự tỉnh tôi đến Hà-dương đi phải hơn mười-một ngày, hiện đã đặt công-quân hai-mươi-hai chỗ, mỗi chỗ lương-thực củi thối chính-bị sẵn-sàng, binh mười tên, đội một người, thư-lại một người để tiện quân Tàu nhu-dụng. Nhưng bởi tự binh-phu lĩnh Sơn-tây trốn về, không có người vận-tải. Hạ-thần đã tểi-thư tự sang Sơn-tây bắt giải những dân-phu ấy để đủ số cung-dịch; không biết tỉnh ấy có gì không trả lời.

« Nay Án-sát tỉnh tôi Nguyễn Huy-Nhuận, Linh-binh Nguyễn Hứa đều bị ốm chết, chưa có người thay; các phủ huyện trong hạt tôi nhiều người bị khí độc chết, chưa có ai đền. Tức như phủ

An-bình thời kiêm-ấn phải đệ tể, mà việc quan giao cho lại-mục quyền-biện, châu Vinh-tuy thời giao cho lại-mục Nguyễn Văn-Khoa ở phủ An-bình sang đây quyền-nhiếp, châu Lạc-an thời giao cho tù-tài Nguyễn Văn-Chính là người Hà-nội ngụ ở phố-tĩnh đến đây tạm coi việc quan; còn công việc trong tỉnh chỉ có một mình tay hạ thần chu-tất được cả mọi việc. Bên trong thời người đồng-sự cắt-trách, bên ngoài thời quân Tàu chỉ trích từng li từng tí, không biết làm thế nào cho được. Việc bang giao là việc hệ-trọng, xin thánh-thượng chọn người mẫn-cần thay, cho kẻ hạ-thần được về Kinh chịu tội. »

Khi ấy ông Nghi cũng dâng sớ tâu rằng quân Tàu đóng ở tỉnh Tuyên-quang, tỉnh Sơn-tây, ông tiết-thứ phát binh tám trăm người, dân-phu một ngàn hai trăm, giao cho viên Bồ-chính tỉnh Tuyên-trù-biện, không biết viên ấy làm thế nào đến nỗi quân Tàu phải nhịn đói.

Vua thấy ông Nghi tâu như thế, liền sai lục tờ sớ của ông Nghi giao cho ông phải phúc-tấu minh-bạch ngay. Ông lập-tức thảo tờ tấu rằng :

« Việc này cứ trên tờ giấy thời sớ binh-phu tỉnh Sơn-tây dâng như lời Nguyễn Bá-Nghi nói. Cứ phái liếp quân Tàu là Tham-tán Nguyễn Văn-Thì, Tán-lý Mai Quý, Tán-tương Phạm Hữu-Thước, tiết-thứ tư về tỉnh tôi, thời binh tỉnh Sơn-tây chỉ có hơn sáu-mươi người, còn dân-phu trốn về hết, không có người nào. Thánh-thượng không tin, sắc hỏi người Thì, người Quý thời biết sự thiệt. »

Vua liền sai quan Đồng - đốc Vũ Trọng-Bình lập-tức đến tỉnh Tuyên xét. Ông Bình đến xét thiệt quả như lời ông nói. Vua chiếu ông Nghi cách chức, cử ông Trần Bình Tuần-phủ Hà-nội thay chức ấy.

Vua lại sai ông Bình lưu ở lại tỉnh Tuyên trừ nghĩ việc binh-xương. Lúc bấy giờ gặp Trương-sứ nước Tàu là Phùng - tử - Tài đến tỉnh Tuyên, đóng ở Hà - dương, đốc-suất quân Tàu đánh lũ giặc Anh-Tích, Anh-Tích bỏ Hà-dương chạy sang đất An-lĩnh. Nhân gặp trời mưa lũ, nước ở rừng núi chảy xuống, binh-phu uống phải nước độc, nhiễm phải khí độc, ốm chết kể hơn trăm người. Quân Tàu sợ hèn kéo về. Ông Bình cũng sợ nước độc ý muốn thảo sớ xin bãi-binh, về đóng ở Sơn-tây năm trăm quân, còn bốn trăm quân giao cho Mai-Quý đóng giữ đất Hà-dương. Việc điều-độ lương-xương chuyên ủy cho ông, biểu ông ký vào tờ sớ ấy tâu vua. Ông không thuận ký, nói rằng : « Giặc dần đi rồi, không bao lâu lại đến. Hà-dương chỗ ấy giáp đất Tàu, thiệt là xung-yếu, tôi tuồng bốn trăm quân thời ông Mai Quý không giữ được; nay đã triệt binh về thời xin triệt cả có lẽ phải hơn. »

Ông Bình nghe phạt-ý nói : « Ông không thuận ký thì thôi ! » Rồi xin quan Tán-lý Nguyễn Văn-Tường tâu ông không đương được sự phiến-kịch, xin cho lưu ở quán-chức. Vua không nghe. Ông Bình tự đẩy lấy làm căm-lắm.

Một hôm đêm đã sang canh ba, ông Bình gọi lính mở cửa vào dinh ông, vào thẳng nhà tư-thất gõ cửa. Ông nghe thấy tiếng ông Bình bảo lính ra mở cửa và dặn rằng : « Hễ ông Bình có hỏi thì bẩm : « Quan tôi ngủ. »

Ông Bình đường-đột vào ngay bên chỗ ông nằm hỏi : « Quan Bồ thức hay ngủ ? » Ông vẫn biết nhưng giả-cách ngủ mê. — Lại hỏi lần nữa, ông cũng không thưa, ông Bình sai người nhà mở phòng giấy và các hòm tủ xem xét, nhưng không thấy có tự-tích gì là tinh-tiết cả. Tim-tôi đã chán-chê mới chạy ra gọi ông biểu rằng :

— Sao quan Bô ngũ mệt thế ?

Ông ngồi dậy cười mà đáp rằng :

— Không, tôi có ngủ đâu, tôi thấy quan lớn vào chơi khuya, chắc là quan lớn có ý dò xét, nên tôi giả cách ngủ thử xem quan lớn làm cách thế nào.

Ông Bình có ý then, thác từ rằng :

— Tôi đến đây cần xem giấy việc binh-xướng, vì ông ngủ say gọi không được, nên tôi có bảo người nhà lục giấy tôi xem, chứ có dò xét sự gì đâu.

Cách ngày hôm sau, sang chơi với ông Bình, thấy ông Bình đi khiêng, ông hỏi rằng : « Đêm mới rồi quan-lớn sang chơi bên tôi, chân chưa có can gì, nay sao đi khập-khiêng như thế ? »

Ông Bình nói rằng :

— Chiều hôm qua tôi thấy tên Cai-tổng Lập - thạc ăn mặc rất sang, nào là khăn lượt áo lương, nào giày da quần lụa, vành râu dê, dương mắt ếch, đi nghênh - ngang giữa đường, tôi ghét nó xấu nên tôi đuổi đánh nó, vấp phải gạch đau quá.

— Ý tên chánh - tổng nó lắm, không biết quan lớn, thì mặc kệ nó đuổi đánh nó làm chi ?

— Ghét nó làm chánh-tổng, không lấy tiền dân thời tiều đầu mà ăn-vận sang-trọng như thế ?

Ông cười nói rằng :

— Quan-lớn nên xét : giống vật có con sâu ăn mía, có con sâu ăn cỏ, nếu bắt con sâu ăn mía phải ăn cỏ thì nó ăn thế nào. Người ta cũng có người ưa ăn vận xuềnh-xoàng, có người ưa ăn vận lịch-sự, mặc áo xấu chưa hẳn là người thanh-liêm, mặc áo tốt chưa hẳn là người tham-những. Kia tên Chánh-tổng xét quả có tội gì, chiều luật trị tội để làm gương cho kẻ khác. Còn như sự

ăn mặc của nó dù đẹp, dù xấu mặc lòng nó, hơi dàu mà ngẩn cảm cho mệt. Phỏng như nó biết tính quan-lớn ghét mặc đồ xa-hoa, trước mặt quan-lớn nó mặc áo rách, ra ngoài nó phỏ khăn nhiều Tàu, áo Tạng-hải, giày Gia-định thời biết dàu mà cảm.

Ông Bình, phật ý, lặng ngắt.

Ông sợ về việc biên-phòng :

« Nước ta tỉnh Tuyên, tỉnh Thái, tỉnh Lạng-sơn, tỉnh Cao-bằng, địa-thế giáp nước Tàu, đất An-lĩnh đất Bình-ngân là chỗ giặc Tàu giặc Thổ thường hay tụ-tập. Nay lũ giặc Côn ra hàng mà mình dung - nạp thời sợ những quân côn-dồ nghe tiếng kéo đến. Ngoài mặt thời nó giả làm đầu-hàng, kỳ-thiết nó nhờ đất trú-ngụ để nó quấy-nhiều biên-dân; địa-thế xa cách biết đâu mà phòng-bị được. Hạ-thần nghĩ việc biên-phòng ngày nay nên đặt thổ-quan làm thượng-sách. Đời nhà Lê trở về trước, châu huyện duyên-biên đều dùng thổ-tù đời đời kế-tập. Giặc-hoặc có giặc thổ nổi lên đã có thổ-tù chỗ khác đem quân đến đánh; vì thế giặc Thổ giặc Mèo chưa từng dám xâm-phạm đến lĩnh-thành, chẳng qua nó chỉ quấy nhiễu một góc biên - thủy mà thôi. Dùng người nó mà để trị nó thì dễ, Thổ-quan Thổ-dân nó am-hiểu tình-thế : chỗ nào giặc đóng, chỗ nào giặc tiến, chỗ nào giặc thoái, đã thông-thuộc đường lối, quen biết tình-hình, cho nên thường được thăng-trận. Xem như đời nhà Trần người Hà - Đắc đem Thổ-quân đánh được quân nhà Nguyên, người Hoàng Văn - Ti lấy Thổ - quân mà chống nổi quân nhà Thanh. Thế biết xưa nay đánh giặc viễn-biên đời nào cũng dùng quân Thổ. Triều vua Minh-mệnh nhân vì có biển giặc Vân, từ đấy mới bỏ Thổ-quan mà chia đặt ra tổng, lý và đặt các quan Tri-châu để quản-trị. Người đường xuôi lên đường ngược, không quen thủy-thổ, không

hiều tình-tình, không thông tiếng nói, quan dân gián-cách, lẽ có động giặc cướp chỗ nào, hô - ứng không có người, lại phải phải quan đường xuôi đem quân đến đánh, binh-xướng vận-tải nhiều khi trở-ngại. Phần bị lam-chương, phần bị gian-hiêm; giặc tiến đường nào, thoái đường nào, không am hiểu chi cả, đến nỗi thua mãi. Nghĩ nên tuấn như đời nhà Lê dẫu ra thờ-quan, chọn những con cháu dân thổ, người nào mẫn-cán (dân thổ xưa nay có lòng tin-phục) thời cử cho làm Tri-châu để quản-nhiếp dân Thổ. Mỗi một châu, binh phải bao nhiêu người, thuế bao nhiêu tiền, bao nhiêu thóc, làm thành sổ-sách cho có định-ngạch. Đến kỳ thuế thời cử Thổ-quan chỗ ấy thu nộp về tỉnh. Hễ khi nào có giặc cướp thời cử thổ-quan sở-tại nhất-biên phải binh và bắt dân thổ đi đánh, nhất-diện phải bầm tỉnh. Bao giờ có giặc cướp to thì bấy giờ mới phải quan trung-châu đem quân hợp với quan Thổ chỗ ấy đi đánh, thời có phần tiện-tiếp hơn. »

Khi đó giặc Tàu đã bình, ông cùng với ông Vũ Trọng-Bình ngoài mặt tuy

không có truyện gì, nhưng trong lòng vẫn có hiêm - khích. Không mấy lúc ông lại dỗi vào Bổ-chính Thanh-hóa. Khi dâng-trình có bài ca :

Áo bào màu nhuộm tuyết sương pha,

Vàng lệnh huỳnh-hoa,

Ra chốn huỳnh-hoa;

Phong-trần vừa khỏi bước tràng-sa.

May dặng phúc nhà,

Nhờ dặng phúc nhà.

Học-thành dẫu cũ ngựa xe qua.

Bóng liễu rướm-rà,

Bóng cam rướm-rà;

Khi vào mấy độ lại khi ra.

Nghìn dặm đường xa,

Muôn dặm đường xa.

Tắm lòng son sắt dỗi trắng già,

Ai tỏ lòng ta,

Ai biết lòng ta ?

(Còn nữa)

ĐẶNG NGUYỄN-KHO



KẾT-HÔN CẢI-LƯƠNG

I

Việc kết-hôn là một việc đầu trong đạo người ta, vợ chồng hòa-thuận hay không, thực là một-thiết quan-hệ cho hạnh-phúc một đời người, điều đó ai cũng biết cả. Song còn cái quyền tuyển-trạch để kết-hôn thì cứ theo cha mẹ làm chuẩn-dịch, hay là cứ tùy ý cho con trai con gái tự tuyển-trạch lấy nhau, điều đó dễ không mấy người đã biết giải-quyết ra thế nào. Ta nay không dám nề gì tri-thức còn thiên-lậu, cứ theo phép sinh-lý mà nghiên-cứu, phân-biệt ra có bốn chất, để cung làm tài liệu cho những nhà kén chọn kết-hôn khảo xét, cũng là một vấn-đề rất có thú-vị, sẽ kể như sau.

Xét cái sinh lý về thân-thể người, tuy rằng con trai con gái cũng không khác gì nhau mấy, nhưng về tính chất thì cũng có hơi khác, như là con gái thì tính tĩnh mà ôn-nhàn, con trai thì tính cương mà phù-lào, ấy vẫn là lẽ thường như thế. Hiện nay những nhà sinh-lý-học, có xét nghiêm mà phân-biệt khí-chất người ta ra làm bốn chất: 1^o là đằm-dịch chất 膽液質; 2^o là thần-kinh chất 神經質; 3^o là đa-huyết chất 多血質; 4^o là niêm-dịch chất 黏液質. Cứ xét về tính chất bốn chất trên ấy mà xem, tuy rằng cũng có chỗ lẫn-lộn giống nhau, nhưng trong khoảng ấy cũng có điều trái-khác nhau lắm. Vậy nên kén chọn hôn-nhân không cứ gì là kim-tiền nhiều hay ít, môn-hộ cao hay hạ, chỉ xem về cái tính-chất con trai con gái, lấy cái nhãn-quang nhà bác-vật mà xem xét cho kỹ-càng, sao cho hai đảng điều-hòa với nhau được thì hay lắm.

1^o Đằm-dịch-chất. — Người mà có đủ cái chất đằm-dịch thì lông tóc và mắt đều sắc đen, da thì vàng-vàng, gân thịt thì chắc-chắn mà thô ráp, béo đầy vào bậc trung-thường, thể cách hùng-vĩ, lực-lượng khỏe-mạnh, các bộ ngũ-quan đều trọn- vẹn tráng-kiện, cuống-phóng không chịu kiềm-thác, và có cái khí-khái trên trời dưới đất, chỉ mình là hơn cả, hay làm nổi được sự-nghiệp vĩ-dại. Nhưng hay khinh-thường bộp-chộp quá, dẫu làm vượt qua cả lễ-phép cũng chẳng nghĩ chi. Song lấy cái tính-chất ấy mà so với người có cái chất niêm-dịch, thì có phần chịu nhẫn-nại cần-lao hơn; mà so với người đa-huyết-chất thì động-mạch-hệ phân-chấn có phần khí-kém; so với người thần-kinh chất thì về phần kích-thích cảm-xúc lại có phần chống hơn.

2^o Thần-kinh-chất. — Người mà có đủ cái chất thần-kinh thì lông tóc sáng-sủa mà thưa-thớt, nhưng mà tóc thì hay quăn. Thân-thể yếu đuối mà gầy-gò, cũng không được vẹn toàn tráng-kiện, cái sức kích-thích cảm-giác rất là chậm-chạp. Nhưng đã cảm-xúc về sự vật gì một lần thì vĩnh viễn mãi không quên. Có cái tính-cách thâm-trầm, cái thói quen ừ-uất, đối với mọi việc đều ra vẻ bi-quan; giao-lễ với xã-hội thì ít có hứng-thú. Duy có thần-kinh-hệ thì cảm-giác nhanh quá, vậy nên về đường học-thuật thì tiến-bộ cực nhanh, mà hiểu biết cũng dễ.

3^o Đa-huyết-chất. — Người mà có đủ đa-huyết-chất thì lông tóc nhánh mọc như tóc mây, xương nhỏ mình nhẹ, mắt đẹp nhơn hồng, linh-thần hoạt-bát, động-tác nhanh-nhau, thích ưa về việc giao-lễ, và lại giàu cái tính hiếu-kỳ.

Nhưng chỉ khi làm một việc gì lại hay đời nghĩ đi việc khác, chứ không làm được lâu-dài luôn mãi, và không được bền chắc, không khỏi có cái tệ khinh-khiêu phù-táo. Cái thể-lực thì mạnh hơn người niêm-dịch-chất; da-dễ nở-nang, vì với người thần-kinh-chất thì hơi kém về phần tác-dụng của động-mạch-hệ; vì với người dâm-dịch-chất thì có phần dễ phân-khởi hơn, mà nhất là cái tình-trạng chông-choi với sự rét, thì cái người đa-huyết-chất lại rất giỏi.

40 Niêm-dịch-chất. — Người mà có đủ cái niêm-dịch-chất thì da-dễ mềm-nhuễn, phở ra sắc trắng nhợt, tóc như sợi gai, tứ-chỉ không có lông, thể-cách đầy dả, nhiều mỡ-màng và chất nước; còn như gân xương thì yếu mềm, sức-vóc thì khiếp-nhược, các năng-lực của ngũ-quan và sức cảm-giác vận-dụng, đều hiện ra bộ chậm-trễ mỗi-một, linh thì hòa-bình mà ít cảm-tinh, trong làm cũng ít mưu-mẹo, làm việc gì thường theo sau người ta, bởi vì sợ khiếp-rụt-rè là cái linh-cổ-hữu của chất niêm-dịch.

Trên này đã kể ra bốn hạng người có bốn chất khác nhau, vậy thì muốn kết-hôn phải phân-phối thế nào cho đều, để cho khỏi cái tệ đối-lừa bất-hòa với nhau. Nay cứ xét xem bốn chất ấy hiện ra bề ngoài, nghiệm thử chất-tướng người con trai con gái ấy thuộc về chất gì, mà chất gì phối với chất gì cho hợp, ta nay chỉ học theo cái nguyên-lý mà đoán xét nghiên cứu cho kỹ-càng thì cũng có thể biết đại-khái được: như là hai người trai gái khác chất nhau mà kết-hôn với nhau, thì phần nhiều hóa-mục mà về đường sinh dục cũng tốt, nếu hai người trai gái cùng giống chất nhau mà kết-hôn với nhau, thì phần nhiều kết-quả không được tốt, đó là cái lẽ tất-nhiên vậy.

1) Cái người thần-kinh-chất với cái người đa-huyết-chất có thể cùng kết-hôn với nhau được, vì là cái người thần-kinh-chất thì tinh-cách thâm-trầm, có thể giúp đỡ cho người đa-huyết-chất thường có cái tệ khinh-phu-táo-bạo; người đa-huyết-chất thì linh-thần hoạt-bát, có thể giúp đỡ cho người thần-kinh-chất thường có cái thói quen uất-ức trầm-thống; hai chất ấy cùng cư-xử với nhau ít lâu, thì tự-nhiên tiêu-dị mặc-hóa không biết không hay, rồi cũng dung-hòa với nhau mà làm nên được sự-nghiệp. Và lại sau này sinh ra con-cái, tất là dung-hóa được cả hai chất đa-huyết và thần-kinh, thì khí-lượng tài-thức của đứa con tất là hơn người thường, mà thân-thể ngũ-quan cũng đều phát-dục mạnh khỏe cả, hai chất ấy kết-hôn với nhau thì rất tốt.

2) Cái người dâm-dịch-chất với cái người thần-kinh-chất có thể kết-hôn với nhau được, vì là cái người dâm-dịch-chất thì linh hay khinh-suất, thì nên lấy cái tinh-trầm-nghĩ giúp thêm vào; cái người thần-kinh-chất thì hay cố-chấp ngoan-ngạnh, thì nên lấy cái tinh-cuồng-phóng giúp thêm vào; hai chất ấy cùng cư-xử với nhau ít lâu, thì tự-nhiên thành ra tinh-trung-hòa, mà sinh ra con-cái cũng thành ra được con người trác-việt, vậy nên hai chất ấy kết-hôn với nhau là rất tốt.

3) Cái người đa-huyết-chất với cái người dâm-dịch-chất cũng có thể kết-hôn với nhau được. Nhưng sinh ra con-cái, thì trí-tuệ với thể-cách so với những hạng trên kia cũng có hơi sai khác.

4) Cái hạng người trai gái về niêm-dịch-chất mà muốn kết-hợp cho thì đáng thì rất là khó; duy chỉ lấy cái người dâm-dịch-chất hoặc lấy cái người đa-huyết-chất kèm cả niêm-dịch-chất, thì phối-hợp với nhau mới gọi là thích-dáng.

Song phần nhiều không sinh-dục, hoặc có sinh đẻ chẳng nữa, cũng ít được thành đình, các người trai gái về hạng niêm-dịch-chất ấy thực là suốt đời ăn-hần, khó có kế gì để bổ-cứu lại được.

5) Hạng người trai gái mà có một phần đồng chất với nhau, như Giáp là hạng người đả-mịch-chất và thần-kinh-c-ất, Ất là hạng người đa-huyết-chất và thần-kinh-chất, hai hạng người ấy mà kết-hôn với nhau thì dễ con phần nhiều yếu-ót, lại hay yếu đau ở ngoài về đường phát-dục. Vậy nên bầm-thu cái chất như Giáp ấy thì nên phối-hợp với người thuần-lý là đa-huyết-chất mới hay, bầm-thu cái chất như Ất ấy thì nên phối-hợp với người thuần-lý là đả-mịch-chất mới tốt, điều đó phải nên cần thận.

Nước Tàu tự và nghìn năm trước, trai gái trạch-hôn đều do tự cha mẹ cầm quyền, không có biết xét về học-lý cốt lấy thân-thể người ta làm chủ-trọng, chỉ so-sánh về cái vật bảm ở ngoài, hoặc là mộ cái hư-danh kẻ hào-cường, hoặc là hám cái tôn-vinh nhà phú quý, trong đó vài tháng đã đính-hôn với nhau, không còn xét gì cái thân thể người lớn hay nhỏ cao hay thấp, thì còn biết gì đến bốn chất nữa. Và lại trai gái vô-cố không được trông thấy nhau thì xấu đẹp cũng không được biết, còn biết gì bốn chất nữa. Hoặc cũng có khi gặp nhau nhưng đều lảng-lặng không nói chuyện-trò gì cả, thì còn biết gì là tài-trí, là tinh-tinh, huơng-chi còn biết gì đến bốn chất nữa. Cầu cho tài-trí bằng nhau, tinh-tinh hợp nhau, còn không được nữa là cầu được bốn chất phối-hợp với nhau. Than ôi! Những nhà quan-tư phú-phí mà đến tối-tàn, những nhà hào-phú giàu sang mà đến lưu-lạc, là tại không biết lấy học-thuật mà xem xét, nên về đường vợ chồng thường phải đến nỗi giữa đường mà bỏ

nhau. Tuy-nhiên, phép xem tướng người thì phần nhiều người vẫn mê-tin, nếu lúc trai gái kết-hôn mà hay xét đến, bỏ cái thói cũ khi xưa đi, mà xem kỹ tinh chất, thì cũng giúp được một phần về việc hôn-nhân tiến-bộ. Nay đem những điều ngũ-hành trong phép tướng cùng với bốn chất về sinh-lý, xét xem những chất gì thuộc về hành gì sẽ nói rõ như sau.

1) Sinh-lý-học gọi là đả-mịch-chất thì tức là người hình kim

2) Sinh-lý-học gọi là thần-kinh-chất thì hợp về người hành mộc.

3) Sinh lý học gọi là đa-huyết-chất thì hợp về người hành hỏa

4) Sinh-lý-học gọi là niêm-dịch-chất thì hợp về hành thủy.

5) Người hành thổ thì người giống trắng bên Âu-Mĩ không có, vậy nên sinh lý-học không rọi đến. Nay lấy nhân-chủng-học mà xét ra, thì người hành thổ dễ thường là người giống nâu bên châu Á.

II

Cái vấn-đề so tuổi để kết-hôn thì quan-hệ về thân-thể và việc sinh-dục rất là trọng. 1 hồi nước Tàu khi xưa cứ hay cho kết-hôn sớm, con gái khi lấy chồng phần nhiều là về độ mười sáu cho đến hai-mươi tuổi, chờ ít khi để đến hai-mươi cho đến hai-mươi-sáu tuổi. Con trai lấy vợ thì phần nhiều ở vào độ mười bảy cho đến hai-mươi-một tuổi, ít để đến khi hai-mươi-hai và ba mươi tuổi. Cứ lẽ mà xét ra thì thực là không nên, vì con trai con gái còn trẻ tuổi mà đã với đặng vợ gả chồng, đối với tâm-thần thực là vô-ích lắm.

Con gái từ khi mười hai tuổi cho đến mười-bốn tuổi thì là đương độ phát-dục, nhưng độ ấy mới là bước đầu lúc tuổi trẻ cho đến lúc đi làm dâu Từ độ ấy cho đến hai mươi

tuổi thì thân-thể mỗi ngày một cao lớn, nếu chưa đến hai mươi tuổi, thì các cơ-quan trong thân-thể chưa gọi là hoàn-toàn phát-dục được. Nếu lấy đứa con gái còn chưa thật là hoàn-toàn phát-dục mà đã làm người mẹ, thì tất lúc trong mình thụ thai đứa con lớn lên hẳn là phải chịu phần trở-ngại, con cháu về sau tất là kém. Con trai cũng phải có khí-lực cho sung-lúc thì mới thành-nhân được. Tuy rằng lúc mới lớn lên xem cái trạng-thái cũng đã khá, nhưng cũng còn càng ngày càng cao lớn nữa, vậy nên cái người con trai thân-thể chưa được hoàn-toàn phát-dục, cũng không nên vội làm người cha được. Cứ theo cái thói quen của nước Mĩ (các nước bên Tây nước nào cũng có hạn-định tuổi lấy vợ lấy chồng), hễ người con trai hai mươi một tuổi cùng kết-hôn với người con gái mười tám tuổi, thì phải bầm mền cha mẹ có cho mới được, nếu đã quá tuổi ấy rồi thì đều mặc cho kết-hôn chớ không ngăn-trở gì cả. Bó không phải là cha mẹ bỏ mất trách-nhiệm không coi gì đến việc hôn thú của con trai con gái đâu, nghĩa là làm cha mẹ phải lấy việc thê-dục tri-dục mà đốc-trách con cái, khiến cho nó biết cái việc hôn-thú là một việc trách-nhiệm rất lớn, đến lúc chúng nó thê-dục tri-dục đã huấn-luyện hoàn-toàn rồi, thì cái quyền kết-hôn mới mặc cho chúng nó tự chủ lấy.

Con gái khi chưa đến hai-mươi tuổi thì là đương độ chỉ có cái cá-tính sinh-hoạt, nghĩa là chỉ biết tự-tư tự-lợi, chứ không còn kể gì đến người khác cả, và cũng không biết gì về sau còn có cái quan-hệ về họ hàng, phạm những sự quả-đoán nhân-nại là khi làm người mẹ phải cần có, mà người con gái còn trẻ tuổi ấy thì tuyệt chưa có cái sức-lực ấy, còn phải đợi về sau cho đó-lượng khoan-hoảng, lịch-duyet thể-cổ, biết cách cư-xử rồi mới có cái năng-lực ấy được. Dường cái thời-dại còn nhỏ chỉ

biết tự-tư tự-lợi, thì quyết không phải là cái thời đại đã nên kết-hôn. Phải đợi cho nó biết rõ cái trách-nhiệm đối-ký đối-nhân, biết lấy lời nói việc làm của cha mẹ làm khốn-phép lại biết lấy cái đức hạnh và người ích-hữu của cha mẹ làm cang-thức, để cho nó đánh tan hết cái thói quen khi trẻ tuổi đi, thê-dục tri-dục cho thật hoàn-toàn, lại học-tập cho biết cái phương-phép trị-nhà, về đường luân-lý thì biết kinh-kẻ trer, gưu người dười, đã tập quen đi cả, ấy những điều cần phải nên học thì phải biết cho hết, để dự-bị lúc đi lấy chồng có thể giúp được chồng, thì mới là người hiền-thê vậy.

Con trai tuy rằng thê-dục chóng phát-dạt hơn con gái, nhưng lúc còn trẻ tuổi thì tri-thức chưa đủ được hoàn-toàn, số-đi làm cha mẹ còn phải thương-thương dạy bảo, hết năm ấy sang năm khác, để cho nó hàm-dưỡng tri-năng cho đến hoàn-toàn. Nếu chưa biết gì mà đã làm người chồng, trong gia-đình chưa biết xếp đặt ra thế nào, không biết người vợ là người lựa đời bạn tốt của mình, lại thường coi vợ như kẻ li-thuộc, như thê thì trong đạo vợ chồng cũng khó ở với nhau lắm. Đạo vợ chồng cốt qui sao cho tình-đầu ý hợp là hơn. Song những đời vợ chồng trai-trẻ quá thì tuy rằng ý-hợp tâm đầu thật, nhưng mà vẫn chưa có cái năng-lực tự-lập, thường kiếm không đủ tiền tiêu trong nhà, phải chịu khốn-quần về đường kinh-lẽ, ngoài ra lại còn cái lo phải-sinh ra tật-bệnh phóng-khi cả nghề-nghiệp. Nay cứ lấy cái phép y-học về tinh-thần và nhục-thể mà đoán-định, thì cái thời-kỳ kết-hôn của con trai nên từ 25 tuổi cho đến 30 tuổi trong cái thời-kỳ ấy thì cái nết-na học hành của người con trai so với trước khi 25 tuổi có phần tốt hơn nhiều. Cái thời-kỳ gủ chồng cho con gái thì cứ vào độ 23 tuổi là vừa-vặn, nếu lớn hơn tuổi ấy cũng không sao, còn như chưa đến hạn

tuổi ấy thì thế-cách người con gái cũng chưa được hoàn-toàn phát dục. Tra những cái án ly-hôn bên Mi, thì con trai đến già nữa là hạng người chưa đến hai-mươi-năm tuổi, con gái đến già nữa còn dưới hai-mươi-ba tuổi, xem thế thì biết cái đời vợ chồng con trai trẻ chưa trải việc đời như thế, thì chưa mấy kẻ giữ bền được ân-ái, mà hay dâm - đương được trọng-nhiệm.

Cứ theo cái pháp-luật các nước văn-minh bây giờ mà nói, thì trong đạo hôn-nhân rất là thần-thánh nghĩa là chỉ theo cái đạo một vợ một chồng mà lập nên cái cơ-sở gia đình, con cháu đầy đàn, quần-tụ ở với nhau một nhà rồi thành ra một họ. Lại lấy cái con mắt

nhà y-học mà xét thì tảo hôn thực là hại lắm ! Nhà xã-hội - học cũng chỉ mong những người làm cha mẹ phải dưỡng-dục lấy con-cái cho thế-lực tri-thức đều được hoàn-toàn, đến tuổi rồi mới nên dựng vợ gả chồng. Từ khi thời đời điều-bạc, trai gái chỉ lấy tình-ái mà kết-hợp với nhau, còn đến vấn-đề thế-dục tri-dục thì đều vứt bỏ đi không hỏi gì đến cả, mấy kẻ đã biết rằng cái đạo kết-hôn là cần phải có sức tự-lập và cái trí đã khôn, còn như hạng trẻ tuổi chỉ theo về đường tình-dục thì còn biết gì nữa.

ĐÔNG-CHÂU dịch

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XXV

Thiên Vạn-chương thượng

萬章章句上

(Gồm chín chương)

凡九章

I

也。曰。也。其天。泣于曰。萬
怨孟號何于田。舜章
慕子泣爲曼號往問

Dịch-âm. — Vạn-Chương vẫn viết :
« Thuần vãng vu điền hào-kháp dã ? »
Mạnh-tử viết : « Oán mộ dã. »

Dịch NGHĨA. — Vạn-Chương hỏi rằng : « Vua Thuần khi đi cày ruộng, gào khóc với dấng mần-thiên, có làm sao mà gào khóc vậy ? » Thầy Mạnh nói rằng « : Vì oán trách mình và nhớ đến cha mẹ vậy. »

Chú-giải. — Vạn-Chương = Học trò thầy Mạnh. Vãng vu-diên = Khi ông Thuần đi cày ruộng ở núi Lịch - sơn. Mần - thiên = tức là trời, nói về lòng trời thương xót nên gọi là Mần-thiên.

★ ★

(1) Xem tiếp N.-P. số 131.

不耕孝曰。天。田。曰。母。萬
我田。子。是。于。則。長。惡。章
愛共。之。非。父。吾。息。之。曰。
於為。心。爾。母。既。問。勞。父
我子。為。所。則。得。於。而。母
何職。不。知。吾。開。功。不。愛
哉。而。若。也。不。命。明。怨。之。
矣。是。夫。知。矣。高。然。喜
矣。恕。公。也。號。曰。則。而
父我。明。公。泣。舜。舜。不
母竭。高。明。于。往。怨。忘
之。力。以。高。爰。于。乎。父

Dịch-âm. — Vạn - Chương viết :
« Phụ mẫu ái chi, hỉ nhi bất vong ;
phu mẫu ố chi, lao nhi bất oán ; nhiên
tắc Thuần oán hồ ? » Viết : « Trường-
Túc vấn ư Công - Minh Cao viết :
Thuần vãng vu điền, tắc ngô kỳ đắc
văn mệnh hi ; hào khắp vu mãn-thiên
vu phụ mẫu, tắc ngô bất tri dã ». Công-
Minh Cao viết : « Thị phi nhĩ sở tri
dã. » Phủ Công-Minh Cao dĩ hiếu-tức
chỉ tâm, vi bất-nhược thị khiết ; ngã
kiệt lực canh điền, cung vi tử-chức nhi
dĩ hi ; phụ mẫu chi bất ngã ái, ư ngã
hà tại .

Dịch-ngĩa. Vạn Chương nói rằng :
« Người con đối với cha mẹ, thấy cha
mẹ yêu mình, thì mừng mà chẳng dám
quyên, cha mẹ ghét mình, thì dẫu lao-
khô mà chẳng dám oán ; thế thì ra ông
Thuần oán cha mẹ dấy ư ? » Thầy Mạnh
dẫn lời vấn đáp của người trước mà nói
rằng : « Xưa người Trường-Túc có
hỏi thầy Công-Minh Cao rằng : « Vua
Thuần đi cày ruộng, thì sự ấy tôi đã
được nghe nói rồi ; đến như kêu trời
kêu cha mẹ mà khóc, thì tôi chẳng biết
cái tâm ông Thuần là cái tâm gì vậy ? »
Thầy Công-Minh Cao đáp rằng : « Cái
lâm ấy khó lượng xét, chẳng phải mày
biết được vậy. » Ôi ! Thầy Công-Minh
Cao đáp thế là ý cho rằng cái tâm
người con hiếu là chẳng khiết-nhiên

như thế được ; mình hết sức cày ruộng
chẳng qua làm chức-phụ người
con dấy mà thôi ; còn như nổi cha mẹ
chẳng yêu mình, xét mình hẳn có tội
gì dấy chẳng .

Chú-giải. — Trường-Túc = Học trò thầy
Công-Minh Cao. Công-Minh Cao = Học
trò thầy Tăng-Sâm. KIỆT = KIỆT-nhiên,
nghĩa là lặng lẽ đi không buồn-bã gì.

Tiết này là tỏ cái tâm ông Thuần kêu trời
mà khóc là tự oán trách mình, chứ không
phải oán cha mẹ.

人順而者。下於倉二帝
無於遷帝之賦康女。便
所父之將士敵備。百其
歸母焉。胥多之以官子
如為天就中。事牛九
窮不下之天舜羊男

Dịch âm. — « Đế sử kỳ tử cứu nam
nhị nữ, bách quan ngưư dương xương
lãm bị, dĩ sự Thuần ư quyển mẫu chỉ
trung ; thiên-hạ chi sĩ đa tựu chỉ giã,
để trưng tư thiên-hạ nhi thiên chi yên ;
vị bất-thuận ư phụ mẫu, như cùng
nhân vô sở quý .

Dịch-ngĩa. — « Khi vua Nghiêu khiến
con mình chín con trai hai con gái,
trăm quan, trâu dê, kho đụn đều đủ cả,
để phụng-sự ông Thuần ở trong chốn
điền-mẫu ; thiên-hạ khi ấy nhiều người
về ở với ông Thuần, vua Nghiêu lại
toan cùng ông Thuần cùng coi việc
thiên-hạ mà dời ngôi cho ông Thuần.
Ông Thuần chỉ vì nổi chẳng được lòng
yêu với cha mẹ, mà trong bụng cấp-
bách như kẻ cùng-quần không biết về
đâu .

Chú-giải. — Quyển mẫu = Đương bờ chia
các mẫu ruộng. Tư thiên-hạ = Cùng coi
nom việc thiên-hạ.

Dịch-âm. — *Vạn-Chương* vẫn viết : « *Thi* vẫn : « *Thi* thể như chi hà, tất cáo phụ mẫu. » *Tin* tư ngôn dã, nghi mạc như *Thuấn* ; *Thuấn* chi bất cáo nhi thú hà dã ? » *Mạnh-tử* viết : « *Cáo* tác bất đắc thú, nam nữ cư thất, nhân chi đại-luân dã ; như cáo tác phế nhân chi đại-luân, di đối phụ mẫu, thi dĩ bất cáo dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Người *Vạn-Chương* hỏi rằng : « *Kinh Thi* có nói rằng : « *Lấy* vợ nên như thế nào ? tất phải thưa với cha mẹ » *Tin* như lời ấy thì hết đạo làm con, chẳng ai bằng ông *Thuấn*, thế mà ông *Thuấn* lại chẳng thưa với cha mẹ mà tự mình lấy vợ, là có sao ? » *Thầy Mạnh* nói rằng : « Ông *Thuấn* vì gặp phải cha mẹ ngoài ngàn, nếu thưa với cha mẹ, thì không được lấy vợ. Song đạo vợ chồng lấy nhau ở trong một nhà, là đạo lớn của người ta vậy. Nếu thưa với cha mẹ, cha mẹ gàn chẳng cho lấy, thì ra bỏ mất cái đạo lớn làm người, và dễ thù dễ oán cho cha mẹ ; bởi thế ông *Thuấn* phải không thưa với cha mẹ vậy. »

Chú-giải. — *Thi* = *Thơ* *Nam-sơn* trong *Tề-phong*. *Phụ-mẫu* = Người cha với người mẹ ghê ông *Thuấn* là kẻ xuân-ác, thường muốn sát-hại ông *Thuấn*. *Đối* = *Thú* oán. *Di đối phụ mẫu* = Mắc phải cha mẹ thù oán.

Đây là nói lấy vợ phải bẩm mệnh cha mẹ, đó là cái lễ thường. Song ông *Thuấn* gặp phải cảnh biến, nên phải tùng-quyển để cho toàn lấy đạo luân-thường vậy.

不 知 也。而 帝 得 娶 之 萬
得 告 曰。不 之 聞 則 不 章
妻 焉。帝 告 妻 命 吾 告 曰。
也。則 亦 何 舜 矣。既 而 舜

Dịch-âm. — *Vạn-Chương* viết : « *Thuấn* chi bất cáo nhi thú, tác ngô kỳ đắc văn mệnh hĩ ; để chi thể *Thuấn*

nhi bất cáo, hà dã ? » *Viết* : « *Để* diệc tri cáo yên, tác bất đắc thể dã. »

DỊCH-NGHĨA. — *Vạn-Chương* nói rằng : « *Cái* có ông *Thuấn* chẳng báo cha mẹ mà lấy vợ, thì tôi đã được nghe lời dạy rồi ; vua *Nghiêu* gả con cho ông *Thuấn* mà cũng chẳng báo với cha mẹ ông *Thuấn*, là có sao ? » *Thầy Mạnh* nói rằng : « *Vua Nghiêu* cũng biết rằng báo cha mẹ *Thuấn* thì cha mẹ *Thuấn* tất không nghe, thì không được gả con cho *Thuấn* vậy. »

Chú-giải. — *Thế* = *Gả* con gái cho làm vợ người.

不 舜 曰。牀 嫂 倉 曰。股 萬
知 不 惟 琴。使 廩 謨 焚 章
也。知 茲 象 治 父 蓋 廩 曰。
象 象 臣 曰。朕 母 都 使 父
憂 之 庶。鬱 棗 干 君 凌 母
亦 將 汝 陶 象 戈 咸 并 使
憂。殺 其 思 往 朕。我 出 舜
象 已 于 若 入 琴 績。從 完
喜 與 予 爾。舜 朕。牛 而 履
亦 曰 治。性 宮。詠 羊 拊 捐
喜。吳 不 悞。舜 朕。父 之 階。
而 識 舜 任 二 母。象 拜

Dịch-âm. — *Vạn-Chương* viết : « *Phụ* mẫu sử *Thuấn* hoàn lâm quặng, giai, *Cổ-Tàu* phần lâm ; sử tuân lĩnh, xuất, tông nhi gêm chi. *Tượng* viết : « *Mô* cái *Hồ-quân* hàm ngũ tích, ngưo dương phụ mẫu, thương lâm phụ mẫu, can qua trâm, cầm trâm, để trâm, nhi tâu sử trị trâm thể. » *Tượng* vãng nhập *Thuấn* - cung, *Thuấn* tại sàng cảm. *Tượng* viết : « *Uất* dào tư quân nhi, nưc-ni. *Thuấn* viết : « *Duy* tư thần thi nhữ kỳ vụ dư trị. » *Bất* thừ *Thuấn* bất tri *Tượng* chi tương sát kỳ dư ? »

Viết : « Hề nhi bất tri dã, Tượng tru diệc tru, Tượng hỉ diệc hỉ. »

DỊCH-NGHĨA. — Vạn - Chương nói rằng : « Có nghe truyện rằng cha mẹ Thuấn sai Thuấn sửa - sang vựa thóc, Thuấn trèo lên, ở dưới bỏ thang đi, cha Thuấn là Cỗ-Tầu đốt vựa thóc. Thuấn may đã thoát khỏi Cỗ-Tầu lại sai Thuấn đi khơi đào giếng. Thuấn tránh ra khỏi, Cỗ-Tầu không biết vẫn cứ từ trên lấp đất xuống chôn đi. Em Thuấn là Tượng nói rằng : « Mưu-tính sự chôn anh Đô-quân đều là công ta ; của anh Đô-quân có những gì, ta với cha mẹ chia nhau cùng hưởng : trâu dê về phần cha mẹ, kho dựn về phần cha mẹ, cái mộc cái giáo về phần ta, cái đàn phần ta, cái cung dật ngọc phần ta, hai người chỉ đầu khiến sửa-sang chỗ giường ta. » Tượng mới đi vào cung Thuấn, thấy Thuấn ngồi ở giường gầy dòn. Tượng nói rằng : « Vì bực-dọc nhớ anh lắm mà lại đây. » Tượng nói rồi sắc mặt thẹn - thò. Thuấn mừng nói rằng : « Nay những kẻ quan dân ở đây, may sẽ cùng ta cùng quản-trị. » Ấy truyện ông Thuấn như vậy, chẳng hay ông Thuấn khi ấy lại chẳng biết người Tượng toan giết mình đây đư ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Thuấn sao lại chẳng biết, vì trong lòng ông Thuấn đối với người Tượng, Tượng lo thì Thuấn cũng lo, Tượng mừng thì Thuấn cũng mừng. »

Chú-giải. — Mổ = Mưu-mô. Cái = Chôn lấp. Đô-quân = Ông chủ chỗ đô ấp, vì Thuấn khi ấy chỉ ở đã lập ra thành ấp thành đô, nên gọi là đô-quân. Nhị-tầu = Hai người chỉ đầu, tức là hai con gái vua Nghiêu tên là Nga-Hoàng và Nữ-Anh. Uất-dào = Bực-dọc nhớ mong thiết lấm. Nục-ni = Bẩn lén thẹn thò.

Đây là nói ông Thuấn gặp phải đứnạo-dê, mà xử với em vẫn dốc lòng thân-yêu.

道其其孰曰。罔之儼曰。
來方所謂得焉。池生然則
故難哉。子其少校魚則
誠罔得產所則人於舜
信以其智。哉洋烹郊低
而非所予得洋之。子喜
喜其哉。既其焉。反產者
之。道。故烹所攸命子與。
奚彼君而哉。然曰產曰
僂以子食校而始使否。
焉愛可之。人逝。舍校昔
兄欺曰出子之。人者
之。以得曰。產罔畜有

Dịch-âm — Viết : « Nhiên - tác Thuấn nguy hỉ giả đư ? » Viết : « Phủ ; tích-giả hữu quý sinh ngư ư Trịnh Tử-Sân, Tử-Sân sử hiệu-nhân sắc chi trì. Hiệu-nhân phan chi, phân mệnh viết : « Thủy xả chi ngữ ngữ yên, thiếu tác dương-dương yên, du-nhiên nhi thể. » Tử-Sân viết : « Đắc kỳ sở tại, đắc kỳ sở tại ! » Hiệu-nhân xuất viết : « Thực vị Tử-Sân trí, đư kỳ phan nhi thực chi, viết : Đắc kỳ sở tại, đắc kỳ sở tại ! » Cổ quân-tử khả khi dĩ kỳ phương, nan vãng dĩ phi kỳ đạo ; bĩ dĩ ái huynh chi đạo lai, cổ thành-tin nhi hỉ chi, hề nguy yên. »

DỊCH-NGHĨA. — Vạn-Chương nói rằng : « Thế thì ông Thuấn giả-dối mừng đây đư ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Không ; ngày xưa có kẻ đen, cho ông Tử-Sân nước Trịnh con cá sống. Tử-Sân sai kẻ hiệu-nhân đem nuôi ở ao. Kẻ hiệu-nhân mỡ mà ăn đi, về trả lời rằng : « Lúc mới thả nó thì nó lơ-dờ vậy, một chốc thì nó hơi cựa-quẫy vậy, rồi nó vùng vẫy mà nó đi. » Tử-Sân mừng nói rằng . « Con cá ấy được chốn thỏa-thích thay ! Được chốn thảo thích thay ! » Kẻ hiệu-nhân trở ra nói rằng : « Ai bảo thầy Tử-Sân là người

Thầy Mạnh nói rằng: « Người nhân đối với em, không chứa giận không lưu oán, thân-yêu đầy mà thôi; thân em muốn cho em sang, yêu em muốn cho em giàu, phong cho em ở đất HỮU-tị, là làm giàu sang cho em vậy; nếu mình làm đấng thiên-tử mà em làm kẻ sất-phu, khả gọi là thân yêu đầy dư? »

Đây là nói Thuấn lấy bụng nhân mà thảo yêu em, thì nên phong cho Trọng thì phải.

之 貢 之 哉 謂 國 其 也 敢
謂 以 故 雖 之 而 國 曰 問
也 政 源 然 放 納 天 象 或
接 源 欲 豈 其 子 不 曰
于 而 常 得 貢 使 得 放
有 來 常 暴 悅 吏 有 者
廟 不 而 彼 焉 治 為 何
此 及 見 民 故 其 於 謂

Dịch-âm. — *Cảm vân*: « Hoặc viết phóng giả, hà vị dã? » *Viết*: « Trọng bái đức hữu vị ư kỳ quốc, thiên-tử sử lai trị kỳ-quốc, nhi nạp kỳ công thuế yên, cổ vị chi phóng, khởi đức bạo bị dân tai; tuy-nhiên, đức thường thường nhi kiến chi, cổ nguyên nguyên nhi lai, bất cập công dĩ chính tiếp vu HỮU-tị. Thủ chi vị dã. »

Dịch-ngĩa. — *Dàm hội*: « Hoặc có kẻ bảo rằng phóng-trục, là cơ sao? » Thầy Mạnh nói rằng: « Người Trọng chẳng được có làm chính-trị gì ở trong nước, đấng thiên-tử sai quan thay người Trọng trị nước, mà chỉ nộp công thuế cho người Trọng, cho nên người ta bảo là phóng-trục. Người Trọng há được làm hại dân nước kia đâu. Tuy vậy, ông Thuấn muốn thưởng thưởng tiếp-kiến người Trọng, cho nên muốn cho Trọng được luôn luôn lại châu. Cổ-thư lại chép rằng: « Chẳng đợi cái kỳ hạn các nước chư-hầu cùng vào triều-

công mà vẫn thường lấy chính-sự hỏi riêng đấng được tiếp kiến vua HỮU-tị luôn. Từ là sự ấy. »

Chú-giải. — *Nguyên-nguyên* = Nguồn nước chảy luôn luôn.

Đây là nói Thuấn tuy phong cho Trọng ở đất HỮU-tị, mà Trọng cũng không làm hại gì được dân; Thuấn lại không thưởng muốn tiếp-kiến Trọng để tỏ lòng thân-ái. Đó là xử với em một cách công-nghĩa tư-án đều không hại gì cả.

IV

諸 天 落 堯 哉 於 暇 得 咸
侯 無 百 老 孟 斯 亦 而 丘
以 二 姓 而 子 時 北 子 蒙
為 日 如 舜 曰 也 而 舜 問
堯 民 喪 攝 否 天 而 兩 曰
三 無 考 也 此 下 朝 面 語
不 二 妣 堯 非 殆 之 而 云
喪 王 三 典 君 哉 舜 立 堯 德
是 舜 年 曰 子 之 乎 瞽 瞽 諸 上
二 天 為 海 十 言 乎 瞽 瞽 諸 上
子 天 遇 有 齊 不 識 其 容 北 不
矣 子 矣 入 載 野 此 語 誠 孔 朝 臣
又 音 放 人 之 語 然 子 之 父
天 子 乃 語 也 乎 曰 瞽 不
下 曰 徂 也 乎 曰 瞽 不

Dịch-âm. — *Hàm-khư Mông văn viết*: « Ngũ vân: « Hình đức chư sĩ, quân bái đức nhi thân, phụ bái đức nhi tử, Thuấn nam diện nhi lập, Nghiêu suất chư-hầu bái diện nhi triều chi. Cổ-tầu diệc bái diện nhi triều chi. Thuấn kiến Cổ-tầu kỳ đức hữu sức. » Không-tử viết: « U tư-thời dã, thiên-ha dã tai, ngáp ngáp hồ. » Bít thức thủ ngữ thành nhiên hồ tai. » *Mạnh-tử viết*: « Phủ, thủ phủ quân-tử chi ngôn, Tz

đông-dã nhân chi ngữ dã ; Nghiêu lão
nhĩ Thuấn nhiếp dã. Nghiêu-diễn viết :
« Nhị tập hữu bát tải, Phóng Huân nãi
tở lạc. bách tnh nhi táng khảo tĩ, tam
niên, tứ hải át mật bát âm. » Không-tử
viết : « Thiên vô nhị nhật, dân vô nhị
vương. » Thuấn ký vi thiên-tử hi, hựu
suất thiên-hạ chư-hầu dĩ vi Nghiêu tam
niên tang, thị nhĩ thiên-tử hi. »

Dịch-Nghĩa. — Hàm-khuu Mông hỏi
rằng : « Lời cổ-ngữ có nói rằng : « Kể
sĩ tình-đức. đức dẫu hơn vua, không
được khiến vua phải làm tôi ; đức dẫu
hơn cha, không được khiến cha phải làm
con. Mà sao ông Thuấn nam-diện mà làm
vua, ông Nghiêu phải dõ g-dã chư-hầu
bắc-diện mà triều ông Thuấn, ông Cồ-
Tàu cũng bắc-diện mà triều ông Thuấn,
ông Thuấn thấy Cồ-Tàu vào châu, dâng
mật mịch có ý buồn-bã không yên. Ông
Không-tử có than rằng : « Đương lúc ấy
vậy, đạo người diên-đảo, thiên-hạ nguy
thay, nom-nớp thay ! » Chẳng biết lời
ấy thực thế chẳng ? » Thầy Mạnh nói
rằng : « Không có lẽ ấy, lời ấy chẳng
phải là lời người quân-tử, là lời kẻ dã-
nhân ở mé đông nước Tề vậy. Lúc ấy
ông Nghiêu lão - quỵện rồi mà ông
Thuấn mới quỵện-nhiếp làm việc thiên-
tử dấy thối. Thiên Nghiêu-diễn có nói
rằng : « Ông Thuấn nhiếp ngôi hai
mươi tám năm, ông Phóng-Huân mới
tở-lạc, trăm họ như mất cha mẹ, ba
năm, bốn bề đều bật tĩnh tiếng bát-âm. »
Ông Không-tử từng nói rằng : « Trời
không hai mặt trời, dân không hai ông
vua. » Cứ như lời ông Không và xét
trong Nghiêu-diễn, thì ông Nghiêu mất
rồi ông Thuấn mới lên ngôi vua. Nếu
ông Nghiêu còn mà ông Thuấn đã làm
thiên-tử lại đông-dã thiên-hạ chư-hầu
để trở ông Nghiêu ba năm, thế là hai
ông thiên-tử vậy. »

Chú-giải. — Hàm-khuu Mông = Học-trò
thầy Mạnh. Nam-diện Bắc-diện = Bắc-cực
là ngôi chí - tôn, ngầun mặt về phương
nam mà ngôi là ngôi vua, ngầun mặt về
phương bắc mà châu là ngôi bề tôi. Sác =

Buôn râu áy-náy. Đãi = Ngụy. Ngáp-ngáp
Nom-nớp chang yên. Dã-nhân = Kể quẻ
mùa không biết gì. Nghiêu - diễn = Một
thiên trong sách Ngụ thư, nay xét những
câu dẫn trong thiên Nghiêu-diễn trên này,
thì thấy chép trong thiên Thuấn-diễn, ý-giả
hai thiên khi xưa cũng là một. Phóng-huân
= Biếu vua Nghiêu. Tở = Thăng lên. Lạc
= Rụng xuống. Tở lạc = Bỏn thăng phách
lạc, nghĩa là chết. Khảo = Cha Tỉ - mẹ.
Át = Đỉnh - chí. Mật = Mật-linh. Bát-âm =
Tám thứ tiếng âm-nhạc : Kim, thạch, lý, trúc,
bào, thổ, cách, mộc.

Đây là nói cái lẽ khi vua Nghiêu còn,
ông Thuấn mới là quỵện-nhiếp, chứ chưa
làm vua Thiên-tử, khi nào lại có khiên vua
Nghiêu làm tôi.

子道。信斯言也。是周無遺民也。
如以辭而已矣。雲漢之詩曰。周餘黎民靡有
以文辭辭。不以辭害志。以意逆志。是為得之。
也。曰此莫非王事。我獨賢勞也。故說詩者不
詩也。非是之謂也。勞於王事。而不得養父母
舜既為天子矣。敢問瞽瞍之非臣而何。曰是
普天之下。莫非王土。率土之濱。莫非王臣。而
成丘蒙曰。堯之不臣堯。則吾既聞命矣。詩云
天之下。莫非王土。率土之濱。莫非王臣。而

Dịch-Âm. — Hàm-khuu Mông viết :
« Thuấn chỉ bất thần Nghiêu, tắc ngô
ký đắc vãn mệnh hi. Thi vãn : « Phở
thiên chi hạ, mạc phi vương thổ ; suất
thổ chi tân, mạc phi vương thần. »
Nhĩ Thuấn ký vi thiên-tử hi, cảm vấn
Cồ-Tàu chi phi thần nhi hà ? » Viết :
« Thị thị dã, phi thị chi vị dã ; lao u
vương-sự, nhĩ bất đắc dưỡng phụ mẫu
dã ; viết : Thử mạc phi vương-sự, ngô
độc hiên lao dã. Cố thuyết Thi-giả, bất
dĩ vãn hại từ, bất dĩ từ hại chí, dĩ ý
nghĩnh chí, thị vi đắc chí. Như dĩ từ
nhĩ dĩ hi, Vãn-hán chi thi viết : « Chấn
dư lê-dân mĩ hữu yết dĩ. » Tín tư-ngôn
dã, thị Châu vô dĩ dân dã.

DỊCH-NHĨA. — Hàm-khuu Mông nói rằng: « Ông Thuấn chẳng khiến ông Nghiêu làm bề tôi, thì tôi đã được Nghiêu lời dạy rồi. Kinh Thi có nói rằng: « Khắp ở dưới trời, chẳng đâu chẳng phải đất vua; nơi ở bên đất, chẳng ai chẳng phải bề tôi vua. » Ông Thuấn đã làm thiên-tử rồi, dám hỏi Cồ-Tâu chẳng phải là bề tôi là gì? » Thầy Mạnh nói rằng: « Thơ ấy chẳng phải là bảo về nghĩa ấy đâu; nghĩa là kẻ đại-phu phải lao-khổ về việc nhà vua, mà chẳng được nuôi cha mẹ; nên mới bảo rằng việc nào chẳng phải là việc vua, mà sao ta một mình hiền-giỏi phải chịu khó - nhọc vậy. Vậy nên người bàn thơ không nên lấy một chữ hại một lời, không nên lấy một lời hại một chữ người làm thơ; phải nên lấy ý mình suy đoán chỉ kẻ làm thơ, thế mới là hiểu được đấy. Nếu chỉ lấy lời mà thôi, thì thơ Văn-hán vì lo sự nặng mà ối quá ra rằng: « Kẻ lê-dân của nhà Châu để lại, chẳng có một mống nào còn sót. » Tin như lời thơ ấy, thì nhà Châu không còn sót một người dân nào nữa.

Chú-giải. — Thi = Ti ở Bắc-sơn trong thiên Tiều-nhã. Văn-hán = Một thơ trong thiên Đại-nhã. Yết = Trơ trọi một mình. Yết đi = Một mống sót lại.

Đây là nói học thơ không nên quá nặng lời thơ, mà dám bảo ông Thuấn làm vua thiên-tử hay khiến cha phải làm bề tôi.

謂也	孝思維明此之	時曰永言孝思	下養之也	尊之至	下養之也	至莫大乎親之	乎尊親之至	孝子莫大乎親之
----	--------	--------	------	-----	------	--------	-------	---------

Dịch-âm. — « Hiểu-tử chỉ chí, mạc đại hồ tôn thân; tôn thân chỉ chí, mạc đại hồ dĩ thiên-hạ dưỡng, vi thiên-tử phụ, tôn chí chỉ dã; dĩ thiên-hạ dưỡng, dưỡng chỉ chí dã. viết thi: « Vĩnh

ngôn hiếu tư, hiếu tư duy tắc. » Thủ chỉ vị dã.

DỊCH-NHĨA. — « Con hiếu rất bậc, chẳng gì lớn hơn tôn đấng thân; tôn đấng thân rất bậc, chẳng gì lớn hơn lấy thiên-hạ nuôi đấng thân; ông Cồ-Tâu làm cha đấng thiên-tử, là tôn đến rất bậc vậy; ông Thuấn lấy thiên-hạ nuôi cha, là nuôi đến rất bậc vậy. Kinh Thi có nói rằng: « Nhờ mãi bụng hiếu không quên, bụng hiếu khá làm phép tắc » Chính là nghĩa thế đấy.

Chú-giải. — Thi = Thơ Hạ vĩ thiên Đại-nhã.

Đây là nói Thuấn hay tôn nuôi ông Cồ-Tâu, để rõ ra rằng không có cái lẽ nào cha phải bắc-diện mà cháu con.

而	父	若	腹	背	腹	裁	書
子	不	是	亦	樂	遂	且	曰
也	得	為	允	替	變	替	詠

Dịch-âm. — « Thư viết: « Chí tài kiến Cồ-Tâu, qui qui trai lật, Cồ-Tâu diệc doãn nhực. » Thi vi phụ bắc đắc nhi tử dã. »

DỊCH-NHĨA. — Kinh Thư có nói rằng: « Ông Thuấn cung-kính việc làm con, vào yết-kiến ông Cồ-Tâu, kính-cần sợ-hãi, ông Cồ-Tâu cũng tin thuận. » Ấy chính là cái nghĩa đức dẫu hơn cha, chẳng được khiến cha phải làm con vậy. »

Chú-giải. — Thư = Thiên Đại-Vũ-mô, Tài = Việc. Qui - qui = Đáng sợ hãi chầu-chầu. Trai - lật = Kính sợ. Doãn = Tin. Nhực = Thuận, ý là nói Cồ-Tâu về sau cũng hòa cái tính ngoan-ác mà ra hòa-thuận hiền-tử.

Đây là nói ông Thuấn chỉ-hiếu mà cha cũng hóa thành hiền-tử, để giải rõ cái nghĩa câu « Phụ bất đắc nhi tử » nghĩa là cha không hay lấy điều bất-thiện mà làm lây đến con.

(còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TỪNG-VĂN DỊCH

NHẬT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

一 怒 爲 紅 顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

IV

Hồi thứ tư

*Phát án cũ Viên Sung-Hoạt bị hình ;
Nghị việc lớn Lý-Tự-Thành khởi loạn.*

Ngô Tam-Quế vì thân-phụ là Ngô Tương nhất-thiết bắt lưu lại Viên-Viên ở kinh, không cho mang đi ra trấn, Tam-Quế cả lấy làm thất-vọng, hàng ngày dùng-dắng, không muốn dời kinh. Triều-dinh biện đã liền gi'ng chỉ-dụ cho rằng sự biên-phòng là khẩn-yếu, giục Ngô Tam-Quế mau chóng xuất-quan. Tam-Quế vẫn dùng-dắng thoái-thác, chưa muốn xuất-quan. Ngô Tương thiết-trách Tam-Quế rằng : « Con ta nhiệm-dại trách-trọng, hiện nay sự biên-phòng là khẩn-yếu, mà chớ cén coi thường ; mà muốn sống, thì mà phải tức-khắc xuất-quan ; nếu mà còn trái-kháng chỉ-dụ lần nữa, thì là mà không muốn sống đó vậy. » Tam-Quế nghe thân-phụ nói, chỉ cúi đầu không nói gì ; liền lui về tiếp-kiến Viên-Viên, đem lời thân-phụ báo với Viên-Viên, và nói rằng : « Ta đã được nàng, há muốn xa-cách, vì có mệnh-lệnh vua với cha, sợ rằng khôn- thể kháng nổi ; vốn đã toan từ quan-chức về cố-hương, cùng nàng cùng hưởng cái thú lâm-tuyền, chỉ vì ta mới được nàng, sợ bị người ta nghị-luận cho là quyến-luyến một kẻ giai nhân mà quên mất quốc-gia-dại-sự, cho nên chưa dám dứt-thời. » — Viên-Viên nói rằng : « Sự-thế đến lúc này, cũng không làm

thế nào được ; thiết theo tướng-quân cũng lấy làm tướng-quân là một kẻ dương-thể anh-hùng, vậy chẳng tiếc đem thân-phụng-sự, mong được lưu-phương trong thanh-sử, cớ-vaog lấy cho thân-thiết, bắt-hủ về mai-sau, tướng-quân nên tự doái lấy tiền-dò, chớ lấy thiết này làm nghị. » Tam-Quế nghe Viên-Viên nói, ngấm-ngùi nửa ngày, rồi nói rằng : « Lê bản-triều xưa nay vũ-tướng đảo-nhiệm không được mang vợ đi theo ; nguyên ý ta chỉ loan đem nàng đi trộm, khỏi cho người ngoài biết ; nay đã bị mệnh-lệnh của thân-phụ bức-bách, thực không thể thôi được, tình-rằng sau khi ta xuất-quan, sẽ đem việc khác thác cớ từ-chức để cùng nàng cùng về lánh-ân, nàng cho là thế nào ? » — Viên-Viên nói rằng : « Tướng-quân sao lại cay-khổ như vậy ! Nay chẳng qua là thời-kỳ tạm-biệt, chớ tất đã không có ngày tái-hội ; nếu bỏ việc quốc-gia chẳng doái-hoài, vì một thân-thiết, để đến nỗi một kẻ thiếu-niên anh-hùng cam chịu lão-dại ở chốn lâm-tuyền, lại bị thiên-hạ người ta chê-cười. » Tam-Quế nói rằng : « Ý nàng thế cũng là phải, chỉ vì chưa vui-xam-hợp đã sâu chia-phối, không khỏi khiến người-xó-xa-dây-thời. »

Tam-Quế nói xong, Viên-Viên liền hỏi-rằng : « Tướng-quân định ngày nào xuất-quan ? » Tam-Quế nói rằng :

« Ta ngày nay sắp sửa dâng tờ biểu báo cáo thời-kỳ xuất-quan, đại-ước nhiều thì lưu lại được ba ngày, ít thì được hai ngày là cùng. Không thể trì-hoãn được nữa. »

Viên - Viên nói rằng : « Khoảng ấy còn được ba ngày nữa họp mặt với nhau, sao đã vội phiến-não làm vậy. » Tam-Quế nghe nói, ngồi nín lặng. Viên-Viên lại nói rằng : « Xin tướng-quân tức-khắc tấu-cáo cái nhật-kỳ xuất-quan ngay đi ; kéo nữa vì tướng-quân quanh-quẩn với thiếp, cho nên lắm kẻ nói-bàn, sợ rằng có sự trở-ngại sinh ra ; chẳng gì bằng cứ xuất-quan cho sớm-sửa đi, đợi khi đã cáo-quan, sẽ lại tìm phương-pháp. » Tam-Quế cho lời Viên-Viên là phải, tức-khắc làm tờ biểu tấu-báo triều-dinh rồi cái nhật-kỳ xuất-quan. Ngay ngày hôm ấy, Viên-Viên đặt rượu cùng Tam-Quế làm tiệc giải-muôn. Thăm-thoắt đến ngày thứ ba, là ngày Tam-Quế thượng-mã xuất-quan. Viên-Viên cùng Tam-Quế làm lễ tiễn-biệt, Viên-Viên tay cầm chén rượu nói rằng : « Tướng-quân phen này trở ra đi chẳng biết ngày nào được tái-hội, xin tướng-quân gắng sức về biên-sự, để thành-lập công-danh, thiếp tới duyên-phận đơn-bạc, chẳng theo hầu được tướng-quân, xin tướng-quân tự trọng lấy mình. » Viên-Viên nói xong, nước mắt sa xuống ròng-ròng Tam-Quế nói rằng : « Non xanh còn đó, nước biếc còn đây, sau này lo gì chẳng có ngày tương-hội ; nay nàng như vậy, lại khiến người phách động hồn thương, xin nàng tiết-chế sự tra-sầu, để bảo-trọng lấy ngọc-thể. » — Viên-Viên nói rằng : « Thiếp ở chốn này yên-vui, chẳng phiền tướng-quân phải để bụng áy-náy cho lắm ; duy tướng-quân từ kinh-thành đi đến Ninh-viễn, đồi cây đậm núi, gió bụi cát bay, tướng-quân ngồi trên yên ngựa, khó nhọc xiết bao, nên đề tâm cẩn-thận. » — Tam-Quế nói

rằng : « Ta khi đi đường, đều có bộ-tướng hộ-vệ tống-ngheñh, chẳng lao-khổ gì cho lắm ; nếu sau khi đến chỗ biên-quan, may được bình-yên, sẽ tấu-thỉnh triều-dinh, vào kinh bệ-kiển, có thể thừa-cơ cùng nàng tương-hội. » — Viên-Viên nói rằng : « Tướng-quân thân cư trọng-trắc, hiện nay thế giặc đang hăng, há dễ lìa bỏ chức-nhiệm ; xin rằng bất-tất phải như thế, để làm-lỡ việc lớn. »

Tam - Quế nói rằng : « Xin quyết với nàng mà hết sức đánh giặc, nếu một phen giặc yên được giặc, liền có thể tấu-thỉnh khải-hoàn về triều, cùng nàng yên-hưởng về lâu dài. » — Viên-Viên nói rằng : « Thiếp chính mong như thế, xin tướng-quân tự yếu tự quý lấy mình, nếu ở chốn biên-quan xin thỉnh-thoảng gửi bức thư về yên-ủi thiếp, thiếp cũng xin thỉnh-thoảng gửi bức thư ra yên-ủi tướng-quân, thì khác nào thiếp thường ở trước mặt tướng-quân, xin tướng-quân đừng quên, thế là qui là đủ. » — Tam-Quế nói rằng : « Lời nàng đã dặn, ta chẳng dám quên ; xin nàng thường nghĩ đến kẻ xa này, chớ lấy cớ biệt-ly mà vội sinh chí khác. » Viên-Viên nghe đến lời ấy, liền chau đôi mày, tỏ ra nét hờn giận lặng-lẽ mà nói rằng : « Thiếp chẳng ngờ tướng-quân lại có lời ấy, chẳng biết trong bụng tướng-quân coi thiếp là hạng nhân-vật thế nào ; thực thì lòng thiếp, chỉ trời biết cho ; bề khó đá mòn, lòng thiếp chẳng đổi, xin tướng-quân cứ phóng-tâm. » Viên-Viên nói xong cả khúc. Tam-Quế hết sức vì yên-ủi, và tạ lại rằng lời ta giống-rài, nàng đừng để ý.

Lúc ấy các xuất-quan tướng-sĩ đã tập-hợp quanh cả ở trước cửa, trời đã gần trưa mà vẫn chưa thấy Tam-Quế ra, Ngó Tương thì đã sai người đến thúc-giục. Viên-Viên kêu lên mà nói rằng : « Tướng-quân ôi ! tướng-quân đi đi. » Tam-Quế lúc ấy vẫn còn bồi-hồi

Viên-Viên lại lau nước mắt, gương làm ra dáng-bộ tươi-cười, lại dâng lên một chén rượu, và nói rằng: « Xin tướng-quân uống một chén này nữa, để cho tướng-quân hằng-hải lên đường. » Tam-Quế lại tiếp đỡ chén rượu uống một hơi hết, vẫn còn gương mặt nhăm vào Viên-Viên, dường như có cái quang-cảnh muốn nói mà chẳng nói, Viên-Viên lại kêu lên rằng tướng-quân đi đi. Tam-Quế không biết làm thế nào, mới cùng với Viên-Viên nắm tay trân-trọng làm lễ từ-biệt. Viên-Viên gạt nước mắt quay bước trở về chốn khuê-phòng, Tam-Quế mới bước ra ngoài cửa. Lúc ấy mặt trời đã xế tây, Ngô Tương lúc ấy cũng theo chân tiễn Tam-Quế đi ra. Tam-Quế nói với Ngô Tương rằng: « Ngày đã chiều rồi, sợ rằng ngày nay xuất-kinh không kịp, xin đợi sáng sớm mai khởi-trình thế nào? » Ngô Tương cả giận nói rằng: « Con sao lại dám nói thế! Hiện đã tấu-minh triều-đình, ngày nay khởi-trình, vạn phần không thể được tri-hoãn phần nào nữa; tri-hoãn thì là tội khi-quân, sáng mai tức-khắc có người luận tội con đó vậy. » Tam-Quế bắt-đắc-dĩ mới lên ngựa ra đi. Lúc ấy các viên đại-thần trong triều như lũ Điền-Uyển với Đồng Kỳ-Xương, đã đều đứng đợi ở ngoài cửa để làm lễ tiễn-tống. Tam-Quế lúc ấy, cũng tức-khắc xuống ngựa cùng với các triều-quan làm lễ tương-kiến. Đồng Kỳ-Xương tiến lên nói rằng: « Ngày trước lão-phu này từng có bức thư đưa lại tướng-quân, thực là gióng-rài dường-đột, xin tướng-quân chớ cho là quái-gở. » — Tam-Quế nói rằng: « Lời tiên-sinh thực là lời vàng đá, tôi xin khắc-tạc cầm đội, đầu có lẽ dám đề ý khác. » — Đồng nói rằng: « Lão-phu này chỉ vì thế giặc đương mạnh, việc nước đã nguy, nhiệm-lại trách-trọng ở trên mình tướng-quân, cho nên một đoạn can-tráng chẳng được chẳng thờ-tận; xin tướng-quân từ

dây về sau lấy quốc-sự làm dõm-nhiệm, gắng-gượng lấy tiền-dồ, thì lão-phu này đời ơn nhiều vậy. » — Tam-Quế nói rằng: « Mổ này là một kẻ tài hèn, đời ơn tiên-sinh hứa cho là bậc quốc-sĩ, sao dám chẳng cố-gắng, xin tiên-sinh cứ phóng-tâm. » Tam-Quế nói xong, liền cùng các quan nắm tay làm lễ tống-hành, các quan cũng người nào đều về phủ người ấy. Tam-Quế liền lên ngựa thẳng trở về Ninh-viên rudi đi.

Lúc ấy viên đại-sứ đốc-sư đất Liêu đất Kế là Viên Sung-Hoàn. Sung-Hoàn tự sau khi chém Mao Văn-Long, nơi Bi-đảo không đặt chức trấn-sứ nữa, việc biên-phòng thành ra hư-không, giặc Mãn không khỏi thời-thường dòm-nom quấy-nhiều, hàng năm vận-tải quân-lương tốn-phí không biết bao nhiêu mà kể. Triều-đình cho rằng kho-tàng đã hết kiệt không thể nào ứng-phó được, mới bắt các hành-linh hàng năm phải tăng-nạp về hạng quân-xướng, mỗi năm tốn-phí kể có vài trăm vạn, mà còn chính-câu mãi chẳng thôi. Hễ các linh-cung-ứng chậm-trễ một chút, thì quân-xướng thiếu-thốn ngay, các quân-sĩ phần nhiều tỏ lời oán-thán. Vì thế các tướng-sứ và quan-lại ngoài biên-ải, đều cho rằng ngày Mao Văn-Long còn, thì đảng đông từ đất Lữ-thuận, đảng tây đến đất Đãng-lai, đều là chợ buôn-bán về phần hải-đạo, thương-khách vãng-lai, thuế-hạng sung-túc, nhân lấy hạng thuế thương-cổ làm quân-lương; cho nên sĩ-mã đều được no đủ, khiến cho quân giặc không dám nghech mắt cất đầu. Ngày nay binh-phòng đã giảm-thiểu hơn ngày trước, mà lương-thảo lại thời-thường thiếu-thốn. Vì thế các quan-lại tướng-sứ ngoài biên thường liên-đạt h bẩm thỉnh với Sung-Hoàn, xin chiếu-y phép cũ của Văn-Long mà thi-hành. Hay đầu Sung-Hoàn lại cả phát-nộ nói rằng: « Văn-Long ngày xưa ăn cướp của thương-khách để làm

quan-lương, bản-chức há có thể bắt-chước được. » Sùng-Hoán liền bác-xích lời bằm của các tướng không nghe, chẳng những bác - xích mà thối, lại gạ cho những lời tội - trách. Các tướng ngoài biên cùng nhau thương - nghị rằng : « Quan Mao-súy ngày xưa dùng phép tay nghiêm, nhưng còn cùng lũ chúng ta cộng-đồng cam-khổ ; nay quan Viên đốc-sư tôn-nghiêm sung-sướng lấy một mình mà ngồi trông lũ chúng ta đói khổ, lại còn làm ra bộ rộng - rãi thương người, trách Mao-súy là ăn cướp của thương-khách, chúng ta sao có thể chịu được nỗi ngư-nhục ấy, chỉ có một cách vào kinh bày-tỏ chống-cự để hả cho cái khí bất - bình. » Các tướng đều tán-thành lời nghị ấy, liền ngầm sai người vào kinh tìm kế hặc tội Viên Sùng-Hoán.

Nguyên-lai Sùng - Hoán là người bình-nhật chuộng bề khí-liết, có vẻ phong-thanh, cùng với những kẻ quyền-thế vốn không vãng-lai, chỉ vì tình-tình cương-ngạnh nghiêm-khắc, cho nên các quan trong triều nhiều người ghét. Kịp khi bọn biên-tướng sai người vào kinh tìm mưu luận tội Sùng-Hoán, thì các quan trong triều liền vin lấy về cả một hùa, có nhiều người tấu - bặc Sùng - Hoán những tội rằng lấy ý riêng chuyên giết Mao Văn-Long, và ngược-đãi thuộc-viên, phi hoai quan - lương, chể bở biên-bị. Tội này tội khác, không sao kể xiết. Sùng-Trình-đế nghe thấy cả giận, tức-khắc giao án ấy xuống cho dinh-nghị. Lúc ấy các đại-thần chỉ có viên Binh-bộ thượng-thư là Hồng Thừa - Trù, và viên Lễ-bộ thượng-thư là Đồng Kỳ-Xương là hơi biết cái nghĩa vì nước tiếc người, có thể vãn-cứu cho Sùng-Hoán được. Hay đầu Thừa-Trù lúc ấy đương đốc-quân ở Hồ-quảng không ở kinh. Chỉ có một Đồng Kỳ-Xương

nghe tin Sùng-Hoán bị bặc, đã giao xuống dinh-nghị, tức-khắc than rằng : « Văn-Long đã chết, Sùng-Hoán lại chết, thế là triều-dinh tự mình lại chặt đôi cánh tay mình vậy ! » Đồng liền dâng sớ hết sức bảo-hộ cho Sùng-Hoán nói rằng : « Then khóa miền đông-bắc, nhờ Viên Sùng-Hoán coi-giữ ; đã mất Văn-Long, lại mất Sùng-Hoán, trộm lấy làm chẳng phải kể - sách hay. » Sùng-Trình-đế lập - tức triệu Đồng trách rằng : « Nhà ngươi ngày trước từng hết sức ngợi-khen Mao Văn-Long, sao ngày nay lại bảo-hộ cho Viên Sùng-Hoán là cơ sao ? » Đồng tâu rằng : « Vì thời-thế chẳng giống nhau, đã mất Văn-Long, lại mất Sùng-Hoán, ngoài biên-bị không có người, cũng là tự mình lại làm thiệt-thời cho mình, cho nên tôi chẳng được chẳng bảo-hộ cho Sùng-Hoán. Huống-chi sự có trọng-khinh, lẽ nên chăm-chước ; nếu tất giết Sùng - Hoán sợ cũng rất là quá-khốc quá-nghiêm, xin bệ - hạ nghị lại. » - Sùng - Trình - đế nói rằng : « Nhà ngươi nói cũng có lẽ phải. Song ngày trước Văn-Long ở trấn mấy năm, quân giặc không dám nghếch mắt, tiếp-báo luôn luôn, chốn biên-phòng nhờ được an-tĩnh, nay Sùng-Hoán đốc quân lâu ngày, háo nước khổ dân, mà vẫn thường nghe có quân giặc nom-dòm. Trẫm ngày trước lấy thanh bảo-kiếm trao cho Sùng-Hoán chẳng qua bảo rằng như thế thì hiệu-lijah có thể thực - hành được, chẳng ngờ Sùng-Hoán tức-khắc ta cơ ấy giết ngay Mao Văn-Long, trẫm ngày nay vẫn lấy làm đau giận. Và lại Sùng-Hoán ở trấn đốc-quân, quân-tám đều oán, lập-công sao được, mà nhà ngươi còn vì Sùng-Hoán tình vị binh-vực thế đư? » - Đồng lại tâu rằng : « Hiện nay tài-năng kẻ quan-lại ở ngoài biên-cương, không còn có người nào hơn Sùng-Hoán nữa ; nếu vội giết Sùng-Hoán đi, sợ rằng sau này khó có kẻ kế-

nhệm được. » — Sùng - Trinh - để ngẫm-nghĩ nửa giờ lâu, mới nói rằng : « Nhà ngươi hăng tam lui, để trẫm còn nghĩ. » Đồng Kỳ - Xương mới lui ra.

Sùng - Trinh - để đương nghĩ - ngại, còn chưa biết quyết-đoán ra thế nào. Chợt gặp Hồng Thừa-Trù dẹp yên loạn Hồ-quảng, tiếp-báo đến kinh ; các đại-thần đều cho rằng Thừa-Trù có thể kể được Sùng-Hoán ra nhiệm chức Liêu-kế tống-đốc. Ý Sùng - Trinh - để đã bị các đại-thần làm chu yên-dộng rồi, lời Đồng Kỳ-Xương không để bụng nghĩ nữa. Khi ấy quan trong triều những kẻ muốn bài-khử Sùng-Hoán, đều liên-danh tiến cử Thừa-Trù. Sùng-Trinh-để liền giáng-chỉ bảo Thừa - Trù phải mau kíp vào kinh. Thừa-Trù không biết là có sự khẩn-yếu gì, tức-khắc ruổi ngựa về kinh. Sùng-Trinh-để cả mừng, tức-khắc cho Thừa-Trù đốc-quản Liêu - kế nhiệm chức Tổng-đốc ; nhất-diện giáng - chỉ đem Sùng-Hoán giải về kinh hỏi tội, nhất-diện bảo Thừa-Trù tức-khắc đi phó-nhiệm. Thừa-Trù được chỉ-dụ cả kinh-hải, lập-tức đi đến thăm Đồng-Kỳ-Xương, toan cùng Đồng cùng bảo-hộ cho Sùng Hoán. Lúc ấy Đồng đã cho rằng thời-sự tất hư-hỏng đến nơi, không phải hỏi nữa, trong tâm lo-phiền như đốt, hiện đã đóng cửa không ra tiếp-kiến ai. Thừa-Trù phải một mình đi tấu-đối với Sùng-Trinh - để rằng : « Tôi trộm nghĩ rằng Sùng-Hoán tuy là người độ-lượng hẹp-hòi, có lắm kẻ ghét; song là người đã quen việc ở ngoài biên, có can - đảm nhiệm-sự; nếu khoan-dung cho ngày tháng, việc biên-phòng cũng có thể tấu được công ; nay đem tôi ra thay, tôi xin tự biết tôi cũng chưa có cái tài gì là hơn Sùng-Hoán. » Sùng-Trinh-để nghe lời Thừa-Trù, ý lại do - dự. Duy Sùng-Hoán vốn là người khảng-khái, nghe được lệnh giải về kinh hỏi tội, tức-khắc bỏ quân bỏ việc xin đi ngay, không đợi chuyển

giao cho người khác. Sùng-Trinh-để liền sai Thừa-Trù mau kíp đi phó-nhiệm. Thừa-Trù bất-đắc-dĩ phải kíp ra Liêu-kế nhiệm-chức đốc-quản.

Sùng-Hoán sau khi đến kinh, tức-khắc bị tống vào ngục. Đồng Kỳ-Xương nghe thấy sự, liền lo phần thành tật, hiện đã từ chức về nhà, các quan trong triều không còn có người nào vì Sùng Hoán lán-tuất cả. Sùng - Trinh - để sai tòa Tam - pháp đem Sùng - Hoán ra hỏi tội. Quan tòa là Tiền Long-Tích hỏi rằng : « Phàm luận tội người, nên luận đến công người, đem công tội mà cân nhắc ; người ấy quả công có cũng nên đem tội-tình mà giảm-dãng ; ông là người đọc sách chẳng biết lẽ ấy. Mao Văn-Long phòng biên mấy năm, giặc ngoài sợ-hải, chiến-công rất nhiều ; nay ông kẻ Mao Văn-Long hai mươi tội mà giết đi, chỉ luận tội mà chẳng luận công, ấy là ý sao ? » — Sùng-Hoán không đáp lại được, — Long-Tích lại trách rằng : « Ông thực có ý muốn giết Văn-Long, cho nên giấu công Văn-Long đi mà không kể đến, làm cho quốc-gia tổn-thất một viên võ-tướng có tài-năng, lòng ông yên không ? — Sùng - Hoán nói rằng : « Sùng-Hoán này giết Văn-Long, trừ vì quốc-gia trừ kẻ cường-hãn, dưới vì Liêu-dân trừ kẻ tàn-ác, tức-hạ nói thế là cho tôi lấy ý riêng giết Văn-Long, tôi nếu có tâm ấy, thì trời kia chẳng chứng. » Long-Tích nói rằng : « Ông bất-tất phải thế, ngày Văn - Long còn, thì việc biên-phòng được yên-tĩnh, ông nhiệm chức đốc-sur, thì cảnh-báo luôn luôn, mà quân - tâm lại đều oán, là vì cơ sao ? » — Sùng-Hoán nói rằng : « Mổ này trên không dám khi-mạ triều-dinh mà hư-báo chiến-công, dưới không dám bắt-chước Văn-Long cướp của thương-khách để sung quân-lương, tôi ngày nay bị tội, thực bị tội vì thế. » — Long-Tích nói rằng : « Tội ông to lắm đó ! Ông tự nhận rằng ông chủ-

hoạch được việc ngoài biên, sao quân giặc vẫn quấy nhiễu, lại chẳng bằng ngày Văn-Long còn, ông cãi thế nào được cho xuôi. » — Sùng - Hoán nói rằng: « Nếu triều-dinh khoan rộng kỳ-hạn cho tôi lấy ngày tháng, thì tất không như thế. » Long-Tịch nói rằng ; « Ngày nay ông lại còn mong phục chức đầy đủ ? » Sùng-Hoán thấy Long-Tịch lời ấy lời khác cố-ý trách-móc buộc tội, biết rằng không sao thoát được, mới không cãi nữa, chỉ lắc đầu thờ dài mà thôi. Long-Tịch liền buộc Sùng-Hoán vào tội thiên-sát Mao Văn-Long, kể rõ tình-trạng tâu lên Sùng-trình-đế. Sùng-trình-đế xem lời tấu cả giận mới ra oai định cho Sùng-Hoán về tử-tội, và ra ơn truy-tuất cho Mao Văn-Long. Văn-Long thực là người có công to, vì kiêu căng mà bị chết, Sùng-Hoán thực là người có can-dảm nhiệm-sự, vì độ-lượng hẹp-hòi mà bị chết ; thiên-hạ nửa thương nửa tiếc, đều cho là chết oan.

Tự khi Viên Sùng-Hoán đã chết về sau, các quan-lại tương-súy ngoài biên khỏi đem lòng sợ-hãi, cho rằng Sùng-Hoán là một viên phượng-diện quốc-gia, mà nhất-dân chết, không có người nào vãn-cứu ; cho nên phần nhiều người không muốn nhận lấy trách-nhiệm ngoài biên-cương. Kịp khi Hồng Thừa-Trù đã đến Liêu-kê nhận chức Tổng-dốc, một là vì hình-thể chữa am-thực, chỉ nhờ các tướng cũ ngoài biên giúp việc, như lão Ngô Tam - Quế, Tô Đại-Thọ, đều giao cho binh-quyền, tựa làm trọng-trấn ; hai là vì giặc ngoài dương mạnh, việc biên ngày cấp, phần nhiều nhút-nhát không dám ra khỏi cửa quan. Các quân-sĩ thì đều ngưng-gác mỗi-một, khó phần nhờ để đặc-lực được, cho nên giặc ngoài càng thêm quấy-nhiều, sự biên-họa càng ngày càng thâm. Lại nhân cơ quan-lương thiếu-thốn, các tỉnh phụ-cận đều phải bày ra nhiều hạ-g thuế mà lấy nặng của dân, để vận đến Liêu-kê cung-

cấp lương-xuống ; vì thế nhân-dân càng ngày càng khổn-khở, đều có lời oán-thán nói ra miệng. Lúc ấy các tỉnh thuộc về phía nam phía bắc sông Hoàng-hà, liền năm mất mùa, đói kém luôn luôn, trăm họ lưu-ly, kẻ chết đói đầy đường. Địa-phương quan-lại thì chỉ biết thôi-dốc thuế-hạng, năm mất mùa cũng như năm được mùa, mà không đoái đến dân. Rồi nhất-thiết những kẻ bán-dân, vì đói-rét thiết-thần, cùng rủ nhau đi làm trộm cướp ; một giải Sơn-dông, Hà-bắc, Sơn-tây, Thiểm-tây, mọi tỉnh đạo-tặc dấy lên như ong ; nhỏ thì vài mươi đừa thành quần, cướp đường phá nhà, lớn thì năm bảy trăm đừa tụ-đàng, vào rừng ra núi, giã-danh là hiệp-phủ tể-bần, những nhà giàu phụ-cận, và thương khách vắng-lại bị cướp gét thê-thảm, thực không x ết kể.

Trong bọn đạo-ặc có một người tên là Lý Tự-Thành, người đạo-tặc ấy rất là hung-tợn, cổ-lai chưa từng thấy bao giờ. Tự-Thành lại tên là Sấm cho nên đời gọi là Sấm-tặc. Nguyên người tỉnh Thiểm-tây phủ Diên-An huyện Mễ-chi ; bố Sấm là Lý-Thập-Qua, mẹ Sấm là Thạch-thị. Thạch-bị ngoài bốn mươi tuổi, chưa từng có thai bao giờ ; Thập-Qua cũng đã ngót năm mươi tuổi, vẫn lấy sự không có con làm lo. Chẳng ngờ Thạch-thị đến 50 tuổi, lại chợt có thai, hoài-thai đến mười tháng mà vẫn chưa đẻ. Thập-Qua lấy làm lo, hàng ngày cầu thần xem bói, vẫn không thấy ứng-nghiệm gì. Mãi đến 13 tháng, Thạch-thị một đêm nằm mộng thấy một người oai-phong dữ-tợn, sát-khi góm-ghe, tay cầm cái giáo dài, ngồi trên mình một con ngựa cao và lớn sừng-sực tiến vào cửa. Thạch-thị kinh-hoảng thức dậy, liền đẻ ra một thằng con trai. Lấy cơ trong mộng thấy một người cỡi con ngựa tiến vào cửa, nhân đặt tên thằng bé ấy là thằng Sấm, vì họ-phận chữ « sấm » có « môn » ngoài « mã » trong. Vợ chồng Lý Thập-Qua cho rằng trước

có mộng-triệu, rồi mới sinh con, đứa con này tương-lai tất có phát-tích khác thường, vì thế yêu Lý-Sấm như được của báu. Nhà Lý Thập-Qua vốn là một nhà phong-phủ bậc trung, yêu con quá lắm phàm sự đều muốn sao muốn vậy, tự-nhiên tình-tình Lý-Sấm thành ra một đứa quái-ác từ thuở bé. Đến năm lên bảy lên tám tuổi, bố mẹ Sấm liền cho Sấm vào trường di học, Sấm chỉ đi chơi, mười ngày có đến 7 ngày không đến trường học; thầy giáo hề có trách mắng thì Sấm liền mắng cãi lại thầy; cho nên Sấm học mấy năm, rút lại trong mắt vẫn không nhận biết được một chữ « đĩnh ». Đến năm 15 tuổi trưởng-thành, lại hiện ra được là một kẻ tướng-mạo cực-hùng, tính-tình cực-ác. Lại qua vài năm, vợ chồng Lý Thập-Qua đều già ốm mà chết; Sấm lại càng không ai cầu-thúc, tha-hỗ phóng-túng, chữa dầy hai năm đã đem tài-sản bạc trung-phủ của bố mẹ di-lại, phung-phá đi hết sạch-sành-sanh. Sấm khi ấy phải đi tìm vào những nhà quen thuộc mà ăn gửi ở nhờ, nay đây mai đó, chẳng khác gì một đứa ăn mày. Gặp được một người bạn với bố Sấm ngày trước là Đặng Sĩ-Lương, thấy Sấm lam-lũ, dễ lòng lân-tuất, bảo Sấm rằng: « Cửa bố mẹ để cho mày, mày đã phá đi hết cả, sự trước bất-tất nói chi nữa, chỉ từ nay về sau mày phải tìm lấy một kế để sinh-hoạt là nên. » Sấm vâng lời nói rằng: « Người đến lúc cùng thì tri-kỹ ít, nhà đến lúc hết thì cố-nhân xa, mấy người được như bác có hảo-tâm; nay xin nghe lời bác, ngày khác nếu được khá lên chút nào, đều là cái ơn của bác dạy bảo. » Sĩ-Lương liền bảo Sấm về nhà mình nuôi ít ngày, rồi giới-thiệu cho Sấm ở một nhà phụ-cận miền ấy, để mưu đường sinh-hoạt nho-nhỏ.

Người chủ phụ-cận ấy tên là Chu-Thanh, vợ là Triệu-thị, hương-lai vẫn lấy sự thối bẽ đánh dào làm nghề sinh-

nhai; năm ấy năm khác cần-kiếm, súc-tích tài-sản cũng có ít nhiều, đã mở được ra cửa hàng nho nhỏ là hàng đánh rèn, mà sinh-hạ lại không có con trai con gái gì cả. Kịp khi Đặng Sĩ-Lương tiễn Lý-Sấm đến, Chu-Thanh thấy Sấm thân-hình cao lớn, thể-mạo hùng mạnh, biết là kẻ có sức-lực, liền mời phần hoan-hỉ; Sấm tự dấy lạc vào ở trong nhà Chu-Thanh, Sấm từ đấy lại đổi tình xưa, siêng-chăm làm-lụng, chẳng nề lao-khổ, phàm sự đều thuận-thừa Chu-Thanh, vợ chồng Chu-Thanh mười phần chung-ái. Ít lâu Chu-Thanh bảo Sấm rằng: « Ta dưới gối trai gái đều không có con đẻ ra, nay muốn thu-nhận mày làm nghĩa « tô-vò », ý mày có thuận không? » Sấm nghe nói tức-khắc hoan-hỉ nói rằng: « Sao lại chẳng thuận, tiều-nhân này tự nay về sau, xin vâng nhận hai vị ông bà, bằng như nhất-thể cha mẹ thân-sinh. » Vợ chồng Chu-Thanh cả mừng. Sấm liền khấn đầu gối tay bái vợ chồng Chu-Thanh mấy bái, tức-khắc gọi vợ chồng Chu-Thanh là mẹ là cha, Chu-Thanh thấy Sấm kính-thuận lanh-lẹ, phàm-sự đều giao cho, nhất-thiết việc rèn sắt, nghề sinh-lý trong diêm-vụ, đều giao cả cho tay Sấm quản-lý. Năm sau Chu-Thanh ốm chết. Sấm khi ấy chồng gậy chịu tang, gào-khóc mười phần thương-xót, làm ra rõ bộ hiếu-tử. Mẹ nuôi là Triệu-thị thấy Sấm quả là người khá, trong nhà tiền-tài xuất-nhập, ngoài diêm công việc rèn-luyện, đều nghe ý-kiến Sấm. Lúc ấy Sấm đối với nhà Chu-Thanh, đã quyền ở trong tay, lại lộ ra cái tình-khí ngày trước, kết-giao với bè-bạn, đem tài-sản nhà Chu-Thanh ra huy-hoặc. Hàng ngày tụ-tập những tuồng vô-lợi, rượu hàng vò, thịt hàng quày, ở trong diêm sắt ăn uống ấm-ấm, cười nói như sấm. Bắt đầu còn giao-du với những kẻ căng tay dùi đục, thô-lục còn-đồ, rồi dần-dà lại giao-du với những người

độc-thư văn-sĩ. Sấm khi ấy sự vũ thì học-tập lối đánh gậy đánh tay, sự văn thì bập-bẹ nghề làm thơ làm đối, rồi Sấm cũng phun-thở ra được thành câu. Một hôm có một ông đồ trong thôn thấy Sấm sinh làm văn, định giễu-cợt Sấm, bảo Sấm rằng: « Tôi ra cho anh một câu đối, anh đối được hay, thì tôi nhường cho anh cái danh-hiệu đệ-nhất là danh-hiệu ông trời. » Vì Sấm vẫn tự xưng mình là thế-gian đệ-nhất thiên-hạ vô-song mà chữa tự-hiệu là gì được. Sấm khi ấy nói rằng: « Tiên-sinh cứ xuất-đối, tiên-nhân xin đối-đối. » Ông đồ liền đọc lên rằng: « Mưa tan trắng trong, phút chốc đã chia cảnh-giới. » Sấm không đợi nghĩ-ngợi tức-khắc đối lên rằng: « Mây bay gió thổi, mịt-mù ai biện giang-san. » Các người đều lấy làm kinh-hãi cho rằng: Sấm không những có tài mẫn-tiếp, lại khẩu-khi bất-phàm. Nhân riêng bảo nhau rằng người ấy tương-lai tất là một nhân-vật phi-thường. Rồi kể xa người gần tập-nập thích vãng-lai với Sấm. Lúc ấy chính gặp về buổi trong nước cả loạn, gần xa đạo-tặc ong-dậy. Sấm bình-nhật vốn có hùng-tâm, lúc ấy cùng với năm bảy người tri-kỹ trong diêm-vụ bí-mật thương-nghị rằng: « Thiên-hạ đã loạn, hoặc-giả giang-san nhà Minh cũng chẳng được lâu, tương-lai chẳng biết hươu chết về tay ai, hoặc-giả chúng ta lên làm hoàng-đế chẳng, vậy cũng chưa biết; hiện nay chúng ta nên chuẩn-bị sẵn, để đợi thời mà động. » Trong đờ-dăng có một người là Ngưu-Kim-Tinh nói rằng: « Lý-huynh nói là rất phải, nhưng phải dùng phương-pháp để chuẩn-bị ra thế nào? » Sấm nói rằng: « Hiện tôi ở trong thiết-diêm làm nghề sinh-hoạt,

nên về những lúc đêm khuya, âm ngâm đem đồ thiết-khí rèn đánh làm đồ quân-khí, làng-trữ một nơi trước dã, đợi cơ-hội đến, thì tức hành khởi sự. » Kim-Tinh nói rằng: « Nếu mưu đại-sự, quân-khí phải nhiều, trong diêm đại-huynh có bao nhiêu tiền, mà rèn đánh được cho quân-khí đủ dùng? » Sấm nói rằng: « Bác nói cũng phải, nhưng tôi có bao nhiêu tiền thì tôi hằng rèn đánh lấy quân-khí bấy nhiêu. » May lại gặp mẹ nuôi Sấm là Triệu - thị vừa ốm chết, Sấm nhân đem nhất-thiết gia-tài : hà Chu-Thanh ra huy - hoặc, để chế - tạo quân - khí. Được ít ngày Sấm tức - khắc đối với các đờ-dăng nói rằng: « Hiện tại quân-khí đã có; chỉ một là hiềm chữa có lương-thảo không lấy gì cho người, ngựa ăn; hai là hiềm chữa có người làm quân-sur giúp ta mưu việc, chúng ta vũ-dũng ít học, ít có mưu-lược, nếu vội khởi-sự, sợ cũng uổng thôi. » Kim-Tinh nói rằng: « Miền phụ-cận đây có một thầy tú-tài họ tên là Lý Nham người ấy sách-vở thuộc như cháo. thao lược lại càng nhiều; vả trong nhà của-nả súc-tích, tóm lại là một nhà phú - hộ; nếu được người ấy ra giúp việc, chẳng lo việc chúng ta chẳng thành. » Sấm nói rằng: « Tôi cũng nghe tiếng thầy Lý Nham đã lâu, duy thầy ấy là kẻ đọc sách, chúng ta là kẻ múa gậy uống rượu đánh rèn, chữa từng quen biết thầy ấy bao giờ, làm thế nào mà mời được thầy ấy ra giúp việc, chúng ta phải nghĩ-ngợi lấy một cái phương-pháp cho khéo mới được. »

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN dịch

VĂN - UYÊN

THƠ VĂN CÔ (1)

HÁT NÓI

1. — Tả ý mình

Long vân thiên tải hội, cung kiếm nhất nhàn quan 龍雲千載會。弓劍一閒官；
 áng Vũ-thành muốn ngàn dặm giang-sơn, tay chẽ cầm mới học đòi năm ngoái. Dấu cung kiếm gỡ dần dây Bội-hải, đặt chiếu chẵn cho yên lữ nhàn hồng ; những đoàn thử trước vắng không, hồi án-độc chẳng động chi một tĩnh. *Hoạn-xá hồn như tăng-xá tĩnh, thần tâm cấp tự thủy tâm thanh* 官舍渾如僧舍靜。臣心恰似水心清；
 trong vòng lối lợi đường danh, mà san nguyệt với giang phong dan-điêu. Xuân Đào-lệnh xê năm chồi liễu, cảnh Phan-lang mượn mấy khóm đào ; nam-nhi áo thử thị bào !

2 — Tả cảnh

Tịch nhưỡng bất phương thành lạc thú, bắc nam tự cổ thử giang-sơn 僻壤不妨成樂趣。北南自古此江山；
 nước một dòng đỏ quạch pha son, non ngàn đóa xanh om râm đỏ. Xóm thôn-lạc tiếng Lão xen tiếng Thổ, dải sa-dinh đoàn mục lẫn đoàn ngư ; trước quan tân sóng phẳng như tờ, thuyền thương - khách buồn cờ bay phấp - phớt. Một nửa ngăn ra đường thế-lợi, năm ba hộp lại khách cầm thư ; con thuyền chén rượu câu thơ, nhất phong-cảnh đưa vào bài khiên-húng. Một vài kẻ giai-nhân hồng-phấn, nói đương-xuân bạch-tuyết mấy câu ca ; nào đâu là thú phồn-hoa ?

3 — Chơi chùa trên núi

Buổi công-hạ dạo chơi phong-cảnh, thú sơn-lam nhỏ cạnh công-đường ; hồi nước non dà mấy đó tang-thương, mà sắc tướng vẫn tro-trơ còn đó. Đầu gành nọ rạp-rờn làn sóng vỗ, sườn non kia lở-trở về rêu in ; dề-huê lạp lý bước lóa, tưởng lại dấu hàn-san còn phẳng-phất. *Vị đạo kỳ viên hồn giải phật, dục đề liên xả khước vô tăng* 未到祇園渾解佛。欲歸蓮社却無僧；
 duốc tường-quang quanh quẽ bóng trắng, cây cồ-thụ lưu lo chìm rặng hát. Nhìn tĩnh cảnh chẹn niềm nhân thế, bức nhàn-tĩnh ghi đề lại một hai ; nào đâu là chốn Thiên-thai ?

4 — Ngày xuân họp bạn

Thanh án hạnh phùng thiên tải hội, thiều quang đệ hỉ nhất niên xuân 清晏幸逢千載會。韶光逸喜一年春；
 giang san này khả cảnh khả nhân, may lại gặp tri-âm dẫu khéo nhĩ. Vàng quốc-lệnh hội-đồng chinh thuế, cứ tào-qui mà gác lệ quan-tân, với quan đường qua lại cũng gần, và gặp buổi từ-chương vắng ngắt. Hộp khách tang bằng năm bầy mặt, dốc bầu phong nguyệt một vài lưng ; hội thưởng xuân vui về lưng bưng, dẫu say tỉnh tỉnh say liền mấy cuộc. Cửa trời đất khéo chơi thời được, có so chi mấy chút sự nhân-tình ; xưa nay mấy kẻ vong hình, kia hang Kim-cốc nọ đình Túy-ông ; hơn nhau một tiếng anh-hùng !

(1) Xuyên - ngọc-hầu thi-văn tập. Xem Nam-Phong từ số 117. — Tập Xuyên-ngọc-hầu này rười có phụ-lục mấy bài hát nói, ca ngâm, và văn tập, kỳ nay xin lục-dăng hết.

5 — Bờn cụ Vệ-uy ở Quỳnh-côi mới cưới vợ bé

Mừng ông cụ tốt đời cha-chả! kẻ đời người sắp-sĩ bảy mươi; kia Phụ-dục nọ Quỳnh-côi, thiên tác-hợp có xa xăm bao nà. *Thiếu nhi kiều, vô phu hồng nhan chi giá, lão ích tráng, ninh tri bạch thủ chi tâm* 少而嬌。無負紅顏之價。老益壯。寧知白首之心; khi giương nhữn khi chống cằm, tưởng nóng-nổi cũng nực cười thuở ấy. Khôn núng của năm thiên-cổ dậy, càng rầu cái chực ngũ-canh đi; chữ tình là chữ chi chi, cái đời là cái gì gì xưa nay? rằng hay mới thực là hay!

6. — Bài hát qui-lai

(Người bạn làm hộ)

Long xà an sở ngộ, hành tàng là nghĩa cũ người ta; bề quan chìm nổi phong-ba, luân hay đạn cũng là con Tạo hóa. Thơ rằng: *Nhân sinh kỷ hà xuân hựu hạ, thế lộ khan lai đông phục tây* 人生幾何春又夏, 世路看來東復西; được thua truyện cũ kể chi hay, hay chẳng trông nhau về văn-cảnh. Hội thiên-tải đã len vào chung-đỉnh, nọ nam-nhi phải gánh lấy tang-bồng; sự ta hãy chắc ta xong, trường danh lợi biết ai trong ai đục. Tự đáy nhĩ lâm-toàn riêng một góc, góp gió trăng cho đủ thú nhân-hoàn; câu thơ chén rượu khúc đàn, say lại tỉnh việc tầy trời thây cả. Gẫm lại bấy nhiêu thu trên ngựa, tấm lòng này đảm phụ với quân-thần, ai về nhẩn nhủ tâm-nhân, vẫn còn danh-giáo mười phần chẳng sai; rằng ngưi rằng mã mặc ai!

7. — Tình

I

Nhất-phiến tài-tình tương-ngộ xứ, bách ban tình-tự bất ngôn trung - 片才情相遇處。百般情緒不言中; bấy lâu nay đan diu chữ tình chung, sao chẳng

quyết với tình cho trọn vẹn. Thơ rằng: *Tình-tử du-du tâm dục đoạn, tình trạng lữ lữ nhật như niên* 情思悠悠心欲斷, 情長縷縷日如年; ai-oán thay vì nỗi tình-duyên, tình bất tận để tơ tình thêm bứt-rứt. Sự nhớ chữ tâm-tình đề mà, phải đem tình son-sắt trả nhau đi; trăm năm nghĩa tạc tình ghi.

II

Một tài một sắc, sắc ví tài tài ví sắc dễ quen nhau; sắc tài nào có ra đầu, tài gặp sắc tài đành giữ đó. Đã biết sắc tài đầu cũng có, chĩn e tài sắc thoảng như không, cái sắc tài là cái của chung, ai riêng được bao nhiêu là lời cãi. Quốc-sắc thiên-tai lai-lãng mãi, dễ mấy người nếm được thuốc chơ mè; dường đi thì nhớ lối về.

8. — Hảo-tiết giai-kỳ

Triều đình hữu đạo thanh-xuân hảo-buổi thanh-nhân hảo hội năm ba; hảo thi hảo tử hảo cầm ca, thanh sắc ấy tưởng nhân duyên cánh hảo. Người thực-nữ đã nên yêu-diệu, khúc Quan-thư quân-tử hảo-cầu; người văn-nhân gặp khách-hồng-lâu, duyên hảo-hợp đề bắc cầu ô-thước. Hảo tá lương-nhân đề túc-ước, hảo tương tâm-sự ký tương-tri. Cấp phùng hảo tiết giai kỳ.

9. — Nhân

Nhân sinh tại thế, toán lại danh lợi bất như nhân; cầm kỳ thi tửu với giang san, dòng-phong-diện đảng-nhân thức đặc. Thơ rằng: *Thời nhân bát thứ dư tâm lạc, tương vị thâu nhân học thiếu niên* 時人不識子心樂。將謂偷閒學少年. Nhân lại vô sự tiền thần tiên, hứng đạo hữu thiên giai thú; phận nội sự bản ngộ chi vũ-trụ, cuộc nhân-sinh tự cổ hữu dư nhào. Thanh nhân biệt chiếm nhất ban,

10. — Bảng vàng

Uầy bảng vàng kia là chi lọ biết, làm
bận lòng tài-tử văn-nhân; kẻ làm nên
danh-giá trong trần, ai chẳng muốn
mục xuyên kim bảng. Bảng chưa thấy
lòng còn thảng-mảng, mặt bảng coi
thấy cũng xinh-xinh. Rõ-ràng bảng
thượng tiêu danh, trông mặt bảng lại
càng thêm xuân-sắc; ai ngờ bảng miết
hồ dẫm mực, bảng vàng bảng ngọc chi
chi. Làm cho tỏ mặt nam-nhi.

11. — Nước và trăng

*Xinh thay sen mọc giữa đầm,
Đỡ ai quấy được cho làm nước trong.
Đại thay quế dãi vàng hồng,
Trên thâu chín nước được lồng năm
mây.*

Kính đầm thu thủy nguyệt, trăng sao
già, mà nước sao non? trăng thần thơ đã
mấy khuyết tròn, nước sóng sánh trải
bao trong đục. Thủy thượng liên hương
kính phúc úc; nguyệt trung quế ảnh
phục quang huy 水上蓮香經馥
郁月中桂影復光輝. Tô mà chi mà
mờ nữa mà chi, khan cũng vậy mà đầm
thì cũng vậy; trăng nước ấy chỉ theo
trời dất ấy, trời dất còn thời trăng nước
vẫn còn. Trăng thâu lọt kẽ con con,
nước đầm rẩy trắng nhuộm buồn
cho ai. Còn trăng còn nước còn dài!

12. — Chơi đầm sen

*Nước xanh leo lẻo gương trời,
Tấm trăng tròn khuyết dạ người cõ kim.
Gió đưa chài cá lưới chim,
Giữa dòng quân tử chẳng chìm cánh hoa*

Nguyệt đảo thiên tâm xứ 月到天心處,
phong lai thủy diện thì 風來水面時;
thú đầm sen hà nhật bất xuân, mùi
phong nhã ngon riêng người hào kiệt.
Cần vất vẻo thuyền rồng khi dưới
nguyệt, trống tung bưng chèo quế lúc
trong hoa. Sấm - nấm ngồi sóc - sỏ
yên - hà, so sẵn mãi một sau một
trước, bút dứt nhĩ phong cảnh đề

suông coi chẳng được; vậy đem mình
lễo đẽo với giang sơn, tửu một thuyền,
ca một khúc, cầm một trương, đối
phong nguyệt dọc câu Tô - tử - phú;
Phù thiên-địa chi gian vật các hữu
chủ, há gió trăng giao mặc nước cùng
trời. Ai ơi đừng lấy làm chơi!

13. — Nắng lâu gặp trận mưa dào

Kinh tuần cang cách quần tâm hải,
經旬亢兩羣心駭, sỏ nguyệt tiêu
ngao nhất trận thu, 數月煎熬一陣秋.
Sấm âm âm mới nổi trận to, lòng vàng
Võ rắc dầy trời Hữu-Ha. Nhất nhật lôi
thanh trấn thiên-hạ; cửu thiên vũ lộ
thiếp hoán khu 一日雷聲振天下,
九天雨露浹寰區. Thử nhìn xem
lúa Tống với dân Chu, bá rằng những
hoa xuân phở sắc đỏ; xoay trời lại
thần-công nay đã tỏ, vận doanh-ninh
tự đó nổi thêm thơ, trời nào nắng mãi
không mưa!

14 — Phúc phận

*Tu kỷ dẫn tri vi thiện lạc, tri thân
vì tất độc thư đa 修己但知爲善樂,
致身未必讀書多; phận ở trời mà
phúc của nhà, ngoài hai chữ mặc dầu
ai hơn-hở. Còn vị-ngộ quân bao trâu
ngựa, thích phong-lưu ca tửu lại chi
chi; hiền bất vi nhi hậu khả hữu vi,
有不爲而後可有爲. bất cực bì hà
đo cực thái 不極否何由極泰. Khuất
khuất thân thân rồn tỉnh lại, chẳng chi
hơn tổ vị nhi hành, ai ơi hãy ở cho
lành, có trời thời vẫn có mình chứ
sao. Lọ là rầy ước mai ao!*

15 — Rượu và thơ

*Anh-hào khi biết anh-hào.
Đầy vơi Nghi-Địch ra vào Lưu Linh.
Say nhau vì một chữ tình,
Rời ra ai dễ một mình nên say.*

I

Lắc nghiêng sơn - thủy lưng bầu
rượu, buộc lỏng càn-khôn một túi thơ;
thảnh-thơ thơ rượu thích mình ưa, dẫu

rằng khát rằng cuồng bao có ngại.
*Từ khát từ thôn hải ; thì cuồng
 dục thượng thiên* 酒渴思吞海, 詩狂
 欲上天. Thì bán trực từ nhất thuyền,
 thì từ ấy thần tiên trong nước ấy ;
 không rượu có thơ thơ cũng vậy, không
 thơ có rượu rượu mà chi. Ái dư chi
 từ chi thì, tự nhiên bích hợp bất kỳ
 nhi lai ; xin cho gấu-bó một hai !

II

*Hóa-công phân phó nhân các nhất,
 nguyên bất tự tương kiêm* 化工分付
 人各一, 原不自相兼 ; hai mươi năm
 một bức Từ-liêm, doanh sông Nhuệ
 bóng trăng thu dan-diu. Nhất thập bách
 thiên và chú tiểu, một hai ba bốn mấy có
 áo. Thủ dục-phong khí xuyên-thủy
 thủy châu, bản tiêu nạp với anh-son tân
 bộ, khách hữu ý thoàng coi đường cũng
 khó, kẻ vô-tràng nghĩ lại lại càng thêm.
 Mượn chén men gây lấy cái lêm-bem,
 nghĩ nát da nói ra thêm tí-mỉ ; *thiên địa
 sinh ngô nguyên hữu, ý* 天地生吾原
 有意, *nhân sinh hà xứ bất tương-phùng*
 人生何處不相逢. Người đời muôn
 sự của chung !

III

Ngũ tài hữu dụng 我才有用, *do
 địa chung do thiên tương* 由地鐘由
 天相 có bản chi ; bản lòng người
 những việc ti-ti, là bao rượu là bao say
 tỉnh. *Nhất ẩm tưng phi năng đình-
 đình ; vạn đoan nhưng thì thái phân
 vân* 一飲縱非能酩酊, 萬端仍是
 太紛紜. Chợt kèn-kèn mang lấy độc
 thư nhân, đầu đầu bút thủ phong hầu
 coi cũng nhỏ ; ký nhất ngộ khởi dung
 tài ngộ, hội ký-phùng chẳng lọ ước
 so. Làm chi cho bực anh-hào.

16. — Trượng-phu

Con tạo ốm-ở chi thể nhĩ, cho phong-
 lưu còn cổ giết phong-lưu ; lời thì phi
 rai-rác có là bao dạ vững dạ lâu lâu

rồi mới tỏ. Nợ cung-thĩ chuyển này trả
 đó, môn hữu-tình chuốc lấy cũng nên
 mus ; bất nhiên tuyết-lạp thăng thiên
 cù 不然絕粒升天衢, bất nhiên minh
 kha du để đó 不然鳴珂遊帝都, an
 nãng bất phú hựu bất qui 安能不富又
 不貴, không tác ngang tàng nhất
 trượng-phu 空作昂藏一丈夫. Làm
 chi những thói nhi-nhu !

17. — Từ-thời giai-hưng

Bất-quá tức sở cư chi vị 不過即所
 居之位, hoặc xuân du, hoặc hạ thưởng,
 hoặc thu ẩm, hoặc đông ngâm 或春遊
 或夏賞或秋飲或冬吟, người đàm
 sen biết thú liên - đàm, hãy thung-
 thăng với cỏ hoa làm bạn biết.
*cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt ;
 hương dương hoa thảo dị vị xuân*
 近水樓臺先得月, 向陽花草易爲春.
 Kia ngư thủy, nợ long vân, trong ngửa
 cúi khôn cùng cơ đặc-ý ; thuyền mấy
 lá những ai đó nhỉ, có thanh lưu mà
 cũng có tề-dân. Từ-thời giai-hưng dữ
 nhân.

18. — Vốn lời

Ba vạn sáu nghìn là dẫn vốn, nợ
 quên già ai kể đã quên lo ; khác nhau
 ra kẻ nhỏ người to, co-cổm mãi lấy đầu
 làm lãi lớn. Vạn vạn lợi cũng xoay
 trong nhất bản, hãy tung ra cho thiên-
 hạ cùng tiêu, thu vào lọ tình bao nhiêu.

19. — Chữ danh

Hà-dồ Lạc-thư văn-minh chi tị-tồ
 河圖洛書文明之鼻祖, nhi nhân chi
 bất tử giả danh 而人之不朽者名 ;
 khách văn-chương gặp hội thanh-bình
 vì tạo-hóa thử ra tay kinh-thủy. *Nhất
 áp văn-phong thủy cơ chi dĩ ; bách
 niên khoa giáp bất tại tư hồ* 一邑文風
 始盛之矣. 白年科甲不在茲乎.
 Lấy tân-ngô mà thủ nhân cổ-ngô. Tân
 đã chán chuyển này thêm lại tự ; cũng
 học chữ tùy-thời nhĩ tại, đầu dăm điều

dùng-dinh gánh càn-khôn. Chữ danh
phải của con con !

20. — Khúc hát cảm-hoài khi vị-
ngộ

Lâm nam-tử đứng cùng trời đất,
Học thánh-nhân giữ chặt cương-thường ;

Chính tâm là chữ trưng-vàng,
Tứ-tri tạc dạ tam-quang in lòng.

Xem tự trước những vòng tài-trí,
Có ai là bỏ nghĩa mà nên ;

Thoát xa Quân mắc ơn Hoàn,
Cổ nhâm chớp mũ chịu hèn dây cung.

Thầy nho-giả ôm lòng chủ cũ,
Vây năm-năm lưới mùa mản Lưu ;

Cơm Hoài dỡ bữa trưng-phu,
Sở-vương sau cũng báo cho nghìn vàng.

Sáu tướng Ngụy Văn-Trường còn nợ,
Trận Hoa-dung lui ngựa dừng đao ;

Hòm vàng Kính-dức tốt sao ?
Ngụy-thành thét ngựa lặn vào giải-vây.

Lòng hào-kiệt giắt dây trung-nghĩa,
Nên muốn thu tiếng dề danh-thần ;

Ra ân sá tướng dền ân,
Song ân nặng nhẹ phải cân trả người.

Vốn hàn-sĩ giông chơi cõi hạnh.

Bốn phương xa cũng tịnh bặt lan ;

Ôn vương gối Đồng vây mạn,
Còn chăm sự-nghiệp chia bản lợi danh.

Nơi hồng-tất vốn dành phận cả,
Chốn phần-du chẳng thẹn cửa sang ;

Thành rồng gió thổi khinh-trang,
Ba năm rửa ngọc mài vàng nổi danh.

Một niềm vẫn dinh-ninh sắt đá,
Dám đầu điều dạ cá lòng chim ;

Tang-bồng bổng tiếng ai đem,
Gió xe cánh hạc bụi nhem chân kỳ.

Bởi người có chỗ che lượng rộng,
Ngoài ba mươi còn giống vâu-chương ;

Tướng công-dức ấy khôn lường,
Đá Côn còn vững nước Hoàng chữa voi.

Từng thắc-mắc nào người tặc dạ,
Song hàn lưu bao trả dựng ơn ;

Khăng khăng giữ đạo tôi con,
Trắng thanh in với niềm son muôn đời.
Nay cũng muốn vì người phương-tiến,
Nào ai hay mắc tiếng vong-tình ;

Suy ra mình chẳng trách mình,
Thấu chẳng còn có xanh xanh trên đầu.

Lòng thực đối nữa lâu thời biết,
Hội rộng mây chẳng thiết công phu ;

Danh dề chói chói bằng thu,
Thầy Thao rửa tiếng thẳng từ mắt tăm.

Chờ lấy thẽ mà đem oán-dộc,
Ấy là trời muốn ngọc-thành cho,

Một mai nhuần gội ơn vua,
Xiêm vàng ấn bạc dề cho lâu dài.

21. — Tờ trát-văn của ông Lê
Huyền-Khê mừng ông Nguyễn
Bá-Xuyến

Mừng nay : Đời sinh chúa thành,
nền thái-bình sáu bảy diêm trời ; nước
có tôi hiền, duyên hội-hợp nửa nghìn
vạn thế.

Công dâng-dịnh đã xếp thu tài cả ;
việc tuân-tuyên mừng an phủ thành
rồng.

Một lúc nghìn năm ; ba sinh mấy kẻ
Kính duy tôn - công ân - hạ : Tài
gồm Quân, Nhạc ; chí cả Y, Khương.

Tổ đường hồng dôi trận xông-phu,
cột đá uững ngăn làn sóng gợn ;
trông cờ thùy mấy phen hăm - hó,
dao vàng từng gởi mặt trời hóm.

Dưới trường hùm găng-gôi công-
danh ; trên cật ngựa giông đua trí dũng.

Rơi nước mắt mấy nao cổ-quốc,
chất hai trăm năm cơ mệnh lại cơ-
trung ; vậy mở-hỏi một trận tiên-quân,
khu mười một đao anh-hùng về xương
nghĩa.

Trời Trương Cát đã tan gió bụi,
nước Kinh Ngô rửa sạch non sông.

Bước trần-ai dễ xấu anh-hùng, dề
nam-hải quyết đem về đất cũ ; con

sóng gió chẳng lay trung-tín, giận
Tây-sơn nào chịu dưới trời chung.

Chữ tri-khu treo đầu ngựa nam-
nhĩ; niềm báo phục gọi lá cờ đù-tử.

Minh nghĩa mười thu sương tuyết,
mơ quan-hà vào buổi vĩnh-thanh;
tiếng uy trâm trâm lửa thang, đặt thiên-
hạ vầy lên nhất-trị.

Gió liễu cuốn ngọn cờ bình-dịnh,
đuốc sen lồng tay áo tôn-vinh.

Mưa ân diu-dặt đường xe, đoàn ngựa
trúc cầm hai trời cá m đội; gió đừ dấp-
diu bức sáo, thú chim hoa gồm bốn
cánh yên vui.

Đuốc quang-minh soi rõ nhà nhà;
gương thâm-sát rạng ra chốn chốn.

Dù hai huyện gần hơi thanh-giáo,
noi đường vua mà vui thú quán huyện;
nhưng muôn cơ điều dặng xử-phán,
nhờ lượng cả mới yên bề nhẫm-tịch.

Trời dặng - nhiệm rõ mưu - thần
huyện-sĩ; đất sinh tài xem phúc-địa
ấp-trung.

Đá lán rạng rỡ trường danh, xum
một cửa vang cầu xe ngựa; châu bạng
sổn-sơ về thụy, tông bốn phương đầy
túi cung dáu.

Huân-danh còn mũi bút xuân-thu;
công-đức dễ miệng bia thiên-hạ.

Tôi nay : Nương bóng phầu-du; lạm
hàng đảo lý.

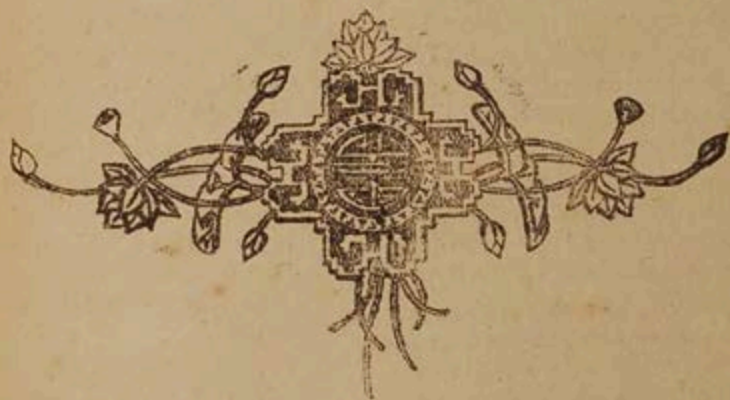
Cúi đầu thấy quân dân Nghiêu
Thuần, vầy vui cõi thọ dài xuân; ngựa
cổ trông vũ-trụ Ngu Chu, mặc thích gió
thanh trắng bạc.

Hồ cây cỏ lưỡng sô-bồ phận bé; nhờ
bề xuân may nhuần gọi ơn riêng.

Dám dâng câu phúc lộc vĩnh-tuy,
trộm học Phong-nhân tam-chức; mừng
gặp hội thái-bình hữu đạo, người thơ
Thiên-bảo một chương.

Mắt xanh nhờ lượng bao dung;
lông trắng dãi lời thô-thiền.

(Hết tập Xuyên-ngọc-hầu)



THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc tuyền-cử Giám-quốc ở nước Mĩ.— Ông Giám-quốc COOLIDGE nước Mĩ đến tháng 3 năm 1929 thì hết hạn, theo hiến-pháp phải bầu người thay từ trước bốn tháng, vậy ngày tháng 11 năm 1928 đã khởi-hành cuộc tuyền-cử. Phép tuyền-cử Giám-quốc ở nước Mĩ là do cả bàn-dân bầu, nhưng bầu làm hai nấc: trước là phổ-thông đầu-phiếu để bầu đại-biểu, rồi các đại-biểu ấy bầu quan Giám-quốc. Bàn-bà cũng được quyền bầu-cử, nên số người đi bầu kỳ này có tới 40 triệu. Ở Mĩ lâu nay vẫn có hai đảng lớn: đảng cộng-hòa (parti républicain) và đảng dân-chủ (parti démocrate). Đại-khái đảng cộng-hòa về nội-chính thì gồm những phái công-thương trong nước, chủ-nghĩa là muốn hết sức khuếch-trương cho nước Mĩ chiếm được địa-vị phú-cường đệ-nhứt trong thế-giới, về ngoại-giao cũng lấy cái chủ-nghĩa « Mĩ - quốc độc - tôn », không muốn chung đụng gì với các nước Cựu-thế-giới cả. Còn đảng dân-chủ thì về nội-chính đại-khái gồm các phái nông-nghiệp về trung-bộ và tây-bộ nước Mĩ cùng những di-dân mới đến nhập-tịch Mĩ, về ngoại-giao thì sẵn lòng muốn đê-huê với các nước khác trong thế-giới. Hai đảng khác nhau lại còn vì một điều nữa đặc-biệt cho nước Mĩ, là vấn-đề cấm rượu mạnh. Đảng cộng-hòa thì chủ-trương sự cấm-tiết các rượu mạnh trong địa-hạt nước Mĩ, lệ ấy hiện đương thi-hành một cách rất nghiêm-khắc. Đảng dân-chủ thì muốn cho về khoản đó ai nấy được tự-do tùy ý. Ấy hai đảng khác nhau như thế. Lại thêm kỳ này hai người của hai đảng phái ra để ứng-cử, ông HOOVER của đảng Cộng-hòa, làm Tổng-

trưởng Bộ Công-thương, thì theo về Tân-giáo nước Mĩ (protestant), ông SMITH của đảng Dân-chủ, làm Tổng-đốc hạt Nữu - ước (New-York), thì theo về Cựu-giáo La-mã (Catholique), nên trong cuộc tuyền-cử này còn có vấn-đề tôn-giáo can-thiếp vào nữa. Đại-khái những người Mĩ « gốc », nghĩa là căn-bản ở Mĩ đã lâu đời (tức người Mĩ tự gọi là Américains cent pour cent), thì khuynh-hướng về ông HOOVER, còn những người di-dân mới nhập-tịch — mà hạng này ở Mĩ nhiều lắm. — thời khuy-nh-hướng về ông SMITH. Nói về tư-cách riêng thì ông Tổng-đốc SMITH có tài ngôn-luận hoạt-bát, trong dân-gian nhiều người mến yêu; ông Tổng-trưởng HOOVER thì có tài kinh-doanh đặc-lực, nhờ được thế-lực của đảng giúp mạnh lắm. Kết-quả cuộc tuyền-cử thì ông HOOVER được mà ông SMITH thua. Số đại-biểu được bầu về đảng Cộng-hòa là 444, về đảng dân-chủ chỉ có 87. Nhưng thống-kê số về về đảng cộng-hòa là 22 triệu, mà về đảng dân-chủ được 18 triệu, xem số đó thì biết thế-lực hai đảng hơn kém nhau thế nào.

Cuộc phổ-thông đầu-phiếu đã xong, thế là việc tuyền-cử xong, vì số ứng-cử có hai người thuộc về hai đảng mà số đại-biểu hai đảng đã rõ-ràng như thế, thì kết-quả không còn ngờ nữa.

Ông HOOVER tuy thế là được trúng-cử rồi, nhưng đến mồng 4 tháng 3 sau này mới nhận chức,

Nay kể qua lịch-sử và sự-trạng ông Giám-quốc mới như sau này.

Ông HERBERT HOOVER sinh ở West-Branch (bang Iowa) ngày mồng 10

năm 1874. Ông học ở các trường đại-học Harvard, Yale, Columbia, và Princeton. Mới tốt-nghiệp ở trường ra, ông đã đi du-lịch nhiều nơi.

Ông có học qua cả trường Đại-học Stamford, khi mới xin vào cũng khó-khăn lắm. Cùng học trường ấy bây giờ có cô Lou Henry, là con gái một ông chủ ngân-hàng nhỏ; cô chuyên về khoa địa-chất-học. Ông làm quen, rồi hai người ý hợp tâm đầu, kết làm vợ chồng. Tức là Hoover phụ-nhân bây giờ vậy.

Lấy vợ được ít lâu thời ông sang Tàu, làm giám-sát việc khai mỏ cho Chính-phủ Đế-quốc Tàu. Hồi bấy giờ thật là một cuộc đời lãng-mạn của ông, mấy năm đi lại chốn sa-mạc Tân-cương Mông-cổ, sự-nghiệp ông thật bắt đầu từ đây. Khi ấy ông chưa đến 24 tuổi. Chợt gặp việc Quyền-phủ (les Boxeurs) khởi-loạn ở Bắc-kinh, ông phải ra lính giữ các sứ-quán, xong rồi hết hạn về Luân-đôn, xem-xét các việc xe lửa, việc khai mỏ. Rồi lần-lượt đi du-lịch nước Mĩ, nước Mạc-tây-kha (Mexique), nước Gia-nã-đại (Canada), Úc-châu (Australie), nước Anh, nước Ý, Nam-Phi-châu, Ấn-độ, Tàu, Nga.

Thời-kỳ du-lịch đó từ năm 1895 đến 1913. Ông định nơi trú-cư là ở San-Francisco, nhưng thực không mấy khi gặp ông ở đây, lúc nào cũng là đi lữ-hành cả.

Chợt xảy ra việc Âu-chiến; năm 1917, khi nước Mĩ quyết-định tham-chiến, thì ông Hoover nghiêm-nhiệm thành một tay yếu-nhân trong nước. Ông sung một chức trong cơ-quan kinh-tế nước Mĩ, chuyên về việc coi lương-xưởng cho các quân Mĩ đóng ở Âu-châu. Một khoản quân-lương, quan Giám-quốc Wilson ủy-thác cả cho ông. Chiến-tranh xong rồi, ông vẫn làm việc; sau khi đình-chiến, còn chủ-trương

mấy việc kinh-tế ở Âu-lục. Coi việc vận-cấp lương-thực cho nước Ba-lon (Pologne), nước Tắc (Serbie), nước Triết-khắc (Tchécoslovaquie), nước Đức, nước Áo, nước Ý, hạ Arménie và các nước duyên-hải Baltique. Lại trông nom về việc cứu-tế các hải-nhi ở Âu-châu. Cuộc hội-nghì thứ nhì của quan Giám-quốc Wilson khởi-xướng ra, gọi là « Công-nghệ Hội-nghì » (Conférence industrielle), là chính ông chủ-trương và làm chủ-tịch.

Sau hồi tháng 3 năm 1921, ông sung vào Nội-các của quan Giám-quốc Harding, làm Tổng-trưởng bộ Thương-vụ. Chức này kể về phần danh giá thì không bằng các bộ khác. Tuy vậy mà ông cũng làm nên việc, nổi được tiếng. Cách hành-dộng của ông bao giờ cũng điềm-lĩnh ổn-khiên, ông chủ-trương việc gì thời vừa khôn-khéo, vừa quả-cảm, vừa kiên-nhẫn, khiến cho các nhà công-thương làm việc với ông đều có lòng tin yêu cả. Mục-dịch của ông thủ-y-chung vẫn là muốn khước-trương thế-lực nước Mĩ cho được chiếm địa-vị cao nhất trên trường kinh-tế thế-giới, và khiến cho quyền-lợi nước Mĩ về các phương-diện không bao giờ đến phải kém sút một phần nào vậy.

Ông Hoover được mấy thành lớn nước Bỉ (Belgique) tặng cho là « danh-dự công-dân » (citoyen honoraire), vì có công với nước ấy trong khi chiến-tranh.

Đồng-thời với cuộc bầu-cử quan Giám-quốc, lại bầu-cử lại cả Thượng Hạ Nghị-viện, Thượng Nghị-viện thời bầu lại một phần ba, Hạ Nghị-viện thì bầu lại cả. Ở Thượng Nghị-viện, đảng Cộng-hòa được 54 ghế, đảng dân-chủ được 42 ghế; ở Hạ Nghị-viện đảng Cộng-hòa 257 ghế, đảng Dân-chủ 178 ghế. Xem như thế thì phần đa-số là về

đảng Cộng-hòa, tức là đảng quan Giám-quốc mới vậy.

Theo hiến-pháp Mĩ, ông Nghị-trưởng Thượng Nghị-viên là kiêm chức Phó Giám-quốc. Nghị-trưởng Thượng-nghị viện mới là ông CHARLES CURTIUS. Ông là dòng-dõi giống Ấn-độ ở Bắc-Mĩ nên bao nhiêu các rợ Ấn-độ ở Hoa-kỳ là bổ vé cho ông cả. Mẹ ông là con gái một công-chúa Ấn-độ thuộc về rợ Kaw, và một người Gia-nã-đại thuộc giống Pháp, tên là PAPPAN. Cha ông là người Gia-nã-đại tên là CURTIUS, dòng-dõi từ phái thực-dân hồi đầu sang ở đất Tân-Anh vào năm 1631.

Chức Phó Giám-quốc, ngoài chức Nghị-trưởng Thượng Nghị-viên, có khi phải ra đương chức trọng hơn. Như khi quan Giám-quốc có việc gì ngăn-trở, như bị tở-cáo, bị quá-cổ, xin từ-chức, hay vì bất-lực không xứng chức, thời ông phó-tiền-thị lên kế-thay, không phải tuyền-cử gì cả. Từ khi nước Mĩ thành lập đến giờ, đã nhiều lần như thế, như sau khi các quan Giám-quốc HARRISON, TAYLOR, LINCOLN, GARFIELD, MAC KINLEY, HARDING quá-cổ đi vậy.

Tòa Nội-các mới ở Pháp. — Nói các Poincaré trước là một Nội-các liên-hiệp các đảng để giải-quyết vấn-đề tài-chính. Sau khi quan Thủ-tướng kiêm Tài-chính Tổng-trưởng POINCARÉ đã định được giá đồng phát-lãng, vấn-đề tài-chính đã tiêm-tiêm giải-quyết xong, thời các đảng tỏ ý không muốn kết-liên với nhau nữa và muốn giải-tán tòa Nội-các liên-hiệp để lập một Nội-các khác cho thích-hợp với phần đa-số ở Nghị-viên. Trong các đảng thời có đảng « cấp-tiến xã-hội » (parti radical-socialiste) là có thế-lực và cũng hoạt-dộng hơn cả. Đảng này tuy có bốn chân trong Nội-các liên-hiệp, là ông EDOUARD HERRIOT, Học-bộ Tổng-trưởng,

ALBERT SARRAUT, Nội-vụ Tổng-trưởng, LÉON PÉRIER, Thuộc-địa Tổng-trưởng, và QUEVILLE, Nông-bộ Tổng-trưởng, nhưng đối với Nội-các này vẫn có ý lãnh-đam; duy chưa có dịp nào để phá cuộc liên-hiệp mà thôi. Nhân Nội-các đem dự-án luật tài-chính, là luật định số dự-toán năm 1929, ra Nghị-viên thảo-luận, trong luật có hai điều 70 và 71 định trả lại cho các giòng đạo có phép nhà-nước mấy khoản tiền dư lại của Nhà đạo khi xưa, và cho phép mấy giòng có công truyền dạy tiếng Pháp ở ngoài quốc được mở trường ở Pháp để luyện lấy thầy giòng, đảng cấp-tiến xã-hội cho hai điều đó là trái với luật chính-giáo-phân-li (loi de séparation) là một luật cốt-yếu của Dân-quốc, khởi lên công-kích Nội-các. Lại vừa dịp đảng ấy họp đại hội-nghị hàng năm ở Angers ở Hôi-nghị cũng đề-khởi đến việc đó, và quyết-nghị phản-đối Nội-các, bách bốn ông Tổng-trưởng người trong đảng phải từ-chức. Bốn ông HERRIOT, SARRAUT, PÉRIER và QUEVILLE phải tuân lời quyết-nghị ấy mà xin từ-chức Nội-các. Nguyên quan Thủ-tướng POINCARÉ khi tở-cử Nội-các liên-hiệp đã có tuyên-bổ rằng hễ một người nào trong Nội-các xin thôi thời cả Nội-các cũng xin thôi hết, vậy nay có bốn người từ-chức thời Nội-các tiền-thị giải-tán vậy. Nội-các đã từ-chức, phải lập Nội-các mới. Quan Giám-quốc lại với quan POINCARÉ giao cho lập Nội-các khác, vì cái địa-vị riêng của quan POINCARÉ xem ra vẫn còn vững-vàng lắm. Quan POINCARÉ nhận lời; nhưng vì đảng cấp-tiến xã-hội không muốn hiệp-tác với ngài nữa, ngài phải lập một tòa Nội-các thiên hẳn về các đảng ôn-hòa. Tòa Nội-các mới như sau này :

Tổng-lý Nội-các Ông POINCARÉ
(không-kiếm lĩnh bộ nào)

Hình-bộ Tổng-trưởng — BARTHOU

Ngoại-vụ — BRIAND

Nội-vụ Tổng trưởng	—	TARDIEU
Tài-chính	—	— CRÉRON
Lục-quán	—	— PAINLEVÉ
Hải-quán	—	— LEYGUES
Học-bộ	—	— MARRAUD
Công-bộ	—	— FORGEOT
Thương-bộ	—	— BONNEFOUS
Nông-bộ	—	— HENNESSY
Thuộc-địa	—	— MAGINOT
Lao-động	—	— LOUCHEUR
Trợ-cấp (1)	—	— ANTÉRIOU
Hàng-không (2)	—	— EYNAÇ

Bộ là các chức tổng-trưởng. Còn bốn chức thứ-trưởng (sous-secrétaires d'Etat); Bộ Vệ-sinh (thuộc về bộ Lao-động): ông OBERKIRCH; Bộ Thê-dục: ông HENRY PATÉ; bộ Bru-chính: ông GERMAIN MARTIN; bộ Kỹ-nghê và Mi-thuật; ông FRANÇOIS PONCET.

Chưa biết tương-lai Nội-các này thế nào, vì đảng cấp-tiến xã-hội đã không hiệp-tác tất xoay ra phản-đối vậy. Tuy-nhiên Nội-các vẫn được phần đa-số ở Nghị-viện.

— Ông Tổng-trưởng Thuộc-địa mới là ông ANDRÉ MAGINOT. Ông người đất Lorraine, sinh ở Paris ngày 17 tháng 2 năm 1877. Thi đỗ vào ngạch ủy-viên Tham-chính-viện (Conseil d'Etat), ông bắt đầu làm việc Nhà-nước, rồi bỏ chức Nội vụ cục-trưởng ở phủ Toàn-quyền Algérie. Năm 1910 được bầu Nghị-viên hạt Bar-le-Duc, từ đấy cứ được tái cử mãi. Năm 1913, làm thứ-trưởng bộ Lục-quán, năm 1917 làm Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa trong Nội-các Ribot; năm 1921 lĩnh bộ Trợ-cấp trong Nội-các BRIAND, rồi lĩnh bộ Lục-

quán trong Nội-các POINCARÉ từ 1922 đến 1924. Ông đi trận bị thương nặng. Ở Nghị-viện ông làm chủ hội ủy-viên về Lục-quán. Ông thuộc về đảng Action démocratique et sociale (là một đảng ôn-hòa).

Thời-cục nước Tàu. — Gần đây nước Trung-hoa cũng không có việc gì thay đổi lắm. Diêm Tích-Son mới đây đã đến Nam-kinh, Tưởng Giới-Thạch, Phùng Ngọc-Tường cùng các yếu-nhân đều ra nhà ga đón rước. Diêm lần này đến Nam-kinh sẽ lưu lại ít ra là hai tháng. Công việc ở bộ vệ thủ tư-lệnh Bắc-bình giao cho Thương Chấn thay quyền trông nom.

Diêm đã làm lễ nhận chức ủy-viên chính-phủ quốc-dân và chức trưởng bộ nội-vụ, sẽ dự hai cuộc hội-nghị biên-khiển và dân-chính.

Tưởng Giới-Thạch độ này hết sức chỉnh-đốn quân-đội, đã hai lần đi tuần-duyet, ra công huân-sức các sư-đoàn.

Việc quan-thuế thì bộ ngoại-giao ở Nam-kinh đã gửi bản chiếu-hội cho công-sứ tám nước: Ti-lợi-thời, Ý-dại-lợi, Bồ-đào-nha, Na-uy, Tây-ban-nha, Đan-mạch, Nhật-bản và nước Mĩ, tuyên-bố việc quan-thuế tự-chủ.

Bộ ngoại-giao ở Nam-kinh lại điện cho Trương Học-Lương để hạ lệnh thi-hành cái thê-lệ quan-thuế tự-chủ và các ngạch quan-thuế mới ở Mãn-châu, kể từ ngày mồng một tháng hai sắp tới, và báo-cáo cho các nhà buôn ngoại quốc biết.

Lại có tin rằng: Nước Pháp-nước Anh, nước Ý và nước Bồ-đào-nha cũng

(1) Bộ Trợ-cấp là coi việc cấp dưỡng cho những binh-lính bị thương, ười chiến-tranh, v.v. của những người tử-trận, v.v.

(2) Bộ Hàng-không mới đặt, coi về việc máy bay.

phân-đổi như Nhật-bản, về việc thi-hành quan-thuế tự-tri kể từ tháng hai năm 1929, có lẽ nước Trung-hoa phải hoãn đến tháng hai năm 1930.

Sau lại có tin rằng việc quan-thuế có quan hệ đến mười hai nước, mà mười một nước đã thừa-nhận rồi, chỉ duy nước Nhật vẫn chưa tỏ ý ra làm sao cả.

Việc Trung-Nhật điều-đinh giao-ước đôi bên vẫn gắng nhau chưa xong. Quan lãnh-sự Nhật là Thi-diễn ở Thượng-hải đã tiếp được mệnh-lệnh của Chính-phủ Đông-kinh nói rằng: Thuộc về việc rút trú-binh ở Sơn-dông, chính-phủ Nhật theo như lời thanh-minh khi xuất-binh, đến bao giờ xét ra không cần phải trú-binh nữa, thì không đợi phương-diện Trung-quốc yêu-cầu, nước Nhật tự-nhiên rút quân về; vậy bây giờ hãy cứ dậm-phán cho xong việc Tể-nam đã, rồi mới quyết-định được. Hiện nay đương là thời-cơ giao-thiệp, chính-phủ Trung-quốc chưa nói rõ cái trách-nhiệm bảo-chương an-toàn, mà muốn nước Nhật phải nói rõ cái thời-kỳ rút quân, thì chính-phủ Nhật không thể nào nghe theo được. Nếu chính-phủ Trung-quốc lấy việc rút quân làm cái vấn-đề giải-quyết trước việc Tể-nam, thì đối với việc giao-thiệp Trung Nhật hãy tạm thôi.

Vì Trung Nhật chưa điều-tình xong cái án Tể-nam, nên người Trung-hoa nổi lên cái phong-trào bài Nhật rất kịch-liệt. Có tin ở Bắc-kinh rằng các nhà buôn Nhật bị hại rất to, có rất nhiều nhà buôn Nhật phải đình-nghiệp, có nhà ngân-hàng Nhật phải đóng cửa. Thậm-chí có mấy nhà buôn Nhật đến quán lãnh-sự Nhật kêu khóc xin nghĩ cách cứu-tế cho, và giục mau mau giải-quyết cái án Tể-nam, để cho khỏi sự ngăn-trở cái cảm-tình hai nước Trung-Nhật.

Lại có tin rằng các hội bài Nhật ở Nam-kinh có lời tuyên-hố đề-chế Nhật hóa, kể từ ngày mồng một tháng hai năm 1929.

Quan thủ-tướng Nhật có bảo cho các quan ngoại-giao Nhật biết rằng: Nhật-bản không đổi cái chánh-sách cương-ngự đối với Trung-hoa, và Nhật-bản sẽ thi-hành các phương-sách cương-ngự đề-đối với phong-trào bài Nhật.

Phong-trào bài Nhật ở Đông-tam-tỉnh. — Vì muốn hết sức phân-đổi việc nước Nhật xuất-binh và yêu-cầu đắp đường sắt, nên các phần-tử trung-kiến ở Đông-tam-tỉnh đều phấn-khởi lên để giúp sức cho việc ngoại-giao của chính-phủ, dựng lên một hiệp-hội Đông-tam-tỉnh Quốc-dân ngoại-giao, hiện vào hội đã có năm sáu trăm người, đều là những nhân-vật trọng-yếu ở ba tỉnh cả, đã chọn định địa-diểm định kỳ mở hội lớn. Hội ấy sau khi thành-lập rồi thì việc ngoại-giao ở Đông-tam-tỉnh sẽ do nhân-dân tự-quyết, và sẽ phát-sinh ra sự biến lớn-lão mới-lạ vậy.

Các thị-dân ở Hắc-long-giang hôm vừa rồi có mở cuộc du-hành thị-uy, dự hội có đến sáu bảy vạn người, du-hành luôn trong hai ngày, vừa đi vừa hô to lên rằng: Đường sắt ở Đông-tam-tỉnh này phải do nhân-dân Đông-tam-tỉnh tự-đắp lấy, không để lọt vào tay người Nhật.

Các học-sinh tỉnh Cát-lâm cũng liên-hợp mở cuộc vận-dộng phản Nhật kết-đội du-hành, tinh-bình rất là nào-nhiệt. Trương Tác-Tương là tỉnh-trưởng tỉnh ấy phải cho họp các đại-biêu giáo-viên và học-sinh mà thề rằng: Trương Tác-Tương này cũng là một phần-tử quốc-dân, cũng biết yêu nước, thề không bao giờ lại có ký tên vào một bản hợp-đồng bán nước ấy.

Gần đây mới có tin viên lĩnh-tự-tân-đảng nước Nhật là Sảng-Thư mới đến

Nam-kinh Sang-Thư có nói chuyện rằng : Lần này tôi sang Trung-hoa là cốt xem xét những điều hay của nước Trung-hoa mới, và liên-lạc với các yếu-nhân trong chính-phủ quốc-dân, và mong đổi với sự giao-thiệp của hai nước Trung Nhật hai bên đều nên lợi-lạc-giải cho nhau.

Sang-Thư lại có phát-biểu lời tuyên-ngôn nói rằng : « Khi tôi lên đến Bắc-phương sẽ ký-niệm nuông quân-dân qui-quốc bị chết về cái nạn Lễ-nam, và xin đứng ở trước mộ Thái Công thời tiên-sinh tỏ mấy lời ai-diếu Vì Thái tiên-sinh chết, thực dễ cho tôi một sự thương-cảm vô-cùng. »

Xem thể thì chính-phủ Nhật đã muốn xử nhũ với chính-phủ Trung-hoa đây chẳng.

Pháp Trung giao-ước. — Bản giao-ước Trung Pháp gần đây đã ký xong rồi, cũ g gần tựa như bản giao-ước Trung Anh. Trong giao-ước có công-nhận cái quyền tự-trị quan-thuế của hai nước Pháp Trung.

Bản giao-ước thương-mại của Trung-hoa với nước Pháp công-bố ở Bắc-kinh có ba điều :

Điều thứ nhất định bãi các điều đã định trước, và hai bên công-nhận cho nhau đều được hưởng cái quyền hoàn-toàn tự-chủ ở trong địa hạt và thuộc-dịa của mình.

Điều thứ hai định rằng tiền thuế của kiều-dân hai nước phải nộp không bao

giờ cao hơn số thuế của kiều-dân nước khác phải nộp.

Điều thứ ba ấn-dịnh cái thể-lệ trung-chuần giao-ước.

Gần đây lại có quan thống-dốc BLANCHARD DE LA BROUSSE đi công-cán sang Thượng hải để thương-thuyết với quan sứ-thần Pháp về mấy tờ điều-ước sắp ký với Trung-hoa thuộc về vấn-đề đặt lịch sự, vấn-đề thương-mại và di-dân. Nghe dân phen này người Hoa-kiều ở đây sẽ có lịch-sự thay cho các bang-trưởng bây giờ.

Việc dời cơ ở Đông-tam tỉnh. — Có tin rằng Đông-tam tỉnh đã nhất-định ngày hôm tết nguyên-dán năm Dân-quốc thứ 18 thì dời treo cơ thần-thiên bạch-nhật, Trương Học-Lương đổi với Trương Giới-Thạch đã tỏ lòng tin-ngưỡng lắm, quyết theo như cái kế-hoạch của Trương đã bàn định, hiệu các sự thi-thiết ở Phụng-thiên đều tựa như ở Nam-kinh, khác hẳn với thời-dại quân phiệt trước kia. Cả Cát-lâm cũng sẽ dời tỉnh-thự làm tỉnh chính-phủ, do Trương Tác-Lương làm chủ-tịch.

Ngày 29 tháng 12 ở Cáp-nhĩ - tân và trong khắp hạt Mãn-châu đã kéo cờ quốc-dân. Nhân dịp ấy hai bên trao đổi lời chúc mừng lẫn nhau và các số nghĩ một ngày.

Các báo thân Nhật bình-phẩm kịch-liệt về việc Phụng-thiên kéo cờ quốc-dân.

Việc trong nước

Quan Toàn quyền Pasquier đã tới nơi. — Quan Toàn-quyền PASQUIER đi tàu d'Artaignan đã tới Sài-gòn ngày 26 tháng 12, ngài lên tiếp-kiến quốc-vương Cao-mên, rồi đi đường bộ qua Huế

chủ lễ phó-nhiệm của quan khâm-sứ Le Fol, tới Hà-nội ngày mồng 7 tháng giêng tây, đi đến đâu cũng được nhân-dân quan-lại đón rước long-trọng lắm.

Khi đến Sài-gòn quan quyền Toàn-

quyền Robin chúc mừng, đến Hà-nội quan phó Toàn-quyền GRAFFEUIL chúc mừng, quan PASQUIER có diễn-thuyết đáp lại, đại-khải lộ qua chi h-kiến của ngài thế nào. Ở Sài-gòn thì ngài khuyên cả dân Tây cùng dân bản-xứ nên đồng-tâm hiệp-lực để cùng ngài mở-mang cho xứ này mỗi ngày một tấn-tôi, mỗi ngày một thịnh-vượng thêm lên. Ở Hà-nội thì ngài kê lược mấy điều cốt-yếu về chính-sách của ngài. Ngài cho vấn-đề quan hệ nhất là vấn-đề xử-tri với người dân bản-xứ thế nào. Ngài nói rằng : « Vấn-đề ấy thật là giản-di, chỉ có một cách giải-quyết mà thôi : là hết thảy nhứt tình nguyên công-nhận cái chủ - quyền tuýt - đối của nước Pháp ở đây. Đó là điều căn-bản, cốt-yếu, nhất-định, nhân đó mà tự-khắc sinh ra mọi sự tiến-bộ, nhờ đó mà mọi mối quyền-lợi của người bảo-hộ với người bị bảo-hộ có thể điều-hòa được với nhau, lại điều-hòa được cả cái lòng ái-quốc của người ta nữa, vì có cái chủ-quyền đó thì mới có được trãi-tự, được hòa-bình, được phong-phù, vừa giữ được cái chính-thể riêng của mỗi xứ, lại vừa giữ được cái cốt-cách cố-hữu của các dân-tộc gồm lại làm thành ra cõi Đông-Pháp về - vang thịnh - vượng này. — Không có một người dân nào trong cõi này, dù là người Nam, người Mên hay người Lào, mà lại không thể vừa bảo-tồn được lịch-sử cùng nòi giống của mình, vừa tự-nhận mình như người con nuôi chịu ơn giáo-hóa của Đại-Pháp vậy. Người nào chỗ không nhận cái tinh-ngĩa cao - thượng đó, thời không

những là tỏ ra bội-hạ, lại có tội với kẻ đồng - bào nữa, tội phản - bội không gì bằng, vì vừa phượng - hại đến sự lợi - ích về vật - chất của đồng - bào, mà lại vừa phượng - hại đến sự lợi-ích về tinh - thần nữa, còn tôn-trọng hơn biết dường nào! » — Kế đến vấn-đề quân-phòng, ngài nói sẽ đặc - biệt chú - ý, cùng quan Thống - đốc quân - vụ trừ mọi cách phòng-bị cho trong ngoài được yên-đàn. — Rồi đến việc cải-cách các hội-nghị, cải-cách các cơ-quan hành-chính, như sẽ đặt một chức chuyên-môn cố-vấn về tài-chính, một chức tổng-thanh-tra về công-nghệ và về việc mỏ, v.v. Về đường kinh-tế thì ngài định sẽ đặt một sở hối-đoái (*une bourse indochinoise*) để chủ-trương việc giao-dịch các giá-phiếu. — Kết-luận: ngài lại khuyên mọi người nên đồng tâm hiệp-lực mà giúp ngài, về phần ngài thời sẽ quyết-tiến-hành cho xứng-đáng làm quan chủ-tể một xứ.

Đó là quan Toàn quyền mới kê qua mấy điều sơ-lược. Còn cái chương-trình chính-trị của ngài thì ngài đã giải rõ trong bài diễn-thuyết ở Viện Cao-đẳng Xã-hội-học ở Paris từ đầu năm 1928, bài diễn-thuyết ấy bản-chỉ đã dịch toàn-văn trong số 127.

Đọc lại bài diễn-thuyết ấy thì biết quan PASQUIER là một người rất am-hiểu tình-thế xứ này, am-hiểu tình-tình người dân; Ngài làm quan ở Đông-dương, từng trãi các chức đã ngoài ba mươi năm nay, dân-tình phong-lực,

giường không sót điều gì vậy. Đọc sách « Cờ Nam-Việt » (*L'Annam d'aujourd'hui*) của ngài, đọc những bài của ngài xưa đăng trong tạp chí *Revue indochinoise*, hay những tờ chu-trị về việc khẩn đất hoang, về việc cai-trị dân. Mọi khi ngài làm Khâm-sứ ở Kinh, thì biết ngài vừa là một tay văn-học có tài, vừa là một nhà chính-trị lịch-lãm. Từ xưa đến nay chưa có quan Toàn-quyền nào mới sang trọng-chậm mà đã thông-thuộc xứ này bằng ngài. Ngài thường nói trong ba mươi năm ngài làm quan ở đây, thật đã được trải qua đến ba lớp người, có nhà ngài biết từ ông, đến cha, cho đến con, như mục-kích trông thấy sự biến-cải trong nhân-lâm phong-tục vậy. Ngài có một câu rất thú-vị rằng : « Tôi ở nước An-nam đã từng biết thời-đại đi võng-càng, nay lại được trông thấy thời-đại đi máy bay ».

Dân Đông-dương được quan Toàn-quyền am-hiểu như thế, chắc cũng lấy làm mừng và mong rằng được ngài cai-trị sẽ được thỏa lòng nguyện-vọng bấy lâu nay.

Cùng sang với quan Toàn-quyền PASQUIER, có quan Phó Toàn-quyền GRAFFEDIL, trước ngài đã làm quyền Thống-sứ Bắc-kỳ, quan cảnh Văn-phòng NORRE, quan cai-trị LACOMBE, sung chức chánh tòa chánh-trị và tòa liêm-phóng ở phủ Toàn-quyền.

Quan ROB.N. quyền Toàn-quyền, nay lại về Thống-sứ Bắc-kỳ, quan quyền

Thống-sứ DOUGUET phục chức Đồng-ly Phủ Thống-sứ.

Ở Trung-kỳ thì quan Khâm-sứ LE FOL đã ở Cao-miên ra Huế nhận chức, quan quyền Khâm-sứ JABOUILLE phục chức giám-đốc chính-trị như trước.

Ở Nam - kỳ thì quan Thống-đốc BLANCHARD DE LA BROSSE trước khi về Kinh-lễ-cục ở Paris, còn sang Tàu để cùng với quan chánh-sứ Pháp thương-thuyết điều-trợc với chánh-phủ Tàu. Quan KRAUTHEIMER được cử làm Thống-đốc Nam-kỳ thời chưa tới nơi,

Ở Cao-miên thì quan Khâm-sứ mới LAVIT đã tới nơi.

Thế là Đông-dương đã hết cái thời kỳ các quan « quyền-lĩnh », và đến thời-kỳ chức nào cũng có quan thủ-biến thực-thụ cả, chắc là cái máy chính-trị từ nay sẽ chạy được nhẹ-nhàng và đều-đặn vậy.

Sách mới

Bản-chỉ tiếp được các sách mới như sau này :

1. Tục-ngữ phon-giao. *Quyển thứ II. Của NGUYỄN VĂN-NGỌC sưu-tập. — 274 trang. Giá 5 hào Bán ở Vinh-hưng-long thư-quán. 49-51 Phố Hàng Đường, Hà-nội.*

2. — Bông trắng soi. *Tiểu-thuyết Của VŨ ĐÌNH-LO-G soạn. 90 trang. Giá 3 hào. Bán ở Tân-dân thư-quán, 93 Phố hàng Bông, Hà-nội.*

3. — Kiếp chông chung. *Tiểu-thuyết*. Của TUYẾT-HỮU. Quyển I. 47 trang. Giá 0\$18. Bán ở Kinh-dài thư-cục, 28 phố hàng Cá, Hà-nội.

4. — Phong-lưu tài-kỹ. (Tô Tiểu-tiền). *Tiểu-thuyết*. HỮU-PHƯ dịch. 48 trang. Giá 2 hào. — Kinh-dài thư-cục.

5. — Phong-trần kỳ-hiệp. Võ hiệp *Tiểu-thuyết*. HOÀNG-GÙNG dịch. 40 trang. Giá 15 xu. — Kinh-dài thư-cục

6. — Văn chơi. Thơ, văn, *Tiểu-thuyết*. HOÀNG THỨC-TRÂM soạn. 40 trang. Giá 2 hào. Bán ở nhà tác-giả, 18 phố hàng Bát cũ, Hà-nội.

7. — Truyện ném bát. *Tiểu-thuyết* HOÀNG HỮU-THÀNH soạn. Quyển thứ I. 32 trang. Đông-kinh ấn-quán. 80-82 phố hàng Gai, Hà-nội.

8. — Non nước Ninh-binh. Đình Gia-Thuyết, soạn, 74 trang, in tại Nam-hoa Nam-định, giá 0\$10.

9. — Lục châu chấu đá xe. Quốc-sử *Tiểu-thuyết* Nguyễn Tử-Lãng soạn, 113 trang, giá 4 hào, in tại Nam-hoa Nam-định.

10. — Một người thừa. Hải - kích. Nguyễn Hữu-Kim soạn, Tô Châu-nho

xuất-bản, in tại nhà in Thụy ký 98 phố Hàng Gai, Hà-nội, 30 trang, giá 0\$12

11. — Sách xem tết, 92 trang, giá 0\$25 của Tân-dân thư-quán xuất-bản 93, phố Hàng Bông, Hà-nội.

12. — Kim-Tử-Cầu. *Hình-tiểu-thuyết*. ĐAM-Phượng nữ-sử soạn, cuốn thứ I, 47 trang, giá 0\$50, bán tại hiệu Nam-ký, Hà-nội

Nam-Phong tùng-thư

Mới xuất-bản :

Chính-trị nước Pháp, quyển II, 123 trang. lại phụ thêm ngót 30 trang tự-vưng các danh-từ về pháp-chính — Giá 4 hào, Bán ở Đông-Kinh-ấn-quán.

Trước đã xuất-bản

1) Văn-minh-luận.

2) Ba tháng ở Paris

3) Văn-học nước Pháp

4) L'Idéal du sage dans la philosophie confucéenne.

5) Chính-trị nước Pháp, quyển I.

Sắp xuất-bản :

Khảo về *Tiểu-thuyết*, v. v. . .

